

M
PHU MINH

CORNELL WOOLRICH

Điểm hẹn đêm

NGUYỄN QUANG HUY dịch

Tiểu thuyết trinh thám



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ĐIỂM HẸN ĐEN

Nguyên tác: Rendezvous in Black (1948)



Tác giả: Cornell Woolrich

Dịch giả: Nguyễn Quang Huy

Phúc Minh phát hành

NXB Văn học - 2019

Soát lần đầu: quandeptrai

Soát lần hai: Caruri

ebook©vctvegroup

07-05-2020

Lời tựa

Cornell Woolrich (1903-1968) là một trong những nhà văn “trinh thám đen” vĩ đại nhất thế kỷ XX. Ông để lại một kho tàng đồ sộ gần 200 truyện ngắn hình sự. Nhưng tiểu thuyết trinh thám mới là lĩnh vực ông để lại dấu ấn lớn hơn cả.

Truyện của Woolrich không có một hình mẫu thám tử cố định, nhưng vẫn cuốn hút độc giả bởi hình ảnh những con người bình dị phải vùng vẫy thoát khỏi định mệnh nghiệt ngã bủa vây. Văn phong tinh tế, tình tiết đầy ám ảnh, kết thúc bất ngờ, tất cả đã tạo cho Woolrich một phong cách rất riêng. Ông được mệnh danh là “Poe của thế kỷ XX”.

Cornell Woolrich cũng là một trong những nhà văn trinh thám có nhiều tác phẩm được dựng phim nhất: gần 60 lần chuyển thể lên màn ảnh rộng, trong đó có ba bộ phim gần chạm ngưỡng kinh điển là *Phantom Lady*, *The Window* và *No Man of Her Own*. Đạo diễn danh tiếng Alfred Hitchcock đặc biệt ưu ái khi chọn đến 5 truyện ngắn của ông để chuyển thể, nổi tiếng nhất là *Rear Window*.

ĐIỂM HẸN ĐEN

Điểm Hẹn Đen (Rendezvous in Black), được xuất bản lần đầu năm 1948, là mốc son trong sự nghiệp cầm bút của Cornell Woolrich, khởi đầu cho danh tiếng tác giả “trinh thám đen” bậc thầy.

Câu chuyện bắt đầu từ điểm hẹn tình yêu của Johnny Marr cùng cô gái của chàng, Dorothy. Sau đó, chuyện được tiếp nối bằng những ĐIỂM HẸN ĐEN tối, không tình yêu và đầy chết chóc. Mỗi cuộc hẹn trôi qua, từng người phụ nữ yêu thương nhất của năm người đàn ông trên chuyến bay

định mệnh ngày ba mươi mốt tháng Năm đều bị giết hại theo những cách thức khác nhau.

Bằng những câu văn hoa mỹ, trữ tình kết hợp cùng một cốt truyện kịch tích đậm chất điện ảnh, Cornell Woolrich đã bóp nghẹt trái tim người đọc, khiến chúng ta có cảm tưởng như thể mình đã trở thành một nạn nhân của Johnny Marr. Khi gấp cuốn sách lại, ta không khỏi băn khoăn, phải chăng tình yêu chẳng là gì ngoài nỗ lực theo đuổi những ảo ảnh không thể với tới?

Phần 1

Chia ly

Tối nào họ cũng hẹn nhau lúc tám giờ. Bất kể hôm ấy trời đang mưa, tuyết đang rơi, đang có trăng hay chẳng có gì. Cứ thế thôi, chẳng có gì mới, cũng chẳng phải một ý định chợt đến. Năm ngoái họ đã hẹn hò như thế, năm trước rồi năm trước nữa cũng vậy. Tám giờ gặp nhau, mười hai giờ ai về nhà nấy. Tuy nhiên, năm nay lịch hẹn hò sắp có thay đổi. Một thời gian ngắn nữa thôi; một, hai tuần nữa thôi, thời gian hẹn hò sẽ kéo dài hơn; trọn hai mươi tư giờ một ngày. Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, vào tháng Sáu. Anh và cô đều công nhận rằng tháng Sáu năm nay đến quá chậm. Như thế nó chẳng bao giờ đến vậy.

Đôi khi, họ cảm thấy như mình đã chờ đợi chuyện này cả đời. Đúng, họ đã mong chờ nó. Không nói quá chút nào đâu. Vì, bạn biết không, lần đầu tiên hai người gặp nhau là khi cô lên bảy và anh lên tám. Lần đầu tiên họ trùng tiếng sét ái tình là khi anh tám tuổi, còn cô bảy tuổi. Đôi khi mọi chuyện cứ diễn ra như thế.

Hai người đáng lẽ đã kết hôn từ lâu rồi. Tháng Sáu năm ngoái, tháng Sáu năm trước, tháng Sáu đầu tiên anh trở thành đàn ông còn cô thành thiếu nữ. Vậy sao họ lại không làm đám cưới? Vật cản luôn xuất hiện, lớn hơn hẳn những chướng ngại khác là gì? Tiền bạc. Hồi đầu anh chẳng có nghề nghề gì. Rồi đến một công việc với đồng lương bèo bọt nuôi mình anh còn không đủ, nói chi là thêm cả cô.

Rồi cha anh qua đời. Vào tháng Mười, sau khi một trong những tháng Sáu bị phí phạm đã trôi đi. Cha anh từng là người gác phanh xe lửa trên con đường sắt chạy ngang qua vùng đó. Một cái ghi bị hỏng đã cướp đi sinh

mạng của ông, và dù rằng anh chẳng đòi hỏi gì, nhưng phía nhà ga chắc sợ về sau anh sẽ đổi ý, nên để tránh mất nhiều tiền, họ mau mắn, nhanh nhẹn thí cho anh một khoản ít hơn nhiều so với mức họ lo lắng sau này anh sẽ đòi, ngay sau khi anh muốn làm vậy. Mánh này đã hiệu quả.

Dù ít nhưng đây vẫn là một khoản lớn, đối với cả anh và cô. Sau khi nhận lại tiền từ tay luật sư thì anh được hơn tám ngàn. Số tiền ban đầu là mười lăm ngàn. Nhưng như tay luật sư cho biết, hầu hết luật sư đều sẽ hưởng năm mươi phần trăm khoản tiền đó, nhưng anh ta thì không, anh ta là một luật sư rất tử tế. Dù sao thì, vào tháng Sáu tới, hai người có thể thành vợ chồng, đó là tất cả những gì họ quan tâm. Phải vào tháng Sáu, vì cô muốn thế; nếu tổ chức vào tháng Năm hay tháng Bảy thì chẳng giống cưới xin gì cả. Chỉ cần cô muốn thế, thì anh cũng muốn. Và những con số lớn trên năm trăm gần như không có thật, họ không quen với chúng. Một ngàn đối với họ cũng chỉ như tám ngàn, và tám ngàn cũng chẳng khác gì mười lăm ngàn. Những con số to đến thế cũng chưa chắc là thật, ngay cả khi bạn đang cầm tờ séc trong tay.

Và tất cả là của anh, là của họ. Mẹ anh mất từ khi anh còn nhỏ, giờ thì chẳng còn ai hưởng chung số tiền đó nữa. Chà, tháng Sáu đang đến gần rồi! Hình như nó đang chần chừ, để tất cả các tháng còn lại chớp thời cơ vượt lên trước.

Tên anh là Johnny Marr, và trông anh giống... Johnny Marr. Giống như cái tên của anh. Như bất kỳ Johnny nào, ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào. Ngay cả những người đã gặp anh cả trăm lần cũng không thể mô tả anh thật rõ ràng, trông anh chẳng khác gì những người bình thường khác, cách hành xử cũng chẳng có gì nổi bật. Chỉ cô mới có thể nhìn ra, nhưng đó là vì anh có sức hút đặc biệt đối với cô. Anh giống như cả ngàn anh chàng trẻ tuổi khác ở khắp nơi. Bạn có thể gặp họ ở bất kỳ đâu. Bạn nhìn họ nhưng không nhận ra họ. Tức là chẳng có gì nhiều để miêu tả. “Tóc hơi hung hung”, họ có thể nói thế. “Đôi mắt nâu”, thế rồi họ bỏ cuộc, vô thức đi trệch khỏi nội dung miêu tả đặc điểm thể chất rõ nét. “Thằng cha đẹp trai, ăn mặc sáng sủa, đầu tóc gọn gàng, chẳng có gì nhiều để mà nói; chẳng nói được gì nhiều về

hắn.” Và rồi ngay cả những chi tiết này cũng biến khỏi trí nhớ. Có lẽ khi sống chung, cô sẽ nhuộm màu con người anh, điều ấy sẽ chậm rãi bắt đầu từ tháng Sáu tới. Anh đang đợi chờ cái ngày mình trở nên hoàn thiện, nhưng anh sẽ không đánh mất chính mình.

Vậy là bạn đã biết về họ rồi nhé.

Vào một đêm, đêm nay, đêm cuối cùng trong tháng, anh tới điểm hẹn hơi muộn. Chỉ một hoặc hai phút, không hơn. Anh vội vã rảo bước, vì không muốn cô phải đợi. Anh luôn tới điểm hẹn trước, vì anh thấy mình làm thế là phải lẽ. Nhưng đêm nay cô sẽ đến sớm hơn, anh gần như chắc chắn, điều đó giải thích vì sao anh lại vội vàng đến thế.

Đêm ấy giống như một đêm xuân, một trong những đêm xuân đầu tiên trong năm, bất chấp không đúng lịch. Ngay cả bầu trời cũng không phải là một bức màn đêm kín mít mà đang giăng đầy những vì sao. Và, như sau đó anh nhớ lại, một chiếc máy bay vừa xuất hiện trên bầu trời từ đâu đó, vào đúng lúc ấy. Anh có thể nghe thấy tiếng ro ro đều đều của nó vọng lại vài phút sau khi đã bay xa, rồi tắt cả lại chìm vào tĩnh lặng. Nhưng anh chẳng buồn ngoái lên nhìn, đôi mắt anh đang còn bận việc khác; anh sẽ dành đôi mắt ấy cho cô, khi anh xuống quảng trường và thấy cô đang đứng đó chờ anh ngoài hiệu dược phẩm.

Và rồi khi anh rẽ vào góc phố cuối cùng và có mặt trên quảng trường, nơi này người đông như kiến, nhất thời anh không thể nhìn thấy cô. Họ xúm xít bu kín như bầy ong. Như thể hiệu dược phẩm kia vừa bị cướp, hoặc bị cháy, hoặc gặp phải chuyện gì đó tương tự. Họ đứng quanh đó thành từng tốp, hiếm hoi lắm mới để chừa một lối đi. Bao trùm khắp quảng trường là sự câm lặng lạ lùng. Mọi người không nói chuyện, họ chỉ đứng đó im lặng tuyệt đối, không ai nói một lời. Thật không tự nhiên khi người ta đứng đó trong sự câm lặng chết chóc thế này. Như thể họ đã đông cứng thành đá, choáng váng trước điều gì đó mình vừa thấy, đến nỗi không thể trở về trạng thái ban đầu.

Dù là chuyện gì đi nữa, nó cũng đã kết thúc. Đây chỉ là dư âm.

Anh chen qua đám đông tiến về phía trước. Anh đến ngay chỗ mà lẽ ra cô đang đứng, chỗ của họ, tựa vào đúng ô cửa sổ sáng đèn, với những chai đựng thuốc tây và nước thơm sau lưng cô. Nhưng chỗ ấy trống trơn. Những người khác đang đứng xung quanh, nhưng cô thì không thấy đâu.

Có lẽ chỉ đơn giản là cô đang đứng cách đó một quãng, lẫn vào trong đám đông trong khi đợi anh đến. Anh kiễng chân, cố gắng nhìn qua đầu những người đứng trước mặt. Anh chẳng thấy cô đâu cả. Thế là anh lại chen qua đám đông, một lần nữa, đẩy họ sang một bên, dáo dác nhìn xung quanh.

Đôi chân chợt dẫn anh tới bên vệ đường, lúc này đang bị cơ man là người che khuất, ngăn cách anh với vệ đường. Và họ chỉ đứng yên đấy. Chẳng có ai bước xuống lòng đường, chẳng có ai bước thêm, họ chỉ đứng đó, xếp thành một đội hình hình vuông rỗng*. Một cảnh sát đang ngăn cản người dân, với sự giúp đỡ của một người tình nguyện.

Đội hình hình vuông rỗng (hollow square, hay còn được gọi là infantry square): là một đội hình quân sự số đông, với các binh sĩ đứng sát bên nhau xếp thành một hình vuông rỗng.

Có gì đó nằm giữa họ. Một con búp bê rách nát hay cái gì đó trông mềm oặt tương tự, đang nằm trên đường. Con búp bê to bằng người thật. Bạn chỉ có thể thấy được đôi chân và tấm thân bé nhỏ méo mó. Đầu và mặt của nó bị các tờ báo che phủ, nhưng thứ chất lỏng gì đó đã thấm qua chúng. Nhớp nháp và đen ngòm, như xăng hay...

Mấy mảnh thủy tinh vỡ, những mảnh vụn của thứ từng là một cái chai sẫm màu, lờm chờm vương vãi khắp nơi. Toàn bộ phần cổ chai, còn nguyên vẹn, nằm cách đó một quãng.

Vài người đang rướn cổ ngược lên cửa sổ của những ngôi nhà trông xuống quảng trường. Vài người còn ngược lên cao hơn, dọc theo các gờ đắp nổi trên mái nhà. Vài người khác thậm chí còn đưa mắt về phía vừa phát ra tiếng động cơ máy bay lúc nãy.

Johnny Marr cuối cùng cũng nhúc nhích. Anh bước những bước lão đảo lạ lùng rời khỏi vệ đường người đứng lố nhố, một mình tiến vào khoảng không gian mở... và thứ đang nằm ở đó.

Ngay lập tức, viên cảnh sát đến đứng bên cạnh anh. Ông đặt tay lên vai Johnny Marr, ngăn cản và kéo anh lùi lại.

Johnny Marr thì thầm, “Làm ơn bỏ tờ báo kia ra một chút. Tôi... tôi chỉ muốn xem mình có biết đó là ai không...”

Viên cảnh sát cúi xuống, túm lấy góc xa nhất của một trong các tờ báo ướt đẫm, lật ngược nó lại một lúc, rồi lại duỗi thẳng ra như cũ.

“Anh có biết không?” Ông khẽ hỏi. “Có biết không?”

“Không,” Johnny yếu ớt đáp. “Không, tôi không biết.” Anh đang nói thật.

Đó không phải thứ anh sẽ lấy làm vợ. Anh sẽ không kết hôn với cái thứ đó. Cô gái mà anh sẽ kết hôn trông không như thế. Chẳng ai lại trông như thế cả.

Mũ anh rớt xuống mặt đường. Họ nhặt nó lên và trả lại cho anh. Dường như anh không biết phải làm gì với nó, nên cuối cùng ai đó đã đội mũ lên đầu giúp anh.

Anh quay người bỏ đi, như thể không hề quen biết cô. Đám đông nhường lối khi anh chen qua họ, rồi lại xúm vào như cũ; anh bị nó nuốt chửng.

Anh quay về điểm hẹn hò của hai người, bên cạnh cửa sổ hiệu dược phẩm, bên cạnh những chai đựng thuốc tây và những lọ mỹ phẩm màu hồng phách cũng như lục nhạt sáng rực, quay về chốn xưa bé nhỏ của anh và cô; anh lão đảo tựa người vào đó, tê liệt.

Chẳng ai nhìn anh nữa, mọi người đang nhìn theo hướng khác, nhìn ra lòng đường.

Cái gì đó có đèn pha đỏ rực, một cỗ xe ngựa đến từ địa ngục, đang lượn xung quanh đó, lùi dần vào vị trí. Một thứ đang được đưa vào cỗ xe đó.

Một thứ mà không ai muốn dùng nữa, không ai yêu thương nữa, một thứ bị vứt bỏ. Hai cánh cửa sau của cỗ xe địa ngục đóng sập lại. Ánh sáng đỏ quay tròn, lướt qua đám đông chừng một phút, nhuộm họ trong sắc máu, như một quả pháo bông bị xịt trong ngày Quốc khánh mừng bốn tháng Bảy, thay vì bay lên nó chỉ xì xì quay tròn dưới mặt đất, rồi tan biến với một tiếng rền rĩ than van.

Anh vẫn đứng đó. Anh chẳng biết mình phải đi đâu. Anh chẳng còn nơi nào để đến. Khắp thế gian này chẳng còn chỗ nào ngoài chỗ này.

Ban đầu cú sốc không tệ lắm. Nó giống một dạng tê liệt hơn bất kỳ cảm giác nào khác. Bạn không thể đoán được. Anh chỉ lặng lẽ đứng đó, đôi khi hơi lắc lư như tay dẫn chương trình dự báo thời tiết quá nhạy cảm với cơn gió nhẹ mà không ai cảm thấy. Chiếc tủ hàng sau lưng và phần hơi nhô ra bên cạnh đỡ thân hình anh ở giữa đứng thẳng. Nhưng rồi nỗi đau bắt đầu khắc sâu. Nó khắc sâu đến nỗi không thể nào quay trở ra được nữa. Những nơi bị khắc sâu một khi sinh bệnh sẽ không bao giờ có thể lành lại. Khắc thật sâu vào tâm trí, vào tận trong tiềm thức.

Lúc này đôi mắt anh chột hướng lên trên, như thể ký ức về cái âm thanh vo vo kia, về chuyến bay của tử thần trên bầu trời kia, đột nhiên hiện về trong ý thức đang suy sụp của anh.

Hai bàn tay anh siết chặt, anh giơ nắm đấm về phía bầu trời, nhắm thẳng về phía chiếc máy bay. Anh cứ giữ nguyên tư thế ấy, dứ mạnh nắm đấm, dứ mạnh thêm lần nữa, lần nữa rồi lần nữa, như lời hứa hẹn khủng khiếp về màn tính sổ không khoan nhượng sắp tới.

Và đúng vào lúc anh thể hiện quyết tâm ấy, bóng tối phủ trùm xuống anh.

Gác chuông nhà thờ ngay bên kia quảng trường điểm mười hai tiếng. Đám đông đã về nhà hết, quảng trường chẳng còn ai ngoài anh. Lúc này

trên mặt đường chẳng còn gì nữa, ngoài mấy tờ báo bẩn thỉu và đen ngòm, chẳng khác gì giấy gói ở mấy cửa hàng thịt.

Tối nay cô đến muộn vài phút, nhưng cô sẽ đến. Bạn biết mấy người đẹp rồi đấy, có thể vào phút cuối họ vẫn còn bận bịu với trang phục hay tóc tai. Bạn phải kiên nhẫn với họ thêm vài phút nữa, trong bất kỳ cuộc hẹn nào. Lúc này, vào bất kỳ phút nào, anh vẫn như thấy cô đang chạy về phía mình từ bên kia quảng trường, cô luôn chạy đến từ phía ấy, vẫy tay chào anh khi sang đường, cô luôn làm như thế. Đêm nay nơi họ đứng gần như chìm trong bóng tối, có thể bộ truyền động có chuyện gì đó không ổn, mới tám giờ mà trời đã tối mịt. Nhưng mặc kệ sáng hay tối, lúc này vào bất kỳ phút nào anh cũng như đang nhìn thấy cô.

Đồng hồ ở tháp chuông đang nói láo; nó chạy chẳng có thứ tự gì cả; cần phải sửa ngay. Bốn tiếng chuông là quá nhiều. Anh xem đồng hồ đeo tay. Ngay cả nó cũng phản bội anh; nó cũng đang nhiều. Nó chạy băng băng về phía trước, nó đang *giết chết* cô, đang cứa nát trái tim anh. Anh tức giận tháo đồng hồ ra quẳng xuống đất, giậm nó thật mạnh dưới gót giày. Rồi anh cầm đồng hồ lên đeo lại vào tay, nó dừng lại vài phút trước tám giờ.

Anh đưa đồng hồ lên tai lắng nghe. Nó im lặng, đứng yên một chỗ. Cô an toàn rồi. Cô vẫn đang đến gặp anh, ở nơi nào đó ngay góc phố cuối cùng khuất tầm nhìn. Và bây giờ chẳng còn chuyện gì không may có thể xảy đến với cô nữa, chẳng có chuyện gì như tai họa vừa giáng xuống đầu cô gái tội nghiệp nào đó; anh sẽ quan tâm đến chuyện đó. Chừng nào còn chưa đến đúng tám giờ, cô sẽ bình yên mà đến đây. Cả buổi tối nay cô sẽ không sao. Cô sẽ sống bình yên đến hết đời.

Giờ thì nó sẽ luôn là tám giờ, trên đồng hồ của anh, trong trái tim anh, trong tâm trí anh.

Một người tốt bụng bước đến bên anh. “Anh sống ở đâu hả Mac? Tôi sẽ đưa anh về nhà. Anh không muốn đứng đây như thế này nữa đâu.”

Johnny Marr nhìn xung quanh, trời đã sáng bánh. Ánh mặt trời sáng sớm đang nhòm xuống quảng trường.

“Tôi nghĩ mình đã đến sớm quá,” anh áp úng. “Trời vẫn chưa tối. Chẳng hiểu sao tôi... tôi lại nhầm lẫn đến vậy.”

Anh để mặc người kia dìu mình rời xa quảng trường. Anh đang lăm bằm nhẹ nhàng, đầy mơ hồ. Thậm chí anh còn khẽ mỉm cười.

“... ngày cuối cùng của tháng Năm, ngày ba mươi một tháng...”

“Vâng,” người tốt bụng đó nói, hẳn cho rằng anh đã nốc quá nhiều bia, “là hôm qua rồi.”

“Mỗi năm một lần,” Johnny Marr nhẹ nhàng lăm bằm, “mỗi năm một lần ngày ấy lại đến... vì một người khác.”

Người đàn ông bên cạnh không lắng nghe anh, kể cả có nghe thì cũng chẳng hiểu gì.

“... không sớm thì muộn, một ngày nào đó, một cô gái sẽ bước vào cuộc đời mỗi người. Một cô gái luôn phải bước vào cuộc đời mỗi thằng đàn ông. Chúng sẽ không chết đâu, nhưng các cô gái thì có. Khi ta chết, ta chẳng còn cảm thấy gì nữa. Chúng sẽ sống, và chúng sẽ cảm nhận được...”

“Có chuyện gì với anh thế hả Mac?” Người đang dìu anh hỏi cộc lốc, thiếu kiên nhẫn. “Cứ nhìn lên đấy mãi làm gì thế? Mắt gì trên đấy à?”

Johnny Marr chỉ nói thêm đúng một câu.

“Ai cũng có một nửa của mình,” anh nhăn mặt khó chịu. “Nhưng tại sao tôi lại không?”

Giờ đây, tối nào cũng thế, chìm trong cô đơn, một bóng hình bất động sẽ đứng chờ trong hốc tường cửa sổ hiệu dược phẩm, nơi bày các lọ mỹ phẩm và nước thơm. Một hình bóng kiên nhẫn, đôi mắt cô đơn, ám ảnh không ngừng mài miết kiếm tìm. Đợi chờ, đợi chờ hàng giờ liền cho đến tám giờ, một tám giờ chẳng bao giờ đến. Cứ đứng chờ như thế cả cuộc đời, cứ đứng chờ cho đến vĩnh hằng. Đợi chờ trong sự dịu dàng của tháng Sáu, trong cái nóng khắc nghiệt của cơn bão từ tháng Bảy, trong khoảng trời đêm không sao của tháng Tám và tháng Chín; đợi chờ trong cơn gió rút lá của tháng

Mười, khi cổ áo dựng đứng hết lên, kiên nhẫn di chuyển, lê bước trong cái giá buốt thánng Mười Một.

Anh đỏ mắt tìm kiếm, kiên nhẫn đợi chờ một người chẳng bao giờ đến, thi thoảng lại xem chiếc đồng hồ đã chết từ lâu, kiếm tìm trong đó sự an ủi; một chiếc đồng hồ luôn dừng ở tám giờ kém. Con số tám chất chứa đầy niềm hy vọng vĩnh hằng. Con số tám của tình yêu biến thành bi kịch và khổ đau.

Cho đến khi ánh đèn trên ô cửa sổ sau lưng anh tắt lịm. Cho đến khi ông chủ hiệu dược phẩm khóa cửa và đi ngủ. Cho đến khi con số tám không bao giờ nhúc nhích ấy biến thành nửa đêm, biến thành một giờ sáng, biến thành thực tế.

Phải đến lúc ấy anh chàng cao bồi hiệu dược phẩm đáng thương mới lê bước, tự tan nhòa vào bóng tối. “Tối mai cô ấy sẽ đến. Tối mai cô ấy sẽ đến vào lúc tám giờ. Có thể cô ấy không đến là có mục đích, bạn biết mấy cô gái thế nào mà, cô ấy đang cố gắng giấu cọt mình, khiến mình phải luôn sẵn sàng.” Tiếng bước chân yếu ớt không còn vang, bóng người ấy đã tan biến vào bóng tối âm đạm.

Chẳng ai biết anh đến từ đâu. Chẳng ai biết anh đi đâu. Chẳng ai quan tâm nhiều. Đó chỉ là một cuộc đời khác, thế gian này vẫn còn nhiều lắm những mảnh đời. Anh không còn sống ở nơi anh từng sống; họ chẳng còn trông thấy anh nữa. Họ đưa tay lên gãi đầu, rồi gật đầu để người ta hiểu ý mình. Anh không còn làm việc ở nơi anh từng làm việc, cũng chẳng ai nhìn thấy anh nữa.

Nhưng bạn vẫn luôn có thể tìm thấy anh, khi đi xuống hiệu dược phẩm, khi đi xuống quảng trường. Vào một ngày sẽ không bao giờ trở thành sự thật.

Vậy nên rất nhiều người biết mặt anh, dù họ chẳng hề quen biết anh. Nhưng những người biết anh, họ chỉ đi lướt qua. Họ có thể làm gì cho anh? “Đừng nhìn. Tên Johnny Marr tội nghiệp ấy lại đứng chờ cô gái đã chết đấy.”

Vài người cố gắng tử tế với anh bằng những cách lạ lùng, chẳng ai giống ai. Loài người tức cười thật. Một trong những anh chàng trẻ tuổi quen biết anh tình cờ đi qua, lặng lẽ dúm vào tay anh một bao thuốc lá, rồi bỏ đi chẳng nói lời nào. Chỉ nhằm giúp anh đỡ cô đơn trong những đêm dài chờ đợi.

Vào một đêm đặc biệt buốt giá, ông chủ hiệu dược phẩm bất ngờ bước ra ngoài cửa, ấn vào tay anh tách cà phê bốc khói nghi ngút. Một lần nữa ông chẳng nói lời nào. Một lần nữa khi anh đã uống cạn tách cà phê. Chỉ lần đó; trước kia không như thế, sau này cũng sẽ không như thế.

Loài người tức cười thật. Họ rất tàn nhẫn, nhưng cũng rất nhân hậu; họ rất cứng cỏi, nhưng cũng thật yếu mềm.

Anh tự biến mình thành một cột mốc, một người ở lì mãi một chỗ, một người da đỏ trước cửa tiệm thuốc lá*, nhưng bên trong vẻ khô cứng, khắc kỷ ấy là dòng máu nóng đang chảy rần rật.

Hồi đầu thế kỷ XX, các tiệm thuốc lá ở Mỹ thường đặt trước cửa một bức tượng thổ dân da đỏ.

Một đêm khác, một quý bà tuổi trung niên có thiện ý, người không hề biết, chưa từng nghe về câu chuyện này, sau khi bước ra khỏi rạp chiếu phim cách hiệu dược phẩm mấy nhà, đã bước đến chỗ anh.

“Anh bạn ơi, xin lỗi đã quấy rầy, nhưng làm ơn cho tôi biết bây giờ là mấy giờ rồi? Tôi e là mình đã ở trong đó lâu hơn dự kiến.”

Anh trang trọng xem đồng hồ. “Ba phút nữa là tám giờ.”

“Trời đất. Chắc anh bạn nhầm rồi!” Bà ta liền thoảng phản đối. “Không thể thế được. Giờ ấy tôi đã vào xem phim rồi, tôi ở trong đó chắc phải hai tiếng rưỡi. Chẳng nhẽ lịch sự trả lời tôi khó khăn với anh đến...”

Bỗng bà ta im bật. Quai hàm bà ta cứng ngắc. Ánh mắt đáng sợ của anh khiến bà ta suýt đứng tim. Bà ta loạng choạng lùi lại, từng bước một, cho đến khi tạo ra khoảng cách đủ yên tâm giữa hai người, rồi mới quay ngoắt, lạch bà lạch bạch chạy một mạch, không ngừng ngoái lại nhìn để chắc chắn rằng anh không đuổi theo.

Thứ bà ta vừa thấy là tử thần sắp nhảy ra vồ lấy mình từ một khuôn mặt người.

Bà ta là một người thông minh, biết phòng xa; là người đã bỏ chạy kịp thời.

Một đêm nọ, viên cảnh sát cũ từng gác quảng trường bị thay thế. Ông ta hoặc đã quá già, bị thuyên chuyển hoặc đã qua đời. Anh chàng mới đến có vẻ lẳng xăng, nhiều sự và tỏ vẻ chuyên cần quá mức, như tất cả những cảnh sát mới vào nghề khác.

Cậu ta làm một vòng quanh quảng trường, và Johnny thì đang đứng đó. Cậu ta vòng lại lần thứ hai, Johnny vẫn đang đứng đó. Sau lần thứ ba, vòng tuần tra cuối cùng, cậu ta dừng lại và bước đến chỗ anh.

“Này, có chuyện gì thế?” Cậu ta hỏi. “Anh đang làm tôi căng thẳng đấy. Anh đã đứng đây suốt ba tiếng rồi. Anh không cần phải làm đẹp quảng trường đâu. Tôi cóc cần biết nhà anh đang phải chịu đựng những gì, nhưng đây là ca trực của tôi.” Cậu ta huých nhẹ dùi cui vào hông anh hòng ép anh phải di chuyển.

“Tôi đang đợi cô gái của tôi,” Johnny đáp.

“Cô gái của anh chết rồi,” viên cảnh sát tàn nhẫn nói. “Người ta kể cho tôi nghe thế đấy. Cô ta mờ yên mả đẹp rồi, lúc này cô ta đang yên nghỉ trong nghĩa trang trên sườn đồi kia. Tôi đã đi lên đó, chính mắt tôi đã trông thấy ngôi mộ của cô ta. Thậm chí tôi có thể nói cho anh biết trên bia mộ viết những...”

Johnny Marr bỗng đưa cả hai tay lên bịt tai lại, với sự căng thẳng khó chịu.

“Cô ta sẽ không trở về đây nữa đâu.” Cậu ta nói tiếp. “Chấp nhận đi. Đừng làm thế khi tôi đang nói chuyện với anh, hiểu chưa? Giờ thì đi đi, đừng để tôi thấy anh lần nữa.”

Johnny Marr khẽ xoay người, như thể vừa thoát khỏi trạng thái bị thôi miên. Bị thúc dùi cui, anh cử động một chân. Viên cảnh sát lại thúc nữa,

anh đi chuyển nốt chân kia. Cái đùi cui liên tục thúc đến khi anh phải bước cả hai chân. Viên cảnh sát cứ thế đứng nhìn cho đến khi anh đi khuất.

Và kể từ đêm đó, bỗng dưng không ai còn thấy anh đứng ở chỗ cũ nữa. Không ai còn gặp anh nữa.

Vài người đã thắc mắc về anh, rằng anh đi đâu, chuyện gì đã xảy đến với anh. Nhưng rồi họ cũng quên. Họ đã lãng quên anh.

Vài người cho rằng hôm sau họ trông thấy anh với một túi đồ bên cạnh, đứng trên sân ga chờ đợi chuyến tàu sẽ đưa anh đi xa. Nhưng chẳng ai biết được chuyện ấy có thật hay không.

Lẽ ra viên cảnh sát nên để mặc anh đứng đó, lẽ ra nên để cho anh yên. Cho đến tận lúc đó, anh chưa từng làm hại bất cứ ai.

Hãng hàng không Tri-State cực kỳ hài lòng với sự phục vụ của nhân viên có tên ghi trên hồ sơ là Joseph Murray. Anh đã làm việc với họ được ba tháng. Công việc của anh là lập hồ sơ. Họ trao cho anh quyền tiếp cận các lịch bay, danh sách chỗ đặt trước và vô số hồ sơ lưu trữ tích tụ của một tổ chức tầm cỡ. Dường như anh rất có hứng thú với công việc này. Anh không ngừng sục sạo, đào bới đồng hồ sơ; tìm tòi, tra cứu các hồ sơ đặt chỗ đã lâu, xem xét các danh sách khách hàng cũ. Anh thường ở lại công ty rất muộn, chăm cặm làm việc theo thời gian biểu của riêng mình. Anh cứ đào, đào và đào... những hồ sơ đã phủ bụi thời gian. Nhưng bỗng dưng anh trở nên mất hết hứng thú.

Thậm chí anh còn sắp được tăng lương nhẹ. Đó là chính sách của công ty, cứ sau sáu tháng. Chỉ là bất ngờ anh không muốn nhận. Anh không từ chức, ngay cả thông báo nghỉ việc cũng không. Anh chỉ bước ra khỏi văn phòng và không bao giờ quay lại nữa. Một hôm, sáng vẫn thấy anh làm việc, nhưng đến chiều anh đã biến mất.

Họ đợi anh quay lại. Nhưng anh không trở về. Họ bèn kiểm tra. Theo địa chỉ anh để lại, họ đến tìm nhưng không thấy. Chẳng ai biết anh đã đi đâu.

Tuy thấy khó hiểu, nhưng họ cũng không thể dừng lại và lo lắng về chuyện đó. Họ nhận một người khác thế chỗ anh, họ buộc phải làm thế. Nhưng người kế nhiệm chẳng hề sốt sắng hay tận tâm với công việc được như vậy. Anh ta chỉ lại gần các hồ sơ khi được sai bảo.

Hãng hàng không Liberty cực kỳ hài lòng với sự phục vụ của nhân viên có tên ghi trên hồ sơ là Jerome Michaels. Anh ta cũng không ngừng sục sạo, sàng lọc các hồ sơ, ghi chú lại các ngày tháng, suy nghĩ về giờ đi và giờ đến, soạn thảo những tuyến đường bay trên các bản đồ tham khảo. Nhưng rồi bỗng dưng anh ta không còn tích cực nữa. Hôm trước vẫn thấy anh ta đi làm, nhưng hôm sau thì không.

Hãng hàng không Continental cũng có trải nghiệm tương tự. Great Eastern cũng thế. Mercury cũng vậy. Nó xảy ra với từng hãng hàng không trong số họ, với một trong số các nhân viên mặt đất của họ.

Sau đó các hãng hàng không nhỏ hơn cũng bắt đầu gặp phải hiện tượng lạ lùng ấy. Từng công ty một, từng tủ hồ sơ một. Ngay cả những công ty rất nhỏ, mỗi công ty chỉ có khoảng sáu máy bay hoạt động, thực hiện những chuyến bay không được xếp lịch. Tức là, những chuyến bay không tuân thủ theo thời gian biểu nhất định... bay theo đơn đặt hàng, hoặc có thể nói là cho các cá nhân hoặc các tập đoàn tư nhân nào đó thuê, nhân một dịp nào đó. Tuy nhiên, họ vẫn lưu giữ các sổ sách kế toán, theo quy định của pháp luật, để được cấp giấy phép vận hành bay và đóng thuế.

Thí dụ như một tổ chức rất nhỏ tự gọi mình bằng cái tên hết sức phô trương, nhưng chẳng lừa được ai dù nghe cũng hay, Hành trình Sao Chổi. Tổ chức này có văn phòng trụ sở rất khiêm tốn, chỉ gồm hai phòng nhỏ, có đúng hai nhân viên, vài cái máy bay rách nát nhưng cố gắng chèo chống thì cũng không đến nỗi, do hai đối tác luôn lo lắng và căng thẳng điều hành. Tuy nhiên các hồ sơ của họ lại được sắp xếp không tốt.

Một hôm, một trong hai nhân viên của họ, tên là Jess Miller, đã huýt sáo trước những hồ sơ này. Người còn lại, cô gái làm việc cùng anh ta trong cái văn phòng xập xệ, đầy bụi, nhìn xung quanh và nói, “Chuyện gì thế Jess? Anh bị bệnh hay sao thế?”

Anh ta không đáp. Anh ta chẳng nói lời nào.

Thay vào đó, anh ta giật mạnh tấm thẻ chỉ mục hồ sơ màu vàng khỏi ghim.

“Này đừng, các sếp sẽ la đấy!” Cô ta thốt lên.

Ngăn kéo hồ sơ mở tung ra, cánh cửa văn phòng mở tung, anh ta không còn trong văn phòng cùng cô nữa.

Thậm chí anh ta còn chẳng mang theo mũ. Nó vẫn nằm yên trên móc. Nó nằm đó suốt mấy ngày cho đến khi người ta vứt nó đi. Anh ta cũng không thèm lấy 6,25 đô la, mức lương nửa tuần làm việc. Và dù bạn có tin hay không, thì việc không phải trả khoản tiền đó, khi đó đối với Hành trình Sao Chổi mà nói, thật không khác gì một ân huệ.

Cô ta kể lại cho một trong các sếp việc anh ta đã làm, ông ta bèn xem xét, cố gắng tự tìm hiểu xem anh ta đã xé đi tấm thẻ nào. Nhưng không thể. Toàn bộ hồ sơ đã quá cũ kỹ, lẫn lộn lung tung đến nỗi ông ta không thể tìm ra.

Tuy nhiên, ngoài việc tự dưng phải hứng một đồng bụi, ông ta còn nảy ra một ý tưởng. Ông ta lôi ra cả đồng hồ sơ và ném hết chúng vào sọt rác.

“Chắc phải từ đời tám hoánh nào rồi ấy,” ông ta nói. “Thậm chí tôi còn chẳng biết chúng vẫn còn nằm ở đây. May có anh ta nhắc.”

Trên tấm thẻ là dòng chữ đánh máy đã mờ:

Số hiệu (một dãy chữ số chẳng còn ý nghĩa gì nữa).

Bên thuê: Câu lạc bộ Rod & Reel, Tổ chức Thể thao Nghiệp dư.

Điểm đến: Hồ Star-of-the-Woods.

Mức giá: 500 đô la.

Giờ khởi hành: Sáu giờ chiều, ngày ba mươi một tháng Năm năm 19...

Phi công: Tierney, J. L.

Tiếp theo là những cái tên hành khách dưới đây, kèm theo địa chỉ hồi ấy của từng người:

Graham Garrison.

Hugh Strickland.

Bucky Paige.

Richard R. Drew.

Allen Ward.

Trên một bản đồ, dưới ánh đèn bí mật, tấm thẻ nằm bên cạnh để tham khảo nhanh, một cây thước và một cái bút chì kẻ một đường thẳng thận trọng giữa thành phố lớn, nơi chuyến bay bắt đầu, với mặt hồ có hình như một ngôi sao nhỏ, nơi là điểm đến cuối cùng. Đường thẳng giữa hai điểm này là ngắn nhất. Như đường chim bay. Những chuyến tàu không thể chạy qua, tương tự là xe ô tô. Nhưng máy bay thì có thể, mà chẳng gặp chướng ngại nào.

Giữa thành phố và mặt hồ, cây bút chì kẻ một đường dẫn hướng thẳng tắp đến một nơi gọi là...

Đầu chì gãy. Thân bút chì đập xuống bản đồ văng ra ngoài. Một năm dấm giáng thẳng xuống tấm bản đồ, khiến nó bị vò nát và bóp chết bằng sức mạnh hận thù, thành một đồng nhân nhúm, không rõ hình thù giữa những ngón tay tàn bạo.

“Nó chết rồi,” người phụ nữ trông có vẻ mệt mỏi đứng trên ngưỡng cửa nói, giọng vô cảm. “Chết được hai năm rồi. Nó là con cả của chị gái tôi. Cũng khăm khá. Cái loại người liều mạng với mấy cái thùng thừa buộc bằng dây thép, sắp hỏng đến nơi để kiếm chút tiền còm đâu có gọi là sống. Chở mấy thùng say đến hội nghị, các buổi họp chi nhánh, các chuyến du ngoạn câu cá rồi cái chết tiệt gì nữa. Mà nó chẳng uống giọt nào đâu nhé. Nhưng hành khách toàn mang rượu lên máy bay, nó toàn kể với bọn tôi thế. Đúng ra là cấm đấy, nhưng nó đành nhắm mắt cho qua. Làm được gì chứ?”

Kiểm sống cả mà. Chúng lén mang rượu lên không cho nó biết, nốc hết rượu chúng ném chai ra ngoài. Chưa bắt tận tay day tận trán được, nhưng nó chắc chắn. Tất cả bọn chúng đều là một lũ say sưa bét nhè, la hét rồi hát rống lên khi đến nơi. Nhưng chẳng tìm thấy cái chai nào trên máy bay.”

“Anh ta chết thế nào?”

“Đúng kiểu của nó,” bà ta nói giọng dửng dưng. “Dưới mặt đất, và chỉ cách nhà nó ba khu phố. Nó bị đẩy ngã xuống đường ray tàu điện ngầm, tàu cắt nó ra làm hai.”

Danh sách bây giờ như sau:

Hành khách:

Graham Garrison.

Hugh Strickland.

Bucky Paige.

Richard R. Drew.

Allen Ward.

Phần 2

Điểm hẹn đầu tiên

Jeanette GARRISON (nhũ danh: Wright).

**Ngày ba mươi một tháng Năm. Người vợ yêu dấu của Graham S.
Buổi lễ dành cho gia đình. Vui lòng không mang hoa.**

(Cột cáo phó, Daily Newspapers, số ra ngày mừng hai tháng Sáu)

Các tấm rèm trên cửa sổ đã kéo xuống hết. Trên cánh cửa ra vào gắn một vòng hoa tang. Trời đang mưa nhẹ, ngôi nhà xây theo phong cách Georgian* bằng gạch đỏ cửa trắng mang vẻ ngoài lạnh lẽo và cô độc. Những giọt mưa rớt xuống từ hàng cây trồng xung quanh nhà, trông nổi bật hơn hẳn so với ngoài tự nhiên bởi hàng lệ long lanh vương trên bức màn lá dày, khiến hàng cây trông như đang nhất loạt khóc than.

Phong cách Georgian: Phong cách kiến trúc phổ biến trong thời đại của bốn vị vua Anh, từ George I đến George IV. Phong cách này du nhập vào Mỹ đầu thế kỷ XX và duy trì sự phổ biến đến những năm 1950. Đặc trưng của nó là sự đối xứng và tỷ lệ.

Chiếc Limousine cũng phủ kín rèm rẽ vào lối đi dành cho xe bóng loáng nước mưa, chậm rãi dừng tại điểm đỗ phía trước các bậc thềm lối vào. Tài xế xuống xe, đưa tay mở và giữ cửa xe bên ghế hành khách.

Một người đàn ông bước xuống, nét mặt nghiêm trang, ông ta cúi người vươn tay đỡ một người khác, vẫn đang ngồi trong xe.

Người thứ hai xuống xe. Gương mặt người này không những nghiêm trang, mà còn khắc khổ. Ông ta để mặc người kia dìu mình đi, khó nhọc bước lên những bậc thềm. Cánh cửa ra vào đã mở ra chào đón khi họ lên

đến nơi. Đứng sau cánh cửa là viên quản gia, đang lịch thiệp đưa mắt nhìn xuống dưới.

Bên trong, bầu không khí cảm lạnh như quỷ ám bao trùm căn nhà vừa có người chết. Hai người bước vào thư viện ngay đối diện sảnh chính. Viên quản gia khéo léo đóng cửa lại, để hai vị khách được riêng tư.

Người kia đỡ ông ngồi xuống ghế. Lập tức ông ngẩng lên nhìn người bạn, nét mặt khẩn khoản thiết tha.

“Trông cô ấy vẫn vậy đúng không?”

“Trông cô ấy đẹp mà, Gray,” người bạn trấn an ông. Trong một lúc ông ta vừa siết chặt vai ông, vừa ngoảnh mặt nhìn ra chỗ khác, bỏ mặc bàn tay ông ta trượt đi trong sự bất lực vô vọng, chẳng làm được gì hơn nữa.

“Ông có muốn lên nhà nằm ngủ một lát không?” Ông ta hỏi.

“Không, tôi ổn mà. Tôi... tôi sẽ làm được.” Ông cố nở nụ cười gan góc. “Chuyện đó xảy đến với tất cả mọi người, có rên rỉ hay khóc lóc cũng chẳng khiến ta dễ chịu hơn. Dù sao cô ấy cũng chẳng muốn tôi đau khổ thế này. Tôi muốn trở thành con người mà cô ấy thích.”

“Ông uống chút brandy nhé?” Bạn ông nhẹ nhàng nói. “Ngoài kia ẩm ướt lắm.”

“Không, cảm ơn.”

“Cà phê thì sao? Từ ngày hôm qua đến giờ ông đã ăn uống gì đâu.”

“Cảm ơn, không cần đâu. Bây giờ thì không. Còn khối thời gian mà. Tôi vẫn còn cả đời để ăn uống cơ mà.”

“Ông muốn tôi nghỉ lại đây với ông đêm nay không? Morgan có thể dọn cho tôi một phòng dành cho khách.”

Garrison xua tay phản đối. “Không cần phải thế đâu, Ed. Thực sự tôi không sao mà. Ông đã lặn lội đến tận đây rồi, ngày mai ông còn cuộc họp tại văn phòng nữa. Về nhà nghỉ ngơi đi. Ông đã làm đủ rồi, tốt lắm rồi. Tôi sẽ chẳng làm được gì nếu không có ông. Cảm ơn ông về tất cả.”

Người bạn nắm chặt bàn tay ông. “Sáng mai tôi sẽ gọi xem ông thế nào.”

“Tôi sẽ lên gác ngủ một chút,” Garrison hứa. “Nhưng trước tiên tôi sẽ ngồi xem qua chông thư chia buồn mà Morgan chất đống ở đây. Đầu óc tôi nhờ thế sẽ nhẹ...”

“Chúc ngủ ngon, Gray,” bạn ông lặng lẽ nói.

“Chúc ngủ ngon, Ed.”

Cánh cửa ra vào khép lại.

Ông chờ đến khi nghe tiếng người bạn rời khỏi nhà. Ông đợi thêm tiếng gõ cửa chúc ngủ ngon của Morgan, lát nữa sẽ vang lên.

Ông cũng nói với Morgan điều tương tự như với bạn mình, khi ông ta mở cửa ló đầu vào. “Ông đi ngủ được rồi, Morgan. Không cần đợi tôi. Tôi sẽ ngồi đây xem mấy lá thư này một lúc. Không, cảm ơn, tôi không muốn dùng gì hết. Chúc ngủ ngon.”

Giờ ông chỉ còn lại một mình, đúng như ông mong muốn. Ngay cả khi đang đau khổ, được ở một mình vẫn tốt hơn nhiều so với khi có người khác bên cạnh.

Đầu tiên ông có khóc một chút. Theo kiểu một người đàn ông không hay khóc, người trước đây hiếm khi rơi nước mắt. Ông khóc một cách khẽ khàng, kiềm chế, đầu gục xuống hai bàn tay. Thế rồi thôi. Ông ngẩng lên, đôi mắt ông như thể tự biết lau khô. Ông ngồi đó suy nghĩ về người vợ một lúc. Tiếng cười của cô vang lên ngoài sảnh; giọng nói của cô khi về nhà từ chỗ làm và hỏi Morgan, “Ông Garrison đã về chưa?”; bóng dáng cô khi mở cửa, với tất cả vẻ hoạt bát và tiếng reo vui. “Ôi anh đây rồi! Chào anh yêu! Anh tưởng em bị lạc à?”

Quá bất ngờ. Quá đột ngột. Quá chóng vánh.

Thậm chí cả khi khóc ông cũng không đau nhiều đến thế. Nó sẽ chẳng bao giờ dừng lại, mà sẽ luôn khiến ông đau đớn, bởi vì ông sẽ không ngừng nghĩ về cô ấy.

Ông cố gắng xua tan ý nghĩ ấy, tự làm mình khuây khỏa bằng cách xem những lá thư chia buồn. Ông đọc từng bức một. “Lời chia buồn sâu sắc nhất của chúng tôi”; “Lời chia buồn tận đáy lòng của chúng tôi”; “Xin chia buồn

với mắt mát của ngài”. Chúng cứ đều đều như thế. Nhưng ông nhận ra, họ còn biết nói gì nữa? Họ còn có thể nói gì nữa?

Ông tiếp tục đọc. Lá thư thứ tư ngay dòng đầu tiên viết rằng...

Ông khẽ giật nảy mình, đôi mắt ông mở to hơn.

Ông trừng trừng nhìn nó một lúc. Rồi trừng trừng nhìn không gian trống rỗng xung quanh, tay vẫn nắm chặt lá thư. Rồi ông lại nhìn lá thư.

Lúc này ông đã đứng hẳn dậy, nhưng mắt vẫn không rời lá thư. Ông đặt nó xuống bàn, giữa hai bàn tay duỗi thẳng, đầu ông nghiêng nghiêng, từ trên cao nhìn trừng trừng xuống lá thư, chú mục, căng thẳng.

Như thể vừa quyết định làm gì đó trong tích tắc, ông lao ra cửa, mở tung hai cánh, bước vào sảnh. Ông quay lại chỗ đặt điện thoại, một tay nhắc ống nghe, một tay quay số trong trạng thái căng thẳng. Rồi ông đứng đó chờ đợi.

Khi cuối cùng cũng lên tiếng, giọng ông gấp gáp vì hồi hộp.

“Có phải Đồn Cảnh sát không? Tôi là Graham Garrison, số 16 đường Penrose Drive. Có thể cử một người đến đây được không? Một nhân viên điều tra được không? Phải, ngay bây giờ. Càng sớm càng tốt. Có dấu hiệu của một vụ giết người. Tôi sẽ thảo luận với người mà các ngài cử tới. Tôi không nói trên điện thoại được.”

Ông gác máy, quay vào thư viện, tiến đến cái bàn nơi ông bỏ lại lá thư để xem xét thêm.

Lá thư không có chữ ký, chỉ viết một câu đơn giản:

Giờ mà hiểu cảm giác ấy thế nào rồi chứ.

Người được cử đến là Cameron. Từ bây giờ anh sẽ phải chịu trách nhiệm với nó.

Cameron trông chẳng đáng tin chút nào. Có lẽ vì vào giờ ấy họ chẳng tìm được ai khác, hoặc có lẽ vì theo quan điểm của họ, một cuộc gọi như

thể chẳng đáng phải bận tâm. Hoặc vì luật nghĩa vụ quân sự mới được ban hành nên các tiêu chuẩn bắt buộc phải hạ thấp*.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 1940, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã ký ban hành Đạo luật Nghĩa vụ và Huấn luyện Chọn lọc (Selective Service and Training Act), yêu cầu tất cả các công dân nam trong độ tuổi từ 26 đến 35 phải đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Tên của Cameron là MacLain, một quá trình đổi tên thành họ lạ lùng. Dù sao thì nó cũng chẳng ảnh hưởng tới ai ngoài anh. Người anh gầy như que tăm, và có lẽ vì thế mà anh thường xuyên mang nét mặt phờ phạc, hốc hác. Hai xương gò má gồ lên, hai má hõm vào. Cách làm việc của anh là sự pha trộn của sự lúng túng cộng với một loạt những hành động hấp tấp, khiến anh càng lúng túng hơn nữa, như thể hành động trước đó vừa kịp làm anh thấy hối hận. Anh luôn tỏ ra là tay gà mờ trước bất kỳ nhiệm vụ nào, như thể đó mới là lần đầu tiên anh tiếp xúc với chúng. Ngay cả khi đó là những vụ án cũ rích mà lẽ ra anh phải rất quen thuộc.

Chắc phải có những lúc trang phục của anh ở mức ít nhất chấp nhận được, vì thật khó mong đợi gì hơn thế. Nhưng lúc chuyện này xảy ra thì hẳn anh đang ở một mình, bởi vì chẳng còn ai khác có thể nhớ mình đã gặp anh vào thời điểm đó. Lúc này anh đang mặc cái áo sơ mi đã bao ngày không thay, và bạn không chỉ cảm nhận được điều đó bằng mắt.

“Ngài Garrison phải không?” Cameron hỏi. Anh tự giới thiệu bản thân. Garrison đáp, giọng khẩn nài, “Tôi xin lỗi vì đã làm thế. Có lẽ lúc đó đầu óc tôi đang mụ mị.”

Trên mặt Cameron bỗng hiện ra một dấu hỏi to đùng.

Garrison thừa nhận, “Thực lòng mà nói thì ngay sau cuộc gọi đầu tiên, tôi đã suy nghĩ kỹ càng hơn, và đã định gọi đến văn phòng cậu bảo không cần cử người đến nữa. Nhưng tôi sợ lại tự biến mình thành thằng ngu lần nữa. Tôi xin lỗi đã bắt cậu phải đến tận đây mà chẳng được việc gì...”

“Chà, vậy thì lúc đầu ngài đã nghĩ gì, thưa ngài Garrison? Ngài có thể cho tôi biết được không?”

“Chẳng có gì đâu. Chỉ là nó đến với tôi không đúng thời điểm chút nào, vào đúng tối nay. Tôi đang hết hoảng, cậu biết đấy. Mệt rã rời. Và khi lần đầu tiên cảm thứ đó lên, tôi chợt có một ấn tượng khủng khiếp...”

Cameron chờ đợi, nhưng ông không nói tiếp.

“Cậu biết không, hôm nay tôi vừa chôn cất vợ mình,” ông giải thích.

Cameron gật đầu cảm thông. “Tôi đã trông thấy vòng hoa tang trên cửa khi đến đây. Nhưng ngài nói cảm thứ đó lên nghĩa là sao?”

“Nó đây, nằm lẫn trong đồng thư từ này.”

Cameron nhận lá thư từ tay ông, xem xét nó.

Rồi anh ngược mắt lên, nhìn thẳng vào mặt ông.

“Tất nhiên là chẳng có gì đâu,” cuối cùng Garrison nói. “Khá tàn nhẫn, khó nghe; có lẽ là một kẻ đã gặm nhấm nỗi đau của riêng hẳn quá lâu, nhưng ngoài cái đó ra...”

Cameron bất ngờ ngồi xuống mà không đợi được mời. Như thế anh muốn ở lại đây thêm chút nữa.

“Tôi phải đề nghị ngài nói ra hết cái điều ngài định nói lúc nãy,” anh nói. “Cái ‘ấn tượng khủng khiếp’ ngài bảo mình cảm thấy khi lần đầu tiên cầm lá thư lên là gì vậy?”

Garrison có vẻ lưỡng lự khi trả lời câu hỏi đó. “Sao, à... cái chết của vợ tôi là do các nguyên nhân tự nhiên, hẳn là thế rồi. Nhưng khi đọc lá thư này lần đầu tiên, có lúc tôi đã nghĩ có thể nó... nó chẳng hề tự nhiên chút nào. Tôi chẳng biết nữa. Những dòng chữ trong thư nghe như thế... như thể ai đó đã gây ra nó, có liên quan đến nó. Chính cái ý tưởng khủng khiếp, sai lầm ấy vừa lướt qua óc tôi.” Ông kết thúc bằng nụ cười hồi lỗi.

Cameron không cười đáp lại. “Đó cũng là một khả năng,” anh nghiêm trang đáp. “Và nó thật khủng khiếp. Nhưng dù nó có phải sai lầm hay không, chúng ta cũng phải cố gắng tìm hiểu nó, và chúng ta sẽ bắt đầu ngay bây giờ.”

Anh lại cầm bức thư lên, giữ nó cân bằng, không nắm chặt, trên các đầu ngón tay vươn thẳng, như thể anh muốn xem thử lá thư nặng bao nhiêu. Trọng lượng tự nhiên của lá thư không phải là thứ anh quan tâm.

“Tôi nghĩ ngài đã làm đúng khi gọi cho chúng tôi về lá thư,” anh nói.

“Tôi không phải là bệnh nhân,” Cameron nói chuyện với nhân viên lễ tân của bác sĩ Lorenz Muller. “Tôi không phiền nếu phải đợi đến khi bác sĩ có thể dành toàn tâm toàn ý cho tôi. Tôi sẽ còn quay lại đây nếu tôi phải làm thế.”

“Có quý ông đây đến từ Đồn Cảnh sát muốn gặp bác sĩ vì chuyện của bà Garrison...” Và cô ta lặp lại phần còn lại của lời nhắn.

Có vẻ ông bác sĩ cũng chỉ là một kẻ hiếu kỳ. “Anh có thể vào,” cô ta nói. Vài phụ nữ mặc váy đầm kiểu cách đến trước anh trong phòng đợi nguýt một cái rõ dài đến tận cánh cửa phía trong.

Ông bác sĩ hình như khoái chuyện phiếm với kẻ không phải bệnh nhân để thay đổi không khí. Cái ý tưởng chuyện phiếm với lực lượng cảnh sát thậm chí còn hấp dẫn hơn nhiều, cứ như tiểu thuyết. Ông ta lấy ra một điều xì gà, mời Cameron một điều, rồi ngả người thoải mái xuống lưng ghế.

“Ít nhất thì tôi không phải cầm tay cậu, cậu thanh tra ạ, và hít phải một đồng vi khuẩn,” ông ta nói. “Ước gì được làm thanh tra nhỉ, được tiếp xúc với toàn người khỏe mạnh.”

“Những tội phạm khỏe mạnh,” Cameron nói nhát gừng. “Và kết cục là nghèo rớt.”

“Nhưng hãy nghĩ đến sự kích thích cậu được hưởng.”

Sau khi đã vui vẻ cà kê, hai người liền quay về chủ đề chính. Cameron rất thích ông bác sĩ này và khá bị ấn tượng bởi sự thật thà của ông ta.

“Ông đã điều trị cho bà Garrison, phải vậy không?”

“Tôi đã làm bác sĩ riêng cho họ nhiều năm nay rồi. Ông ấy là bạn học cũ của tôi. Tôi được gọi đến vào hôm...” Ông ta ngẩng lên. “Có thể là ngày ba mươi mốt, ngay sau nửa đêm. Tôi không thích những gì mình đã thấy, nhưng không thể chẩn đoán ngay được. Nên tôi đã quay lại căn nhà ấy cùng ngày hôm đó. Tôi đưa bà ấy vào viện ngay lập tức.” Giọng ông ta chùng xuống. “Tôi không phí phạm bất cứ giây phút nào, nhưng chẳng ích gì. Đến tối bà ấy đã qua đời.”

“Nguyên nhân tử vong là gì?”

Mặt ông bác sĩ sa sầm. Ông ta nhìn sang chỗ khác một lúc, như thể không muốn nói. “Chứng khít hàm,” ông ta lặng lẽ đáp. Cameron nhận thấy có lúc ông ta để điều xì gà cách xa, như thể vị của nó không còn ngon nữa. “Ngay cả với kẻ thù tồi tệ nhất của mình, tôi cũng không muốn hấn dấn phải chứng bệnh đó.”

“Ông nói mình đã không nhận ra nó ngay, vào lần đầu tiên được gọi đến?”

“Bác sĩ thì hiếm khi gặp may mắn. Mà nếu có thì cũng toàn chuyện lật vạt. Lần thứ hai đến thăm bệnh tôi đã nghi ngờ rồi, nhưng không còn thời gian để chắc chắn nên tôi đã đưa bà ấy ra khỏi nhà thật nhanh. Các xét nghiệm tại bệnh viện đã khẳng định điều ấy.” Ông ta hít một hơi sâu. “Đã quá muộn nên vắc xin không hiệu quả nữa. Đã quá trễ để tiêm vắc xin. Có giới hạn thời gian để có thể tiêm đấy, cậu biết không. Nếu quá thời hạn, không gì cứu nổi cậu đâu.”

Cameron bắt đầu cảm thấy lạnh sống lưng.

“Bà ấy mắc bệnh như thế nào?”

“Khi bước qua ngưỡng cửa, một cái đinh đâm vào chân bà ấy. Quan trọng là bà ấy bệnh tình ra sao, chứ không phải bà ấy mắc bệnh như thế nào.”

Cameron gật đầu thấu hiểu. “Tôi cho rằng đó là sự khác biệt cơ bản giữa hai ta. Thanh tra quan tâm đến quá khứ, bác sĩ quan tâm đến hiện tại.”

“Nhưng đây không phải là tội ác, nên so sánh của cậu không có hiệu lực.”

Cameron cup mắt xuống một lúc như thể muốn nói, “Ông có chắc không?”

“Ông có thể cho tôi biết một chút về căn bệnh này được không? Và xin ông dùng ngôn ngữ dễ hiểu nhất. Tôi không phải là chuyên gia y tế. Nói thật tôi không chắc mình đã từng nghe đến tên căn bệnh này.”

“Có, cậu đã từng nghe rồi. Đó là thứ mà các cậu hay gọi là bệnh uốn ván. Nó được truyền qua một vết thương hở trên da. Ngay cả một vết xước hoặc vết kim châm cũng chơi xỏ chúng ta... luôn là môi trường cho virus. Nhưng may mắn không phải trường hợp nào cũng thế, không thì chúng ta chết hết rồi. Thậm chí ngay cả một vết xước măng rô chẳng hạn. Hoặc kể cả khi vết thương đã xuất hiện trước khi đến gần nguồn lây nhiễm.”

“Có bất kỳ cách nào khác không? Tiếp xúc với người khác thì sao?”

“Không. Nó không lây nhiễm theo cách đó. Bệnh không thể truyền từ người sang người.”

Có thể đấy, chỉ là không theo nghĩa như ông nói thôi. Cameron nghĩ khi anh đứng dậy.

Garrison bước xuống cầu thang, trên người khoác áo choàng tắm, hiện ra chiếc quần pyjama mặc bên trong.

“Xin lỗi đã dựng ngài dậy, ngài Garrison,” Cameron nói từ dưới chân cầu thang. “Tôi biết mới ba giờ sáng, nhưng tôi đã sục sạo khắp nơi suốt cả đêm, nên chẳng thể tới đây sớm hơn được.”

“Không thành vấn đề,” Garrison uể oải đáp. “Tôi cũng chẳng tài nào ngủ được nữa.”

“Tôi muốn hỏi ngài vài câu,” Cameron nói, “về cái đình là nguyên nhân gây ra cái chết của vợ ngài.”

Garrison có vẻ ngạc nhiên, như thể đang tự hỏi tại sao lại tìm hiểu một chuyện như thế. “Chỉ là cái đinh thôi mà,” ông đáp.

“Ngài cho tôi xem nó được không?”

“Mất rồi. Tôi nhớ nó ra và quăng đi rồi.”

“Ngài cho tôi xem trước đây nó nằm ở đâu được chứ?”

“Được.” Ông dẫn anh đến cửa trước. “Ngay ngoài kia,” ông đưa tay chỉ. “Cậu có thấy cái lỗ nhỏ trong kết cấu gỗ không? Nó nằm ở đó đấy, thò ra khỏi khung. Tối hôm đó chúng tôi về nhà muộn, và khi tôi mở cửa cho cô ấy vào, cái thứ chó chết ấy làm chân cô ấy bị sướt da khi bước qua. Chúng tôi không hiểu nổi suốt thời gian ấy nó làm cái gì ở đó. Chẳng phục vụ cho mục đích nào cả. Chẳng có khe hở nào trong kết cấu gỗ để giữ chắc nó. Dường như nó được đóng vào đấy hoàn toàn ngẫu hứng.”

“Ngẫu hứng à?” Cameron khô khan đáp, nhướn mày thắc mắc. “Ngài có biết nó đã nằm đấy bao lâu rồi không?”

“Chắc phải vài năm rồi. Thế nhưng chúng tôi chưa từng trông thấy nó.”

“Cho đến trước buổi tối hôm ấy, hai vợ chồng ngài đã bao giờ bị sướt da như thế chưa?”

“Chưa bao giờ. Cả hai đều chưa từng bị.”

“Vậy thì nó không hề có mặt ở đây cho tới tối hôm đó. Nếu cái đinh này làm chân bà nhà bị sướt da đêm hôm ấy, thì nó cũng phải làm điều tương tự với ngài, nếu nó đã được đóng vào đấy từ lâu. Thôi xong rồi đấy.” Nhưng nghe giọng anh chỉ thấy u buồn, không hề vui vẻ.

Cả hai cùng đứng thẳng dậy, không thể tiếp tục cúi lâu hơn nữa.

“Có ai nghe thấy tiếng gõ hay tiếng búa đóng đinh không?”

“Không ai ở nhà nên chẳng có ai nghe thấy gì cả. Chúng tôi không ở nhà vào dịp cuối tuần. Hôm ấy là tối Chủ nhật và chúng tôi đi vắng từ thứ Sáu. Căn nhà này khóa cửa trong hai ngày hôm đó. Người hầu chỉ trở lại sau khi chúng tôi đã về nhà, vào sáng hôm sau, tức sáng thứ Hai.”

Cameron xoay xoay cánh cửa. Anh đóng chặt cửa rồi lại mở vào trong đến hết tầm.

“Cái đinh vẫn thò ra ngoài, ngay cả khi cửa đã đóng chặt. Cửa mở vào phía trong nên không vướng phải cái đinh. Giờ xem nào. Ngài chính là người lấy chìa khóa ra mở cửa. Thế rồi ngài bước tránh sang bên để bà ấy vào trước. Nhưng phía bà ấy hơi chật một chút. Bàn tay của ngài sẽ nằm trên núm cửa, giữ cửa mở cho bà ấy bước vào. Toàn bộ cơ thể của ngài đứng phía bên này bà ấy. Thế nên bà ấy sẽ phải bước sang phía có cái đinh. Thế nên nó mới quẹt vào chân bà ấy. Nói cách khác, nếu bà ấy chọn bước vào giữa cửa, hẳn bà ấy sẽ tránh được nó. Bước qua cửa nhiều khi là một thói quen,” anh giải thích. “Ngài không bao giờ nghĩ về điều đó, nhưng ngài sẽ không bao giờ thay đổi thói quen.” Và anh tự nói thêm với chính mình, “Tôi tự hỏi ngoài tôi ra còn ai nghĩ vậy nữa không?”

“Ngài đã rút cái đinh ra ngoài,” anh nói, “rồi ném đi à?”

“Giữ lại cái thứ ấy làm gì?” Garrison phản đối. “Tôi rút nó ra ngay và luôn, để không bao giờ bị lại nữa. Chân cô ấy rất đau đớn nên tôi thương lắm. Morgan không có ở đây, thế nên tôi đã mang hai cái kìm ra đây và tự làm. Mà có chuyện vui lắm, cậu muốn biết không?”

Cameron vô cùng háo hức đáp, “Có, nói tôi nghe đi.”

“Đó là cái đinh bị đóng ngược. Đầu đinh đóng sâu vào lớp gỗ, còn đầu nhọn thì thò ra ngoài.”

“Vậy thì *không thể* đóng bằng búa được. Ở tư thế đó thì không thể dùng búa. Bởi đơn giản đinh sẽ bị uốn cong và gập lại. Cái miếng nôm cũng phải nhọn lắm, không phẳng đâu.”

“Nhưng nó cắm ngập vào trong mà, sâu lắm. Nó là một con quỷ dài, gần bằng bàn tay tôi đấy.”

“Trước tiên có thể khoan lỗ bằng một cái dùi, sau đó cái đinh đơn giản là thụt vào phía trong, lấp đầy cái lỗ. Nếu nó dài như ngài nói, vậy thì chính độ sâu ấy đã ghim chắc cái đinh. Ngài tháo nó ra có dễ không?”

“Tốn sức ra phết đấy.”

“Ngài thấy cái đinh có gì lạ không?” Cameron hỏi. “Nó còn mới không hay gì rồi?”

“Thực ra tôi chẳng buồn xem xét nó cho kỹ. Như đã nói, tôi thương cô ấy, nên sau khi dùng kìm rút mạnh cái đinh ra khỏi lớp gỗ, tôi quăng luôn nó qua vai. Nhưng đúng vào khoảnh khắc nó trôi qua trước mắt, dường như tôi trông thấy một mẫu giẻ rách nhỏ màu xám bấn thiu dính quanh cái đinh, hoặc là được buộc vào dưới đầu đinh. Một mẫu nhỏ thôi. Giống cái thứ anh hay thấy bám vào mấy cái đinh lạc. Nhưng tôi không chắc lắm, vì lúc ấy nó lướt qua mắt tôi rất nhanh.”

“Đinh lạc,” Cameron nhắc lại, cũng bằng cái giọng khô khan như lúc này.

Garrison đợi anh nói tiếp câu gì đó, nhưng anh vẫn im lặng.

“Tất cả những thông tin ấy có giúp được gì cho anh không?” Cuối cùng ông hỏi.

“Giờ thì không. Cái đinh thì đã mất tăm,” Cameron trả lời một cách khó hiểu. “Vợ ngài thì đã chết.”

“Tôi không hiểu cậu đang tìm cái gì nữa,” Garrison thẳng thừng nói.

“Câu trả lời nằm ngay đằng kia. Ngài đã tự tay vứt nó đi,” Cameron nghiêm khắc cam đoan với ông ta. “Đó là tất cả những gì tôi muốn tìm.”

Sếp của Cameron trao cho anh một xấp giấy mỏng kẹp vào nhau. “Tôi muốn trao cho cậu vụ này,” ông ta nói gọn lỏn.

Cameron xem qua xấp giấy, miệng há hốc. “Nhưng đây là vụ khác mà,” anh nói. “Đâu phải Jeanette Garrison...”

“Quên vụ đó đi,” sếp anh ngắt lời. “Mà đúng hơn là, bởi vì ngay từ đầu đó đã không phải là một vụ án, cho nên hãy quên luôn cái vụ điều tra không chính thức mà cậu đang dính vào đi. Phải, tôi biết hết đấy. Và tôi không thích mấy cái chuyện cá nhân đó. Cậu phụ trách án mạng thì nên chú trọng vào án mạng đi. Tôi có thể trao cho cậu cả đồng việc làm không xuể đấy.”

“Nhưng thưa sếp, người phụ nữ này...”

Ông sếp dẫn mạnh cả hai bàn tay xuống bàn, đến nỗi hai khuỷu tay khuỳnh sang hai bên. Như thể ông ta định đứng bật dậy, nhưng rồi quyết định vẫn ngồi im tại chỗ.

“Người phụ nữ này chết vì uốn ván. Bác sĩ riêng của bà ta đã chứng thực điều đó. Các chuyên gia ông ta gọi đến, những người nổi tiếng khắp đất nước, đã chứng thực điều đó. Giấy chứng tử bác sĩ pháp y của chúng ta gửi đến đã chứng thực điều đó. Thậm chí cậu còn yêu cầu được khai quật tử thi và tôi đã cho phép cậu làm thế. Những phát hiện giải phẫu chỉ khẳng định chắc chắn thêm điều ai cũng đã biết. Nếu còn bất kỳ điều gì khó hiểu, và tôi cam đoan với cậu là có đấy, thì đó là bí ẩn về mặt sinh học và Bộ Y tế sẽ lo chuyện đó chứ không phải chúng ta. Dù sao thì, cậu cũng chỉ cần biết rằng mọi chuyện đã kết thúc rồi. Vào lúc này tôi nghĩ sẽ chẳng có cách nào khác đâu. Cậu có thể dành cả cuộc đời mình tìm kiếm, Cameron ạ, nhưng sẽ chẳng hiểu nổi làm thế quái nào vi khuẩn lại lọt vào trong máu bà ấy. Nhưng việc của cậu không phải là đối phó với vi khuẩn, mà là những kẻ giết người có hai chân. Nếu cậu muốn truy tìm lũ vi khuẩn thì sao không thi quách vào trường y đi?”

Cameron cố gắng nói gì đó. Lần này anh không dám thốt ra nửa chữ “nhưng”. Sếp của anh dường như đọc được ý nghĩ của thuộc cấp. Ông ta xua xua tay sốt ruột.

“Ôi, đừng bắt tôi nghe thêm bất cứ điều gì về lá thư đó nữa! Mỗi lần chúng ta nhận một vụ án mạng thì phải có cỡ tám chục lá thư gửi đến nói rằng chính chúng làm thế, cậu biết rõ điều đó mà. Những kẻ giết người thực sự sẽ chẳng viết thư than gì để tâng công hết. Tôi nói rồi, bà ta chết vì uốn ván. Còn gì nữa không? Giờ thì báo cáo...”

“Vâng, thưa sếp. Nhưng bà ấy có thể bị sát hại bởi bệnh uốn ván. Có hai loại bệnh uốn ván, có nguyên nhân tự nhiên và nguyên nhân cố ý. Uốn ván có thể được dùng như một loại hung khí, giống như một khẩu súng, con dao hay một cái rìu.”

Giọng ông sếp trở nên rất khẽ. Ông ta phát âm chậm rãi từng từ một, rất rõ ràng. Từ nào cũng mang hàm ý đe dọa.

“Tôi-nói-đẹp-ngay-vụ-điều-tra-đi! Đó là lệnh!”

Chỉ có một câu trả lời Cameron có thể thốt ra, nếu anh không muốn bị loại khỏi lực lượng. “Rõ, thưa sếp,” anh lặng lẽ đáp.

Garrison nặng nề bước xuống nhà, không còn chút sức sống. Ông ngồi xuống bàn ăn sáng. Morgan mang vào một nửa quả bưởi ngâm trong đá, đặt xuống trước mặt ông. Chồng thư buổi sáng được đặt bên cạnh.

Một lúc sau, Garrison quay sang chồng thư, bắt đầu mệt mỏi xem từng bức một.

Ông đọc đến lá thư thứ ba. Chỉ có một dòng:

Giờ mà biết cảm giác ấy thế nào rồi chứ, Garrison?

Thư không có chữ ký.

Trong một lúc, chỉ một lúc thôi, ông như lấy lại được chút sức sống. Ông ngoái đầu nhìn về phía cửa ra vào, nhìn xa hơn nữa tới chỗ để điện thoại. Thậm chí dường như ông còn định rời khỏi ghế ngồi, đứng dậy bước ra ngoài đó.

Thế rồi một tia tinh anh uể oải lướt qua mắt ông. Ông vẫn ngồi yên trên ghế. Ông cắn môi, khẽ lắc đầu với chính mình. Như thể muốn nói, “Mày từng để mình bị một trong mấy lá thư này bịp một lần rồi. Mày sẽ không mắc lừa lần thứ hai nữa.”

Ông vò nhàu lá thư trong tay, ném nó vào gầm bàn khuất tầm nhìn, rồi quay lại với nửa trái bưởi đang ăn dở.

Phần 3

Điểm hẹn thứ hai

Cuộc gọi đến vào lúc cực kỳ không thích hợp.

Khi ấy cả hai người họ đều đang ở trong phòng.

Florence đã quần áo chỉnh tề, bà chủ tiệc thường mặc đồ nhanh hơn phu quân. Cô phải xuống nhà xem xét để chắc chắn rằng mọi thứ đều đã sẵn sàng. Bình thường thì vào giờ này cô hẳn đã có mặt dưới nhà. Chuyện không ổn với chuỗi hạt giữ chân cô lại trong phòng. Cái chốt bị long, cô phải mất một lúc để gắn lại cho đúng.

Trong buồng ngủ chung của hai vợ chồng có cái hốc nhỏ để đặt điện thoại. Về sau, máu anh như đông cứng khi nghĩ về việc mình đã may mắn đến thế nào khi cô không kịp nhận cuộc gọi đấy. Vào lúc ấy, cô thậm chí đang đứng gần chiếc điện thoại hơn cả anh, chỉ cách một tầm tay với. Nếu không phải vì cái chốt dây chuyền khiến hai tay cô bận rộn...

“Hugh,” cô gọi, hất đầu ra hiệu. “Em hy vọng đừng có ai gọi đến báo hủy vào phút chót, sau khi em đã thu xếp tất cả xong xuôi.”

Anh đang bận rộn với cái cà vạt. “Để họ nhận cuộc gọi dưới nhà đi,” anh nói.

Chuông lại reo lần nữa. “Sẽ chỉ một đứa lên được đây thôi, vì chúng phải luôn có mặt ở dưới nhà bất kỳ lúc nào.” Cứ hễ chuông rơi chuỗi hạt, nó sẽ trượt khỏi tay cô rớt xuống sàn, cô vẫn chưa nổi chúng lại được.

Tiếng chuông đã dừng lại.

Một cô hầu gái gõ cửa. “Điện thoại cho ngài Strickland ạ.”

Chuỗi hạt đã đánh thức bản tính cứng đầu tiềm tàng trong con người Florence. Cô cầm nó ngồi xuống bàn trang điểm, dùng kẹp tóc sửa cái chốt, như một chuyên gia sửa đồng hồ.

“Không cần biết có tiếc hay không, em sẽ không rời khỏi đây cho đến khi sửa nó xong. Vì em sẽ đeo chuỗi hạt này dự tiệc, nên em sẽ không xuống mà không mang nó theo. Anh thực sự nên lấy nó và nhờ người sửa cho em, Hugh; lần trước cũng y hệt thế này.”

Anh đã đứng cạnh chiếc điện thoại.

“A lô?” Anh thận trọng nói.

“A lô,” vọng lại là một giọng nữ cao chế nhạo.

Cú sốc đến với anh như thể bị tạt một gáo nước lạnh.

Thật may đúng lúc này cô không trông thấy anh, mắt cô đang tập trung vào cái chốt. Anh quay ngoắt sang chỗ khác, chỗ chỉ có cái điện thoại, và quay lưng lại với cô.

“A lô, Grainger,” anh nói.

“Grainger?” Giọng nữ cao cười nhạo. “Từ bao giờ thế? Thôi được rồi, anh nói theo cách của anh, em nói theo cách của em. Và em sẽ là người gợi chuyện cho anh.”

Nếu anh gác máy bây giờ, mọi chuyện sẽ tệ hơn; Florence hẳn sẽ thắc mắc về hành động của anh.

“Giờ tôi hơi bận,” anh nói.

“Nói với tư cách chủ doanh nghiệp nhé. Tháng này anh có quên cái gì không đấy? Anh thanh toán hơi lâu đấy nhỉ? Quá mười lăm ngày rồi. Em đã đợi lâu nhất có thể rồi, nhưng các hóa đơn của em thì không biết đợi, anh biết đấy.”

“Tôi đã nói rồi,” anh nói gọn lỏn. “Từ giờ anh sẽ phải tự giải quyết, cố gắng hết sức có thể đi.”

“Em không chấp nhận lời anh nói. Anh không thể bỏ đi dễ dàng như thế được.”

“Nghe này, mai gọi đến văn phòng tôi đi.”

“Ồ không được. Cả tuần nay em đã thử rồi. Cả tuần trước nữa. Và cả tuần trước đó nữa. Nhưng không tài nào gọi được xuống đó. Anh đã chặn hết rồi. Thế nên đêm nay em buộc phải gọi cho anh, đến nơi anh đang sống. Giờ thì em có thể tới tìm anh bất cứ khi nào em muốn rồi nhỉ? Lẽ ra em nên nghĩ ra từ trước chứ.”

Florence cuối cùng cũng sửa được sợi dây chuyền. Cô đứng dậy chuẩn bị rời phòng. Bước đến cửa cô quay lại, vung tay về phía anh với vẻ khó chịu nôn nóng. “Ôi vì Chúa, bảo hăn thôi đi, mặc xác hăn là ai đi nữa, Hugh! Em cần anh xuống với em, khách sẽ đến vào bất cứ lúc nào đấy.”

Cánh cửa đóng lại. Nhưng giờ sẽ còn tệ hơn nữa. Cô có thể dùng máy chính dưới kia và vô tình xen vào giữa hai người bọn họ.

Anh cố gắng kết thúc cuộc gọi một cách thô lỗ.

“Nghe này, con khốn,” anh cúi kính nói. “Tôi xong với cô rồi nhé. Tôi chịu đựng cô quá đủ rồi đây.”

“Ái chà, bà xã rời phòng rồi chứ gì? Anh nợ tôi một nghìn rưỡi tháng này và thêm nghìn rưỡi quyet tháng trước. Anh có chịu mang tiền xuống cho tôi không thì bảo?”

“Cứ việc ra ngoài vẫy đuôi trên phố đi.”

“Hoặc anh qua đây hoặc tôi lên đó. Tôi sẽ bước thẳng vào, trước mặt vợ anh cùng quan khách của cô ấy, và cho cả thế giới biết chuyện của chúng ta. Tôi sẽ đợi anh đến chín giờ.”

“Tao sẽ giết mày!” Anh ta điên cuồng thề thốt. “Mày mà dám lớn vờn quanh đây thì chính tay tao sẽ giết chết mày!”

À cất lên một tràng cười nhạo báng trong như tiếng bạc khi ngắt máy.

Vũ hội bắt đầu vào khoảng chín giờ, sau một bữa tiệc hóa ra là một trong những bữa tiệc tối đáng nhớ và tuyệt vời nhất của Florence. Những vị

khách dự bị, chỉ được mời đến để khiêu vũ, đông hơn số người có mặt ban đầu gấp ba, bốn lần. Nó đáp ứng được bất kỳ tiêu chí nào của một buổi khiêu vũ chính thức, thậm chí thuê cả một ban nhạc danh tiếng và rải rác có những màn múa hát góp vui. Khi Florence nhìn lại, cô có thể tự hào rằng mình đã làm tất cả những gì có thể nhằm đảm bảo bữa tiệc diễn ra thành công.

Anh đang làm bốn phần của mình trước một trong những cô bạn lớn tuổi và kém quyến rũ của Florence, kiểu khách mời mà chủ tiệc có tâm sẽ chú ý đặc biệt; không phải vì lợi ích của họ, mà vì lợi ích bữa tiệc của chính anh ta, để ngăn không cho bữa tiệc đi đến chỗ chán ngắt. Và khi bà ta lui lại về phía sau trước mặt anh, má đánh phấn hồng đậm, đeo đầy đồ trang sức và môi nở nụ cười quá điệu, trong bước nhảy ngắn cách quãng có thể là hình mẫu sống động cuối cùng của vũ điệu nhịp hai-bốn hồi năm 1905, lối vào rộng rãi tới phòng khiêu vũ chậm chạp biến thành tấm ảnh phối cảnh chiều dọc thẳng trước mắt anh.

Bất ngờ anh trông thấy ả ngoài đó. Cao ráo, uyển chuyển và chói lọi trong bộ đầm trắng ánh kim, anh nhận ra ả ngay lập tức, dù là ở khoảng cách xa đến thế. ả đang trao cho người quản gia chiếc áo khoác ngoài bằng lông chồn. Chiếc áo choàng *anh* đã tặng cho ả, từ lâu lắm thuở họ còn yêu nhau. Anh biết điệu bộ giả tạo của ả, anh thấy ả chuẩn bị tiến vào rất nhiều phòng. Duyên dáng quay nửa vòng sang bên, gối chân này khẽ khếp vào gối chân kia. Anh biết cách ả mỉm cười mãn nguyện, hai mí mắt nhìn xuống nửa chừng, thường khiến phụ nữ tức điên lên, nhưng dù sao điệu bộ ấy cũng chẳng dành cho họ. Giờ ả đang làm đúng như thế. Anh biết cái mánh của ả, gập tay lại nhẹ nhàng và vuốt ve bất kỳ chiếc vòng nào ả đang đeo trên tay, vô tình khiến chúng trượt xuống tận khuỷu. ả cũng đang làm đúng như thế.

ả đã thay đổi kiểu tóc, trong nhiều tuần kể từ khi anh tránh mặt ả. Có thời gian ả còn chẳng buồn thay đổi kiểu tóc, nếu không có anh gần như luôn ngắm ả khi ả làm thế; giờ thì ả có khối thời gian.

Không hay rồi. Chẳng điều gì ở cô ả khiến anh vui, dù là những sự thay đổi hay những điều xưa cũ. Anh không còn thích ả nữa.

Điều đó thậm chí còn khắc chế nỗi sợ hãi, giận dữ và căm ghét của anh; bằng cách nào đó khiến anh vẫn đứng vững, nếu là vào lúc khác thì hẳn anh đã sụp đổ vì hoang mang.

Anh nhìn xung quanh, Florence đang đứng ở đầu kia của căn phòng rộng lớn. (Họ thực sự sở hữu một căn phòng mênh mêng, dành riêng cho việc khiêu vũ, và lần đầu tiên anh thấy vui vì điều đó.) Cô sẽ không nhìn thấy ả, cho đến khi vũ điệu chậm rãi đưa cô xoay đến chỗ anh đang đứng. Nhưng một khi cô làm thế... dù họ chưa từng gặp nhau, dù ả có là một vị khách vô danh, một vị khách xa lạ, nhưng Florence rất tinh tường với những chuyện như thế. Anh phải ra ngoài kia trước đã.

Anh làm một cú xoay bất ngờ, diên rồ sang một bên, mục đích nhằm rũ bỏ bạn nhảy, bỏ mặc bà ta tẽn tò đứng một mình ngay giữa buổi khiêu vũ. Buông tay bà ta mà không nói lời nào, anh đứng yên một lúc ngay ngoài cửa phòng, rồi tiến thẳng xuống hành lang lối vào. Gương mặt anh tuy hơi buồn, nhưng lạnh lùng. Trái tim anh đang sục sôi vì căm ghét.

“Chào buổi tối, ngài Strickland,” ả thân mật nói. “Thật tuyệt khi ngài đã mời tôi.”

“Tôi á?” Anh nói bằng giọng vô cùng khẽ, đôi môi gằn như không cử động.

Đáp lại là nụ cười lơ đãng nổi tiếng của ả, đôi mắt khép lại nửa chừng. “Bữa tiệc đáng yêu làm sao! Và đây là một trong những bài hát ưa thích của tôi. Chúng ta vào nhảy chứ?”

Một lần nữa đôi môi anh gằn như bất động. “Còn nhớ tôi đã nói sẽ làm gì cô không?” Bóng dáng viên quản gia lớn vờn ở hậu cảnh. “Chờ chút. Chưa có tiền ngay đâu.”

Ả lúc nào cũng hết sức nhanh trí. Và đêm nay ả sẽ tận dụng nó hết mức; cũng chính nhờ khôn ngoan ả mới đến được đây. Ả làm bộ lơ đãng, tay trái đưa lên vai. “Rất tốt, đi lấy đi. Cứ yên tâm. Anh không thể mong tôi để tiền

rơi trên sàn nhảy đâu.” Bàn tay ả len lỏi vào cánh tay anh. “Ngài có khiêu vũ cùng tôi không đây, ngài Strickland?”

Lúc này anh ra hiệu cho viên quản gia lùi lại, tránh khỏi tầm nghe. “Cô không yên với chuyện này đâu,” anh thở hắt ra, tức tối.

Ả chẳng buồn nghe. Ả phóng tầm mắt về phía xa qua vai anh. “Cô ta đáng yêu thật,” ả lẩm bầm gần như say mê. “Thế mà anh lại không biết trân trọng. Chắc mắt anh bị mù hay sao rồi. Làm sao anh lại có thể thích...?” Ả ngưng bật. Trong một thoáng, dường như ả có vẻ thực sự chân thành. Thực sự.

Anh nhanh chóng đảo mắt quan sát xung quanh, và thấy Florence đang chậm rãi lướt qua lối vào phòng khiêu vũ trong vòng tay một bạn nhảy. Lúc này cô không hề nhìn về phía họ. Một giây trước có thể cô đã thấy; bất kỳ giây phút nào cô cũng có thể sẽ thấy. Anh không thể rời mắt khỏi cô.

Giọt mồ hôi từ trên trán anh chảy xuống.

“Tiền có giải quyết được không?” Anh nói nhanh.

Ả trả lời theo cách lạ lùng nhất. Ả dùng chiếc khăn tay mỏng tang, nhẹ bẫng, thoảng hương nước hoa khẽ lau trán cho anh.

“Đứng tránh sang bên một lúc đi,” anh nói. “Đừng nói chuyện với ai.”

“Tôi chưa từng đi ăn tiệc kiểu này, chẳng được ai giới thiệu,” ả nhắc anh. “Cho tôi biết tên ai đó đi, phòng khi...”

“Cô là bạn của Bob Mallory. Hắn đang say khướt đằng kia kìa. Có ra đây với cô thì hắn cũng chẳng biết cái quái gì đâu.”

Anh nhanh chóng thoát khỏi ả và lao vào trong thư viện. Anh vừa định khóa cửa thì trông thấy một cặp đôi đang ôm nhau trong tư thế úp thìa dưới ánh đèn. Trong tư thế nằm nghiêng họ ngẩng đầu lên nhìn anh.

“Cho tôi xin lỗi!” Anh hấp tấp nói.

“Ồ, không sao mà,” chàng thanh niên trấn an. “Chúng tôi không phiền nếu có người vào đây.” Và cả hai lại chuẩn bị trở lại tư thế cũ.

“Ý tôi là tôi muốn ở một mình trong phòng.”

Cô gái huých nhẹ vào sườn bạn tình, thì thầm rõ mồn một, “Chắc là chủ nhà của chúng ta đấy,” và họ tay trong tay rời khỏi phòng, rúc rích cười với nhau.

“Chúng tôi không biết làm thế là quá giới hạn,” chàng trai ngoảnh lại hồ hững nói. “Phải nói ngay từ đầu chứ.”

Strickland khóa cửa lại. Anh mở két gắn trên tường, lấy ra một cái hộp đựng tiền. Bên trong hộp có một nghìn đô la chẵn. Anh lấy nó ra, run rẩy viết nguệch ngoạc tờ séc xuất thêm năm trăm đô la nữa, trả cho người cầm séc. Anh biết ả sẽ không chấp nhận bất kỳ cách nào khác. Trong cơn bối rối và hấp tấp anh làm hỏng tờ séc thứ nhất, phải viết tờ thứ hai.

Xong xuôi anh mở cửa, tìm đến chỗ ả.

Ả vẫn ngồi nguyên chỗ cũ nơi vừa bị anh bỏ lại; ả vẫn chưa bị ai phát hiện.

“Cho tôi mượn túi xách của cô một chút,” anh nói bằng khówek miệng.

Anh để tiền vào trong túi rồi đưa trả lại cho ả.

“Giờ thì...” Anh liếc mắt đầy hàm ý ra cửa.

Ả đứng dậy, từ tốn mà duyên dáng. ả khẽ ra hiệu chỉ bằng những đầu ngón tay uốn cong, viên quản gia bước đến mặc lên người ả chiếc áo khoác lông chồn.

“Đây là một bữa tiệc tuyệt vời,” ả nói với Strickland bằng giọng buồn bã dễ chịu. “Vậy nên tôi phải ăn mặc thật tử tế.”

“Harris,” anh nói, “phiền ông gọi taxi cho quý cô đây.”

Trong một khoảnh khắc chỉ còn lại hai người đứng trên ngưỡng cửa.

“Đừng bao giờ làm thế với tôi nữa đấy,” anh dứt khoát nói.

Sau đó nhà Roger ra về, chỉ còn lại hai cặp vợ chồng, nhà Whitting và nhà Devraux. Và khi họ đang nháp nhồm, chính Florence lại là người mời

mọc họ nán lại thêm một lúc nữa. Cô luôn nôn nóng giữ chân khách ở lại, nhất là sau một sự kiện mệt mỏi như đêm nay.

“Phần cuối của mọi bữa tiệc, cô biết đấy. Ca khúc cũ biến đâu hết rồi? ‘Đó là phần thực sự hay nhất đấy.’ Hãy cùng vào phòng làm việc uống chén rượu trước khi ngủ đi. Tôi phát ốm với cái chỗ này rồi.”

Cả sáu người cùng bước vào phòng làm việc và uống rượu.

“Nghe này, tôi sẽ nói rõ ý của tôi.” Cô ngả người trên sofa, thoải mái tháo đôi sandal, đặt đôi chân trần xuống sàn nhà.

“Tại sao chúng ta lại mở tiệc nhỉ?” Cô hỏi. “Khi chúng kết thúc mới tuyệt làm sao.”

“Đó là lý do chúng ta mở tiệc,” một người trả lời. “Giống kiểu dùng búa tự đập vào đầu mình ấy.”

“Strick có vẻ mệt mỏi,” một người phụ nữ khác nói về đồng cảm.

Thậm chí cô còn không buồn quay lại nhìn anh. “Hugh lúc nào chẳng mệt mỏi,” cô nói với giọng hơi hờn dỗi.

Họ chưa chịu về à? Anh muốn cúi xuống đấm hai tay thật mạnh xuống bàn, đấm đi đấm lại, cho đến khi nó nứt toác ra. Để chứng kiến họ ra về, chứng kiến những vẻ mặt choáng váng của họ, chứng kiến họ gấp gáp tiến ra cửa.

Nhưng anh không làm thế. Bạn chẳng bao giờ làm được điều bạn thật sự muốn làm, anh suy ngẫm.

Anh chỉ nhìn xuống mặt bàn bóng loáng. Rồi dấn khá mạnh ly rượu xuống bàn, phát ra một tiếng động lớn.

Anh không cố ý, nhưng nó lại tạo hiệu quả gần như tương đương với cái hành động bộc phát vừa thoáng qua óc anh.

Một trong số những người phụ nữ đứng bật dậy. Một người khác đứng dậy sau đó vài giây. Trên nét mặt họ nhanh chóng có cùng biểu cảm.

“Chà, giờ chúng ta phải về thật rồi, Flo...”

“Phải đấy, trước khi bị tổng cổ.”

Chẳng ai nhìn về phía anh, nhưng anh biết toàn bộ năm con người trong căn phòng đều hiểu quá rõ ai đã gây ra cơn náo động vừa rồi.

Những thái độ hòa nhã khốn kiếp.

Trước khi cô tiễn khách xong, anh đã lên phòng ngủ của hai vợ chồng.

Anh cởi bỏ áo choàng ngủ, khoác lên người chiếc áo jacket công sở, trang phục đầu tiên nằm trong tầm tay anh.

Tiếp theo anh đến bên tủ hồ sơ, mở ngăn kéo, rút ra khẩu súng ngắn mà hai vợ chồng đã để trong đó, kể từ lần họ bị trói và bị cướp ngay trong nhà mình sáu năm trước. Mọi thứ sau này đã phục hồi lại như cũ, nhưng những giây phút đối mặt với khẩu súng thực sự tồi tệ.

Anh nhét khẩu súng vào trong áo khoác.

Cô bước vào phòng, bình thản và quyến rũ. Bình thản và quyến rũ như thể bây giờ là tám giờ tối thay vì ba giờ sáng. Như thể chẳng có bữa tiệc nào cả. Như thể họ chẳng phải tiếp thêm bất kỳ vị khách không mời nào. (Chà, có thể chỉ với riêng cô thôi.)

Cô đóng cửa phòng ngủ, miệng mỉm cười nhẹ nhàng.

“Anh à...” cô nhẹ nhàng nói. Cô đưa tay ra sau gáy và bắt đầu tháo chuỗi vòng cổ kim cương. Cô vừa làm thế vừa đi ngang phòng. “... Anh nghĩ sao về bữa tiệc? Em cho rằng đó là một thành công của bọn mình, phải vậy không?”

“Cái gì cơ?” Anh nói, cố gắng quay lại phía cô.

Cô bật cười khoan dung. “Bữa tiệc anh ơi.” Dường như đêm nay chẳng có điều gì khiến cô phiền lòng.

Ôi, trời ạ, bữa tiệc đó! Anh rùng mình từ trong thâm tâm.

“Lúc tàn tiệc anh hơi bị thô lỗ đấy nhá.”

“Đầu anh,” anh đáp, “nó sắp nổ tung lên đây.”

“Sao anh không uống aspirin?” Cô hỏi, rồi kết thúc luôn câu anh định nói. “À mà aspirin chẳng giúp được gì đúng không?”

Anh nhìn cô nghi ngờ. *Cô ấy nói thế là sao nhỉ? Cô ấy đã biết gì rồi?*

Rõ ràng cô nói thế chẳng có ý gì, cô chẳng biết gì; chỉ là anh võ đoán thôi. Giờ cô đã thay chiếc váy đầm dạ tiệc bằng chiếc áo ngủ bằng vải lụa, mềm mịn, bình thản.

Bỗng anh nhận ra lúc này cô đã đứng gần cái tủ, đúng cái ngăn kéo đó; cô đã rời khỏi cái tủ đó, đang bước ra xa nó, vào lúc chi tiết này đánh động anh.

“Vừa này em lại gần đó làm gì vậy?” Anh đột ngột hỏi.

“Em cất một thứ đi ấy mà,” cô mơ hồ đáp. Rồi cười lặng lẽ, như bạn sẽ cười khi gặp một đứa trẻ trên phố.

“Mở ngăn kéo tủ của chính em cũng bị cấm nữa à?”

Cô không thể thấy khẩu súng đã biến mất. Hẳn cô sẽ nói gì về chuyện đó, nhưng cô chẳng nói gì, một lời cũng không.

Thậm chí cô còn chẳng để ý đường viền trên chiếc quần ngủ của anh, phía dưới chiếc áo jacket công sở. Cô đang mãi để ý đến bản thân, chìm đắm vào thế giới của riêng mình, có khả năng đang sống lại và thưởng thức lại bữa tiệc. Phụ nữ hay có thói quen làm thế, anh biết mà.

Bàn tay anh đặt lên nút cửa phòng ngủ. “Anh phải ra ngoài hít thở một chút,” anh nói. “Cách duy nhất để làm dịu cái đầu của anh.”

Cô không phản đối.

“Nhớ mang chìa khóa nhé anh yêu,” cô chỉ nói có vậy. “Đám người hầu sẽ chẳng nghe thấy tiếng anh gọi đâu, tội nghiệp.”

“Anh sẽ không đánh thức em đâu,” anh buồn bã hứa.

Cô bước đến bên anh, hết sức nhàn tản. “Giờ thì em sẽ chúc anh ngủ ngon,” cô nói, trao cho anh một nụ hôn chiếu lệ lên má.

Anh cứng người lại, quá muộn rồi.

Những đầu ngón tay của cô vừa nhẹ lướt qua nơi giấu khẩu súng. Chúng thật tinh quái làm sao, anh vừa nhận ra thì mọi việc đã xong, chúng đã đi qua rồi. Không hề ấn mạnh, chỉ là một cú vuốt qua bề mặt.

Cô không cho thấy dấu hiệu nào. Chắc cô nhầm nó với hộp đựng xì gà kền càng thi thoảng anh mang theo. Anh kín đáo nhìn qua người cô, chỉ để thấy nó đang nằm lù lù một đống bên kia phòng. Nhưng cô không liếc mắt về phía đó.

Cô bước về phía giường ngủ, khẽ khàng gạt tấm ga giường sang một bên. Cô đang mỉm cười, cô thật quyến rũ, cô bình thản đến cùng. Bạn hẳn sẽ nghĩ rằng những vị khách vẫn còn đang dự tiệc.

Hai đầu ngón tay của cô tựa lên bờ môi, xoay nhẹ về phía anh, gửi đến anh lời chúc ngủ ngon cuối cùng.

Cánh cửa từ từ khép lại, anh liếc nhìn cô lần cuối, ngồi trên giường lưng tựa vào gối, chuẩn bị cầm cuốn sách lên đọc cho dễ ngủ; quầng sáng từ chiếc đèn bên giường tỏa hồng gương mặt và bờ vai cô; mái tóc bạch kim, mềm mại như tóc mây thiếu nữ, với những lọn tóc dày buông rủ xuống vai.

Trông cô giống như một nữ Hầu tước thế kỷ mười tám đang chuẩn bị tiếp khách trong phòng ngủ.

Anh rảo chân bước xuống cầu thang dài uốn cong (thứ anh luôn căm ghét vì mất thời gian). Cái bóng ghê rợn của chính anh đang run rẩy bước bên cạnh, trên các tấm ốp tường màu ngà nhạt nhờ ngọn đèn ngủ đang cháy từ khu sảnh rộng bên dưới hắt lên. Giống như một hồn ma giảo hoạt đang xúi giục anh làm chuyện xấu.

Anh để ý thấy một thứ lạ lùng khi bước qua sảnh, một vật lưu niệm tầm thường, dù có hơi kỳ dị, bị bỏ quên trong bữa tiệc, mà lúc này đây anh ngỡ như nó đã diễn ra từ cả ngàn năm trước. Một ly rượu sâm banh đã tan hết bọt đang nằm chơ vơ trên mép chiếc bàn cạnh tường, một cái ghế trống không đặt cạnh cái ly. Một ý nghĩ chợt lóe lên, chắc hẳn đây là ly của ả ta rồi. Ắ đã ngồi đây chờ một lúc, trên chính cái ghế này. Cho dù anh không thể nhớ nổi đã trông thấy ả cầm hay nhấp một ly sâm banh nào hay chưa, nhưng hẳn là ả đã gọi một ly hoặc viên quản gia đã mang cho ả một ly mà không đợi phải bảo.

Bất chợt, trong một thoáng giật dữ, anh bước đến chỗ cái bàn, giơ cái ly lên ngang vai như một nghi lễ ác độc nào đó, rồi dốc ngược cái ly đến khi nó cạn hẳn. Anh vừa nâng cốc chúc mừng cái chết của ả bằng chính thứ rượu mà ả đã uống.

Một làn gió lạnh buốt sống lưng len vào sảnh, cánh cửa đóng sầm lại, anh rời khỏi nhà.

Anh không nhấn chuông, anh không gõ cửa. Anh không cần phải làm thế. Anh rút chiếc chìa khóa mà ả đã đưa cho anh, khá lâu trước đó, và nhẹ nhàng mở cửa.

Rút chìa khóa khỏi ổ, anh bước vào nhà, đóng cửa lại nhẹ hết sức có thể.

Anh biết ngay công tắc ở đâu, biết nên đặt tay ở đâu mà chẳng cần nhìn. Anh ấn công tắc, những ngọn đèn trần màu đào chói mắt mà ả ưa thích bừng sáng thành cụm tròn.

Nơi này anh thuộc như lòng bàn tay. Anh biết hết tất cả mọi thứ. Nơi đây như ngôi nhà thứ hai của anh. Không, đã từng là ngôi nhà thứ nhất, và cái nơi anh vừa từ đó đến đây là ngôi nhà thứ hai của anh. Thật hài hước khi bạn thấy mình đã thay đổi.

Từng món đồ nội thất, từng đồ vật, từng cái ghế, tất cả đều từng là một phần trong quá khứ của anh. Cái ghế đó... ngay đằng kia... nơi anh đã từng ngồi đó cả đêm khi thấy hơi chuếnh choáng, nhớ về những ngày xưa và thề rằng anh sẽ không bao giờ quay về với Florence nữa; rằng anh sẽ đoạn tuyệt hoàn toàn với cô; phải, chính là lúc đó. ả đã ngồi bên cạnh anh trên tay ghế, phỉnh phờ và can ngăn anh, cuối cùng nhẹ nhàng gỡ chiếc điện thoại mà lúc đó anh đang nắm trong tay. ả xoa dịu lớp lông nhím đang xù lên của anh, nháy mắt với anh đầy tinh quái, rồi nói, “Chúng mình đang ổn mà; sao phải ra ngoài tìm rắc rối làm gì? Đây, anh uống thêm đi và giả vờ mình đang độc thân nhé; hiệu quả lắm đấy.”

Vào đêm bầu cử, hai người cùng đặt tiền lên đó, trên chiếc radio. Anh cá đảng Dân chủ sẽ thắng, còn ả tất nhiên phải chọn đảng Cộng hòa; vì chẳng còn đảng nào nữa. Nhưng có thể ả không hề ngốc. Anh đã thử ả, chỉ để xem ả sẽ phản ứng thế nào, và ả vui vẻ chấp nhận thất bại; không sưng sứa, không than vãn, rên rỉ, không một mực cho rằng anh ăn gian hay ép anh phải nhận thua. Ngày hôm sau ả đã diện trên người chiếc áo khoác lông chồn và lấy lại hết khoản tiền ả thua cược. Làm sao ả biết làm thế sẽ hiệu quả nhỉ? Như thế vừa đêm hôm trước ả cho ai đó vay năm trăm đô la (mà ban đầu nó vốn là của anh), rồi sáng hôm sau được người ta trả lãi bằng cái áo khoác lông thú. Quá giỏi!

Khi anh đi qua, trên giá để sách nhạc của cây đàn dương cầm, có một bản nhạc đang mở. Anh liếc nhìn nó, môi anh cong lên khi đọc lời ca khúc. “Sớm hay muộn rồi anh cũng sẽ đến...”

Lần này thì sai rồi nhé cưng, sẽ chẳng có lần sau nữa đâu. Anh túm lấy nó bằng một tay, vo nó thành quả bóng rồi ném sang bên kia phòng.

Cánh cửa phòng ngủ dạng gương mở hé. Anh mở ra đến hết tầm, đứng yên đó ngắm nhìn ả. Ánh sáng vừa đủ, tỏa sang từ căn phòng khách sáng choang bên cạnh soi tỏ mọi thứ, để lại những cái bóng xanh nhợt nhạt khắp phòng.

Ả đang ngủ trên giường, nằm nghiêng sang bên, quay lưng về phía anh. Hình ảnh ả ngủ say, chẳng biết mình vừa làm gì, một lần nữa thối bùng cơn giận trong anh.

Chiếc áo khoác lông chồn được vắt trên lưng ghế; tạo thành một cái lều, với lưng ghế là cột chống. Chiếc váy trắng đang treo trên mắc áo, nhưng thay vì được cất vào tủ, cái mắc áo lại được móc lên trên cánh cửa ra vào; chiếc váy được treo ở đó, cầu thả, tựa vào cánh cửa.

Mùi nước hoa của ả thơm nồng trong không khí. ả từng nói với anh tên của nó. Styx. Anh thêm một chữ “n” vào cái tên, và cả hai cười ồm lên*. ả không hề nói cho anh biết nó bao nhiêu tiền, nhưng anh từng thấy nó trên

quá nhiều tài khoản mua bán chịu. Các tài khoản này đã hết hiệu lực lâu rồi, trước khi sức ép và trò tổng tiền thật sự bắt đầu.

Stynx: Đọc gần giống như “stink” (hôi thối).

Anh đứng đó nhìn ả một lúc, nuôi dưỡng cơn giận của mình.

Thế rồi không một tiếng động, bằng một động tác khoan thai đến lạnh lùng, anh cởi khuy áo jacket cài chéo, trữu nặng vì khẩu súng. Cởi xong, anh gập nó lại theo chiều dọc từ cổ trở xuống rồi vắt lên lưng ghế.

Tiếp theo anh bước đến đóng kín các cửa sổ, đảm bảo chặn đứng... hoặc giảm thiểu... bất kỳ âm thanh nào lọt ra ngoài. Anh quay lại chỗ cũ, đứng sau tấm lưng đang nhấp nhô của ả, cởi khóa thắt lưng. Anh kéo nó ra, nắm chắc đầu có khóa như một cái chuôi.

Anh cúi xuống và khẽ hất cái chặn nhẹ hều khỏi người ả, làm nó phồng lên. Những tấm ga giường bóng như lụa kê sột soạt. Giờ ả nằm đó, phơi trơn thân hình quyến rũ như tượng tạc, bộ đồ ngủ màu đen mỏng kéo dài đến eo như báo diềm gở.

Anh nhếch mép trong thù hằn và giơ cao thắt lưng lên quá đầu, như thể đang túm đầu một con rắn đang quấn quại. *Đây là cách mà đối xử với bọn đàn bà như ả! Đây là thứ chúng đáng được nhận! Đây là những gì chúng hưởng! Đây là cách trừng trị duy nhất chúng hiểu!*

Âm thanh của chiếc thắt lưng quật xuống nghe như tiếng vỗ tay chậm rãi, đều đặn. Lần nữa, lần nữa rồi lại lần nữa; nhanh hơn và nhanh hơn nữa. Quật xuống cặp xương bả vai mỏng manh, xuống hông, xuống đùi. Những vết rách trắng hiện ra trên bộ đồ ngủ đen, như thể sau mỗi cú quật lại có một lớp bụi trần được rũ bỏ. Nó phồng lên, khẽ lay động rồi lại xẹp xuống, với từng cú đánh.

Nhưng đó là cử động duy nhất...

Bỗng sự thù ghét sôi sục đang che mờ đôi mắt anh tan biến, khi anh nhận ra rằng ả không hề la hét, không hề nhảy dựng lên, cũng không lăn tròn khỏi giường để tránh đòn. Những việc mà lẽ ra ả đã phải làm ngay từ đầu.

Anh vút thẳng lưng xuống như một đồng bùng nhùng. Anh cúi xuống giường, túm tóc kéo đầu ả quay lại phía mình. Đầu ả quay lại quá ngoan ngoãn, quá lỏng lẻo. Cái đầu quay lại, nhưng cơ thể của ả thì không, cổ ả đã gãy.

Những phút vừa rồi anh đã đánh một xác chết.

Giờ đây, cái bóng trên những tấm ốp tường không ngừng đuổi theo anh trên các bậc cầu thang uốn cong trải dài, buộc anh phải chạy trốn. Nhưng khi đến khúc quanh, cái bóng lạnh lùng bắt kịp anh, quay ngoắt lại đối mặt với anh, như muốn tố cáo khi anh lên đến đầu cầu thang. Anh nheo mắt lại tránh né, giơ lòng bàn tay lên xua đuổi, lao qua cái bóng xanh ngắt vô hình đến cánh cửa vào phòng ngủ. Cái bóng không thể đuổi theo anh vào trong đó. Nhưng nó đang đợi bên ngoài.

Anh hít một hơi thật sâu, xoay chìa khóa vào cửa phòng ngủ.

Cô đã ngủ say, hay hình như thế. Quầng sáng hồng đã tắt. Mái đầu của cô, nếu anh có thể thấy, đã ngã xuống gối sâu hơn một chút so với lúc anh rời khỏi nhà. Đôi mắt cô rõ ràng đang nhắm chặt. Ánh sáng ban mai lọt qua tấm màn gỗ như những thổi chì.

Anh cất khẩu súng đi, cẩn thận liếc nhìn cô qua vai. Mí mắt cô không hề cử động.

Anh bước vào buồng tắm, run rẩy một chút, thậm chí còn nức nở một chút, thần kinh căng như dây đàn. Rồi anh lấy khăn mặt lau nước mắt, ngồi trên mép bồn tắm một lúc, bình thản nhưng mất hết tinh thần. Cuối cùng, vẫn ngồi yên tại chỗ, anh cởi một phần quần áo: áo khoác, cà vạt, cởi cúc áo sơ mi đến thắt lưng; chỉ thế thôi.

Ngủ, ngủ, anh cần phải ngủ; đó là cách duy nhất để thoát khỏi chuyện này, cách duy nhất để xua đuổi nó. Anh lấy lòng bàn tay đánh nhẹ vào đầu mấy lần, như thể muốn dỗ giấc ngủ đến. Nhưng nó không thể đến theo cách đó. Bởi bên trong anh là ác mộng hỗn loạn, ngay cả khi anh vẫn tỉnh táo.

Anh mở tủ lấy ra lọ thuốc ngủ. Anh đổ hai viên ra tay, rồi ba viên. Anh giơ bàn tay lên nửa chừng, như một cái muỗng. Rồi bất chợt anh nhăn nhó rên rĩ và quăng hết tất cả đi. Ngủ kiểu đó chỉ tổ khiến cơn ác mộng ghim sâu hơn vào đầu óc anh mà thôi.

Anh không thể vượt qua chuyện này một mình. Không thể giữ nó cho riêng mình. Anh phải nói chuyện với ai đó, anh phải nói chuyện với cô. Dù sao thì cũng đã đến nước này rồi, cô sẽ phải giúp anh.

Anh lại bước vào phòng ngủ. Những thỏi chì đã biến thành những thỏi bạc. Và chúng sẽ sớm biến thành những thỏi vàng, nhưng chưa đến lúc.

Thế rồi trước khi tiến đến giường ngủ, anh thấy cuối cùng cô đã tỉnh. Chắc cô vừa tỉnh thôi.

“Florence...” anh hốt hên nói. “Florence...”

“Anh có gì muốn nói với em à?” Ngữ điệu câu hỏi yếu đến mức nó gần như không tồn tại. Đó không phải là câu hỏi, mà là một câu tường thuật, nhưng anh không có thời gian để mà phân tích sắc thái ngôn ngữ.

“Phải, phải. Nghe cho kỹ này.”

Anh ngồi xuống cạnh cô trên giường ngủ. Anh lại đứng dậy, bước vòng quanh giường sang phía bên kia. Rồi anh ngồi xuống, đó là phía trái tim cô.

“Em tỉnh ngủ hẳn chưa để nghe nào?”

“Tỉnh hẳn rồi.” Hình như câu này thốt ra hơi cụt.

“Người phụ nữ đó...” Anh lại ngập ngừng, tự hỏi nên nói tiếp thế nào. “Tối nay có một người phụ nữ ở đây. Anh không biết em có nhận ra cô ta không...”

Cô mỉm cười, vẻ mỉa mai gần như không thể nhận ra. “Để em nhớ xem. Cái váy hiệu Hattie Carnegie, màu trắng, rơi vào khoảng một trăm năm mươi đô la. Nhưng em nghĩ nó là váy được mua với giá khuyến mãi, sau khi đã qua mùa kinh doanh, rồi sẽ bán lại cho ai đó... bán nguyên giá. Giày cao gót hiệu Perugia hàng xịn. Có lẽ cao năm phân, không hơn. Tất cả toát lên vẻ sành điệu, rất sành điệu, tuy nhiên...” cô lắc đầu và nhăn mũi. “Lớp

kem nền thì rẻ tiền, cô ta không thể làm được gì để che giấu, nó cứ lộ ra hết. Nhìn qua có vẻ đã ba mươi lăm tuổi, nhưng có thể sâu siu cho là hai mươi tám.”

Cô ấy hai mươi tám tuổi, anh những muốn phản đối nhưng kìm lại được. Nhớ đâu ả ba mươi lăm tuổi thật mà anh chẳng biết.

“Loại nước hoa cô ta dùng có vẻ là Styx, nhớp nháp và ngọt ngào.”

Anh trợn tròn mắt và cắn khâu.

“Đúng rồi, Hugh. Đúng rồi, em tin rằng em hiểu ý anh muốn nói đến ai.”

Cô châm một điếu thuốc, như thể cho phép anh có thời gian trấn tĩnh. Thậm chí cô còn mời anh một điếu. Anh từ chối.

“Anh... ờ, anh không biết phải nói thế nào, Florence. Có một sự dính líu mà em không bao giờ biết...”

Lại là nụ cười mỉa mai ấy. “Liệu em có nên giúp anh không, Hugh?”

Cô vẩy đám tàn thuốc đầu tiên vào chiếc đĩa phẳng nhỏ được trang trí kiểu kháp ti pháp lang* trên giá, hít hà làn khói thuốc, mắt nhìn lên trần nhà ra dáng trầm tư, như thể đang sắp xếp lại những thông tin mình có nhằm giúp được anh tốt nhất.

Kháp ti pháp lang (cloissonné): “Pháp lang”, hay còn gọi là “pháp lam” nhằm để chỉ những loại đồ tráng men. Dựa vào phương pháp chế tạo thai cốt và kỹ thuật thể hiện men màu, họa tiết, có thể chia chế phẩm pháp lang thành bốn loại: Kháp ti pháp lang, Họa pháp lang, Tạm thai pháp lang, Thấu minh pháp lang. Trong đó, kháp ti pháp lang là pháp lang làm theo kiểu ngăn chia ô hộc.

“Tên cô ta là Esther Holliday. Cô ta sống tại 1604 đường Farragut Drive, căn hộ D-7. Tiền thuê nhà của cô ta là một trăm lẻ năm đô la một tháng. Số điện thoại là Warfield 7176. Cô ta bước vào cuộc đời anh... hay em nên nói là làm anh bực mình... cũng khoảng bốn năm rồi, có lâu hơn một chút. Em chẳng có nhân thông hay gì đâu, Hugh. Em không thể nói chính xác anh đã gặp cô ta vào ngày nào, hay tháng nào. Những chuyện này diễn ra rất chậm chạp. Nhưng em có thể cho anh biết chính xác mùa nào và năm nào, mùa

xuân năm 1943. ‘Xuân đến ông già cũng biết tương tư...’ Lẽ ra em không nên đắm chìm quá vào ghen tuông như thế.” Cô nói câu này hoàn toàn chẳng liên quan gì, với động tác khẽ hướng lên của ngón đeo nhẫn như lời cảnh cáo nhẹ nhàng nhưng quyến rũ. “Anh đã yêu cô ta ba năm. Trong một năm rưỡi qua, anh không còn yêu cô ta nữa, nhưng anh quá nhu nhược không dám thú nhận điều đó.”

Dường như anh đã sẵn sàng sụp đổ, như thể anh được treo lên bởi những sợi dây lỏng lẻo, như một con rối luống cuống khi bàn tay người điều khiển thôi không còn nắm những sợi dây. “Em đã biết. Em đã biết tất cả.”

“Em biết mấy năm rồi,” cô nói thật tự nhiên. Như thể cho rằng mình hút thế đã đủ, cô dụi tắt điếu thuốc; nó đã hoàn thành vai trò hỗ trợ cuộc đối thoại. Chỉ vì anh.

“Còn giờ thì là chuyện gì? Chuyện gì đã khiến anh... phải thổ lộ tâm tư vào giờ đặc biệt thế này? Không phải là em không đánh giá cao việc này đâu. Anh biết đấy, thà ít còn hơn là chẳng có gì.”

“Florence, anh đã tới đó để... để...”

Lần này cô để mặc cho anh nói hết.

“Để giết cô ta.”

“Em biết.”

“Ôi, Florence,” cuối cùng anh nói, ngồi sụp xuống, như thể thấy mệt mỏi vì cố gắng cho cô biết những điều mà cô đã biết từ lâu. Cô khiến cho màn tự thú của anh bỗng trở thành một trò hề.

“Rõ ràng quá còn gì,” cô nói. “Áo jacket công sở mặc ngoài quần ngủ. Có gì đó cộm lên dưới áo anh. Khẩu súng ngắn biến mất khỏi ngăn kéo. Anh chẳng hề kín đáo chút nào hết, anh yêu ạ.” Rồi cô nói thêm, hoàn toàn dừng dưng. “Anh có làm được không?”

Anh nhìn cô trừng trừng khiếp đảm.

“Em chỉ nói vậy thôi. Nét mặt anh cho thấy rõ ý định đó, thế mà khi em nói ra thì anh lại sợ...”

“Nhưng em có cần phải khắc nghiệt đến vậy không?” Anh van xin gần như chua xót.

“Tha lỗi cho em,” cô nói. “Em xin lỗi.” Giọng cô có vẻ ăn năn. “Em không quen sống chung với bạo lực, anh biết đấy. Em sẽ phải học cách tự kiềm chế.”

Đầu anh càng rũ xuống sâu thêm, cho cô thấy một phần tóc anh. Hai bàn tay anh úp lên mặt, anh nói giữa những ngón tay. Giọng anh như nghẹt đi.

“Cô ta chết rồi. Anh thấy cô ta đang nằm đó, chết hẳn rồi. Kẻ nào đó... Anh không biết là ai... Anh chỉ biết rằng mình không làm thế.”

Cô đưa tay ra nắm lấy tay anh. Cô vỗ nhẹ vào mu bàn tay, như một người mẹ.

“Tất nhiên là không rồi. Tất nhiên rồi.”

Anh ngẩng đầu lên, có một chút đề phòng, như chợt nhớ ra điều gì đó. “Anh có thể chứng minh điều đó. Anh có thể cho em thấy anh không làm thế. Chờ chút, cái áo đâu...” Trong một lúc anh càng hốt hoảng hơn, khi thấy mình không còn mặc áo khoác nữa. Anh nhảy dựng lên, lao vào buồng tắm rồi quay lại, cầm chiếc áo trên tay. “Đây. Nó đây rồi. Anh thấy nó nằm trong căn phòng ấy.” Anh trao mảnh giấy cho cô.

Cô đọc to nó lên. “Giờ ngài cảm thấy thế nào, ngài Strickland?”

Suy nghĩ của cô luôn nhanh hơn anh. “Lẽ ra anh nên để mẫu giấy này ở chỗ cũ,” cô nói ngay lập tức. “Nó phải ở lại đây mới đúng, nơi anh tìm thấy nó. Chứ không phải ở đây, nơi chẳng ai có thể thấy.”

“Nhưng anh không muốn bị dính líu...”

Cô đột ngột đổi ý. “Có lẽ như thế tốt hơn. Phải, có lẽ anh nói đúng. Cứ giữ lấy nó, dù cho có chuyện gì xảy ra đi nữa. Phải chắc chắn không được để mất nó. Nếu phải trình nó ra, cứ việc đưa cho họ xem. Nhưng anh thấy không, anh đã phá tan tành phần lớn giá trị của mẫu giấy này. Anh không thể chứng minh anh tìm thấy mẫu giấy này trong căn phòng ấy, và giờ anh lại mang nó về. Anh có thể chứng minh, hoặc họ có thể chứng minh rằng mẫu giấy này không phải do anh viết, nhưng anh có thể tìm thấy nó ở bất

kỳ đâu. Nó có thể đến từ bất kỳ nơi nào. Giờ thì quá trễ rồi.” Thế rồi nhìn vẻ hoảng loạn hiện rõ trên đôi mắt anh, cô nói thêm. “Nhưng kể cả không có mẫu giấy này, anh cũng vẫn an toàn mà. Họ không thể đổ hết tội cho anh được, khi mà anh thực sự không làm thế. Đó hoàn toàn là một vụ án oan đúng nghĩa. Những chuyện đó không xảy ra đâu.”

“Nhưng họ sẽ tới đây. Họ buộc phải làm thế. Họ sẽ hỏi những câu hỏi...”

Cô gật đầu tiếc nuối. “Họ sẽ truy ngược về quá khứ của cô ta. Và sự liên đới... khá dài đấy.”

“Florence, em phải giúp anh! Không cần biết họ phát hiện ra điều gì trong quá khứ, sẽ chẳng nhiều nhận gì đâu; ít nhất chúng ta phải khiến họ không phát hiện được gì về buổi tối nay. Em không thấy sao? Buổi tiệc lớn em đã tổ chức tối nay. Đúng là tuyệt vời. Hơn hai chục người; tất cả bọn họ đều nhìn thấy anh tối nay, đến tận khi kết thúc tiệc. Florence, anh không rời khỏi nhà sau khi những vị khách của chúng ta ra về! Anh chưa hề rời khỏi nhà, em có hiểu không? Florence, em sẽ không quay lưng với anh, đúng không? Em sẽ sát cánh bên anh chứ? Em là hy vọng cuối cùng của anh.”

“Em là vợ anh mà, Hugh,” cô chỉ nói có vậy. “Anh quên rồi sao? Em là vợ anh mà.” Khi bốn mắt họ gặp nhau, anh chỉ nhìn thấy trong mắt cô sự dưng hiến chân thành.

Đầu anh ngả về phía trước tựa lên ngực cô, kèm theo tiếng thở nhẹ nhõm xúc động, gần như tiếng nước nở.

Bàn tay cô vuốt ve mái tóc anh thật dịu dàng, khiến anh cảm thấy an tâm. Đây khoan dung, đây thấu hiểu, với tất cả sự lo lắng, quan tâm của những người vợ trên thế gian này.

Ả chết vào đêm thứ Ba rạng sáng ngày thứ Tư. Chẳng có gì xảy ra hôm thứ Tư. Chẳng có gì xảy ra hôm thứ Năm. Chỉ có một dòng chữ đen trên nền trắng, lạnh lùng tẻ nhạt, băng quơ. Anh nín thở. Nhưng đến thứ Sáu,

cuối cùng nó cũng nhảy ra khỏi giấy tờ, trở thành một sinh vật sống và xuất hiện dưới hình dạng của một người đàn ông trên ngưỡng cửa nhà anh.

“Cho anh ta vào,” anh nói với Harris.

Nhưng rồi anh cân nhắc lại mệnh lệnh. “Không, chờ chút đã.” Anh thử làm bộ làm tịch bên bàn làm việc, xem xét vài giấy tờ nào đó. Không đúng, đây đâu phải văn phòng. Anh thử cái ghế lớn bọc da, ngồi lún sâu vào ghế, vắt tréo hai chân. Anh lại ngồi dậy, lựa một cuốn sách từ trên giá, rút một điếu xì gà từ trong hộp, rồi quay lại ghế ngồi.

“Rồi, mời anh ta vào đi.”

Người này trông chẳng ấn tượng chút nào. Anh ta là một chàng trai cao lớn, gầy nhảnh, hai má hõm sâu. Anh ta có vẻ bối rối, như lính mới. Chiếc áo sơ mi của anh ta mấy ngày rồi chưa thay, có một sợi vải bị sờn đang thò ra phía cổ tay áo.

Anh ta nói, “Xin lỗi vì đã quấy rầy ngài, ngài Strickland. Tôi đến từ đồn cảnh sát. Ngài không phiền trả lời tôi mấy câu chứ?”

Strickland đáp, “Xin mời ngồi. Tôi không phiền đâu.”

Người đàn ông ngồi xuống, ngả quá về phía trước; toàn bộ phần cổ tay thò ra ngoài tay áo. Anh ta kinh ngạc nhìn quanh phòng. Rồi anh ta kinh ngạc nhìn Strickland. Như thế anh ta không thể tin nổi rằng một cuộc sống sung túc cỡ này có tồn tại.

“Hút thuốc không?” Strickland nói, muốn làm anh ta cảm thấy dễ chịu. “Đây, lửa đây.”

Nhưng anh lại cầm nhầm bình mực.

“Không, ngay cạnh ngài kia.”

Ngay cả khi cầm bật lửa trên tay, anh vẫn không biết phải làm gì.

“Ngài chỉ cần ấn xuống thôi. Nhẹ thôi.”

Nhưng vào lúc đó anh đã bỏ cuộc, thay vào đó anh dùng diêm.

Sau đó anh lại chẳng biết phải làm gì với que diêm; nên đành kẹp chúng giữa các ngón tay.

Khốn thật, mình sợ cái quái gì không biết? Strickland nghĩ.

“Những câu hỏi gì vậy?” Anh nhắc.

Người đàn ông thoáng giật mình, như thể anh ta quên bém mắt chính mình vừa hỏi cái gì. “Ồ... à. Vâng. A... ngài có quen biết một phụ nữ... một phu nhân... tên là Esther Holliday không?”

“Có, tôi có quen,” Strickland nói ngay lập tức.

“Vậy sao?”

“Cũng như mọi thằng đàn ông thôi mà.” Anh cho anh ta thời gian để tiếp nhận câu nói, rồi tiếp tục, “Tôi rất thẳng thắn về chuyện này, cậu biết đấy.” Rồi lại nói tiếp, “Nhưng đã một thời gian rồi. Chuyện đó đã kết thúc một năm rưỡi trước đây.”

Người đàn ông bồn chồn với điều thuốc. Chứng kiến anh ta như thế thật tội nghiệp. Hẳn bạn sẽ nghĩ Strickland mới là người hỏi, còn anh ta là người trả lời.

“Ngài biết không, cô ta chết rồi.”

“Bị giết,” Strickland chỉnh lại. “Tôi có đọc trên báo. Đọc hết rồi.”

“Dạo này ngài không còn gặp gỡ cô ta nữa, phải không, ngài Strickland?”

“Không.”

“Lần cuối cùng là khi nào?”

“Có lẽ là hơn sáu tháng trước.”

“Ồ.” Rồi anh ta nói thêm. “Chà...” Nhặt toẹt như món nước ướp gừng để từ tuần trước. “Trong trường hợp đó...” Đến đây thì dường như chẳng biết nói gì thêm nữa, anh ta bèn đứng dậy.

Strickland cũng đứng dậy. Anh vô tình đặt cuốn sách xuống cái bàn cạnh hai người.

Người đàn ông có vẻ bối rối với cuốn sách, theo kiểu một kẻ vụng về không biết làm sao để kết thúc buổi thăm vấn một cách lịch thiệp, hay nên

hành xử sao cho đúng trước mặt người khác, nên anh ta cứ nghịch hết cái này đến cái kia.

“Sách mới à?”

“Ngược lại,” Strickland nói ra vẻ trịch thượng, “nó cũ lắm rồi.”

“Ồ, tôi chỉ nghĩ vậy vì vài trang vẫn chưa được rọc kia...”

“Tôi chưa đọc đến đấy.” Việc cần làm trong những trường hợp thế này là phải trả lời thật nhanh, khoảng thời gian giữa hỏi và trả lời phải càng ngắn càng tốt.

Cameron lơ đãng rà ngón tay cái xuống mép một trang. Đó là trang mở đầu. Nó dính liền với ba hoặc bốn trang tiếp theo.

Rồi anh ta đóng sách lại, quên luôn nó đi và ra về.

Họ đang chuẩn bị đi ngủ, cũng một đêm như thế. Anh đang ngồi bên mép giường, đã mặc đồ ngủ, nhưng không hề sẵn sàng, hoặc không thể nằm xuống nghỉ ngơi. Cái lưng đau nhức, đôi vai trũng xuống, đôi bàn tay yếu ớt, thất vọng, mắt nhìn trừng trừng xuống sàn nhà.

Trong khi đó, cô đang ngồi trước bàn trang điểm. Đầu cô cũng hơi cúi xuống, nhưng chỉ là chăm chú vào việc đang làm, chứ không trầm tư mặc tưởng như anh. Cô đang bận giũa móng tay.

Cuối cùng cô lên tiếng.

“Đôi tay cô ta đẹp không? *Cô ta*, anh biết đấy.”

Anh biết. Anh nhếch mép, đưa mép bàn tay lên lau miệng, như thể xua đi dư vị khó chịu nào đó.

“Em gợi chuyện thế anh không phiền chứ?” Cô khéo léo hỏi.

“Không,” anh đáp kèm tiếng thở dài. “Anh cũng đang nghĩ đến nó. Lúc nào anh cũng nghĩ. Chúng... à, anh cho rằng phụ nữ thì ai cũng thế: mềm mại và trắng trẻo hơn tay đàn ông...”

“Không, ý em là chúng nằm ở đâu? Chúng thế nào? Anh đã nói mà, anh nói đến cổ cô ta.”

“Ồ.” Lần này thì anh đã hiểu. “Chúng giơ lên như thế này này.” Anh cho cô xem. “Đang cố gắng bảo vệ cái cổ, cố gắng giải thoát nó. Thành những móng vuốt đông cứng, em biết đấy. Ai cũng làm thế thôi.”

Cô bắt chước hành động ấy, trên chính cổ mình. Xem xét nó trong gương.

“Vậy thì cô ta chắc phải cào xước tay hấn. Tạo dấu vết trên tay hấn.”

“Anh cho là vậy. Đó là điều duy nhất cô ta có thể làm.”

Vì cô không nói thêm gì nữa, nên anh ngẩng đầu lên, “Sao em lại hỏi thế?”

“Liên kết các ý tưởng, em nghĩ vậy. Lúc này em đang nhìn xuống chính tay mình, nên em nghĩ đến tay cô ta. Em xin lỗi nếu...”

“Không sao mà,” anh nói. Đầu anh lại rũ xuống.

Cô tắt cả hai ngọn đèn có chụp bằng lụa trên bàn trang điểm. Cô đứng dậy bước đến chiếc giường thứ hai. Với mỗi cử động của thân hình, chiếc váy ngủ bằng lụa lại khẽ kêu lên sột soạt êm tai. Rồi cô dừng bước, tiếng sột soạt ngưng lại chỗ gần khuỷu tay. Cô quay lại, liếc nhìn anh ái ngại.

“Anh sẽ ngủ được chứ?”

“Anh sẽ cố.”

“Vâng, nhưng anh liệu có ngủ được không? Điều đó mới quan trọng.”

“Đừng lo cho anh. Em tắt đèn được rồi.”

“Vâng, nhưng anh không thể cứ ngồi trên mép giường như thế cả đêm được.”

“Anh e rằng anh mà ngủ bây giờ, tất cả sẽ quay lại. Cả đêm qua anh đã bị thế rồi. Cứ hễ ngủ gà gật lơ mơ cái là mồ hôi toát ra khắp người. Cuối cùng anh đã thấy một chuyện khủng khiếp. Lần đầu tiên anh thấy một thứ như thế. Nó cứ đến như thế, bất ngờ...” Nhưng vấn đề cốt lõi anh vẫn chưa nói với cô: việc anh đã làm với cái thắt lưng.

Cô đưa móng tay ngón trỏ lên gãi nhẹ khóe miệng, rất nhẹ.

“Đêm nay anh không thể bị như thế nữa,” cô nói. “Nếu chuyện đó còn xảy ra nữa anh sẽ phải đi gặp bác sĩ. Em nghĩ em biết chúng mình nên làm gì rồi.”

Cô chỉnh lại váy, bước vào phòng tắm một lúc. Khi quay ra trên tay cô là lọ thuốc ngủ.

“Thử cái này xem,” cô nói. “Cho đến khi cú sốc qua đi. Anh chìa tay ra đi.”

Anh ngoan ngoãn chìa tay ra như một đứa trẻ.

Cô cầm thẳng cái lọ, đọc nhãn dán ghi trên đó. “Nó ghi uống hai viên là liều bình thường. Em nghĩ với tình trạng của anh có thể uống ba viên.” Cô đổ thêm một viên nữa. Rồi cô hỏi, “Uống bốn viên anh có sợ không?”

“Không,” anh đáp. “Bất kỳ thứ gì cũng tốt hơn...”

Cô đổ ra viên thứ tư, rồi đập nắp lọ. “Em sẽ mang nước đến cho anh,” cô nói.

Anh nuốt và xả chúng xuống cổ họng. Khi cô quay lại thì chỉ còn vị của chúng vương trong miệng anh.

“Giờ thì nằm xuống ngủ đi,” cô nói. “Đừng cố gắng chống lại chúng. Anh có muốn gối đầu lên tay em không?”

Anh bẽn lẽn mỉm cười. “Không, cảm ơn em,” anh nói, xấu hổ liếc trộm cô thật nhanh. “Em tốt với anh quá, Florence.”

“Thế anh muốn em làm gì?” Cô hỏi, nháy mắt tình tứ.

“Rốt cuộc, cô ta đã...”

“Chuyện đã qua rồi thì hãy để nó qua đi,” cô nói. “Em rất tiếc khi mọi chuyện lại kết thúc theo cách đáng sợ thế này. Nhưng chuyện qua rồi thì thôi, chừng nào anh và em còn quan tâm.”

Cô xếp mấy cái gối cho anh ngủ. Thậm chí cô còn kéo chăn lên tận vai cho anh, rồi với tay tắt ngọn đèn còn lại.

“Cảm ơn em, Florence,” anh nói nửa như nước nỡ.

“Suyt,” cô trả lời khẽ khàng trong bóng tối. “Ngủ đi. Chỉ ngủ thôi.”

Nó hiệu quả được một lúc.

Có vài lần anh đã định ngừng kháng cự, những dây thần kinh siêu căng thẳng của anh, giống như lò xo, lại kéo anh về mỗi khi muốn thức tỉnh. Thế rồi cuối cùng, anh chìm xuống trong vùng nước u ám của sự lãng quên, không còn trôi lên nữa.

Có lần, trong giấc mơ, thứ gì đó như một chùm sáng đặc quánh trên bề mặt, trôi nổi lênh bênh phía trên, làm anh chói mắt bằng thứ ánh sáng nửa mơ hồ một lúc, rồi lại trôi đi.

Sáng hôm sau, tiếng hét kinh ngạc thất thanh của anh khiến cô lao bổ đến trước cửa buồng tắm.

Anh đang giơ hai tay lên theo hướng vuông góc, mu bàn tay quay vào trong.

“Nhìn này. Khắp người anh luôn. Anh đã làm gì với chính mình thế này? Anh bị những thứ này ở đâu? Giờ anh mới thấy chúng, khi vươn tay ra vịn vôi nước.”

Cô nhanh chóng đến bên anh, cầm lấy một trong hai bàn tay đang run rẩy của anh trong tay mình xem xét. Những vết gạch đỏ dọc khắp bàn tay, thành hàng khít nhau, cái ngắn cái dài; vài vết hằn nông có màu hồng nhạt, vài vết khác thâm tím hằn sâu hơn.

“Đừng sợ mà,” cô thuyết phục. “Chắc anh tự gây ra cho chính mình khi ngủ thôi.” Cô cầm bàn tay kia lên, xem lần lượt từng vết một rồi tặc lưỡi, nói vẻ thương xót, “Có lẽ anh bị dị ứng với loại thuốc an thần anh uống. Có thể máu hoặc da anh bị kích thích theo cách nào đó, khiến da nổi mẩn đỏ không kiểm soát được. Còn bị chỗ nào khác không?”

Anh kéo tay áo xuống. “Không, chỉ phần dưới cổ tay thôi. Có vài vết trên đó, nhưng chỉ đến thế thôi.” Anh nhìn cô với vẻ kinh hoàng, gần như mê tín. “Giờ anh nhớ rồi, anh đã nằm mơ. Cô ở trong giấc mơ đó. Chuyện ấy

cuối cùng cũng tái diễn, nhưng lần này thì khác. Ôi kinh khủng lắm...” Anh rùng mình rất mạnh, lấy tay tựa vào chiếc gương trên tủ để đứng cho vững. “À muốn anh... ả không ngừng cố gắng bắt anh làm với ả cái điều thực sự xảy ra với ả. (Em biết rồi đấy.) ả cầm cả hai tay anh trong tay ả, liên tục cố gắng đưa chúng đến gần cổ ả. ả càng cố gắng kéo tay anh mạnh bao nhiêu, anh càng cố gắng giãy ra mạnh bấy nhiêu. Trong giấc mơ anh mới chính là người la hét, chứ không phải ả. Gọng kìm ghì siết của ả cứng như thép, các ngón tay của ả bấu chặt vào tay anh, anh không thể vùng thoát ra được. Cuối cùng anh giăng được ra, gương mặt của ả tan nhòa đi, giống như cái bóng đèn điện tắt dần ấy.” Anh đưa tay lên lau cái trán đầm mồ hôi. “Và ả... ả mặc trên người váy ngủ của em! Đó là ả, nhưng ả mặc quần áo của em...”

“Suýt,” cô nói. Cô đưa tay lên môi anh một lúc ngăn anh nói tiếp. “Đừng nhớ lại nó nữa. Hãy xem nó đang làm gì anh này. Chờ chút để em rửa vết thương cho anh.”

Cô lấy ra một nhúm bông, nhúng vào nước chiết từ vỏ và lá cây phi, chấm nhẹ lên những vết xước đã liền miệng.

“Vẫn thấy xót,” anh lấy làm lạ. “Chúng dai thật đây.”

“Chúng sẽ lặn đi mà,” cô hứa hẹn. “Trong vòng một tuần anh sẽ không còn thấy chúng nữa.”

Sau khi anh được triệu tập, khi xuống cầu thang, anh gặp Florence. Họ trao nhau ánh mắt - của cô là sự quan tâm, của anh là nỗi chán nản.

Họ không nói gì với nhau, nhưng anh im lặng giơ hai ngón tay lên với cô, cho thấy đây là lần thứ hai.

Cô gật đầu, bặm môi như thể bản thân cô cũng chẳng thích thú gì chuyện này.

Cuối cùng, cô nắm chặt phần trên cánh tay anh, trong lời động viên không nói ra lời. Khi làm thế, đôi mắt cô bất chợt chạm phải bàn tay anh,

với những vết xước bí ẩn trong đêm vẫn đang rất dễ thấy trên mu bàn tay cho dù vào lúc này chúng đã chuyển sang màu nâu và đóng vảy.

Cô bối rối ra hiệu cho anh đứng nguyên đó chờ mình, đừng có đi đâu. Còn cô nhanh chóng chạy xuống các bậc thang còn lại, quay vào sảnh đến nơi vẫn cất trang phục ra phố. Anh có thể thấy cô đang lặn mò trong các túi áo choàng của anh.

Rồi cô quay lại, trên tay cầm theo một đôi găng tay.

“Đeo chúng vào đi,” cô thở hổn hển.

“Nhưng liệu họ có thấy lạ lùng không? Ở trong nhà mà?”

“Nhưng những vết này... Họ có thể tin rằng chúng đến từ... Tốt hơn đừng để họ thấy.”

Anh hít vào một hơi thật sâu, đau khổ. “Anh chưa hề nghĩ đến chuyện đó, cho đến đúng lúc này!” Anh thở dốc, kinh hoàng. “Lạy Chúa tôi, họ có thể nghĩ là...”

“Họ sẽ chẳng nghĩ ra cái gì hết nếu họ không thấy. Cố gắng đừng để họ thấy nhé.”

“Nhưng đang ở trong nhà! Sao anh có thể?”

“VẬY THÌ, anh vừa mới vào nhà. Đây, như thế này này.” Cô lại chạy xuống. Lần này cô mang cho anh mũ và áo choàng. Đặt cái mũ vào trong tay anh, vắt chiếc áo lên cánh tay anh như thể anh vừa cởi chúng ra.

“Nhưng họ biết anh đã ở nhà khi họ đến đây. Anh đã nói với họ thế rồi.”

“VẬY THÌ anh vừa đi ra ngoài, anh sắp đi ra ngoài. Bất kể anh làm gì, phải nhớ không được bỏ găng tay ra.”

Cánh cửa thư viện bất ngờ bật mở, gương mặt của Cameron xuất hiện, ngạc nhiên ngó ra xem cái gì đang cản trở anh ta.

Hoạt cảnh khốn khổ, đầy bí ẩn của họ đang rục rịch chuyển cảnh, nhưng cái dư âm tội lỗi thì vẫn tiếp tục đeo bám. Họ xa cách nhau; anh tiếp tục suy sụp, cô tiếp tục lạc quan. Nhưng chỉ vài giây thôi cũng đã là quá muộn.

Họ đã phối hợp không được tốt. Phần lớn là tại cô, ai cũng thấy cô tránh xa anh.

Anh bước xuống, một lần nữa mở cửa thư viện, vì Cameron đã đóng nó lại khi quay vào nhà sau cái liếc nhanh lúc này.

“Chào quý vị!” Anh ngọt ngào nói.

Trong phòng chỉ có ba người, hai người mới đến và một người đã đến hôm qua. Anh không thích điều này.

Họ để ý thấy mũ và áo choàng.

“Ngài chuẩn bị ra ngoài sao, ngài Strickland?”

“Vâng, tôi vừa định ra ngoài.”

“Tôi xin lỗi. Phải ưu tiên cho việc này thôi.” Có thể không nói thẳng ra, nhưng đây là mệnh lệnh.

“Tốt thôi,” anh ngoan ngoãn đáp. “Như các ngài muốn thôi.” Anh đặt áo choàng xuống ghế, cái mũ để lên trên cùng.

“Xin mời ngồi. Không có gì phải căng thẳng hết.” Người nói là Cameron. Vẫn là một mệnh lệnh không nói thẳng ra.

Anh ngồi xuống. Và bây giờ anh bất ngờ thấy rằng cô... hay đúng hơn là lời khuyên của cô... lại khiến đôi găng tay và hai bàn tay đang được chúng che phủ trở nên nổi bật hơn, chứ không phải ngược lại. Giờ anh mắc kẹt với đôi găng tay; anh không thể bỏ chúng ra mà không thu hút sự chú ý, cũng không thể giấu chúng đi vì lý do tương tự.

“Chỉ hỏi vài câu thôi mà,” lại là Cameron. Dễ chịu, duyên dáng, bạn có thể nói vậy. Hôm nay anh ta có vẻ bớt vụng về hơn.

Lúc này anh đang ngồi, buộc phải làm thế. Anh cố gắng cử động đôi tay đeo găng thật tinh tế, thu hút càng ít sự chú ý càng tốt. Một bàn tay anh cố gắng nhét sâu xuống dưới, giữa hông và tay ghế. Còn tay kia anh có thể nhét một phần vào túi áo jacket giữa hai hàng nút...

Đôi mắt của Cameron không hề dừng ở đôi bàn tay anh. Ngay cả bây giờ, khi nó bắt đầu trượt xuống cũng không. Anh biết chắc điều đó, vì anh

đang nhìn xoáy vào mắt Cameron. Anh sắp sửa thoát...

Bất thành linh, một gói nhỏ màu trắng bóng bẩy chìa ra trước mặt anh. “Hút một điếu đi, ngài Strickland.”

Bàn tay anh vừa định đưa ra, nhưng kịp kìm lại. “Không, cảm ơn. Không... không phải bây giờ.”

“Thôi mà, hút cùng chúng tôi đi. Ai cũng hút một điếu. Xã giao thôi mà.”

“Chỉ là không phải bây giờ thôi. Tôi thích hút mà.”

Cái bao nhỏ màu trắng rụt lại, biến mất. Nó đã thất bại; hoặc chưa, có thể nó đã thành công.

“Cho tôi biết lý do tại sao ngài đi găng tay trong nhà được không, ngài Strickland?”

Máu chạy rần rật, mặt anh hết đỏ lại tái. “Tôi... tôi ra ngoài mà.”

“Nhưng ngài đã cởi mũ và áo choàng rồi mà.”

Anh thở dài thô lỗ, giữ vế ngạo mạn. “Nếu tôi vẫn muốn đi găng tay thì các ngài sẽ không bực mình chứ?”

“À không,” Cameron lịch sự đáp, “tôi chỉ nghĩ như thế sẽ khiến ngài khó chịu đấy. Găng tay của ngài đang lộn trái kìa.”

Đường viền bao quanh mỗi ngón tay dày và lăm sọt. Chắc cô đã cầm sai cách khi anh xỏ tay vào.

Vẻ kiêu ngạo của anh hoàn toàn biến mất. Thay vào đó, lúc này mặt anh đỏ lựng.

Tất cả đều đang đợi. Đôi bàn tay của anh đang bị soi cận cảnh, lúc này trông như thể nó dài bốn foot và rộng hai foot.

“Ngài không định tháo găng tay ra sao, ngài Strickland?” Nếu Cameron có thể được xem là lịch sự, thì anh cũng sẽ lịch sự.

“Các ngài không thể ép buộc tôi tháo găng tay ra khi tôi đang ở trong nhà mình, nếu tôi không muốn,” đó là tất cả những gì anh có thể thốt ra.

“Không. Nhưng chắc hẳn ngài có lý do đặc biệt để không tháo chúng ra.”

“Tôi không có! Chẳng có lý do nào hết!” Lúc này anh đang toát mồ hôi đầy người.

“Thế sao ngài không tháo chúng ra? Có vẻ ngài đang nóng. Nóng hơn tất cả chúng tôi.”

Những ngón tay của bàn tay kia kéo mạnh; găng tay rơi xuống sàn.

Hơi thở của anh nghe rõ mồn một trong bầu không khí câm lặng, như tiếng bước chân trên cát.

“Có phải đó là thứ ngài không muốn chúng tôi thấy? Những vết này xuất hiện từ đâu?”

“Tôi... tôi không biết. Một sáng tôi thức dậy và đã thấy chúng ở đó. Trong... trong giấc ngủ chắc tôi đã... tôi đã gặp ác mộng...”

Họ không nói một lời nào. Vẻ khinh miệt của họ còn vang hơn thế, to hơn bất kỳ lời nhạo báng nào có thể phát ra. Kể cả mí mắt của họ dường như cũng ném về phía anh những cái nhìn khinh bỉ.

Anh bị mấy vết ấy trong cơn ác mộng.

Thực ra, những câu hỏi của họ hóa ra chỉ có hai.

“Ngài có phủ nhận chuyện cô ta đã ở đây không? Rằng cô ta đã đến nhà ngài, vào trước buổi tối hôm đó, xin phép được tham dự bữa tiệc mà vợ ngài đang tổ chức không?”

“Có, tôi phủ nhận!” Anh mạnh mẽ nói.

“Cho gọi viên quản gia vào đây,” Cameron thản nhiên nói. “Và đưa bức ảnh chúng ta đã mang từ nhà cô ta tới ra. Ông ấy đã xác nhận với chúng tôi rồi. Chúng tôi sẽ đề nghị ông ấy làm lại lần nữa, trước mặt ngài.”

Anh chỉ còn biết giơ tay lên, như thể muốn né tránh; rồi lại thất thủ bỏ xuống, khuất phục và tuyệt vọng.

“Cô ta có thể đã đứng ở ngưỡng cửa. Tôi... tôi không thấy cô ta.”

“Chúng tôi không thể chứng minh được chuyện đó. Thị lực của ngài ra sao là chuyện của ngài. Nhưng chúng tôi *có thể* chứng minh rằng ngài đã nói chuyện với ai đó, trên ngưỡng cửa nhà mình, rằng ‘Đừng bao giờ làm thế với tôi nữa đây.’ Chúng tôi *có thể* chứng minh rằng ai đó kia chính là cô ta. Và nó đã đưa chúng tôi đến một kết luận.”

Họ ngừng lời để anh thẩm thấu thông tin đó. Giờ anh đang sụp đổ, như tòa lâu đài cát trong cơn sóng triều.

Tiếp theo là câu hỏi thứ hai, câu hỏi cuối cùng.

“Thế này thì sao? Ngài có phủ nhận rằng ngài đã đến nhà cô ta, ngay tối muộn hôm đó, kiểu như... có thể nói là đáp lễ chuyến thăm của cô ta? Một cách có chủ ý.”

“Có, tôi phủ nhận! Hơn hai mươi người trong bữa tiệc này đã nhìn thấy tôi. Tôi đã lên gác tiến thẳng đến phòng ngủ!”

“Chúng tôi không thể xử lý hết hơn hai mươi người. Chỉ một người là đủ. Thế còn...” Cameron dường như đang ứng biến. Anh ta quay đầu về phía một trong hai người đi cùng. “... tay tài xế taxi đó, người đã nhận ra ngài từ bức ảnh, người đã đưa ngài đến tận cửa nhà cô ta. Cho anh ta vào đây để nhận diện luôn người thật.”

Một lần nữa bàn tay của Strickland giơ lên ngăn cản nhưng rồi lại mệt mỏi rũ xuống. Anh đã cho anh ta một nghìn đô la để giữ im lặng! Còn gì to hơn một nghìn đô la chứ? Tâm trí gửi đến anh câu trả lời khiến anh chết điếng, mà không cần hiểu ý nghĩa thật sự. Thế nếu có một người khác, trả cho anh ta một nghìn năm trăm, hay thậm chí là hai nghìn đô la để *không* giữ im lặng thì sao?

“Các người lấy đâu ra ảnh của tôi?” Anh do dự hỏi.

Họ không trả lời. Nét mặt của họ khiến anh cảm thấy hiếu kỳ. Khó hiểu. Anh không thể tìm hiểu được.

Bất ngờ, họ dẫn Florence vào phòng. Cô bước đi giữa hai người bọn họ. Florence miễn cưỡng, nhăn nhó với đôi mắt dễ thương. Quá rúm ró, bất lực giữa hai người đàn ông thô lỗ.

Anh dợm đứng lên. “Các quý ông, tôi phản đối...các ngài không thể làm thế này... tôi yêu cầu các ngài để vợ tôi yên!”

Họ giả bộ không nghe thấy gì. Họ đỡ cô ngồi xuống ghế, rất tử tế và chu đáo. Cô không phải là một nhân chứng ngẫu nhiên, để thay đổi chủ đề đối thoại, để nhử mồi, đánh lừa và giảng bầy; cô như một đại phu nhân, đang thả bước xuống khỏi ngai vàng một lúc, vì sự cả nể duyên dáng mà sẵn sàng dạo gót sen bước vào thế giới của những gã đàn ông ngu ngốc.

“Bà Strickland, bà đã nói rằng chồng bà không rời khỏi nhà, vào đầu giờ sáng ngày ba mươi mốt tháng Năm, sau bữa tiệc bà đã tổ chức ở đây tối hôm đó?”

“Không hẳn,” cô đáp. “Tôi đã nói rằng, theo tôi biết chồng tôi không rời khỏi nhà, vào lúc đầu giờ sáng và những câu tương tự.”

“Tại sao bà cứ khẳng khẳng nói rõ ràng như thế?” Cameron hỏi.

“Tại sao anh cứ khẳng khẳng sửa lại câu tôi đã nói lúc đầu?” Cô phản pháo khá quyến rũ.

“Giờ chúng tôi sẽ hỏi bà có muốn chỉnh sửa, hoặc thay đổi tuyên bố của mình hay không.”

“Tôi không muốn,” cô đáp gọn lỏn.

“Bà đang lảng tránh chúng tôi,” Cameron lịch sự nói. “Tôi e rằng trí thông minh của bà vượt xa chúng tôi. Tôi đã thấy việc bà vừa làm. Bởi vì tôi đã dùng những từ như ‘bà có muốn’, theo đúng nghĩa bà trả lời là, ‘không, tôi không muốn’.”

“Tôi chỉ trả lời những gì ngài hỏi,” cô đáp dứt khoát. “Mà nếu tôi không bình thường, thì tôi sẽ thành cái gì?”

“Đây là vấn đề nghiêm trọng đấy, bà Strickland.”

Cô ngược lên với đôi mắt u buồn. “Cực kỳ nghiêm trọng.”

“Chúng ta không có cùng một điểm nhìn khi lần đầu tiên tôi hỏi bà. Đó là lý do tại sao tôi cho mời bà đến đây, để nhắc lại với bà điều đó. Một tài xế taxi, tên là Julius Glazer, đã xác nhận nhận với chúng tôi rằng chồng bà

chính là người bắt chiếc taxi của anh ta tối hôm đó.” Anh ta lôi ra một phong bì. “Trong tay tôi đây là tờ một nghìn đô la anh ta trao cho tôi, buộc tội chồng bà đã dùng nó hối lộ anh ta, để tránh việc mình bị nhận diện. Chúng tôi hiểu sự chung thủy của bà, bà Strickland, nhưng nó chẳng vì mục đích nào cả. Giờ, tôi hỏi bà lần nữa: chồng bà có rời khỏi ngôi nhà này vào đầu giờ sáng sau bữa tiệc đó không?”

“Tôi có bị ép phải đưa ra bằng chứng chống lại chồng mình không?”

“Không, hoàn toàn không.”

Cô thở dài thật sâu, cúi đầu xuống, không đưa ra câu trả lời nào nữa.

Nhưng cô đã trả lời rồi!

Anh thấy họ trao nhau ánh nhìn đắc thắng. Đột nhiên sự hốt hoảng chiếm lấy anh. Đã đến lúc chơi con bài tẩy. Bây giờ không còn thứ gì cứu anh được nữa.

“Florence, cho họ xem mẫu giấy đi!” Anh thốt lên. “Mẫu giấy, Florence! Mẫu giấy anh đã trao cho em đó!”

Cô nhìn anh, bối rối.

“Florence, mẫu giấy!” Lúc này anh gần như hét lên.

Cô lắc đầu hoang mang, ném sang anh cái nhìn đau xót của một người mong mọi muốn giúp người khác, người sẽ làm bất cứ điều gì trong khả năng của mình để làm điều đó, nhưng cũng là cái nhìn của người hoàn toàn không hiểu người khác đang chờ đợi điều gì ở mình.

“Mẫu giấy nào hả Hugh?” Cô nhẹ nhàng van xin.

“Florence... Florence...” Giờ họ phải ấn anh ngồi xuống ghế.

Cô lấy khăn tay ra chấm mắt, nước nở trong nỗi căm giận thực sự vì không thể hiểu nổi anh trông đợi cái gì ở mình. “Thứ duy nhất anh trao cho em...”

“Hả? Hả?” Tất cả đồng thanh thốt lên.

Cô tình cờ liếc nhìn túi xách của mình, để lộ vị trí của nó ngay trong nỗ lực đầu tiên ngăn cô đừng làm thế.

Cameron giơ tay ra lấy cái túi. Cô không muốn trao nó cho anh ta, nhưng cô cũng không cố giăng lại nó. Cô quá giống một đại phu nhân luôn sẵn sàng ra tay giúp đỡ người khác. Anh ta lấy cái túi từ trong lòng cô, mở ra và xem xét những thứ bên trong.

Một lúc sau anh ta lôi ra một mẫu giấy.

“Một tờ séc năm trăm đô la,” anh ta đọc dòng chữ viết trên đó. “Thanh toán cho người nhận séc. Thời gian là một ngày trước vụ án mạng...”

Cô đã đốt nhầm mẫu giấy. Cô đã phạm phải một sai lầm kinh khủng. Cô đã đốt mất tiêu cái mẫu giấy có thể đã cứu mạng anh, thay vì phải đốt cái tờ séc như anh đã bảo. Tuy nhiên thiệt hại cũng không đến mức quá nghiêm trọng; dù sao thì đây cũng chỉ là tờ séc thanh toán cho “Người nhận”. Nó có thể tìm thấy bất cứ ở đâu, không chỉ tại hiện trường vụ án mạng. Chẳng có nội dung nào của nó liên quan đến...

Cameron lật lại tờ séc, đọc phần mép của nó.

“Được chứng thực bởi Esther Holliday,” anh ta nói.

Một sự im lặng như hồi chuông báo tử bao trùm. Nó chỉ bị phá vỡ nhờ giọng cáu tiết của Strickland.

“Không! Không! Nó không được chứng thực khi tôi lấy lại... Không phải chữ ký của cô ta đâu! Không thể nào. Cô ta đã chết khi tôi nhật... Thứ đó là giả mạo! Chắc chắn kẻ nào đó đã...”

Bất chợt anh trông thấy ánh mắt của Florence. Có điều gì đó với ánh mắt ấy... Lạnh lùng, không có nước mắt. Có nụ cười ẩn sâu đâu đó mà những người khác không thể thấy. Anh ngừng nói, giọng anh lạc đi như khi người ta tắt đài. Không còn từ ngữ nào bật ra khỏi môi anh nữa.

Cameron buông tay, tờ séc rơi xuống đất. “‘Khi tôi lấy lại’, anh vừa nói thế. ‘Cô ta đã chết khi tôi nhật...’ Chắc chắn là thế rồi. Anh phải giết chết cô ta trước để lấy lại tờ séc.”

Anh ta quay sang nhìn những người khác. “Các quý ông, chúng ta có việc để làm đây. Đã đóng dấu, đã ký và đã chuyển đi.” Anh ta chỉ vào đôi bàn tay của Strickland. “Chữ ký bằng móng tay của phụ nữ, ở ngay đây.

Chúng ta sẽ chụp một, hai bức ảnh, bởi vì kiểu chữ viết tay này chóng phai lắm.”

Anh ta mở cánh cửa dẫn ra sảnh, gọi với một ai đó, “Mang xe của ngài Strickland đến đây. Ông ấy cần đi cùng chúng tôi.”

Họ chờ Strickland đứng dậy. Dù sao thì, lúc này anh cũng không thể đứng vững. Tuy nhiên cô vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Anh đã thấy, hoặc nghĩ rằng mình đã thấy, một điều khủng khiếp, mà chắc chắn những người khác không thể thấy, những người chẳng biết gì về cô.

Cô đang ngồi như thể cúi gục đầu xuống vì đau khổ; như thể bị nỗi đau nghiền nát đến nỗi không thể khóc hay cử động nổi. Cô chống khuỷu tay xuống bàn, bàn tay cô đưa lên mặt, che giấu đi đôi mắt, mà thực ra là cô không muốn ai nhìn thấy toàn bộ nửa trên của gương mặt mình. Nhưng từ nơi anh đứng có thể nhìn thấy khóe miệng cô; nó đang nhếch sang bên. Và cho dù nếp nhăn hẹp kéo giãn khóe miệng cô hơi lệch, họ có thể xem đó như là cái nhăn nhó vì đau khổ, nhưng anh biết rõ hơn thế, vì anh đã từng nhìn thấy nó. Đó là một nụ cười nhếch mép bất động, xấu xa không lẫn được. Biểu tượng chiến thắng vừa cay đắng vừa mặn chát. Nụ cười ám ảnh sau màn trả thù tinh tế.

Nó còn khủng khiếp hơn cả nét mặt nhăn nhó chết chóc của Esther Holliday, thế nhưng nó cũng lạnh lẽo như thế.

Anh quay người lại, khẩn khoản nhìn vào gương mặt nhân từ, đầy lòng trắc ẩn (so với vợ anh) của Cameron. “Cho phép tôi nói chuyện với vợ mình một chút. Chỉ hai chúng tôi, một phút thôi. Chỉ một phút rồi tôi sẽ đi ngay.”

“Chúng tôi không thể để ngài khuất tầm mắt được, ngài Strickland. Bắt đầu từ giờ phút này ngài đã bị bắt giữ.”

“Ở ngay trong căn phòng này thôi mà, các anh chỉ cần ra ngoài một chút...”

“Túi xách của bà, thưa bà.” Trước tiên họ lấy cái túi khỏi tay cô, như để đề phòng, sợ rằng cô và anh có âm mưu gì đó hủy hoại bản thân. Anh u sầu

ngữ họ chẳng cần phải lo lắng thế đâu. Chính bản thân cô là một âm mưu rồi, trọn vẹn con người cô.

Cô đứng dậy và không di chuyển, cách xa họ một quãng ngắn, gần hơn với bức tường, đợi anh bước đến bên cô. Cô thật lạnh lùng, thật tươi cười, thật quyến rũ. Trong con người cô lúc này, là tất cả những gì cô từng nói với anh, sự kiềm chế.

“Tại sao em lại làm thế với anh, Florence? Anh không giết ả đàn bà đó.”

Cô thận trọng chỉnh lại giọng, làm sao cho ngoài anh ra bất kỳ ai cũng không thể nghe thấy. Đôi môi của cô gần như không cử động, thế nhưng anh vẫn có thể nghe lọt từng từ rõ ràng đến khùng khiếp. (Cô luôn có kiểu phát âm tuyệt vời như thế.)

“Em biết anh không làm thế, Hugh. Và có lẽ đó chính là sai lầm lớn nhất của anh. Bởi nếu anh làm thế, tất cả những gì anh nợ em sẽ được trả hết. Sau đó hẳn em sẽ đứng về phía anh, bất chấp mọi khó khăn, em sẽ chiến đấu bên cạnh anh và ở bên anh cho đến phút cuối cùng. Nhưng *anh* lại không làm thế, anh đã không tự tay loại bỏ con khốn đó khỏi cuộc đời em. Vậy nên món nợ ấy vẫn còn nguyên vẹn. Và em sẽ không để yên như thế đâu. Anh có một hóa đơn phải trả đấy, Hugh. Cái giá phải trả cho ba năm nhục nhã và đau khổ ấy cao lắm, rất cao đấy.”

Trong hậu cảnh vang lên tiếng kim loại lạnh canh, khi ai đó rút ra cái còng số tám.

Cô đứng đó mỉm cười với anh; lạnh lùng, quyến rũ và bất động.

Phần 4

Điểm hẹn thứ ba

Giờ vẫn là đêm, những tàn tích của đêm, cô đang nằm đó, im lặng, nhưng đã tỉnh hẳn, đang tuyệt vọng cầu nguyện cho đêm kéo dài lâu hơn chút nữa. Cô chưa từng nghĩ sẽ có ngày mình lại cầu nguyện như vậy. Cô luôn thích ban ngày, nhưng không thích buổi đêm; cô luôn thích ánh sáng, và không ưa bóng tối.

“Xin trời cứ tối thêm chút nữa thôi. Xin ánh sáng ban ngày hãy lùi xa thêm chút nữa thôi. Người có thể làm được mà. Con biết sớm hay muộn điều đó cũng sẽ đến. Nhưng lạ Chúa, xin Người hãy để nó đến thật *chậm* thôi.”

Đang nằm cầu nguyện trên ghế, đôi mắt cô ngược nhìn lên trần nhà mờ ảo, ngay phía xa là Mars*, vị thần chiến tranh, có lẽ đang bay là là trên đầu, sắp xé nát cô ra làm đôi.

Sao Hỏa, trong tiếng Anh được gọi là Mars, theo tên của vị thần chiến tranh trong thần thoại La Mã.

Và trong khi cầu nguyện, hai tay cô đang nắm chặt một bàn tay. Bàn tay giá trị nhất trên thế gian này. Một bàn tay cô không bao giờ muốn buông ra, không bao giờ.

Không phải là một bàn tay đẹp đẽ gì. Không có hình dạng xác định, gân guốc, khỏe mạnh và có nhiều chỗ lồi lõm, lòng bàn tay chai sạn... Nhưng, ôi, bàn tay ấy!

Cô ngoảnh đầu sang, lại hôn lên bàn tay ấy, để đến mười lăm lần rồi.

Chiếc đồng hồ báo thức có thiết kế thông minh, có hai kiểu chuông, to và dịu, vang lên tiếng *brừ brừ*, rất nhẹ nhàng; và lời cầu nguyện của cô bị át đi. Nó thực sự rung nhiều hơn là phát ra tiếng. Khi nó vang lên êm dịu như thế, thì vỗ nhẹ một lần. Khi nó vang lên to hơn, vỗ nhẹ hai lần. Cô nhanh chóng đưa tay vỗ nhẹ và nó ngừng lại.

Bàn tay của cô lại quay về nằm trên ngực người sở hữu nó, miễn cưỡng để nó nằm yên đó. Như thế bàn tay ấy là thứ cô vay mượn và phải trả lại. Cô xuống giường, nhặt váy áo, đồ lót và tất rồi bước vào căn phòng tắm nhỏ, mặc đồ trong đó mà không quấy rầy anh. Với đôi mắt của cô lúc này, ánh sáng chẳng khác gì ngọn lửa đất đèn, nhưng cô nhanh chóng đóng cửa phòng tắm, giữ ánh sáng lại bên trong với mình, tránh xa khỏi phòng ngủ.

Thế rồi cô bắt đầu khóc. Cô khóc ngon lành vì biết đây là cơ hội cuối cùng mà mình có, cho đến sau khi tất cả đã chấm hết. Chính phủ đã nói rằng cô chắc phải vui sướng lắm. Bốn mươi tám bang nói rằng chắc cô phải hơn hở, thậm chí là hăng hái lắm. Bốn mươi tám bang đó chỉ là những vùng phẳng lì trên bản đồ, không có cả trái tim lẫn những mạch máu.

Cô bận rộn suốt mười lăm phút, trong cái căn hộ bé tí ấy đi vào rồi đi ra, mà không hề đánh thức anh.

Và bây giờ mọi thứ đã xong xuôi, chẳng còn gì để làm nữa. Giờ mới là phần khó khăn nhất. Giờ mới là lúc lật bài ngửa. Cô hít một hơi thật sâu để trấn tĩnh. Giờ bức rèm đã kéo lên. Giờ cô đã được hít thở không khí trong lành.

Cô bước đến bên giường, dịu dàng đặt tay lên ngực anh.

“Anh yêu,” cô nói. “Cả cuộc chiến đang chờ kìa.”

Anh mở mắt và cười toe, lười nhác.

“Ồ,” anh nhớ ra, “hôm nay là ngày anh lên đường.” Và anh nhồm dậm thật nhanh.

“Dao cạo của anh nằm sẵn trên giá rồi,” cô nói. “Thậm chí em còn lồng dao vào mà không đứt tay.” Cô liếm ngón cái. “À, không đứt tay *hiều lắm*. Em đã mở sẵn nắp ống tuýp mà anh hay dùng. Có bắn ra ngoài một ít. Chắc

tại lúc bóp em không để ý. Đó là tất cả những gì em biết làm trong cái căn hộ này. Không, không phải chúng. Có một bộ sạch sẽ đang chờ anh trên cái ghế đằng kia kia.”

“Đằng nào thì anh cũng sẽ cởi chúng ra ngay ấy mà,” anh nói.

“Ôi, anh phải làm thế nữa à?” Cô thấy hơi phật ý. Chẳng nhẽ họ không thể có được dù chỉ là một chút riêng tư sao?

“Họ trao chúng cho mình mà,” anh nói.

Anh cạo râu và mặc quần áo.

“Trông có dài quá không?”

“Chưa đủ...” cô định nói thế, nhưng kịp sửa lại. “Chẳng dài chút nào.”

“Anh chưa bao giờ cạo râu nhanh đến thế. Da có hơi rát.”

“Sao anh không dùng bọt cạo râu?”

Anh phá lên cười. “Anh nghĩ hôm nay không nên dùng. Mùi của nó như kẹo ấy.”

Họ cùng ăn sáng.

“Em có sợ không?” Anh hỏi.

“Không,” cô nói dối bằng nụ cười rạng rỡ. “Còn anh?”

Anh nhún vai. Về chuyện này anh thành thật hơn cô. “Thật sự thì không. Chỉ hơi run chút thôi. Và một chút phấn khích nữa. Như những gì anh thường cảm thấy ở trường học, vào cái ngày kết quả thi tốt nghiệp sắp được công bố, khi anh không biết mình trượt hay đỗ. Và giống như cảm giác của anh vào ngày chúng mình cưới nhau. Ý anh là trước đó. Không phải sau đó.”

“Hôm nay em sẽ không ngồi ghế của mình. Nó... nó ở xa quá. Liệu anh có thấy chật không nếu em... Em và anh ngồi chung ghế được không?”

“Anh sẽ vòng tay ôm em để giữ em khỏi ngã. Mà ôm em chỉ cần một cánh tay là đủ.”

“Giữ chặt vào nhé,” cô thì thầm.

“Anh có muốn nghe đài không?” Cô đang ấp úng.

Anh nhìn cái đài hoài nghi. “Sớm thế này thì có gì đâu nhỉ? Chúng mình chưa từng nghe đài vào giờ này.” Rồi anh nói, “Thôi chúng mình nói chuyện đi.”

Cô thở dài. Đó cũng là điều cô muốn.

Anh bỏ khăn ăn xuống bàn. “Anh cho rằng tốt hơn nên...”

“Chỉ uống thêm một tách cà phê,” cô nhanh chóng ngắt lời.

“Còn em thì sao?”

“Cho em uống tách của anh.” Cô đẩy tách của mình ra thật xa.

Cô lại cầu nguyện. Cô cầu nguyện với tách cà phê. Anh không thể nghe thấy cô. “Hãy đổ đầy tách cà phê này. Đừng để nó hết sạch. Xin hãy làm đầy nó bằng cách nào đó, từ dưới lên. Bằng phép thuật, bằng phép màu. Người làm được mà.”

Cô lại đặt tách xuống.

“Hết sạch,” anh nói dứt khoát. Và anh nghiêng cái tách, đặt lại nó lên đĩa đựng chén với tiếng cạch cuối cùng.

Anh lấy khăn ăn lau miệng mình và cả miệng cô.

Vòng tay anh không còn ôm nữa, cô phải đứng dậy, nếu không hẳn sẽ ngã khỏi nửa cái ghế đang ngồi. Anh đứng dậy sau cô.

Bữa sáng đã kết thúc. Mãi mãi. Không bao giờ tái diễn, không bao giờ tái... Cô nhanh chóng lắc đầu xua đi hình ảnh đó.

Anh đã gói ghém đồ đạc xong từ đêm hôm trước. Đồ của anh cũng chẳng nhiều nhận gì.

“Đêm qua chúng ta đã rà soát hết mọi thứ,” anh nhắc cô nhớ, “để không phải nhắc lại nữa. Em có hai cuốn sổ ngân hàng. Đừng làm mất nhé. Cuốn sổ có bìa xanh lá, lãi suất hai phần trăm. Cuốn sổ có màu xanh dương chỉ có một phẩy năm phần trăm thôi. Thế nên bất kỳ khoản nào không dùng đến trong những khoản mà anh gửi, em cho hết vào cuốn sổ bìa xanh dương nhé.”

“Xanh lá. Xanh dương. Em sẽ cố nhớ.” Nhưng trong thâm tâm, cô chẳng thể nào phân biệt nổi, cả hai cuốn sổ như hòa vào nhau làm một, trong một mớ hỗn độn.

“Mấy cái séc này thì em từng thấy anh dùng rồi đấy, mỗi lần viết séc em phải trả mười xu. Thế nên hãy để dành chúng cho những thứ quan trọng như tiền nhà, tiền gas. Nó an toàn hơn tiền mặt đấy.”

Giọng anh lạc đi trong chán chường. “Nói về séc sùng với lãi suất làm gì...”

“Em cũng...”

Bỗng họ lao vào nhau như hai người trong đường xe điện ngầm. “Này đừng khóc,” anh cảnh cáo giữa những nụ hôn. “Em hứa rồi mà.”

“Em không khóc, sẽ không khóc.”

Cô giúp anh đội mũ và mặc áo choàng, trao cho anh cái bọc nhỏ đóng gói từ trước.

“Em muốn đi tiễn anh lên tàu,” cô nói. Cô định để dành thứ này đến phút cuối cùng, vì e rằng sẽ bị từ chối nếu đưa ra quá sớm.

“Anh không đi thẳng đến đó đâu. Đầu tiên anh phải ghé qua ban tuyển quân đã. Họ tập hợp bọn anh lại rồi từ đó sẽ đi tiếp.” Anh nói thêm, như thể cho thấy họ rất hào phóng. “Họ trả tiền vé cho bọn anh.”

“VẬY HÃY CHO EM ĐI CÙNG ĐẾN NƠI TUYỂN QUÂN NHÉ.” Mỗi khi nói đến cái từ này, một hình ảnh lạ lùng, cứ trở đi trở lại trong tâm trí cô, đó là một tấm ván gỗ thông được bào phẳng mà người ta hay ngã xuống mỗi khi phác thảo ý tưởng bằng bút chì; cho dù ngay từ đầu cô đã biết hết, tất nhiên.

“Mấy thằng khác lại nghĩ...”

“Em không xấu hổ khi ai đó biết rằng em yêu anh.”

Hiệu quả rồi. “Được rồi. Nhưng chỉ đến góc phố thôi đấy, không được tiễn đến tận cửa đâu.”

Cô đóng cửa lại mà không quay nhìn đằng sau. Cô không muốn nhìn lại nơi này.

Họ bắt xe buýt, chỉ còn một ghế trống, ngay cả khi trời vẫn còn sớm. Cô ấn anh ngồi xuống ghế. Cô thì thầm, “Hôm nay, em muốn anh ngồi xuống ghế, còn em sẽ đứng.”

“Eo, người ta nhìn kìa...” anh do dự.

“Ai quan tâm đâu?” Cô kiên quyết nói.

Một người đàn ông đứng dậy, nghiêng mũ và nhường ghế. Cô nhìn rồi lắc đầu. “Nó xa quá,” cô thì thầm với anh. Mà cái ghế chỉ nằm bên kia lối đi.

Họ xuống xe. “Lên lối này,” anh nói.

Cô nắm lấy cánh tay anh. Như thể tự mình bước lên đoạn đầu đài. Tự bước đi, không cần lính gác áp giải.

Họ đã đến góc phố. “Nó kia rồi, nằm ngay dưới kia,” anh nói.

Đó chỉ là một căn nhà chung cư to xám xịt. Cô ngạc nhiên khi phát hiện ra nhiều người đi phía trước đang sống trong các căn hộ khác, trong khi ban tuyến quân đang bận rộn thúc giục cư dân xuống tầng một. Thậm chí cô còn liếc thấy một phụ nữ đang giữ bụi cái giẻ lau nhà ngoài cửa sổ cách đó hai tầng.

“Con ước gì nó sẽ nổ tung,” cô cầu nguyện. “Con ước gì cả tòa nhà này sẽ sụp đổ, đúng vào lúc chúng con vẫn đang đứng nhìn.” Cô lại gạt đi, cho rằng nếu điều ước thành sự thật thì họ sẽ lại chuyển sang tòa nhà khác thôi.

Lúc này họ đang đứng đối mặt nhau. Dường như họ không biết phải nói gì. Có quá nhiều điều để nói, đúng vậy, chẳng ít gì đâu. Chỉ là chúng cứ tắc nghẽn trong cổ họng mà thôi.

“Nhìn này,” cô nói, đưa tay chỉ một cặp đôi đứng gần đó. “Họ cũng làm thế đấy. Cô ấy cũng đi cùng anh ấy đến tận đây.”

Anh chớp ngay cơ hội này cho cô một bài minh họa trực quan. “Thấy chưa? Cô ấy không khóc, em thấy không?”

Cô ta lừa anh thôi, cô ta không phải em, cô nghĩ. Em là đàn bà rồi.

Một người đàn ông một mình phóng tới góc phố, chạy ngang qua họ. Anh ta nhận ra Bucky, rõ ràng từ những lần cả hai đi điều hành cùng nhau. Thậm chí dường như anh ta còn biết cả tên của anh.

“Đừng có đứng đực ra đó nữa, Paige,” anh ta gọi lại cảnh cáo. “Chỉ còn có hai phút nữa thôi đấy.”

“Cậu không bị muộn đâu,” Bucky gọi, với vẻ đùa cợt. “Cứ để họ chờ đi.”

“Chẳng có ai đi tiễn anh ấy sao?” Cô tò mò hỏi.

“Không, cậu ấy là một con sói cô đơn, anh chàng tội nghiệp.”

Cô nào đó không biết đến cảnh này đúng là may mắn thật, cô nghĩ.

“Mà anh đi đây...” Họ hôn nhau, rồi lại hôn nhau. Rồi lại hôn nhau, hôn nữa và hôn mãi. Thế rồi họ ngừng lại, rời xa vòng tay nhau.

“Giờ thì quay về nhà ngay. Đừng có đi lung tung đấy nhé.”

“Em sẽ về. Em sẽ không đi lung tung.”

Khi đang lúi đục theo vỉa hè, với hai cánh tay mở sang hai bên trong một cử chỉ tự hào về bản thân, câu cuối cùng cô nói với anh là, “Nhìn này, Bucky. Em thậm chí còn không khóc này. Chẳng phải em đã nói em sẽ không khóc sao? Và nhìn đi này. Em không khóc.”

“Anh dám cá rồi em sẽ khóc thôi,” anh miễn cưỡng nói.

“Không, em sẽ không khóc. Anh sẽ thấy...”

Và rồi ý nghĩa những lời mình nói chợt làm cô choáng váng, gương mặt cô trong phút chốc nhăn nhó đến mức không kiểm soát được. Cô quay ngoắt lại và bỏ đi, để anh không trông thấy. Cô bước ngày càng nhanh hơn. Đầu tiên chỉ chạy từng bước ngắn, rồi vùng chạy. Cô lao lên con phố. Có một hiệu dược phẩm trên đó, nó đang mở cửa, thật may mắn làm sao. Cô lao vào trong. Cô tiến thẳng đến các buồng điện thoại, tất cả đều nằm phía sau cửa hàng. Tất cả đều trống rỗng. Cô tự nhốt mình trong một buồng điện thoại, quỳ sụp xuống trong đó, khuất khỏi tầm nhìn.

Cô khóc như chưa bao giờ được khóc. Cô khóc cho cả những năm tháng dài phía trước. Cô khóc, vì sự vô nghĩa của cuộc chiến.

Một người đàn ông cố gắng bước vào, mở bật cửa ra trước khi trông thấy cô ngồi một đống trong đó. Theo phép lịch sự ông ta nói, “Ôi, xin lỗi!” và lại đóng cửa buồng điện thoại. Nhưng cô chẳng buồn quan tâm, cô vẫn đang khóc.

Cô đang đứng trên lối vào hiệu dược phẩm, chờ đợi và ngắm nhìn anh, mười lăm phút sau khi anh cùng các đồng đội đi ngang qua. Cô biết không sớm thì muộn họ sẽ phải đi qua hiệu dược phẩm này, điểm dừng xe buýt nằm ngay góc phố.

Hiệu dược phẩm có hai lớp cửa ra vào bằng kính, cô lẩn vào giữa hai lớp cửa, không để cho anh nhìn thấy. Đó là một điểm lợi thế, cô có thể trông thấy anh.

Họ xếp thành hai hàng, bước đi cùng ba lô và tay nải, anh đi ở hàng bên trong, là người thứ ba từ dưới cùng tính lên.

Anh đang nói chuyện với người đi kế bên mình. *Anh ấy đã có bạn rồi cơ đấy.* Anh ta quay lại, nói điều gì đó với anh.

Cô chỉ trông thấy một bên mặt anh. Nhưng ôi, chính là nét mặt mà cô hằng yêu dấu!

Bàn tay cô áp lên mặt kính cố gắng giữ anh đứng yên, ngay tại chỗ, nhưng anh vẫn lướt đi, vì anh không thực sự ở đó. Chỉ là lớp kính mà thôi.

“Tạm biệt, Bucky,” cô thở hỗn hển. “Tạm biệt, tình yêu của em.”

Nét mặt nghiêng của anh đi khuất, chỉ còn lớp kính vẫn ở nguyên chỗ cũ. Nhưng cô không cần lớp kính, cô cần Bucky.

Anh mang nó bên mình, như thể một thứ gì đó quý giá, sẽ bảo vệ anh trước cả thế giới này, anh sẽ giữ nó cho riêng anh và chỉ mình anh mà thôi. Anh bước vào trại lính, nơi vào giờ này chẳng có ai. Anh nằm cuộn tròn trên chiếc giường tầng cùng với nó. “Cuộn tròn” là một từ miêu tả hết sức chính xác; anh nằm nghiêng, co đầu gối lên tận cằm, tạo thành nửa vòng

tròn bảo vệ xung quanh nó. Một thứ của riêng anh. Lá thư vuông vẫn tỏa sáng rực rỡ trong một thế giới u ám đáng sợ.

Lá thư của cô.

Gửi chồng yêu dấu của em,

Không tính thư này thì em đã viết cho anh mười một lá thư rồi. Nhưng anh sẽ chẳng nhận được đâu vì em chẳng bao giờ gửi đi. Ai cũng bảo rằng, “Phấn chấn lên, chỉ viết những gì vui vẻ thôi, viết những lá thư tích cực thôi.” Em biết, em biết chứ. Nhưng sẽ chẳng hiệu quả đâu. Tại sao bây giờ em phải nói dối anh? Trước giờ em chưa từng nói dối anh.

Và đây là lá thư thứ mười hai. Lá thư trung thực. Mặc kệ các nhà kiểm duyệt nhú mày, lắc đầu và cắt bỏ hết đi cũng được. Em chẳng quan tâm nữa.

Em không thể tiếp tục nữa. Em thấy anh ở khắp nơi, anh hiện diện trên mọi ngã đường em đi, đến đâu em cũng trông thấy bóng hình anh. Chúa không hề muốn chuyện này xảy ra với bất kỳ ai, quá nhiều chuyện xảy ra cùng lúc. Chúa không hề muốn đôi mắt em phải rơi lệ nhiều đến thế. Người không hề muốn trái tim em, tâm hồn em phải đón đau nhiều đến thế. Người không thể xoa dịu nỗi đau, hoặc là Người muốn chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn.

Khi em ngồi xuống bàn ăn, em thấy anh ngồi ngay đối diện, nhưng anh chẳng nói gì với em, chúng ta không nói chuyện với nhau. Em van xin anh, em van xin nhưng anh chẳng nói gì. Khi em bước chân xuống phố, cánh tay trái của em trống rỗng và cô độc biết bao. Ngọn gió lạnh lẽo thốc ra từ góc phố và em cảm thấy ở phía ấy là vực sâu hun hút. Khi em đi mua sắm tại A & P, em quay lại và đưa anh mang giúp những gói đồ em mua, để rồi nhận ra rằng anh không còn ở bên em nữa. Em cứ đứng nguyên đó, đống đồ trên tay em cứ chìa mãi ra trên sàn nhà trống vắng.

Và khi em mang những tờ báo ngày Chủ nhật vào nhà, những mẫu truyện tranh vui nhộn luôn nằm trên trang nhất... Tại sao chúng luôn phải nằm trên trang nhất? Nhưng chẳng còn ai đó hay giật lấy chúng, như đã từng làm, rồi cắt cắt xé xé khắp các phía trang báo để lấy mấy cái truyện ấy ra nữa. Chẳng còn ai đó để nghe em gất lên, như em hay làm mỗi ngày Chủ nhật. “Chờ đã, anh không chờ được à? Chờ đã. Anh bao nhiêu tuổi rồi hả, mười hai à?” Chúng nằm yên đó, khắp căn hộ này. Chẳng còn ai muốn đọc truyện cười nữa, sáng nào em cũng ngồi ôm lấy chúng, đợi chờ, nhưng chẳng còn ai giật chúng khỏi tay em nữa, chẳng còn ai cười khúc khích như thằng bé ở góc phố, chẳng còn ai giấu mặt phía sau những tờ báo. Cuối cùng em buộc phải đốt hết chúng đi, vì truyện cười không nên làm ta buồn đến thế, lẽ ra chúng phải khiến ta hạnh phúc. Thế rồi em thấy hối hận (“Nhỡ đâu anh ấy có thể bước ra từ phòng ngủ, sáng nay anh ấy chỉ ngủ quá giấc thôi.”) nhưng giờ thì không thể lấy lại được nữa rồi. Em vội vã chạy xuống tầng hầm, nhưng quá trễ mất rồi, chúng đã cháy thành tro trong lò.

Anh hiện diện ở khắp nơi, nhưng cũng chẳng ở đâu cả. Em không thể tiếp tục được nữa. Em không muốn trở thành vợ của một người hùng. Em chỉ muốn là vợ của Bucky. Nhưng họ sẽ không để em toại nguyện. Em có thể làm gì đây, em sẽ sống tiếp thế nào đây? Nói cho em biết đi, ôi hãy nói cho em biết đi, tình yêu của em, cho em biết đi, nhanh lên, vì em không thể chịu đựng lâu hơn được nữa.

Sharon.

... Em đã làm theo lời khuyên của anh mà nộp đơn đi xin việc. Họ hỏi em làm được gì. Em nói với họ, “Chẳng gì cả.” Họ hỏi em muốn làm gì. Em nói với họ, “Gì cũng được.” Em bảo họ em muốn làm việc ở nơi nào ấm ỉ nhất, ánh sáng chói gắt nhất, nhiều máy móc nhất và đông người nhất. Họ không hỏi em tại sao. Họ chỉ nhìn em và dường như họ hiểu...

... Nơi này như một thế giới mới, lạ lẫm, nhưng nó giúp em không nghĩ về anh. Âm thanh loảng xoảng giúp em không thể nghe thấy tên anh. Ánh sáng chói gắt giúp em không thể nhìn thấy gương mặt anh. Đó là điều em

muốn. Chúng ta sẽ đợi chờ cuộc chiến này kết thúc theo cách đó, em và anh. Chúng ta sẽ đánh lừa tất cả...

... Bây giờ em là một cỗ máy rồi. Không cảm xúc, không suy nghĩ, không đau đớn. Suốt ngày dài em tê liệt vì tiếng ồn, quá âm ỉ đến mức không còn đau đớn. Suốt đêm dài em tê liệt vì kiệt sức, quá mệt mỏi đến mức chẳng còn đau đớn. Nhìn em cũng chẳng khác gì một cỗ máy. Chiếc mặt nạ bảo hộ đen ngòm ngăn cản anh nhìn thấy gương mặt em. Chiếc mũ trùm bằng nhôm ngăn cản anh nhìn thấy mái tóc em. Đôi găng tay sắt nặng nề ngăn cản anh nhìn thấy bàn tay em. Mặc cả bộ đồ bảo hộ, anh không thể nói em là phụ nữ nữa đâu. Người ta đều cười nhạo em bởi vì em đã mặc váy vào ngày đầu tiên đi làm. Em là người duy nhất trong cả nhà máy này mặc váy. Đám đàn ông hỏi nhau, “Đã bao giờ tôi từng thấy một người trong số họ chưa nhỉ?” Và rồi họ nói, “Đó là một cô gái, cậu nhớ không. Một trong những thứ mềm mại họ từng mặc trước chiến tranh.” Và rồi họ nói, “Chúng để làm gì nhỉ? Tôi quên rồi.”

Ít nhất thì em cũng không đau đớn.

Và thời gian thì luôn ủng hộ em. Ủng hộ chúng ta. Mỗi ngày trôi qua là cuộc chiến lại kéo dài thêm một ngày; nhưng đồng thời mỗi ngày trôi qua cuộc chiến cũng lại rút ngắn đi một ngày. Liệu anh có nghĩ rằng cuộc chiến đã trôi qua một nửa thời gian mà chẳng ai nhận thấy? Hãy nói rằng em đúng đi, hãy nói đi! Có thể đó là ngày hôm qua, thậm chí có thể là ngày hôm kia.

Từng có một thứ gọi là Hòa bình. Anh còn nhớ không? Còn nhớ không? Đã lâu lắm rồi và xa lắm rồi...

... Chị đồng nghiệp của em trông cũng giống cỗ máy như em, nhưng chị ấy vẫn còn giống một cô gái, rất là giống. (Dù em nghĩ rằng chị ấy chẳng hề biết đau đớn là gì.) Chị ấy yếu nhưng không để mình bị tổn thương. Em không biết chị ấy đã làm thế nào, nhưng chị ấy là người có nguyên tắc. “Như việc băng qua đường vậy thôi,” chị ấy nói. “Đi thật nhanh, tránh thật nhiều, và bạn sẽ không bị đâm.” Chị ấy có mái tóc màu đỏ sẫm. Em đã từng thấy mái tóc ấy trên phố, trên đường về nhà, và vì nó mà người ta gọi

chị ấy là Rusty. Nếu anh gọi chị ấy bằng tên họ chính xác, chị ấy sẽ chẳng nhận ra nữa đâu, chị ấy còn chẳng biết đó là tên mình. “Không biết họ gọi ai vậy nhỉ,” chị ấy nói vậy. Em đã theo dõi chị ấy. Mỗi bộ váy thường mặc khoảng một tuần. “Các cửa hàng giờ đây đều cho thuê một tuần,” chị ấy nói. “Mặc lâu hơn làm gì chứ? Chúng sẽ bị mòn mất thôi.” Những ngày thứ Tư dường như là ngày chị ấy “mang váy cũ ra cửa hàng đổi lấy váy mới”. Đừng hỏi em tại sao. Luôn đặn cứ vào thứ Tư hàng tuần là chị ấy đều diện bộ váy mới theo kiểu “dùng thử không thích thì đổi lại”. Em lúc nào cũng nghe nói về chúng suốt, kể cả trong bữa ăn trưa.

Bây giờ chị ấy có người mới rồi. Anh ta chờ chị ấy từ ngoài công, khi chị ấy đang rời khỏi nhà máy cùng một đám đông...

Khi chị trông thấy anh bị bao vây, bị tách khỏi phần còn lại của đám đông, và thực sự đang cầu khẩn chị gọi tên mình, chị đã ném cho anh một sợi dây thừng. Chị thực sự đã trao cho anh một sợi thòng lọng. Dù anh bước vào và chính chị là người thắt nút.

“Em biết gì không?” Anh hỏi. Một câu hỏi không được hiểu theo nghĩa đen. Anh không quan tâm đến điều chị nghĩ.

“Anh biết gì không?” Chị đáp. Chị cũng chẳng quan tâm đến điều anh nghĩ.

Anh nghiêng mũ, cái phong tục từ thời trước chiến tranh lạc hậu, đã bị lãng quên trong giới này, nhưng nó khiến chị vui. Gần như được hôn tay vậy.

Chị cắm cúi đi tiếp, anh rảo bước bên cạnh, nhanh nhẩu tìm một quán nào đó để ngồi.

Vẻ nghiêm trang, màu mè thậm chí còn lạc hậu hơn cả hành vi nghiêng mũ. Chắc cũng gần giống động tác nhún gối chào.

Chẳng ai đùa cợt, trêu ghẹo ai. Chẳng có thời gian, phải vào ngay vấn đề.

“Anh định đưa em đi đâu à?” Chị muốn biết.

“Em chọn quán đi.”

Chị chọn. “Được rồi. Quán Harry’s, gần quảng trường.” Và rồi, như thể muốn tránh lẩn tránh về tài chính, chị nói thêm, “Đừng có chi quá đà đấy nhé. Em sẽ chọn quán Dutch nếu anh thấy ngại; em kiếm được chín mươi đô la mỗi tuần, và cái thứ chết tiệt ấy đang khiến em vương quá. Em toàn phải nhét chúng xuống dưới đệm hàng đêm ấy.”

“Ai nói là anh ngại chứ?” Anh đáp. “Chỉ là vì anh muốn...”

“Ai vào đó trông cũng giống chúng ta hết. Ta nên làm gì nhỉ, thay đồ à? Đang có chiến tranh mà.”

Trên đường đi, anh nói, “Bạn em tối nay đâu rồi?”

Chị đáp, “Ồ, cô ấy hả?” Rồi nói thêm, “Anh để ý tới cô ấy à?”

“Chỉ vì cô ấy hay đi cùng em thôi,” anh đáp ngay.

“Anh không lôi cô ấy ra ngoài được đâu,” chị nói. “Cô ấy là một trong số các góa phụ chiến tranh. Ở lì trong phòng suốt buổi tối. Anh phải gặp cô ấy. Thậm chí cô ấy còn đổi sang mặc váy khi quay về nhà nữa cơ.”

Họ đến phòng ăn tối và khiêu vũ của quán Harry’s, và phải chen lấn đến bàn ăn của mình. Họ phải dùng bàn cùng một cặp đôi khác, nhưng cho dù khuỷu tay họ có va vào nhau và làn khói thuốc phả vào mặt nhau, thì hai cặp chẳng hề nói chuyện với nhau, hoàn toàn chỉ biết đến mình, như thể họ cách xa nhau hàng ngàn dặm. Chẳng ai tồn tại trong thế giới của ai.

Họ uống rượu khai vị. Họ giới thiệu tên tuổi với nhau. Anh bảo chị, tên anh là Joe Morris.

“Gọi tiếp rượu đi,” anh nói, khi giai đoạn này đã qua.

“Anh định chuốc cho em say, hay anh muốn em vẫn còn tỉnh táo? Chẳng tạo ra sự khác biệt nào đâu, vì em chỉ có thể dễ dãi khi em biết rõ mình đang làm gì.” Họ uống thêm rượu. Rồi chị nói, “Vận động chút đi anh. Như thế sẽ giúp già rượu.”

Họ đứng dậy và bước ra sàn nhảy. Bạn có thể thấy những ánh đèn đôi khi lướt qua dưới chân họ, nhưng chỉ trong thoáng chốc.

Thế kỷ mười tám rộ lên điệu nhảy minuet. Thế kỷ mười chín là điệu valse. Những năm 1940 đến cùng những cơn cuồng sáng rượu cấp*, có thể tự xuất hiện rồi dịu đi, không cần sự can thiệp của áo bó hay nhân viên y tế.

Cuồng sáng rượu cấp: Trạng thái mê sáng thường xảy ra khi người nghiện rượu nặng ngưng uống rượu. Biểu hiện của nó là lú lẫn, mất phương hướng, ảo giác, cảm xúc thất thường cũng như bộc phát hành vi ngang ngạnh hoặc bạo lực.

Anh mở rộng chân rồi đẩy chị ra xa, giống như thùng thư tuột xuống máng trượt; hăm rồi thành linh kéo giật chị lại, còn chị - thật kỳ diệu - lại vững chãi đứng thẳng trước mặt anh. Anh cúi xuống vác chị lăn tròn trên lưng, từ trái sang phải, rồi thả xuống sàn.

Chẳng ai va chạm với ai. Mà nếu có chẳng nữa, họ cũng chỉ xem như một bước nhảy nữa, bạn không thể nói đó là lỗi hay là cố tình. Ngoại trừ những tai nạn trông có thể vui hơn một chút.

Họ nhảy xong và khen ngợi lẫn nhau.

“Anh nhảy giỏi lắm,” chị nói.

“Em cũng khá mà,” anh nói.

Họ gọi thêm hai ly rượu nữa. Sau đó mỗi người ăn một chiếc bánh sandwich để làm rượu dịu bớt. Thế rồi theo thông lệ của căn phòng này, hai người nhảy một lượt cuối. Họ đứng dậy cùng nhau bước ra. Hai người đã tận hưởng một buổi tối tĩnh lặng, dễ chịu và trọn vẹn trong thời chiến. Có thể hơi buồn tẻ một chút, không có đánh đấm nhau hay gì hết.

Anh cùng chị đi bộ về căn hộ chung cư của chị.

Đến nơi anh buông lơì vòng tay, bỏ mặc cánh tay chị chơi vơi trong không gian trống rỗng. “Anh sẽ gặp lại em,” anh nói.

Chị ném cho anh cái nhìn trống rỗng. Không một ánh mắt nào phần uất nhiều bằng ánh mắt cực kỳ hoang mang, không hiểu nổi.

“VẬY cả buổi tối nay là vì cái gì kia chứ? Chỉ là tình cảm chị em trong sáng thôi à?”

Anh mất một lúc mới trả lời, nhìn thẳng vào mắt chị một lúc, như thể đang tự hỏi chị sẽ tiếp nhận câu trả lời của anh thế nào. Anh mỉm cười với chị, nụ cười có sự pha trộn giữa vô tư và bẽn lễn.

“Anh muốn được gặp cô bạn của em,” anh nói.

Tiếng chị đóng sầm cửa lại như thể tiếng nổ của vỏ đạn.

Anh rút một chân khỏi ngưỡng cửa, nhưng đó là cử động duy nhất của anh. Như thể anh đã đọc được chính xác những suy tư thầm kín của chị, chỉ với một ánh nhìn.

Cánh cửa lại mở ra. Anh vẫn đứng đó. Tiếng cười the thé của chị như xé tan màn đêm. Chị chìa tay ra, như một biểu hiện của tình bạn.

“Em không bao giờ buồn bất kỳ chuyện gì quá ba mươi giây. Đêm mai đến nhé. Em sẽ hẹn cô ấy cho anh.”

Tối hôm sau chị nói với Sharon, vào khoảng tám giờ kém mười lăm. “Xuống nhà vào phòng khách nhé, chị muốn em giúp chị một việc.” Chị nắm chặt cánh tay cô, cố gắng đẩy cô về phía trước bằng sức mạnh của một cái cối xay gió.

“Gì thế?” Sharon hỏi.

“Chị muốn em gặp một người bạn của chị.”

“Cô ta không tự lên đây được à? Có chuyện gì sao?”

“Là đàn ông em ơi, một anh chàng.”

Sharon rút tay về, cố gắng cưỡng lại. Chị không thể làm cô nhúc nhích thêm nữa.

“Thôi mà,” Rusty van xin. “Chị muốn em giúp chị, giúp chị đi, đi mà.” Hai tay chị giơ lên đầy hào hứng. Rồi chị kéo ghế ra giữa phòng, đặt tay lên vai Sharon, ấn cô ngồi xuống ghế, như thể phải làm theo cách ấy cô mới chịu lắng nghe. Rồi chị kéo một chiếc ghế khác ra, dành cho chính mình, đặt đối diện chiếc ghế thứ nhất.

Chị rướn người về phía trước với sự tò mò mãnh liệt, hai bàn tay đặt lên đầu gối, hai khuỷu tay khuỳnh sang hai bên.

“Nghe này, em quý chị, đúng không?”

“Phải, em quý chị,” Sharon đáp, có phần hơi bối rối, như thể nhận ra là nếu cô tự thú lần này thì có thể sẽ phải tự thú tiếp những lần sau.

“Thế thì giúp chị một chuyện, thoát khỏi một tình huống khó khăn được không?” Và như thể để gây tác động lên câu trả lời, chị ranh mãnh nói thêm, “Nếu đổi lại người hỏi là em thì chị sẽ giúp ngay mà không nề hà.”

“Tình huống khó khăn như thế nào?”

Rusty hạ giọng xuống thành lời thì thầm khàn khàn, cho dù kể cả này giờ chắc chắn chẳng có ma nào nghe lén. Tuy nhiên, sự hồi hộp lại tăng lên.

“Dạo này chị đang qua lại với một anh chàng,” chị nói the thé, hai tay hoa lên như thể đánh tín hiệu. “Anh ấy là một chàng trai tốt, chẳng có gì để chê. Chỉ là tối nay chị... à, chị có những thu xếp khác. Hiện anh ấy đang đợi chị dưới kia, và chị không muốn làm anh ấy thất vọng.” Chị nắm lấy một bàn tay của Sharon, vỗ vỗ mu bàn tay ra chiều nịnh nọt. “Cắt đuôi anh ấy hộ chị với, chỉ tối nay thôi. Chị có hẹn với người khác mất rồi, và chị không thể hủy nó được. Chị ước gì mình có thể, nhưng không được.”

“Sao chị không tự đi mà nói với người ta?”

“Chị không muốn làm theo cách đó. Chị không muốn làm tổn thương những cảm xúc của anh ấy. Em thay chị đi chơi với anh ấy nhé. Giúp chị đi, nhé?”

Sharon đứng dậy, bước vòng ra phía sau ghế. “Em kết hôn rồi. Em không...”

Rusty liếc mắt, như thể muốn bày tỏ sự khó chịu thực sự. “Việc này chẳng liên quan gì. Có phải là hẹn hò đâu. Chị không bảo em đi hẹn hò. Anh chàng tội nghiệp ấy lúc nào cũng chỉ có một mình. Chỉ là *tình bạn* thôi mà. Em không cần phải *quan tâm* đến anh ấy. Em không thể dành thời gian giúp chị được à? Em chỉ cần đi với anh ấy nửa tiếng rồi về thôi.” Chị giơ cả hai tay lên cao quá đầu, như thể một kết thúc kịch tính.

“Em không thích ý tưởng này,” Sharon nói, nheo mắt chìm trong suy tư. “Suốt thời gian Bucky đi vắng, em chưa từng làm chuyện đó. Bây giờ em cũng sẽ không bắt đầu làm thế. Em không hiểu sao mình lại đồng ý để chị dụ...”

“Có sao đâu chứ, em không tin tưởng bản thân mình à?” Rusty không thể ngăn mình tung ra những lời nhạo báng. “Được rồi,” chị nói, không cho cô thời gian để đáp lại. “Được rồi.” Bàn tay chị lại có thêm một cử chỉ quyết liệt nữa, lần này là ngay trước trán, như thể muốn xua đuổi đi điều gì đó. “Chị em mình không nói về chuyện này nữa. Chủ đề này kết thúc rồi. Sẽ không nói một câu nào nữa. Quên hết những gì chị đã hỏi em đi.”

Chị lẳng hai cái ghế vào chỗ của chúng, sắc mặt của chị lúc này là sắc mặt của người hoàn toàn vỡ mộng, nhưng cũng vô cùng nhẫn nại. “Chỉ muốn nói với em thế này,” chị nói. “Bản chất con người thật đấy. Em chọn một cô gái làm bạn. Em rèn cặp cho cô ấy tại nhà máy. Em bênh vực khi cô ấy bị tên quản đốc mắng mỏ. Em ở chung phòng với cô ấy. Em làm tất cả mọi thứ có thể. Thế nhưng điều nhỏ bé đầu tiên em đề nghị...” Và chị nhanh chóng gạt đi hết bất kỳ lời xoa dịu nào sắp nghe, cho dù đến lúc ấy chẳng có sự xoa dịu nào, rồi kết luận, “Thôi bỏ đi. Quên hết những gì chị vừa nói đi.”

Sharon lắc đầu trong tuyệt vọng. Cô thở dài thườn thượt. Cô nhìn chị thật lạ lùng. Cuối cùng cô bước đến phía sau kẻ tử vì đạo kia, khẽ chạm lên vai chị.

“Vì Chúa, nếu chị xem đó là chuyện lớn... Được rồi, em sẽ đi. Chị và những rắc rối xã hội của chị.”

Ngay lập tức, lòng đầy biết ơn, Rusty lao vào chuẩn bị và hỗ trợ, không phí thời gian vào bất kỳ giai đoạn trung gian nào. “Được rồi, cái này được không? Cái này thì sao, em muốn mặc bộ này không?” Chị nhảy múa xung quanh cô mấy vòng, cố gắng trở nên thật sự hữu ích, thật sự nhanh nhẩu. “Muốn dùng ít son bóng mới của chị không?” Chị cố gắng thoa nó cho cô, nhưng Sharon khéo léo ngoảnh mặt đi.

“Được rồi, đi thôi, chị sẽ đưa em xuống và giới thiệu em.” Chị hối thúc Sharon ra ngoài phòng trước mình, như thể sợ rằng cô sẽ đổi ý thì hỏng.

Anh ta đang ngồi trong căn phòng dưới nhà nghe đài, cố gắng lờ đi một người đàn ông khác, đang đợi chờ cô gái nào đấy trong cùng căn nhà đó, vào đúng lúc đó.

Anh ta đứng dậy. Trông anh ta không tệ như cô lo ngại.

Rusty giới thiệu vắn tắt họ với nhau, át tiếng đài.

“Joe Morris, đây là Sharon Paige.”

“*Phu nhân Sharon Paige,*” Sharon sửa lại, lặng lẽ nhưng kiên quyết.

Anh ta ném cho cô một ánh nhìn lạ lùng mà cô không tài nào hiểu nổi. Dù là gì đi nữa, cô chắc chắn nó không phải là ánh mắt thất vọng. Bạn có thể nói, gần như trong ánh mắt ấy tiềm ẩn sự thỏa mãn đáng sợ.

Rusty vỗ lên lưng cả hai người, mạnh nhẹ không đều nhau. “Được rồi, hai người đi với nhau nhé,” chị nói. “Đừng chờ chị.”

“Cô không phiền nếu đi bộ chứ?” Anh ta kính cẩn hỏi Sharon.

Sự chấp nhận của cô gần như xuất phát từ sự thúc đẩy mạnh mẽ trong tính cách của Rusty, mà anh ta không thể nhìn ra từ sau lưng chị. Cô không trả lời ngay, mà quay lưng bước vào sảnh, thay lời đồng ý.

Anh ta đi theo, Rusty đứng lại ở phía sau.

Tuy nhiên, sau khi anh ta đã bước qua ngưỡng cửa, chị gọi anh ta nán lại một lúc bằng tiếng huýt sáo kín đáo nhưng sắc lạnh. Anh ta quay lại nơi chị đang chờ, và họ đứng đó, trán chị gần như chạm vào cằm anh ta, họ đang đứng quá gần nhau.

“Quà đền bù đâu?” Chị thì thầm.

Không nói một lời, anh ta lấy từ túi áo ra thứ gì đó, mà Sharon không thể nhìn thấy từ chỗ đang đứng. Anh ta xé lớp bọc ngoài, dúi nó vào bàn tay đang chờ của Rusty.

Chị không nhìn xuống, cũng chẳng tỏ ra ngạc nhiên. Bàn tay chị nắm lại như một con bạch tuộc nhỏ hồng hào, phàm ăn đang nhai cái gì đó.

Chị nháy mắt lạ lùng với anh ta.

Anh ta cũng nháy mắt đáp lại.

Không hiểu sao, ẩn trong từng cái nháy mắt là chút gì đó máu lạnh, thay vì sự vô tư, thoải mái mà những cái nháy mắt cần phải có.

Chị suồng sã dấm thùm thụp vào ngực anh ta bằng mu bàn tay.

“Đừng để em ấy về khuya quá đấy,” chị cười khúc khích.

Hai người tới một nơi được chiếu sáng rực rỡ. Khi họ đến nơi, quầng sáng màu cam phủ trùm lên họ, chậm rãi đi theo họ, gần như chẳng tốn chút công sức nào. Vĩa hè đầy chạt người kéo họ trôi theo như thể đang ở trên băng chuyền.

Cô chẳng biết phải nói gì với anh ta, thế nên cô im lặng. Không biết có phải vì cùng lý do không, mà anh ta cũng chẳng nói gì với cô. Cô quyết định đợi anh ta nói trước.

“Cô có muốn uống gì không?”

“Tôi không uống gì hết,” cô nói mà không nhìn anh ta.

“Không. Ý tôi là uống soda hay nước cam ấy. Tôi không mời cô thứ gì khác đâu.”

“Không, cảm ơn. Tôi vừa ăn tối xong.”

Hai người tiếp tục bước giữa đám đông, như thể họ chẳng biết phải làm gì với bản thân.

Một mái hiên, toàn bộ phần dưới mái lấp các bóng đèn thả sáng trông như đầu đình, đang trôi về phía họ.

“Cô có muốn đi xem phim không?”

“Không!” Cô đáp, lần này rất dứt khoát. “Không... toàn phim về chiến tranh thôi.”

“Tôi hiểu,” anh ta chỉ nói có thế.

Cô có chút hối hận. Một chút thôi. “Đừng để tôi làm hỏng buổi tối của anh. Sao anh không đi và làm cái gì đó anh thích?”

“Tôi đang làm đúng điều tôi muốn,” anh ta trấn an cô.

Cô không thể nghĩ ra được bất kỳ câu nào đáp lại. Dường như câu nói này chỉ đứng một mình.

Họ tiếp tục bước đi.

“Anh ấy đang tham chiến đúng không?”

“Chồng tôi. Vâng.” Cô nghĩ, *tại sao anh lại không?*

Anh ta nói, “Tôi biết đúng lúc này cô đang nghĩ gì. ‘Tại sao anh thì không?’.”

Cô khéo léo thừa nhận bằng cách giữ im lặng.

“Tôi đã thử ba lần rồi. Còn làm được gì nữa chứ?”

Cô chẳng nói gì.

“Và tôi biết cô nghĩ gì cả lúc này nữa: ‘Bọn họ toàn nói thế mà.’”

Lần này, không cố ý, nhưng ngay lập tức cô quay sang nhìn anh ta một lúc. Một lần nữa lại là sự thừa nhận khéo léo.

Anh ta sờ tay vào túi sau. “Nhìn này, tôi sẽ cho cô xem thẻ phân loại của tôi.”

Cô xua tay tỏ ý không cần. Anh ta lại đọc được suy nghĩ của cô. “Tôi biết, cô không quan tâm.”

Nhưng anh ta vẫn lấy nó ra cho cô xem. Cô không nhìn vào nó. Cuối cùng anh ta cất thẻ đi.

“Tôi bị bệnh viêm phổi,” anh ta nói. Rồi anh ta mỉm cười và hỏi, “Giờ cô có sợ đi bộ cùng tôi không?”

“Không,” cô đáp. “Không. Tất nhiên là không.” Và cô thực sự nghĩ thế. Nhưng đột nhiên, và ngay bản thân cô cũng không hiểu nó đến với mình như thế nào, bỗng cô nhận thức được rằng mình đang ở sai vị trí. Nếu bây giờ cô bỏ rơi anh ta, quay lưng đi và trở về nhà, thì chính cô mới bị mang

tiếng, chứ không phải anh ta. Phần lớn quyền tự do hành động của cô đã bị tước bỏ một cách tinh tế bởi vài nhận xét vô hại từ này tới giờ.

Tuy nhiên, cô đã bắt đầu cảm thấy có chút cảm thông với anh ta. Bản thân cô vẫn chưa nhận ra điều đó, nhưng nó đã bắt đầu. Và một điều không tránh khỏi, lòng thương xót luôn là sự khởi đầu của...

Anh ta nói, “À mà cô biết đấy, cô không phải sợ tôi còn vì một lý do nữa.”

“Lý do nào cơ?”

“Ồ, cô hiểu ý tôi mà. Nếu ở vào vị trí của tôi, một anh chàng sẽ tự xem mình may mắn khi chỉ đứng ngoài nhìn cuộc chiến, anh ta sẽ không cố gắng để...” Nói rồi anh ta nhìn thẳng vào mắt cô, thậm chí còn tỏ ra vui vẻ, rồi mỉm cười.

Thế nên cô cũng mỉm cười đáp lại. Trao cho nhau một nụ cười thôi mà, có gì đâu. *Mày không thể cứ sắt đá như thế. Ngay cả Buck cũng sẽ chẳng quan tâm đến mày nữa nếu mày cứ như vậy.*

Họ đã đến gần công viên, phía đối diện.

“Có chiếc ghế đá đằng kia,” anh ta nói. “Chúng ta qua đó ngồi chứ?”

“Tôi sẽ không ngồi *trong* công viên đâu,” cô cảnh báo anh ta.

“Không, chỉ ngồi ngoài công viên thôi mà, chỗ dưới ánh đèn đằng kia. Ngồi nghỉ một lúc thôi.”

Anh ta bị bệnh mà, cô tự nhắc mình. Có thể đi bộ khiến anh ta mệt. Có hại gì đâu cơ chứ?

Họ bước đến chiếc ghế đá và ngồi xuống, phía dưới những chùm tia sáng vòng cung màu trắng pha tím nhỏ như kim đang phai màu.

“Tôi phải về sớm đây,” cô bảo anh ta.

Mình sẽ đứng dậy trong vòng ba phút, cô tự hứa với mình, và ra về.

“Kể cho tôi nghe về anh ấy đi,” anh ta nói.

“Anh muốn biết điều gì?”

“A, mọi thứ. Như anh ấy làm gì, anh ấy nói gì, anh ấy thích gì...”

Cô cất tấm ảnh đi. “Máy giờ rồi nhỉ?” Cô thở dài hạnh phúc. “Chắc phải gần mười giờ rồi.” Cô chưa từng cảm thấy hạnh phúc đến thế, cô chưa từng cảm thấy bình yên đến thế kể từ khi chiến tranh bắt đầu.

Anh ta xem đồng hồ, lặng lẽ đáp, “Mười hai giờ năm phút.”

Họ đã ngồi đó suốt ba tiếng rưỡi.

Anh ta đang đợi cô ở đó, trên chiếc ghế đá của chúng mình - họ gọi nó như thế, bây giờ nó là ghế đá của “chúng mình” - dưới chùm tia sáng vòng cung có màu hoa phong lan sáng rực rỡ. Cô vội vã bước đi, cô chạy một chút băng qua đường để đến nhanh hơn.

Anh ta đứng dậy, chìa tay ra, chờ đợi bàn tay cô. Họ bắt tay nhau.

“Chào Joe.”

“Chào Sharon.”

Họ cùng ngồi xuống, cạnh nhau, giống như những người bạn cũ. Cánh tay anh ta đặt trên thành ghế đá, nhưng không choàng qua vai mà duỗi thẳng tay sau lưng cô, cánh tay cứ thế nằm bất động trên thành ghế đá.

“Hôm nay tôi nhận được một lá thư nữa của anh ấy,” cô hạnh phúc thú nhận. “Tôi không thể đợi được nên phải mang đến đây cho anh xem.”

“Đọc cho tôi nghe đi,” anh ta nói thoải mái, “trong khi tôi châm thuốc cho hai ta.”

Cô chỉ bỏ đi vài đoạn ngắn vì chúng quá riêng tư. Với từng lá thư tiếp nối nhau, những đoạn cô bỏ không đọc ngày càng ít hơn.

“Tôi gần như đã hiểu rõ con người anh ấy,” anh ta nói, sau khi cô đã đọc xong. “Tôi gần như bắt đầu cảm thấy muốn có anh ấy làm anh trai.”

“Tôi tự hỏi anh ấy sẽ nói gì nếu biết tôi đọc thư cho anh nghe?”

“Đừng nói với anh ấy,” anh ta lại nói, như từng nói trước kia. “Làm thế có thể tiết lộ nhiều chuyện. Em lần tôi đều biết rằng việc này chẳng có hại gì cả, nhưng nó có thể khiến cho những lá thư của anh ấy mất đi sự tự nhiên, mất đi cái...” Anh ta bỏ lửng câu nói.

“Anh không nghĩ làm thế là sai trái, đúng không?”

“Còn em thì sao?”

“Không,” cô sôi nổi đáp. “Không. Ôi Joe, anh chẳng khác gì thần may mắn đối với tôi. Anh không biết anh đã làm được gì cho tôi đâu. Anh đã khiến những giờ khắc trôi qua thật... Bất kỳ lúc nào ở bên anh tôi đều rất hạnh phúc. Chỉ cần có thể nói chuyện với anh như tôi đang làm, đọc cho anh nghe thư của anh ấy, cũng mang anh ấy đến gần tôi hơn. Thậm chí có lúc tôi còn hơi lẫn lộn, tôi nhầm anh là anh ấy và... anh ấy là anh.” Cô bật cười hơi ngượng ngùng.

“Tôi cũng rất hạnh phúc khi ở bên em. Rất có ý nghĩa với tôi. Thật khó giải thích chuyện này, nhưng tôi cũng vui lây với anh ấy, tôi được phép chia sẻ... những thứ mà tôi chưa từng có, và sẽ chẳng bao giờ có. Một người vợ, một cuộc hôn nhân hạnh phúc, một ai đó của riêng mình để quan tâm...”

“Hai chúng ta là những người đang quá hạnh phúc, phải vậy không?” Cô suy tư.

“Đọc cho tôi nghe đi,” anh ta nói, “trong khi tôi châm thuốc.”

Cô xé phong bì, mở nó ra, nghiêng nó ra phía có ánh sáng. Thế rồi chẳng gì xảy ra nữa.

“Có chuyện gì thế?” Anh ta nói. “Sao em không đọc?”

“Tôi không biết,” cô tuyệt vọng đáp. Nhưng vẫn chẳng có gì xảy ra.

“Có chữ nào em không đọc được à? Anh ấy có nói gì về tôi không?”

“Không,” cô đáp. “Tôi chưa hề nói với anh ấy về anh.”

Lá thư rơi xuống đất, tách ra thành mấy mảnh giấy khác nhau dưới chân cô. Ngay cả từ vị trí ấy, dưới ánh sáng rục rỡ, vẫn có thể nhìn thấy lời chào đầu thư. *Gửi bà xã bé bỏng yêu dấu của anh.*

“Chuyện gì thế?” Anh ta hỏi. “Vì sao em khóc?”

Một tiếng nức nở đau đớn bật ra. “Bởi vì... tự dưng... em không còn quan tâm đến những lá thư của anh ấy nữa. Em không biết đã xảy ra chuyện gì! Em không còn thích đọc thư... hay thậm chí là nhận thư nữa. Đến cái công viên này, ngồi bên anh, nó... nó...”

“Làm sao?” Anh ta khuyến khích cô. “Làm sao?”

Cô ép hai bàn tay lên trán trong nỗi chán chường. “Em không còn yêu anh ấy nữa. Mà em yêu anh. Ôi, Joe, đã xảy ra chuyện gì với em thế? Em đã gặp gỡ anh quá thường xuyên, trong khi đã quá lâu rồi em chưa gặp anh ấy. Hai người đã đổi chỗ cho nhau. Có chuyện không ổn rồi. Em không muốn vậy, nhưng... bây giờ anh là anh ấy, và anh ấy là anh.” Người cô run bắn lên không kiểm soát được. “Em đang ngồi đây bên tình yêu của em trên ghế đá công viên, nhưng em lại không ngừng nhận thư từ một kẻ xa lạ, mặc quân phục, ở nơi trú quân thật xa xôi.”

Anh ta vòng tay ôm lấy thân hình run rẩy của cô, cố gắng an ủi cô. “Chúng ta sẽ làm gì đây? Tôi có nên đứng lên và bỏ đi không? Tôi có nên bước đi, đi thật xa và chẳng bao giờ đến gần em nữa không? Em chỉ cần nói một lời thôi, và tôi sẽ đi luôn.”

Cô bật khóc tức tưởi. Cả hai bàn tay cô bấu chặt vào lưng anh ta.

“Không! Không! Joe, đừng bỏ em. Em không thể chịu đựng được khi thiếu anh. Anh là tất cả những gì em có lúc này. Nếu anh bỏ đi em sẽ chẳng còn gì hết, vì em không còn anh ấy nữa.”

“Anh muốn có em,” anh ta nói như nghẹt thở, “anh không thể cưỡng lại ham muốn đó được.”

“Đừng cưỡng lại nó. Đừng. Em không muốn anh cưỡng lại. Bản thân em cũng không thể... Ôi, em đây mà...”

Môi họ dán chặt vào nhau trong nụ hôn đầu. Họ tựa sát vào nhau như thể bị mất thăng bằng. Màn đêm như lộn nhào xung quanh họ, cả vòm trời lẫn những vì sao.

Chỉ là vô tình, nhưng đôi bàn chân cô trên mặt đất, vốn đang dịch chuyển theo sự háo hức với những cái vuốt ve của anh ta, giờ như cắm cọc xuống đất, giẫm mạnh lên lá thư, giày xéo lên nó.

Dòng chữ “Gửi bà xã... của anh” hiện ra, bị nghiền nát dưới gót giày của cô.

Bucky, anh yêu,

Em xin lỗi vì tuần trước đã không biên thư cho anh, nhưng rồi cứ chuyện này tiếp chuyện kia nên...

Thật sự chẳng có tin gì mới để báo cho anh. Mọi thứ vẫn đang diễn ra như thường lệ, chẳng có gì thay đổi...

Thời tiết dạo này rất dễ chịu, bọn em cảm thấy thực sự thoải mái...

Em phải làm việc đây, xe đưa đón nhân viên đã đến đón em và Rusty rồi. Em sẽ viết nhiều hơn lần sau nhé, anh yêu.

Tình yêu của em, Sharon.

Anh nhìn lá thư thứ hai với ánh mắt tò mò. Nó nằm lẫn trong đống thư của cô. “Gửi anh lính,” nó bắt đầu như thế. Và rồi:

Bởi vì vẫn chưa ai nói cho anh biết, thế nên tôi cho rằng mình sẽ là người làm chuyện đó. Và trong trường hợp anh nghĩ tôi đã gửi thư nhầm người, tôi xin nói thêm cô ta có mái tóc nâu và đôi mắt màu nâu lục nhạt. Cô ta cao một mét sáu mươi hai, nặng bốn mươi bảy cân, đi giày cỡ tám

rười và có đeo một món trang sức nhỏ, một chiếc cỏ bốn lá bằng vàng. Như thế đã có ý nghĩa với anh chưa?

Tối nào cô ta cũng gặp hẳn trên ghế đá trong Công viên Thành phố. Anh biết Công viên Thành phố ở đâu đúng không? Chắc chắn là anh biết. Tối nào cô ta cũng chạy hết cả hơi đến gặp hẳn, đến chừng nào đôi chân nhỏ nhắn của cô ta còn chịu được. Cô ta đã bao giờ chạy nhanh như thế đến gặp anh chưa, anh lính? Chúng hôn nhau. Thế rồi tôi thấy chúng ngồi đó, cho cả thành phố này thấy. Nhưng thậm chí chúng còn chẳng biết điều đó, chúng còn mãi nhìn nhau đắm đuối.

Tội nghiệp anh lính, tôi cảm thấy tiếc thay cho anh. Anh lính à, anh đang mất vợ đấy.

(Không có chữ ký.)

Anh hét lên to đến mức ai trong trại lính cũng ngoảnh lại nhìn, những giọng nói cất lên hỏi han, “Cái gì thế? Đứa nào làm đấy? Chắc có thằng nào đâm kim vào người nó rồi.”

Người đồng đội nằm gần anh nhất hỏi, “Chuyện gì thế, Paige? Paige, chuyện gì? Chuyện gì mà cậu trèm chần kín mít thế hả?”

Và cái chần, đang run từ đầu đến chân, vọng ra tiếng ho như bị bóp nghẹt, “Không có gì.”

Giờ thì luôn là hai lá thư, luôn luôn là hai lá thư.

... Đôi khi con người ta thay đổi, Bucky ạ; anh phải nhìn nhận theo hướng đó. Tình yêu không như bê tông chỉ đổ một lần là xong, sau đó cứng lại và nằm yên đó mãi mãi. Tình yêu là chất lỏng, có lúc nó rò rỉ ra trước khi anh kịp ngăn nó lại và chảy đi chỗ khác.

Khi hai con người thấy rằng họ đã phạm sai lầm, anh không nghĩ rằng điều tốt đẹp nhất họ có thể làm không phải là cố gắng tiếp tục gắn bó với

nhau trong cuộc sống tình cảm (điều đó chẳng giúp được ai, mà chỉ khiến sai càng sai thêm), mà là cả hai phải thừa nhận điều đó với người kia và cố gắng tìm ra lối thoát sao? Lẽ ra tôi không nên nói cho anh biết chuyện này, đặc biệt là vào lúc này, nhưng anh là người đã van xin điều đó trong các lá thư trước, liệu có chuyện gì đó nhầm lẫn...

... Chúng không còn ngồi trên ghế đá nữa, anh lính ạ. Thế chúng đi đâu? Chúng làm gì? Tôi đã cố gắng tìm hiểu cho anh nhưng không thể. Chúng biến mất kể từ thời điểm cô ta gặp hẳn lúc tám giờ. Thế rồi hẳn lại đưa cô ta về, lúc thì vào mười hai giờ lúc thì một giờ sáng. Suốt quãng thời gian đó chúng đã đi đâu?

Cô ta đi rồi, anh lính ạ, đi nhanh lắm. Đi rồi, biến mất rồi. Giờ thì vào bất cứ ngày nào. Hôn tạm biệt vợ anh đi nhé.

(Không có chữ ký.)

Sĩ quan chỉ huy của anh ăn cá trích muối vào bữa sáng. Những con cá trích muối chẳng hề hợp với khẩu vị của ông ta. Chân trái của ông ta có một cục chai. Và hôm nay nó đang lên tiếng, sắp có mưa. Ông ta không thích cái gì đó trên mặt anh. Nó quá thiếu não. Ông ta căm ghét những tên lính mang bộ mặt thiếu não. Thực ra ông ta căm ghét những tên lính mang bất cứ bộ mặt nào. Thực ra ông ta căm ghét những tên lính. Ông ta thực sự ghét.

Sĩ quan chỉ huy của anh bị vợ bỏ mười năm trước. Kể từ đó, ông ta muốn từng gã đàn ông trên thế gian này đều sẽ bị vợ bỏ. Ông ta ghen tỵ với tất cả những gã đàn ông hạnh phúc.

Ông ta rất lịch sự về chuyện đó. “Tất nhiên,” ông ta nhẹ nhàng nói. “Rất vui vì cậu đã đến tìm tôi vì chuyện đó. Cậu biết đấy, đó là lý do chúng ta ở đây. Để lắng nghe những vấn đề cá nhân của cậu. Chúng tôi rất muốn những người như cậu được hạnh phúc. Chúng tôi cũng sẵn lòng dừng cuộc chiến này lại vì cậu - chà, dừng nó lại một thời gian - trong khi cậu đang

sắp xếp lại những vấn đề riêng tư này. Tôi chắc chắn Washington chẳng bận tâm đâu. Ngay lập tức tôi sẽ gửi cho họ một bức điện tín. ‘Bình nhì Paige có chuyện riêng ở nhà cần phải giải quyết, tạm hoãn tất cả các nhiệm vụ.’ Hai tuần liệu có đủ không? Hay cậu yêu cầu được nghỉ phép ba mươi ngày?’

“Vâng, thưa sếp.” Bình nhì Paige đứng nghiêm chào quay lưng bước ra ngoài. Anh hơi lão đảo va vào cánh cửa; phải chống tay lên tường một lúc cho khỏi ngã.

Phòng giặt là của các trại lính vắng tanh trong bóng đêm lúc mờ sáng, lạnh buốt giá; nồng nặc mùi nước tiểu.

Anh bước vào phòng, mặc quần dài và áo lót, bên sườn cặp cái gì đó phồng ra. Trước tiên anh nhìn ngó xung quanh, để chắc chắn rằng không có ai ở trong phòng. Rồi anh vén áo lên, lấy khẩu súng ra, đặt nó lên thùng rửa.

Hơi thở của anh biến thành hơi nước trước mặt. Chà nó sẽ dừng lại, rất dễ thôi; đó là thứ duy nhất sẽ dừng lại.

Anh rút ra một điều thuốc lá bị bỏ quên trong túi và châm thuốc. Điều thuốc anh đã để dành cho lúc này. Rồi anh liên tục đi tới đi lui, mỗi lần như thể lại quay ngoắt thật nhanh, như thể bị nhốt trong lồng.

Cuối cùng anh dừng lại. Quăng điều thuốc xuống đất, anh giẫm lên nó theo thói quen (bằng không nó hẳn sẽ cháy lâu hơn anh, nhiều khả năng là thế). Sau đó anh cầm khẩu súng lên, thôi làm trò lơ và vào vị trí thật nhanh.

Cánh cửa xoay trước đó chỉ khẽ rung động, mà anh không để ý, bất ngờ mở bung ra, và bạn của anh, Rubin, nhảy bổ vào lao về phía anh. Cậu ta tóm được cánh tay giơ lên của Paige và kéo nó xuống, vặn ra sau lưng, khiến khẩu súng rơi xuống sàn. Rồi cậu ta ghim người anh vào thùng rửa, đá khẩu súng văng ra xa trên sàn nhà.

Họ vật nhau một lúc, chỉ một lúc thôi. Chùm hơi nước đang phun phì phì nhanh hơn lúc nào hết từ hai lỗ mũi của Paige. Rốt cuộc nó đã lừa được anh; nó vẫn đang phun ra.

“Biết ngay là sắp có chuyện mà,” Rubin thở hồng hộc. “Tớ đã theo dõi cậu đấy.”

“Cút ngay ra khỏi đây. Ai khiến cậu xía vào?”

“Về giường đi... tự soi lại mặt mình xem... dòng chữ ‘chuyện này sắp đến’ viết rõ mồn một trên mặt cậu kìa.”

“Buông tớ ra ngay. Đừng có chạm vào người tớ.”

“Rồi, bình tĩnh nhé, bình tĩnh. Xoay người lại, rửa mặt bằng nước lạnh cho tỉnh đi.”

Cậu ta dùng sức kéo ghì đầu Paige xuống, gội nước khắp mặt anh. Rồi để mặt anh đứng lên và lấy lại hơi thở.

“Thế nào hả?” Cậu ta hỏi.

“Ướt,” là câu trả miếng bực bội. “Cậu nghĩ còn thế nào nữa?”

“Tớ biết,” Rubin nói, cười khúc khích, “nhưng nó sẽ khiến cậu tỉnh ra.” Cậu ta nắm tay thành năm đấm, giả đò đấm thẳng vào quai hàm Paige, nhưng chỉ lướt qua. “Chết tiệt. Tớ không muốn phải bắt đầu tìm thằng khác làm bạn đâu, sau tất cả những rắc rối tớ đã trải qua cùng cậu. Tớ còn biết mượn tiền của ai để rồi quỵt không trả nữa đây? Tớ còn biết mượn thuốc của ai nữa đây?”

“Tớ không thể chịu nổi, Rube. Tớ không chịu được. Không thể ngủ được.”

“Rồi sẽ ổn mà. Đàn ông lên đi. Hãy đến đó. Tìm hiểu mọi chuyện. Lật bài ngựa. Cơ mà đừng có để bị đo ván đấy.” Cậu ta nhún đôi vai đồ sộ. “Mà cậu biết gì không? Chuyện này có thể không chính xác đâu.”

Paige rút ra một lá thư nhàu nát từ trong túi, trao cho cậu ta.

... Chúng biến mất kể từ thời điểm cô ta gặp hắn lúc tám giờ. Thế rồi, hắn lại đưa cô ta về...

“Là thật đấy,” anh cay đắng nói.

“VẬY HÃY TỚI ĐÓ ĐI. THẾ CÁI QUÁI GÌ TRÊN CÁNH TAY CẬU KIA, HOA SÚNG À?”
Cậu ta giơ một trong hai cổ tay của Paige lên, rồi lại thả xuống. “Chúng ở đó là để cậu dùng, đúng chưa hả? Chiến đấu vì cô ấy đi. Cậu phải chiến đấu để gìn giữ chúng. Theo như tớ nghĩ thì, nếu chẳng còn ai cần mấy cái nắm đấm nữa, vậy thì cậu sẽ chẳng khác gì một thằng chơi vĩ cầm, có thể lúc đầu nó không xuôi chèo mát mái ngay đâu. Tớ từng trải qua chuyện tương tự rồi. Tớ từng bụm vào hàm một thằng trên lối đi dạo ở Coney Island để giành lại Sadie của tớ. Kể từ đó...” cậu ta chém mạnh bằng cạnh bàn tay, “tớ không bao giờ phải gặp rắc rối nữa. Tất cả những gì cô ấy làm là ở nhà và sinh con.”

“Tớ không được cho nghỉ phép.”

“Nghỉ phép cái mẹ gì? Cậu đếch có chân à? Ngoài kia đếch có đường à?”
Cậu ta giơ tay lên dò hỏi, tựa vào vai anh. “Chỉ cần hỏi bản thân cậu một câu thôi, đó là tất cả những gì cậu phải làm. Được rồi, tớ sẽ cứu cậu khỏi rắc rối, tớ sẽ hỏi thay cậu. Cậu có muốn cô ấy không?”

“Tớ có muốn sống không?” Paige hỏi lại.

Ngay trước khi tới được phạm vi ngôi làng nhỏ, anh bước tránh vào một lùm cây bên vệ đường, nhanh chóng thay sang trang phục thường dân mà Rubin đã xoay xở kiếm được cho anh mang theo, giờ đang kẹp dưới nách. Hoặc đúng hơn là phủ ngoài bộ đồ anh đang mặc, vì mặc kiểu gì cũng chẳng thể vừa vặn. Anh chỉ bỏ đi cái áo jacket quân đội, được gấp ngay ngắn và nhét dưới một hòn đá to. Chiếc quần anh đang mặc phủ ngoài là quần dài đi bộ bó sát, áo khoác len mặc ngoài đầy dầu mỡ che giấu chiếc sơ mi bên trong do chính phủ cấp, trên đầu là chiếc mũ ni đã sờn rách. Vành mũ rộng đến lạ lùng ban đầu khiến anh có cảm tưởng như cái ô đội ngược.

Việc này thật không đơn giản, anh đang mạo hiểm từng bước chân. Đôi giày, mái tóc mới cắt, cái cách anh di chuyển, tất cả đều hiện lên rõ mồn

một hai chữ “quân nhân”. Chỉ cần một chàng quân cảnh đi lạc vô tình phát hiện, anh sẽ trở thành mục tiêu rất dễ hạ, và anh biết điều đó. Thêm vào đó, chính việc giả trang cũng là một nguy cơ. Chiến tranh đang ở giai đoạn đầu sôi lửa bỏng, và bạn không còn thấy những người ở tuổi anh không vào quân ngũ mà lại đi tản bộ.

Chiến tranh. Chiến tranh. Anh căm ghét chiến tranh, anh nguyện rửa những kẻ gan dạ. Chiến tranh đã cướp cô khỏi tay anh. Chiến tranh lẽ ra phải chọn ai đó mạnh mẽ hơn chứ. Tại sao chiến tranh bắt người ta phải chịu cảnh chia yên rẽ thúi? Anh có từng làm hại ai đâu.

Trời đang bắt đầu sáng dần khi anh xuất hiện trong làng, đứng chơ vơ bên đường. Ánh sáng không đủ để soi tỏ tất cả; mà chỉ khiến những tấm ván bản thiu trông càng xiêu vẹo gấp đôi. Ngay cả những hàng cây xung quanh cũng hành xử như thể thấy xấu hổ, qua cái cách chúng cố gắng che đậy, giấu giếm. Một con gà trống cất tiếng gáy, một con chó sủa khi anh đi ngang qua. Chiếc đèn dầu tỏa ra ánh sáng lờ mờ phía sau một trong các mặt tiền cầu thang. Chẳng phải vì anh, chỉ là đã đến lúc tất cả cùng thức dậy.

Nếu có bất kỳ cảm xúc nào còn lại sau khi phải trải qua tấn bi kịch vừa rồi, hẳn anh sẽ cảm thấy tiếc cho bất kỳ ai phải sống trong khu ổ chuột đáng nguyện rửa như thế này. Tốt hơn là họ nên nằm trên giường cả ngày, đừng có bước ra ngoài và thấy cảnh này.

Dù sao thì cũng có một chuyến tàu hỏa chạy qua nơi này, và một nhà ga được dựng lên tại nơi được xem là điểm dừng.

Anh phải đợi khoảng nửa tiếng mới thấy nhân viên ra mở cổng để bước vào trong, và trông nó cũng chẳng kém tệ hơn là mấy.

Anh có mang theo tiền. Số tiền mà hai người đã gom góp từ khắp mọi nguồn có thể. Tất cả chỉ nhằm giúp một người đàn ông không mất vợ. Tất cả chỉ nhằm xoa dịu nỗi đau của một người đồng đội.

Anh bước đến chỗ cửa sổ.

“Gì vậy, anh bạn trẻ?” Ông già tóc hoa râm cộc cằn nói.

“Mấy giờ sẽ có chuyến mới ạ?”

“Chuyến mới đến đâu?”

“Đi khỏi cái nơi chết tiệt này.”

“Sáu.”

“VẬY là sắp...”

“Sáu giờ tối nay.”

Anh quay lại với con đường cao tốc chạy qua nơi này.

Có vẻ như mọi thứ đang tiến triển theo kiểu anh sẽ phải ngủ ngoài trời, rất tạm bợ. Nhưng lúc sau, có một chiếc xe tải chở hàng xuất khẩu đi qua và anh chặn xe lại bằng cách ném mũ vào nó. Theo bản năng tài xế phanh xe trước khi kịp nhận ra đó là cái mũ, mà chẳng thấy người đâu.

“Thằng lỏi nào thế?”

“Có cơ hội nào để đi nhờ không?”

“Được rồi, bám càng đi,” ông tài xế mệt mỏi đáp, “miễn là cậu để cho tôi đến được điểm dừng.”

Chiếc xe tải tiếp tục đi. Con đường trước mắt họ bỗng uốn khúc như tàu lượn, khi đến gần nó mở rộng mãi ra.

Ông tài xế rất cảnh giác, ông ta thi thoảng lại kín đáo liếc nhìn anh. Rồi ông ta nói, “Anh từ đâu đến vậy, có phải từ trại lính dưới kia không?”

“Không,” Paige thẳng thừng đáp. Anh rút một tờ từ trong chỗ tiền ít ỏi của mình trao cho ông ta.

Ông tài xế liếc mắt nhìn tờ tiền, rồi nhét vào túi. “Nếu cậu đã nói vậy thì có lẽ cậu không phải là lính,” ông ta nói, nháy mắt với anh.

Một lúc sau ông ta nói, “Cậu muốn tới đâu? Và với câu hỏi ấy xem như cậu đã trả tiền xe xong xuôi, không phải lo đâu.”

“Phía Đông,” Paige dứt khoát đáp. “Chỉ phía đấy thôi. Phía Đông thẳng tiến. Ông làm sao thì làm.”

Toa tàu đang âm âm lao qua hoàng hôn, như một chiếc lưới cày đâm xuyên qua vùng đất tối tăm màu nâu đỏ đặng xa. Các ô cửa sổ sáng đèn hắt xuống dải đất hai bên những chùm lốm đốm, thế nên nhìn con tàu như đang bơi giữa những gợn sóng lăn tăn, như thể trắng cỏ lay động dập dờn, khi chiếc xe nào đó phóng qua.

Con tàu lắc lư và rung lên bởi gia tốc của chính nó; các khớp nối kêu ken két, gầm gừ đe dọa sẽ long ra từng mảnh. Khớp nối trên các đường ray trái lại vẫn nằm yên. Nhưng ít nhất đối với những hành khách, con tàu dường như đang chạy rất chậm. Mặt đất trở nên quá rộng, quá to lớn, như đến bất tận. Phía Đông như ngày càng xa vời. Con tàu càng lao về phía trước nhanh bao nhiêu, bạn càng xa đích đến bấy nhiêu.

Những ngọn đèn trần dòm xuống qua làn khói thuốc mờ mịt trên đầu các hành khách đang đứng ken đặc lối đi, đu đưa và nhấp nhô theo cùng một nhịp, nhưng không lo bị ngã, vì chẳng còn đủ chỗ để mà ngã nữa. Những chiếc cốc giấy đựng rượu gin và rượu ngô dùng một lần chuyển tay từ người này sang tay người khác, như mấy chiếc rơ le trong dây chuyền, từ trên cao chuyển xuống dưới thấp. Hát hò, la hét, cười nói, ánh mắt cầu kính tạm thời xua tan đi tiếng cãi vã, sự uế oải, phờ phạc, tuy nhiên những âm thanh ấy vẫn vang lên từ quá nhiều chiếc cốc giấy đầy rượu; tiếng kèn harmonica, tiếng chơi cờ bạc với điểm nhấn là tám cái đầu gối. Màu quân phục và màu chết chóc hòa lẫn vào nhau, ngoại trừ một người mẹ trẻ và đứa con thụ động, đã quá quen với cảnh này, là một phần của nó, dõi mắt nhìn những trại lính xung quanh.

Trong cái toa đầy người này còn có một người không mặc quân phục khác, hình bóng này ngồi thu lu trên chiếc ghế trong góc, đầu cúi thấp, vành mũ che kín mặt, như thể đang say ngủ; cố gắng càng thu mình nhiều bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nhờ vậy không ai có thể nhìn thấy anh; nhưng anh cũng chẳng thấy được ai.

Bất chợt một bàn tay đầy uy quyền, với ý định rõ ràng, tựa hẳn xuống vai anh ta, làm anh ta nao núng, sau đó lạnh toát toàn thân. Như cách động vật hay làm khi lần đầu tiên nó cảm thấy nguy cơ bị bắt trườn đến, nó chờ đợi,

trong lo lắng và hồi hộp, tìm hiểu xem con đường nào an toàn nhất để chạy thoát thân.

Bàn tay anh chậm rãi đưa lên. Anh thận trọng hé vành mũ đang che kín mặt. Từ khước mắt anh nhìn theo hướng bàn tay đang đặt trên người mình. Mong đợi được thấy bộ quân phục màu ô liu, chiếc băng tay màu trắng quen thuộc của một viên quân cảnh.

Nhưng thay vào đó, anh lại thấy một bộ quần áo may bằng vải xéc màu xanh thẫm, sáng bóng với những chiếc khuy đồng. Dưới cái mũ lưỡi trai chóp bẹt, là gương mặt một ông già. Tất cả những gì ông ta cầm ở tay kia là một xấp vé, không phải dùi cui.

Chỉ là người soát vé trên tàu, đến hỏi vé của anh.

“Máy giờ thì tàu đến nơi?” Anh hỏi.

“Tám giờ mười lăm,” ông soát vé đáp.

“Em định gặp anh ta lúc mấy giờ?” Rusty hỏi.

“Tám rưỡi,” Sharon đáp.

Rusty nghiêng người qua thành giường, chống hai khuỷu tay ngấm cô sắp xếp đồ đạc vào chiếc va li đang mở, đặt ngay trên giường.

Trong một lúc chị ta chẳng nói gì thêm nữa - mà chỉ nhìn. Sharon có vẻ, hoặc giả vờ không nhận thức được rằng mình đang bị sấm soi.

“VẬY là em định bỏ đi mãi mãi,” cuối cùng Rusty lên tiếng.

“Mãi mãi là đúng từ đấy,” Sharon đồng tình. “Mãi mãi là đúng từ đấy.”

“Chị có thể dùng từ khác,” Rusty lẩm bẩm không thể nghe thấy.

Sharon ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào chị ta. “Có chuyện gì thế, chị không đồng tình à?”

“Đó là việc của em.”

“Thế là không đồng ý rồi.” Cô đóng nắp va li. “Thế là tốt mà. Lây của chị. Tối nào cũng hẹn hò. Tối nào cũng là một người khác nhau.”

“Hẳn rồi, vì chị biết làm thế nào để giải quyết chuyện tình yêu, còn em thì không. Chị đón nhận tình yêu như một người đàn ông. Chị có thể phân phát tình yêu ra khắp nơi, nhưng không để nó thấm vào trong mình. Chị chống thấm rất hiệu quả đấy, cưng ạ. Sáng hôm sau chị sẽ vẫn là Rusty. Còn em đón nhận tình yêu như một người đàn bà. Em sẽ chết đuối ngay lập tức, mãi mãi không trôi lên được.”

Sharon xách va li lên, chuẩn bị tiến ra cửa.

“Sao em không đón nhận tình yêu một cách nhẹ nhàng?” Rusty nói, gần như van xin.

Sharon mở cửa. “Hỏi trái tim em ấy, đừng có hỏi em. Tai em sẽ lắng nghe, nhưng trái tim thì không.”

Cô giơ một bàn tay lên vẫy về phía chị ta, như một lời tạm biệt.

“Phần tiền nhà của em để trên bàn giấy. Chị có thể trả lại chìa khóa nhà của em cho quản lý, em để cùng chỗ với tiền đấy.”

Tuy nhiên, Rusty đã không còn ở trong phòng nữa. Chị ta bước theo cô xuống nhà, gần như giậm chân theo từng bước đi.

Dưới chân cầu thang, Sharon ngoảnh đầu lại, ném cho chị ta cái nhìn hơi sốt ruột, như thể việc kéo dài giây phút chia tay này giữa hai chị em khiến cô bức mình. “Chuyện gì thế, tối nay chị không hẹn hò ai à?”

“Chị có thể có tới hai, ba hay bốn cuộc hẹn hò. Nhưng hài lắm... có thể chính vì việc em đang làm... khiến chị bỗng dưng chẳng muốn hẹn hò nữa. Cuộc chơi dường như không còn vui nữa.”

“Vậy sao chị không xem nó là cơ hội để tìm một người cho riêng mình, giống như em, thay vì một trò chơi?” Sharon đánh đá hỏi.

“Để rồi lĩnh một quả chơi xấu, phải không?”

Sharon đã ra đến cửa trước. Cô không đáp lại câu nói này.

Một lần nữa Rusty đuổi theo cô, thậm chí chị ta còn đặt tay lên cửa, giữ nguyên cánh cửa ở vị trí cũ, chỉ lâu hơn một chút nữa thôi.

“Có phải đây là lời chia tay tốt nhất em có thể dành cho anh ấy không, Sharon?”

“Anh ấy? Ai cơ?” Thế rồi cô nhớ ra. “À. Anh ấy.”

“Chị đã đọc một trong những lá thư của anh ấy. Không phải chị cố tình, nhưng em rải thư của anh ấy khắp phòng, đúng lúc chị hết khăn giấy để tẩy son môi. Nó không được viết bằng mực. Anh ấy vẫn thường viết cho em những bức thư bằng máu như thế sao?”

Sharon buông va li rơi bộp xuống sàn, hít một hơi sâu, như thể có một cột mốc nào đó mà cô phải vượt qua, một lần và mãi mãi, trước khi có thể ra đi vào phút cuối. “Nghe này. Em có thể nhớ rằng mình đã kết hôn với một người xa lạ, rất lâu trước đây. Em có thể nhớ được tên anh ấy là gì. Nhưng chỉ vậy thôi. Em không thể mang anh ấy về đây trước mặt em được. Nó giống như đòi hỏi em phải cảm thấy hối tiếc vì ai đó mà em chưa bao giờ hiểu rõ vậy.”

“Ôi trời, toàn thánh nữ thế này,” Rusty nói, môi mím chặt. “Trao cho chị một cô quái chiêu như chị đi mà.”

Sharon lại cúi xuống xách va li lên.

Một chiếc điện thoại chọt reo chuông inh tai nhức óc phía sau sảnh, giống còi cứu hỏa hơn bất kỳ thứ gì khác.

Gần như là phản xạ, Rusty vươn tay ra nắm lấy hai cánh tay Sharon, như thể muốn níu chặt cô thêm một lúc nữa.

Một phụ nữ trung niên bước ra từ phía sau, trả lời điện thoại. Tiếp theo bà ta bước đến cầu thang, gọi với lên bằng chất giọng ngân nga sang sảng của một nhân viên điều phối tàu. “Fay MacKenzie đang trên đường đây! Fay MacKenzie đang trên đường đây!”

Tiếng đôi dép đi trong nhà chạy vội xuống, nghe như tiếng cánh quạt đập nước. Một giọng nói cao vút vang lên, “A lô, Joe à,” rồi chìm xuống thành tiếng vo vo sung sướng, gần như không thể nghe thấy.

Cả hai cùng ngoảnh mặt đi.

“Chị có một linh cảm buồn cười lắm,” Rusty khàn khàn nói. “Đừng đi, Sharon.” Hai bàn tay chị ta vẫn vươn ra nắm chặt cánh tay người kia, cố gắng can ngăn cô.

Sharon phá lên cười một lúc. “Sao thế, lại sắp nức nở đấy à?”

“Nghe này, làm một việc cuối cùng vì chị thôi, được không? Trước giờ chị chưa từng cầu xin em điều gì. Làm việc này cho chị, xem như món quà chia tay nhé?”

“Không, nếu chị đề nghị em thay đổi...”

“Đợi nửa tiếng thôi. Cho anh ấy thêm ba mươi phút nữa. Anh ấy có thể gọi điện hoặc làm gì đó. Ít nhất hãy cho anh ấy cơ hội. Đừng có bỏ đi lạnh lùng như thế. Em đã đợi xe buýt lâu đến thế. Em đã đợi một bộ phim hạng B vào đêm thứ Bảy lâu đến thế. Em đã đợi một bàn ăn tại một nhà hàng chẳng ra làm sao lâu đến thế. Em đã đợi một chàng trai cùng mình đứng trên lề đường lâu đến thế. Hãy vì những ngày xưa cũ, hãy vì anh chàng dễ thương ấy. Rồi sau đó cứ việc đi nếu em thấy cần.”

Sharon nhìn chị ta. Rồi cô sai bước, chiếc va li tựa vào tường, ngay bên trong cửa. “Mười lăm phút,” cô nói dứt khoát. “Em không biết làm thế để làm gì, em không biết nó sẽ mang lại điều tốt lành gì, nhưng cái giọng run run của chị đã khiến em đổi ý. Chúng ta sẽ vào phòng khách, bật nhạc nghe trong lúc em ngồi chờ.”

Cô xoay cổ tay áo, lóng ngóng với dây dợ.

“Mười lăm phút,” cô nói, “vì một tình yêu đã chết và không bao giờ hồi sinh.”

Toa tàu lúc này đứng bất động một chỗ, một dải đất trũng trống rỗng với ánh đèn và khói thuốc mờ mịt, ken đặc những người là người, giữa màn đêm xanh thẫm xung quanh.

Họ không còn hát nhiều nữa, họ đã mỏi mồm rồi. Họ cũng không uống rượu nhiều nữa, họ uống say cả rồi. Hầu hết bọn họ đang ngủ lơ mơ, gà gât,

cả khi đứng lẫn khi ngồi. Toa tàu cảm lạnh đến lạ lùng. Một lời nhận xét thì thoảng vang lên phá vỡ sự im lặng, âm vực còn cao hơn cả lúc đầu, cũng do không còn một giọng nói nào hòa ca nữa.

Đâu đó ngay bên ngoài đang phát ra tiếng lách cách không ngừng. Nó không xuất phát từ bản thân toa tàu, vốn vẫn đang đứng yên, mà là tiếng rung từ bên ngoài làm rung các khung cửa sổ, các bánh xe, thậm chí cả các đường ray dưới bánh xe như cũng rung lên. Chỉ một bên thôi, phía bên trái, trên con đường ray bên cạnh, một chuỗi dài các toa tàu tối om, kín mít dài như vô tận đang phóng vút qua, giống như những bóng ma. Không thấy một ánh sáng nào phát ra. Một đoàn tàu chết chóc. Một cỗ xe của địa ngục. Hàng tá toa tàu đen ngòm; làm rung chuyển đường ray, rung chuyển màn đêm, rung chuyển toa tàu đang đứng im.

Tất cả các toa tàu trên khắp đất nước này, trên khắp thế giới này đều đang đi về cõi chết. Giống như những quân cờ domino đen sì trên những bánh xe, như những hình cắt bằng giấy bay giữa bầu trời đêm. Không có ánh sáng, không có chút dấu hiệu của hàng nghìn con người đang chen chúc nhau trong những toa tàu đó, chỉ để tìm đường xuống địa ngục; hoặc tòi tệ hơn thế nữa.

Chiến tranh, chiến tranh. Sự điên rồ của toàn thể vũ trụ này.

Chân anh không ngừng đập mạnh trên sàn, nhanh hơn và càng lúc càng nhanh hơn nữa. Tiếng giẫm đập như tiếng búa nện xuống nỗi tuyệt vọng, nỗi đau khổ của anh.

“Thôi đi!” Người đàn ông ngồi ghế bên cạnh cuối cùng cũng quát lên. “Tôi không chịu được nữa! Anh cứ làm thế mãi hàng giờ liền rồi. Thần kinh tôi căng thẳng lắm. Đứng yên đi.”

“Câm mồm,” anh gầm gừ đáng sợ, nhưng cũng dừng chân lại.

Anh giơ hai tay lên ôm đầu, trong một lúc.

Bất chợt anh đứng lên, len qua đồng đầu gối của những người ngồi cạnh. Năm người nữa lập tức thức tỉnh khỏi trạng thái mơ màng, liền lao vào tranh nhau chỗ ngồi của anh. Hai người trong số họ nhảy vào cùng một lúc;

chẳng ai chịu nhường ai. Cuối cùng họ thỏa thuận sẽ chia đôi, mỗi người ghé một bên.

Anh thô bạo chen lấn tiến đến cuối toa, thi thoảng đánh thức những người đang đứng ngủ gật, phá tan giấc mơ của vài cô gái, khi anh bước qua - giấc mơ về một bữa tối có gà tây ở nhà, về một cái giường tại hộp đêm nào đó. Mà cũng chẳng quan trọng nữa; đằng nào giấc mơ cũng bị phá rồi.

Anh xoay tay nắm mở cửa, bước ra hành lang.

Ở ngoài này tiếng ồn đinh tai nhức óc, cửa bên của tàu đang mở.

“Chuyện gì thế?” Anh hét lên. “Còn bao lâu nữa? Bốn mươi phút rồi.”

“Làm sao tôi biết được? Tôi chỉ là trưởng tàu thôi. Khi tàu dừng, thì tôi dừng theo. Có một toán lính đang ngáng đường chúng ta, hành quân tới điểm tập kết tiếp theo, tôi nghĩ vậy. Họ phải đến đó trước, anh biết đấy.” Nói rồi ông ta khinh khỉnh nhìn anh từ đầu đến chân, chiếc mũ nỉ sờn rách, áo khoác len nhòn mỡ và quần bó. “Nơi anh đang tới chẳng quan trọng đến vậy đâu. Đang có chiến tranh, anh biết đấy.”

“Im đi!” Anh rít lên, giơ bàn tay lên trước mặt, cắn chặt răng vào mu bàn tay như cách anh hay làm khi nổi đau đớn trở nên không chịu đựng nổi, khi bạn không thể chịu được chuyện này nữa.

Thế rồi bất ngờ anh nắm chặt lấy tay vịn, nhảy vút qua bậc lên xuống vào vùng tối đen bên dưới. Bị nuốt chửng, biến mất, không còn dấu vết.

“Chà, một cách hay để tiếp tục lên đường,” gã trưởng tàu khô khan nhận xét với tay lính đứng cạnh mình. “Bằng chính khả năng của mình.”

Chiếc xe hơi màu đen hai chỗ của nhân viên bán hàng đang âm ỉ chạy dọc đường cao tốc, ánh đèn pha hắt chùm sáng lẻ loi rọi tỏ vùng thôn quê đen ngòm cô độc. Bên trong chùm sáng ấy chỉ còn sự tĩnh lặng. Hai người đàn ông trong xe nhìn thẳng về phía trước, trái ngược với ánh đèn trên bảng điều khiển, gương mặt họ như những hình ô van tái nhợt.

Người cầm lái mang sắc mặt như thể bị xúc phạm, vẻ mặt của những người cố gắng bắt chuyện nhưng bị từ chối, anh ta quyết tâm không gợi chuyện nữa. Paige có cái nhìn lạnh lẽo, như thể gương mặt anh là tấm vữa

xám xịt đã cứng lại rồi, chắc phải đập nát từng mảnh vữa ra mới thấy được nét mặt của anh.

“Anh không đẩy nhanh tốc độ hơn được à?” Anh bất ngờ lên tiếng, nhưng môi vẫn mím chặt.

“Tất nhiên là có thể,” câu trả lời lạnh lùng. “Nhưng tôi sẽ không làm thế. Đây là xe của tôi, và năm mươi cây là tốc độ tối đa rồi, ngay cả ở vùng nông thôn này vào ban đêm. Tôi còn vợ và hai con nhỏ. Nếu cậu muốn tiết kiệm thời gian...” Anh ta hất nhẹ đầu sang phía con đường mòn bên cạnh.

Một tiếng thở dài chế nhạo thốt ra qua đôi môi mím chặt của Paige. Anh khoanh hai tay trước ngực, như thể cố gắng kiềm chế. Bàn tay anh đặt trong chiếc áo khoác len, đang tựa lên báng khẩu súng công vụ của anh. Chúng khép lại xung quanh báng súng.

Anh thề, chỉ cần anh ta thở ra thêm một câu nữa thôi, anh ta sẽ vắng khỏi ghế. *Im lặng đi, tôi không muốn làm thế đâu, tôi đang cố ngăn mình làm thế đây.*

Người đàn ông cầm lái im lặng, không nói thêm gì nữa.

Những ngón tay của Paige thả lỏng, rời khỏi báng súng.

Đồng hồ đo tốc độ trên bảng điều khiển hơi run rẩy, nhưng vẫn dừng ở con số năm mươi.

Gã tài xế không hề nhận thức được việc mình đang làm, bắt đầu ngâm nga. Anh ta đang hát những lời ca, bằng giọng thấp. *Ai đó đã ăn cắp cô...*

Những ngón tay của Paige lại siết chặt quanh báng súng, miết một phen lên phía trên.

Anh đau khổ cựa quậy trên ghế ngồi. *Mày đang cố không giết người này, anh cố gắng kiềm chế. Mày không muốn giết bất kỳ ai hết. Mày chỉ muốn...*

“Đừng,” anh nói, khề khàng đến mức gần như không thể nghe thấy.

Tuy nhiên, người bạn đồng hành chắc đã nhận ra dấu hiệu nhỏ nhoi nào đó. Anh ta nghiêng đầu sang Paige hỏi kiểu lảng mạn. “Gì thế hả?”

Paige ghì chặt lồng ngực mình. “Tôi nói là ‘Đừng’.”

Người đàn ông ném sang anh cái nhìn quở trách. Thế rồi anh ta ngoảnh lại nhìn đường. “Tự ái à?” Anh ta lẩm bẩm.

“Phải,” Paige đáp. “Tự ái đấy.”

Bất ngờ xe họ dừng lại.

“Anh dừng xe lại làm gì thế?”

“Đây là nơi chúng ta chia tay nhau. Anh không thấy cái ngã ba trước mặt à? Nếu anh muốn đi về phía Đông, anh phải tiếp tục đi thẳng trên đúng con đường này. Về nhà tôi thì đi đường kia. Xe tôi và tôi, chúng tôi ngoặt ở đây.”

Cổ tay Paige giật mạnh, khẩu súng xuất hiện, trưng ra toàn bộ hình ảnh đáng sợ.

“Xuống xe,” anh nói.

“Anh... anh muốn làm gì?”

“Cứ xuống xe và tránh xa ra.”

Để cho nhanh, anh lấn sang ghế tài xế, huých vào hông anh ta. Cánh cửa bật mở, người đàn ông ngã văng xuống đường, phải bò trên mặt đất để ngăn mình không ngã ngửa.

“Chờ đã, anh đang làm cái...? Tất cả hàng mẫu của tôi đều ở trên xe! Đó là lời cảm ơn vì tôi đã... tôi biết lẽ ra mình không nên nhận...”

Cửa xe đóng sầm lại. Đôi bàn tay của anh ta bám vào cánh cửa như van xin, cố gắng bám thật chặt.

Cái báng súng đánh xuống một cú không thương tiếc, có tiếng thét, đôi bàn tay anh ta không còn bám chặt nữa.

“Anh có thể đi về phía Nam. Nhưng xe của anh và tôi, chúng tôi sẽ đi về phía Đông.” Paige nhấn chân ga. “Và thưa ngài,” anh nói thêm, “ngài không biết mình may mắn thế nào khi vẫn còn sống đâu.”

Hai năm đấm của anh đang đấm cửa diên cuồng bỗng khựng lại. Cánh cửa mở ra. Một cô gái bước ra, chậm rãi. Cô ta đóng cửa lại sau lưng mình, rồi đứng đó nhìn anh, lưng tựa vào cửa.

Cô ta đã nốc vài ly rượu và trông như thể cô ta uống một mình. Giữa hai môi cô ta là miếng thuốc đang cháy, chúng nhấp máy nhưng không buông rơi miếng thuốc. Một miếng để dành nhét sau tai cô ta như bút chì.

“Anh đến trễ rồi,” cô ta buột miệng, không buồn giới thiệu bản thân. “Cô ấy mới bỏ đi mười lăm phút trước. Anh chậm chân mất rồi.”

“Làm sao cô biết tôi là ai...?”

“Nó lù lù trên đôi mắt anh kia kìa,” cô ta nói giọng khàn khàn. “Nhắm mắt tôi cũng biết. Sao anh không đến sớm hơn? Hay đúng ra phải là, anh đến đây để làm gì cơ chứ?”

“Cô ấy là vợ tôi. Cô ấy đã thề rằng tất cả cuộc đời chúng tôi... Họ đã đi đâu? Lối nào?”

Cô ta ngồi sụp xuống, lưng vẫn dựa vào cửa, như thể thấm mệt. Phát mệt vì cái thế giới này. “Cứ biết là họ đã ‘đi rồi’ và quên hết đi. ‘Đã bỏ anh đi rồi.’ Anh đã bị nằng tay trên rồi. Có thể họ đang ở đâu đó trong thành phố này. Hoặc đang ở trong nhà nghỉ nào đó ngoài thành phố...”

Anh đưa bàn tay lên vò đầu, mặt mày nhăn nhúm.

“Kể cho tôi nghe đi,” cô ta nói với vẻ hiếu kỳ rõ nét. “Có tệ đến thế không? Bên trong anh có đau đớn giống như cách anh thể hiện ra bên ngoài không?”

Cô ta không bao giờ có được câu trả lời.

Cô ta vẫn đứng đó, đôi vai chùng xuống tựa vào cánh cửa, mệt mỏi, mệt mỏi vì cái thế giới này, rất lâu sau khi hình bóng của anh chìm sâu vào bóng tối, cánh cửa xe đóng lại kêu kẽo kẹt, và ngọn đèn đuôi lao đi như gió.

Bất chợt cô ta quăng mạnh miếng thuốc đi, nó bắn tung tàn lửa ra xung quanh khi rơi xuống đất.

“Lạy Chúa!” Cô ta cay đắng thốt lên. “Mình căm ghét tình yêu!” Cô ta quay gót, đóng sầm cửa lại.

Cô ở trong phòng một mình. Quá mệt mỏi do chờ đợi anh ta, nên cô ngủ thiếp đi. Bản thân hoạt cảnh này đã nói lên tất cả. Căn phòng ngập ánh sáng trong căn nhà trọ một tầng bằng gỗ, có khả năng được dành sẵn cho riêng cô từ trước, để anh ta có thể gặp cô ở đây. Nhưng anh ta lại không đến, thế nên cô đã ngủ trong lúc đợi.

Những tấm rèm trên cả hai cửa sổ đã kéo xuống hết, vì lúc này cô đã thay sang đồ ngủ. Túi xách của cô để mở nằm cân bằng trên hai tay ghế, vài thứ trong túi được bỏ ra ngoài. Những tấm ga giường xếp gọn thành một đường chéo.

Cô ngồi ngủ gật tại bàn trang điểm, đầu gối lên cánh tay. Trên người cô là bộ quần áo ngủ ban đêm, chiếc áo ngủ màu xanh nhạt mặc ngoài váy. Lược chải tóc cô dùng trước khi ngủ nằm trong tầm tay với. Cạnh đó là chiếc đồng hồ báo thức du lịch nhỏ nhắn mà cô đã lấy ra từ trong túi. Tiếng tích tắc của nó là âm thanh duy nhất trong phòng. Dường như nó làm nhấn mạnh khung cảnh này. Kim giờ và kim phút của nó lúc này đang chỉ mười một giờ kém năm, và cho dù chẳng có ai ngoài cô biết lẽ ra anh ta phải đến vào giờ nào - nhưng từ độ nghiêng của mái đầu mệt mỏi kia cho thấy thời điểm ấy đã trôi qua... đã mãi mãi trôi qua.

Và rồi núm cửa ra vào chậm rãi xoay, rất tinh tế không một tiếng động, như thể đang phải chịu sức ép nào đó từ bên ngoài, sức ép bí mật. Sức ép được xả ra, núm cửa trở lại hình dáng ban đầu.

Không có tiếng chân bước, không có âm thanh. Không ai đi ra cũng như chẳng có ai đi vào. Nhưng rồi một ô cửa sổ được nhẹ nhàng kéo lên phía sau những bức rèm chồng lên nhau, đã kéo xuống hết. Rèm cửa căng phồng lên. Người đàn ông thả một chân xuống sàn nhà phía sau tấm rèm. Tiếp theo là chân kia.

Cô không nghe thấy anh. Giấc ngủ của cô quá sâu còn anh quá trầm lặng.

Một bàn tay, những ngón tay cong cong của một bàn tay, siết chặt mép tấm rèm, kéo căng nó trong một phút, rồi buông tay hình thành các đường lồi lõm trong thoáng chốc.

Bucky bước ra từ phía sau tấm rèm, súng lăm lăm trong tay. Đôi mắt anh chỉ thực sự là đôi mắt khi nó chú mục nhìn cô. Khi đôi mắt ấy rời khỏi cô đi dò xét khắp căn phòng, chúng biến thành hai viên đá, lạnh lùng và cứng nhắc, gắn trên khuôn mặt anh.

Anh nhẹ nhàng đi tuần khắp phòng, với sự nhẹ nhàng khủng khiếp của tử thần. Anh dòm vào bồn tắm trước tiên, huơ súng lên thành nửa vòng tròn. Anh nhìn vào nhà vệ sinh. Cô treo váy áo của mình trong đó, những quần áo cô đã thay ra khi tới đây.

Không còn chỗ nào khác để dò xét nữa. Anh nhét súng vào túi. Hai viên đá cứng nhắc ấy lại liếc nhìn cô, lấy lại vẻ dịu dàng. Đôi mắt biết khoan dung. Anh lấy hết quần áo đang treo trên mắc, mang đến chỗ cái túi đang mở và nhét hết vào trong. Ngay cả với đồng quần áo này, ngay cả với những món đồ tùy thân vô tri vô giác này, anh cũng vẫn rất nâng niu, chỉ vì chúng là của cô. Anh gấp chúng lại trước tiên, để có thể nhét vừa vặn vào túi, không bị nhàu nát, không bị hư hại.

Tất cả ngoại trừ áo khoác và váy. Anh bỏ chúng ra ngoài cho cô mặc, để về nhà với anh. Nhà ư? Đúng, nhà. Cho dù chẳng có ngôi nhà nào đang đợi chờ họ, cho dù chẳng có mái nhà nào trên đầu họ, nơi nào họ đến và ở bên nhau thì nơi đó chính là nhà.

Thế rồi anh khóa chặt túi lại, đặt xuống sàn nhà, sẵn sàng mang nó ra ngoài cho cô.

Dù cho cô chẳng hề nghe thấy tiếng khóa túi lách cách.

Rồi anh bước đến bên, để đánh thức cô.

Anh dừng chân ngay sau lưng cô và đứng yên ngắm nhìn cô một lúc. Nếu trông thấy gương mặt anh ngay lúc đó, hẳn cô sẽ biết rằng anh chẳng

hề trách cô về chuyện này. Không một câu hỏi nào, không một lời oán trách nào được thốt ra. Chỉ cần giành lại được cô, thế là đủ.

Cuối cùng anh cúi xuống nhẹ hôn lên trên trán để đánh thức cô.

“Sharon,” anh dịu dàng thì thầm vào tai cô. “Sharon, dậy đi. Anh sẽ đưa em quay về với anh.”

Mái đầu cô hơi ngửa lên, dọc theo cánh tay, như một người chậm rãi trở về trạng thái thức tỉnh. Và cô đang toét miệng cười với anh, từ một bên (giờ anh có thể nhìn gương mặt nghiêng của cô). Cô cười một cách ranh mãnh, như yêu tinh.

Nhưng đôi mắt cô thì vẫn nhắm chặt...

Anh bất ngờ vươn tay về phía cái lược, nằm trước mặt cô. Nhưng thứ anh muốn giật lấy không phải là cái lược, mà là thứ nằm dưới nó.

Những dòng chữ viết bằng bút chì trên một mảnh giấy.

Giành lại được cô ấy rồi nhé, anh lính.

Đừng bảo tôi chẳng cho anh cái gì.

Anh gục xuống, trước tiên chỉ một, rồi cả hai gối, bên cạnh cô. Anh cố gắng ôm cô trong vòng tay mình, nhưng dù có cố thế nào, cơ thể cô vẫn đu đưa lung lẳng, như thể chối bỏ vòng tay anh. Cuối cùng anh đành phải đặt cô nằm xuống sàn nhà. Cô vẫn đang mỉm cười với anh, ranh mãnh như yêu tinh.

Một mình và hoàn toàn bất lực, đôi bàn tay anh buông thõng hai bên người, cố gắng lấy ra cái gì đó, bất kể cái gì, từ trong hai túi quần để giúp đỡ cô. Nhưng anh không biết nên lấy cái gì.

Và rồi một trong hai bàn tay dừng lại, khi nó sờ thấy khẩu súng.

Thét lên một tiếng khàn khàn đầy đau đớn, anh hỗn hển rên rỉ, “Anh không chấp nhận đâu, Sharon. Anh không chấp nhận đâu. Anh sẽ không để em rời xa anh, dù thế nào đi nữa.”

Anh cúi xuống, cho đến khi chạm vào khuôn miệng méo xệch đi vì đau đớn của cô. Anh hôn lên nó, như cách một người chồng hay làm, như cách một người chồng nên làm.

“Cảm ơn em, Sharon. Cảm ơn em vì đã yêu anh.”

Phát súng khiến cả hai chấn động như nhau, thi thể đã chết của cô và cơ thể vẫn còn sống của anh.

Nụ hôn của họ tự lập lại chính nó, khi đôi môi anh lướt qua làn môi cô lần nữa, nằm yên ở đó. Một nụ hôn vĩnh hằng.

Nhận xét vụ vợ trong cuộc đối thoại chuyên môn giữa thanh tra A và thanh tra B:

“... nhắc tôi nhớ đến một vụ chúng tôi từng đối mặt không lâu trước đây. Tìm thấy một mảnh giấy ghi rằng, ‘Giờ mày hiểu cảm giác ấy thế nào rồi chứ.’ Chúng tôi không thể phá án được, bởi vì cả hai đều đã chết. Ai viết thư cho ai...?”

Nhận xét vụ vợ trong cuộc đối thoại giữa thanh tra B và thanh tra C (ba tuần sau):

“... giống như vụ mà A mới kể với tôi gần đây. Họ tìm thấy một mảnh giấy ghi rằng, ‘Giờ mày hiểu cảm giác ấy thế nào rồi chứ.’ Đại loại thế, tôi cũng không nhớ rõ lắm...”

Nhận xét vụ vợ trong cuộc đối thoại giữa thanh tra C và Trung úy D (sếp của Cameron), sáu tuần sau:

“... B nói với tôi rằng anh ta từng nghe nói về một vụ như thế. Mảnh giấy này cũng có nội dung tương tự, và điều đó khiến tôi nghĩ đến nó. Họ không thể kết luận được nhiều, chỉ cho rằng đó là sản phẩm của gã lập dị nào đó...”

Lá thư từ Trung úy D gửi cho người đồng cấp tại đơn vị của A (hai tiếng rưỡi sau):

... rằng Maclain Cameron, theo đề nghị của chính cậu ta, sẽ hợp tác với văn phòng của ngài trên cơ sở tạm thời, làm việc cùng các nhân viên của ngài điều tra cái chết của Binh nhất Buck Paige và vợ anh ta, Sharon...

Hồi âm điện tín từ Trung úy A gửi Trung úy D (hai mươi phút sau):

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC CHẤP NHẬN LỜI ĐỀ NGHỊ CỦA NGÀI. HÃY GỬI CẬU ẤY QUA ĐÂY.

Cameron và sếp của cậu ta quay lại với nhân chứng. “Thêm một câu hỏi nữa thôi, Celeste...”

Cô gái ngồi trên ghế, giậm mạnh chân đang vắt chữ ngũ xuống sàn nhà trong giận dữ. Cô ta giậm mạnh thắt lưng, thành thạo vẩy tàn thuốc bằng ngón tay.

“Lại thế nữa rồi! Làm thế quái nào tôi biết các ông đang nói chuyện với tôi hả? Tôi cứ tưởng là đùa khác cơ, đứng sau lưng tôi đây này! Tên tôi là Rusty. Nghĩ tôi là ai hả? Một cô nàng bánh bèo à?”

Cameron và ông sếp nhìn nhau. “Xin lỗi, chúng tôi không có ý xúc phạm cô đâu,” ông sếp lạnh nhạt xin lỗi. “Không dễ dàng gì cho mấy kẻ thủ cựu như chúng tôi khi phải nhớ rằng, ngày nay tuyệt đối không được gọi các cô gái bằng tên thật của họ. Được rồi, Rusty.”

“Ít ra phải thế chứ,” cô ta điệu giọng hằn đi. “Giờ thì tôi có thể làm gì cho các ông đây?”

“Sharon Paige có một mặt dây chuyền, đính trên sợi dây đeo trên cổ cô ấy. Chúng tôi muốn hỏi cô về nó.”

“Được, cứ hỏi đi.”

“Cô ta thường xuyên đeo nó đúng không?”

“Đeo suốt ngày. Cô ấy chỉ cởi nó ra khi tắm thôi. Sau đó lại đeo lên ngay.”

“Bây giờ mới đến phần chúng tôi muốn hỏi cô. Cô ấy đeo nó như thế nào? Cô cho chúng tôi biết được không? Cho chúng tôi xem đi.”

“Chà, giả dụ như đây là cổ áo của cô ấy.” Cô ta chìa cổ áo chiếc áo len chui đầu của mình cho họ xem, lấy tay chỉ, ngón tay cô ta biến mất trong khe cổ áo. “Như thế này này. Ngay phía dưới. Giấu tít tận trong này này.”

“Mặt dây chuyền đó không bao giờ lộ ra ngoài?”

“Không bao giờ. Các ông thấy đấy, nó không phải là vật trưng bày. Mà như một vật lưu niệm, tôi chỉ biết nó ở đó khi trông thấy lúc cô ấy thay đồ.”

“Nhưng chẳng lẽ không có ai đi qua cô ấy trên phố, hay thậm chí nói chuyện với cô ấy *sau khi* cô ấy thay đồ nhận ra nó à?”

“Soi qua máy chụp X quang thì có thể?”

“Cảm ơn cô. Cô có thể đi, Ce... à cô Rusty.”

Cô ta đứng dậy bỏ đi, bàn tay cô ta men theo bức tường và một que diêm sáng bừng lên..

“Này... Làm ơn...” ông sếp lấp bắp gần như là bất lực. “Đừng làm thế với tường của chúng tôi.”

“Chuyện quái gì với tường nhà các ông vậy?” Cô ta dịu dàng hỏi. “Bật diêm tốt mà.”

Cánh cửa đóng lại sau lưng cô ta.

“Anh hiểu vấn đề tôi nêu ra chưa? Rằng chẳng phải ai khác mà chính là thằng cha đó, chính kẻ đã giết chết cô ta đã viết những lá thư độc hại ấy cho người chồng! Ngay trong khi hắn ta đang giở trò cướp cô ấy khỏi tay Paige, hắn không ngừng thông báo cho anh ta về quá trình quyến rũ này. Gửi cho anh ta những thông tin hết sức chi tiết, ngay trong khi đang làm thế. Hắn đã sử dụng mặt dây chuyền đó, ở một trong những lá thư, như một cách để khẳng định rằng, cô gái mình đang quyến rũ chính là vợ của Paige, để Paige hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa. Không một ai có thể nhìn thấy nó khi cô ấy đi dạo phố, không một ai có thể nhìn thấy nó khi cô ấy mặc đầy đủ quần áo trên người. Hắn là người duy nhất *có thể* gửi những lá thư đó.”

“Tại sao hắn lại chỉ điểm chính mình cơ chứ? Thật điên rồ.”

“Tàn nhẫn đến điên rồ, hai điều này không giống nhau. Một chứng bạo dân tàn bạo. Hẳn muốn bắt anh ta phải chịu đựng, và hẳn đã làm thế. Anh đã nghe Rubin nói về chuyện này rồi.”

“Được rồi, nhưng giờ chúng ta có gì? Chứng minh được gì?”

“Chứng minh rằng hẳn không có hứng thú với vợ anh ta; cũng không quan tâm đến chuyện yêu hay giết cô ấy. Hẳn không giết cô ấy vì hẳn có oán thù gì đó với cô ấy, mà là vì hẳn có thù oán gì đó với Paige. Người chồng là mục tiêu, người vợ chỉ là hung khí hẳn dùng để đánh gục anh ta.”

Ông sếp cố gắng lắc đầu, bác bỏ niềm tin đó.

“Chỉ trả lời tôi hai câu hỏi,” Cameron nói. “Cô ấy đã phải chịu đựng trong bao lâu?”

“Mười giây. Có thể là hai mươi. Thế rồi xong.”

“Còn anh ta chịu đựng trong bao lâu?”

“Nhiều tuần, tôi nghĩ vậy. Rubin cũng nói thế. Nhiều tuần đau khổ kéo dài.”

Cameron dang hai tay ra. “Ai trong hai người thực sự bị trừng phạt?”

“Điều này,” ông sếp buồn rầu nói, “mới mẻ đây.”

Cameron đã lặn lội đến tận Tulsa. Từ Tulsa anh ta lại đến Đại lộ Dixon. Từ Đại lộ Dixon anh đến tận điểm tận cùng của nó. Tuy vậy, hỏi han và điều tra kiên nhẫn đã được tiến hành từ trước đó mấy tuần, trước khi anh hiểu rõ mình phải đi đến đâu.

Anh đã sử dụng rất nhiều phương tiện để tới đó: xe lửa, rồi xe buýt, và cuối cùng là taxi vùng Tulsa.

Lúc này anh đang bước trên con đường lát đá, rung chuông cửa một ngôi nhà đã được xác định từ trước. Sau đó vài phút, một bà nội trợ nhỏ nhắn, quyến rũ với làn da sạm nắng và phong thái thân thiện chạy ra mở cửa.

“Ngài Graham Garrison sống ở đây đúng không ạ?”

“Đúng,” cô ta đáp ngay. “Ông ấy là chồng tôi.”

“Làm ơn hỏi xem ngài ấy còn nhớ Cameron không,” anh khôn khéo nói. Anh không muốn làm cô ta hoảng sợ, không muốn nói thật cho cô ta biết mình là thanh tra. Ở cô ta có điều gì đó trong sáng và đáng tin cậy.

Ban đầu, cô ta lặp đi lặp lại câu nói, như một bé gái nhắc đi nhắc lại lời dạy, để chắc chắn mình hiểu đúng. “Hỏi ông ấy còn nhớ Cameron không.” Xong xuôi cô ta gạt đầu như thể đã nhớ kỹ, rồi quay lưng đi.

Sau đó cô ta quay lại báo cáo, với dáng vẻ vừa thật thà vừa quyến rũ, “Ông ấy nói chẳng nhớ đâu, nhưng anh cứ vào đi.”

Sau khi đã cảm ơn cô ta, Cameron tự nhủ rằng không nên trách Garrison vì đã đi bước nữa. Hay đúng hơn, không nên trách ông ta khi cưới người phụ nữ nhỏ nhắn đặc biệt này. Nếu có suy sụp, điều kỳ diệu hẳn sẽ đến một khi ông ta quen biết cô ta. Anh cho rằng mỗi người đàn ông đều có quyền được hưởng hạnh phúc. Và ngay khi nhìn mặt Garrison, Cameron đã biết rằng trông ông ta ổn hơn bao giờ hết.

Ông ta đang theo dõi một trận bóng chày. Bây giờ là chiều Chủ nhật. Ông ta lịch sự vặn nhỏ radio, Cameron biết ông ta khéo léo che giấu sự bực mình khi phải làm vậy vì anh.

“Cậu đến từ văn phòng phía Đông của công ty phải không?” Ông ta hỏi. “Có phải chúng ta gặp nhau ở đó không nhỉ?” Rồi nhận ra rằng Cameron hoàn toàn không hiểu ý mình, ông ta nhấn mạnh thêm, “Công ty Standard Oil.”

“Không,” Cameron đáp. “Ngài chưa từng gặp tôi vì công việc. Tôi không biết ngài có nhớ lại được không, nhưng...” Anh liếc mắt nhìn quanh. Không hề có người thứ ba; cô vợ đã quay lại với công việc nhà nào đó khiến cô ta quan tâm hơn là chuyện của chồng.

Hồi ức của Garrison bất ngờ quay lại nhanh chóng. Ông ta ngồi thẳng người trên ghế, búng ngón tay đánh tách một cái, rồi chỉ tay vào Cameron. “À, giờ tôi nhớ rồi! Đúng. Cậu là anh chàng cảnh sát đã vài lần đến nhà nói chuyện với tôi, vào quãng thời gian Jeanette qua đời.” Và rồi với vẻ cực kỳ

hài lòng, cho dù có lẽ ông ta vui vì khả năng ghi nhớ thần kỳ của mình hơn là vì sự hiện diện của Cameron, ông ta thúc giục, “Ngồi đi,” rồi mời anh điều thuốc lá và hỏi anh có muốn uống gì không.

Cameron đứng dậy, ra đóng cửa để đề phòng. “Tôi tự hỏi liệu chúng ta có thể nói chuyện riêng được không?”

“Tệ lắm à?” Garrison hỏi.

“Tôi không muốn vợ ngài biết chuyện này đâu,” Cameron đáp, thực lòng muốn bảo vệ cô ta, dù họ mới chỉ nói chuyện có bốn mươi lăm giây. “Những gợi ý không dễ nghe.”

“Cô ấy phải mấy tiếng nữa mới quay lại cơ,” Garrison tự tin, niềm kiêu hãnh rạng ngời trên gương mặt. “Đang một mình nấu bữa tối ngày Chủ nhật đầu tiên đấy. Có một vạch phấn phía sau sảnh mà tôi không dám bước qua.”

“Ngài quả là người may mắn, ngài Garrison,” Cameron không thể ngăn mình buột miệng.

“Tôi cô đơn như thế đủ rồi,” Garrison nói thẳng.

Cameron chỉnh lại ghế ngồi. “Nghe này, tôi phải đến gặp ngài,” anh giải thích. “Tôi cũng chẳng muốn gặp ngài hơn là ngài muốn gặp tôi đâu. Tôi ghét phải khơi lại quá khứ. Với ngài bây giờ quá khứ đã lùi xa rồi, nó kết thúc rồi. Nhưng ngài có thể giúp tôi. Ngài chính là người duy nhất có thể. Ngài là mắt xích còn lại duy nhất.” Rồi anh nói thêm. “Mắt xích còn sống.”

“Nghe khá nguy hiểm nhỉ.”

“Chà, đúng vậy đấy. Giờ vẫn vậy.” Anh lấy ra vài thứ từ trong túi, những thứ anh mang đến cho ông ta xem. “Ngài có biết một người tên là Hugh Strickland không?”

“Thằng đó hả?” Là câu trả lời có theo cách của Garrison. “Tôi biết là hẳn đã lên ghế điện rồi. Kết thúc có hậu, phải không? Tôi biết hẳn sẽ có kết cục như thế mà.”

“Nói vậy là ngài biết anh ta rất rõ?”

“Những kẻ như thế tôi không ưa nổi, tôi đã không qua lại gì với hắn nữa từ trước khi Jeanette qua đời. Cô ấy chẳng có liên quan gì đến hắn hết. Dù sao thì, Florence Strickland cũng là một trong những người bạn thân nhất của cô ấy. Tôi không phải khất khe gì đâu, nhưng khi một thằng đàn ông cời mở về những chuyện ấy...”

Cameron khéo léo né tránh khía cạnh đạo đức trong câu chuyện mình không quan tâm. “Có hai điều tôi e rằng chúng ta có mâu thuẫn,” anh nói. “Nhưng ngay cả có mâu thuẫn, ngài vẫn là người có thể giúp tôi. Chẳng có gì thay đổi cả. Một là về cái chết của bà Garrison...”

“Này, cậu vẫn nghĩ cái chết của Jeanette là... không phải do nguyên nhân tự nhiên.”

“Tôi vẫn nghĩ thế và sẽ luôn nghĩ thế.”

“Tôi thì không,” Garrison nói.

“Điều đó cũng chẳng cản trở chúng ta chút nào. Điều thứ hai, mà có thể khiến ngài kinh ngạc đấy, nhưng tôi không nghĩ Strickland là hung thủ giết cô Holliday, tội danh đã khiến anh ta phải ngồi ghế điện.”

Ánh mắt của Garrison không chỉ kinh ngạc, mà thậm chí còn oán trách anh vì điều này.

“Tôi đã thẩm vấn anh ta, tất nhiên là không chính thức, trong xà lim án tử của anh ta vài tuần trước khi bị hành hình. Anh ta lặp đi lặp lại những điều đã nói khi chúng tôi bắt giữ anh ta - rằng có một mẫu giấy nằm cạnh thi thể cô ta, có nội dung mang đầy hận thù và hả hê. Vì không thể trưng cái mẫu giấy đó ra, nên tất nhiên anh ta đã không thể tự mình oan.” Anh ngả người về phía trước, lấy ngón tay cái chỉ vào ngực mình. “Tôi thực sự tin rằng có mẫu giấy đó. Tại sao à? Bởi vì nó là một chi tiết quá lạ lùng, không đáng tin, có thể nói là quá vớ vẩn, quá nhỏ bé để có thể bám lấy, để có thể là lời dối trá của một người đang cố gắng tự cứu mạng mình. Anh ta chẳng hề nói rằng mình thấy một bóng đàn ông đáng ngờ nào đang lén ra ngoài khi anh ta đến nơi, chẳng hề nói cái gì như thế. Anh ta chỉ luôn một mực khẳng định rằng mình đã thấy mẫu giấy đó cạnh xác cô ta. Anh ta thề

sống thề chết với tôi điều đó. Anh ta đọc nội dung mẫu giấy cho tôi nghe, và những câu trích dẫn đó không hề thay đổi từ đầu đến cuối. Và tôi vô tình được biết rằng, điều mà anh ta không hề nói từ đầu đến cuối, rằng chính bản thân ngài cũng nhận được một mẫu giấy với nội dung tương tự, vào đầu năm khi vợ ngài chết. Và, một năm đã trôi qua kể từ khi anh ta xuống mồ, mẫu giấy thứ ba xuất hiện, trong vụ thứ ba, ở một nơi khác. Giờ ngài đã hiểu tại sao tôi lại phải đến đây gặp ngài chưa?”

Garrison gật đầu, bị ấn tượng, dù vẫn chưa hoàn toàn tin.

“Giờ thì để tôi nói tiếp,” Cameron nói. “Ngài có biết một người tên là Buck, hoặc Bucky Paige không?”

Garrison lắc đầu, ban đầu còn ngập ngừng, nhưng sau khi cân nhắc, ông ta ngày càng chắc chắn hơn.

“Căn cứ theo giấy khai sinh của anh ta, mà tôi đã lấy được và tra cứu,” Cameron cố gắng giúp ông ta, “tên thật của anh ta là Bucklyn. Cái tên này cũng nằm trong hồ sơ tại Lansing, Michigan. Anh ta sinh ra ở đó, vào năm 1919.”

“Không,” Garrison vẫn khẳng định. “Không.” Và khẳng định với chính mình như một bài thử nghiệm tiếp theo. “Paige. Bucky Paige. Không.”

“Ngài có chắc không?”

Garrison đáp hợp lý. “Tôi không biết cái tên này. Tôi chắc chắn điều đó. Có thể tôi biết mặt anh ta.”

“Vậy thì theo cách đó vậy. Đây, ngài nhìn đây xem. Giờ thì nghĩ cho kĩ vào.”

Anh trao cho ông ta một bức ảnh chụp nhanh hai người lính đang tạo dáng bên nhau, tay khoác vai nhau.

“Quên người đứng bên trái đi,” anh hướng dẫn. “Và quên luôn cả bộ quân phục đi.”

Để giúp ông ta, anh lấy ra hai mảnh giấy viền khung bức ảnh, che đi chiếc mũ lưỡi trai và chiếc áo jacket, chỉ tập trung vào gương mặt ở giữa.

“Thử nhìn xem sao,” anh nói, trao cho ông ta một chiếc kính lúp nhỏ. “Nhìn đi.”

Garrison cúi nhìn. Phản ứng của ông ta đến ngay lập tức. “Đúng rồi,” ông ta nói, “Tôi từng thấy gương mặt anh chàng này ở đâu đó rồi. Chờ một chút... ở đâu nhỉ? Ở đâu nhỉ?” Ông ta ngả người vào lưng ghế. Rồi ông ta lại rướn người sang, nhìn lướt qua bức ảnh một lúc nữa.

“Cố nhớ đi,” Cameron khuyến khích.

“Trong văn phòng công ty thì không có...”

Cameron không thể ngăn mình bóp chặt vai ông ta, như thể dùng sức ép vật lý có thể giúp được. “Tiếp tục đi. Đừng bỏ cuộc. Tiếp tục đi.”

“Ở đâu đó... ở đâu đó...”

Ông ta nhắm mắt lại một lát, cố gắng trong căng thẳng. Bỗng ông ta nhảy dựng khỏi ghế, như thể vừa bị cái kim nào đâm phải. Ông ta giáng thẳng một quả đấm xuống tấm ảnh, thổi bay hai mảnh giấy theo những hướng khác nhau.

“Giời ơi, anh ta là hướng dẫn viên từng đi với chúng tôi! Anh ta được chúng tôi thuê...! Trong những chuyến đi. Tất cả chúng tôi đều là bọn nghiệp dư, anh ta là tay chuyên nghiệp duy nhất đi cùng chúng tôi. Việc của anh ta là tìm cho chúng tôi những nơi tốt nhất. Bucky. Đúng rồi, giờ tôi nhớ rồi, chúng tôi gọi anh ta là Bucky. Trời ạ, tôi không còn nghĩ đến anh ta suốt bao năm nay rồi!”

“Đi cùng ngài tới đâu cơ?” Cameron căng thẳng hỏi. “Chuyến đi tới đâu cơ?”

“Những chuyến đi câu cá, cắm trại mà chúng tôi thường tổ chức. Đại loại như kiểu một nhóm hoạt động thể thao hữu nghị, mà chúng tôi lập ra. Chúng tôi gọi nó là câu lạc bộ Rod & Reel. Mỗi năm chúng tôi lại đi hai hay ba lần, bỏ lại hết việc kinh doanh và những lo toan. Đi lên rừng, sống cùng thiên nhiên, cắm trại ngoài trời, kiểu kiểu đó.”

“Đúng là điều tôi muốn,” Cameron thúc giục ông ta. “Một thứ như thế. Đó chính là điều tôi hy vọng sẽ thu được từ ngài. Chính là mục đích của tôi

khi đến đây. Giờ chúng ta đã nóng lên rồi. Cho hỏi ngài có bất cứ liên hệ nào, tiếp xúc nào với Strickland, ngoài những chuyến đi này không?”

Garrison gật đầu. “Có, nhưng chỉ trước đó thôi, còn sau đó thì không. Từ sau những chuyến đi ấy tôi không còn gặp anh ta nữa. Câu lạc bộ đã giải tán.”

“Còn Paige?”

Lần này Garrison dứt khoát lắc đầu. “Không, tôi chưa từng gặp anh ta trước những chuyến đi này, và cũng không bao giờ gặp lại anh ta sau đó. Tôi chỉ gặp anh ta trong chính những chuyến đi này thôi. Anh ta có mặt ở sân bay khi chúng tôi cất cánh, và chia tay anh ta ở đó sau khi hạ cánh, đường ai nấy đi.”

“Vậy đó là lần duy nhất ngài và cả hai người này ở cùng nhau? Cả hai người, không chỉ một?”

“Đúng vậy.”

“Ngài thấy không. Tôi thấy cả ba người các ngài liên kết với nhau theo hai cách. Trước tiên là theo ngày tháng. Và thứ hai là theo mẫu giấy. Có một ngày liên quan đến cuộc sống của mỗi người các ngài. Tôi không biết tại sao, tôi không biết điều đó nghĩa là gì. Ngày cuối cùng của tháng Năm, ngày ba mươi một. Người vợ đầu của ngài chết vào ngày ba mươi một tháng Năm. Chúng ta có thể nói là, người tình thân thiết của Strickland, chết vào ngày ba mươi một tháng Năm. Và cuối cùng là hai thi thể của Buck và Sharon Paige cũng được phát hiện vào ngày ba mươi một tháng Năm. Hai lần thì còn có thể là trùng hợp. Nhưng đến lần thứ ba thì không thể là trùng hợp nữa. Không thể là trùng hợp khi nó xảy ra với ba người đàn ông từng quen biết nhau trước khi xảy ra chuyện này.

“Tiếp theo là mẫu giấy. Một mẫu giấy hận thù mà từng người trong các ngài đều nhận được, được tính toán vào đúng thời điểm mọi người dễ tổn thương nhất. Tất cả đều có nội dung y như nhau. Tôi đã được xem hai mẫu giấy. Và tôi tin vào sự tồn tại của mẫu giấy thứ ba, vì người đàn ông đã nhận được nó, Strickland, không hề biết đến hai mẫu giấy khác tôi đã thấy

khi anh ta kể cho tôi nghe về mẫu giấy của mình. Và nội dung trong mẫu giấy này phù hợp với hai mẫu giấy kia.

“Và bây giờ chúng ta đến một điểm cực kỳ quan trọng. Điểm then chốt của toàn bộ chuyện này. Bởi vì những mẫu giấy này và ngày tháng này có thể tái diễn trong những cuộc đời khác, có thể chúng vẫn chưa kết thúc. Tôi không có cách nào biết chắc chắn, cho đến khi tôi hiểu được chúng nghĩa là gì. Thế nên ngài phải nói cho tôi biết còn ai nữa là thành viên của nhóm hoạt động thể thao cùng với ngài. Tôi phải biết tên của họ trước khi chúng tôi có thể đi xa hơn. Tôi phải biết tôi có thể tìm được họ ở đâu và cảnh báo họ.”

“Tôi có thể cho cậu thông tin đó dễ thôi,” Garrison đáp. “Bởi vì đó chỉ là một nhóm nhỏ, có tất cả năm người thôi.” Ông ta xòe bàn tay ra. “Ngoài tôi, Strickland và Paige, thì chỉ còn hai người nữa. Và tên họ là...”

Đột nhiên, quay lại thành phố nhỏ nơi mọi chuyện bắt đầu, bên ngoài ô cửa sổ sáng đèn của hiệu dược phẩm Geety's, nhìn ra quảng trường, người tình bóng ma, chàng cao bồi hiệu dược phẩm chập chờn như bóng ma, lại thoáng hiện về. Chỉ trong một đêm. Chỉ trong một đêm, người ta lại thấy anh đứng đó, đúng chỗ cũ, tiếp tục làm một người gác đêm già cỗi. Chẳng kiếm tìm bất kỳ ai ngoài một người sẽ không còn đến nữa.

Hầu hết mọi người đều chẳng quen biết gì anh, chẳng biết anh là ai, chẳng biết ngọn nguồn câu chuyện; thành phố đã thay đổi. Chiến tranh diễn ra rồi kết thúc; thành phố căng lên trong thời chiến rồi vỡ bung ra. Giờ đây nó đã co lại, gần như quay về trạng thái ban đầu, tuy nhiên những người cũ thì không còn nữa. Họ cứ trôi dạt đi, và những người khác đến thay thế họ. Biển hiệu của hiệu dược phẩm Geety's vẫn ghi chữ “Geety's”, nhưng đó là tất cả những gì còn lại, cửa hiệu giờ đã thuộc về một người khác. Tay cảnh sát cũng là một người khác, nhân viên bán vé tại rạp Bijou cũng là một người khác; trạm phòng cháy chữa cháy xây bằng gạch phía bên kia quảng trường cũng có một đội lính cứu hỏa khác.

Nhưng quảng trường vẫn ở đó, và những chuyện cũ vẫn còn diễn ra.

Hôm ấy là ngày mừng một tháng Sáu, đêm thứ Bảy, và những ánh đèn đang chiếu sáng rực rỡ, toàn bộ thành phố đã ra ngoài dạo bộ. Từng đôi từng đôi đi bước bên nhau, chàng trai nào cũng có cô gái của mình, cô gái nào cũng có chàng trai của mình.

Chẳng có điều gì lộn xộn hoặc lạ lùng ở anh. Bạn sẽ chẳng biết đâu. Mái tóc anh mới được cắt, như cách đàn ông hay cắt tóc trước buổi hẹn hò tối thứ Bảy. Cà vạt mới tinh và sạch sẽ. Một thằng bé da màu chạy lên trước, anh thậm chí còn mỉm cười với nó. Người ta nói rằng người có mục đích trong đời thì sẽ sống sót. Nếu vậy thì cuộc đời anh hẳn phải có vô số mục đích, bởi vì chẳng có gì cho thấy anh đã đi chệch hướng. Một ông bác sĩ có thể đoán bệnh sau vài lần thăm bệnh. Nhưng ông ta đến thăm bệnh như thế vì ai? Các bác sĩ không đi tìm người bệnh, mà người bệnh phải đi tìm bác sĩ của họ.

Bên trong tòa nhà có thể là một nơi đau thương, nhưng ở mặt tiền nó cũng chẳng khác gì một ngôi nhà tầm thường, chán nản bạn thường thấy ở khắp nơi. Chẳng ai có thể nhìn vào trong tâm hồn của người khác bằng đôi mắt của kẻ bàng quan để thấy những gì bên trong. Nếu họ có thể nhìn thấu tâm hồn kẻ khác, hẳn nhiều người sẽ phải hét lên, và nhiều người sẽ bất ngờ biến thành những linh hồn nhợt nhạt trên phố.

Chốc chốc anh lại xem đồng hồ, thậm chí còn mỉm nụ cười khoan dung, tự tin khi làm thế. Nụ cười của một người đàn ông không bức bối, người không bận tâm nếu phải đợi chờ thêm chút nữa; người biết rằng cô ấy sắp đến bây giờ.

Hai cô ả nhỏ nhắn đi vớ ngắn, mặt vênh váo, đang tìm kiếm người hộ tống (rốt cuộc, đi dạo quanh quảng trường là một cách tốt để kiếm người đồng hành nếu bạn chưa có ai) đi ngang qua. Họ liếc mắt về phía anh khi đi qua trước mặt, và quyết định có thể anh sẽ đồng ý đi cùng. Một gương mặt mới, một người mới trong thành phố. Có lẽ là đáng để thử.

Hai ả nở nụ cười tự mãn và cố gắng tán tỉnh anh, cố tình bước chậm như sên bò, cho anh cơ hội đi cùng.

“Trời đẹp đấy chứ,” một ả cố tình nói lớn tiếng với ả kia, để anh nghe thấy.

Anh nghe thấy rồi. (Làm sao không nghe thấy được chứ.) Nhưng anh chỉ khẽ nhếch mép, hơi lắc đầu. “Đang chờ một người,” anh nói. Rồi anh nghiêng mũ chào họ như một lời từ chối lịch thiệp, ngoảnh mặt sang chỗ khác.

Hai ả nhún vai nhìn nhau rồi bước tiếp; cá trong biển này hãy còn khối, đặc biệt vào một đêm thứ Bảy như đêm nay.

Trước khi tuổi già ập đến và tuổi trẻ không còn nữa, họ sẽ tán tỉnh thật nhiều đàn ông. Có hại gì đâu, chỉ cần làm một vòng quanh quảng trường đêm thứ Bảy. Họ sẽ chẳng bao giờ biết rằng suýt chút nữa mình đã không còn tán tỉnh đàn ông được nữa. Vào một đêm thứ Bảy, trên quảng trường này, với tất cả những ánh đèn rực rỡ này. Đôi khi trong đám đông, cái chết có thể lướt qua bạn, rất gần.

Thế rồi cuối cùng luật quân bình sẽ được áp dụng; ai đó xuất hiện trong đám đông, một người trong đám dân cư của thành phố từ thời trước chiến tranh còn sót lại, người biết rất rõ anh, người biết anh là ai, hoặc biết rõ anh từng là ai. Nhìn lại lần thứ hai, giật mình như thể chợt tỉnh sau giấc ngủ đông, anh ta rời khỏi cô gái đi cùng, bước đến chặn trước mặt anh.

“Chào, Johnny. Cậu còn nhớ tôi không, Johnny Marr?”

Đáp lại chỉ là ánh mắt vô hồn, không trả lời.

“Chúng ta đã từng chơi bóng rổ cùng nhau, cùng một đội. Red Washburn. Tất nhiên rồi, *cậu* vẫn nhớ tôi. Chẳng nhẽ cậu không nhớ huấn luyện viên, Ed Taylor sao? Lão ‘Ed Người sắt’ ấy? Ông ấy hy sinh tại Tarawa rồi; người đầu tiên cầm cờ... hoặc một trong những người đầu tiên.”

Đáp lại chỉ là một cái nhìn, nhưng chẳng nói lời nào. Thậm chí chớp mắt cũng không.

“Có chuyện gì với cậu thế hả, Johnny? Mình từng làm việc bán thời gian tại cửa hàng thực phẩm Allen’s, sau giờ học, đi giao hàng. Giờ thì mình có cửa hàng riêng rồi. Còn nhớ con gái của ông già Allen không, con bé không bao giờ thêm để ý tui mình ấy? Cô ấy đứng ngay kia kìa. Giờ cô ấy là vợ mình rồi.”

Đáp lại chỉ là một cái nhìn, chẳng có một âm thanh nào.

Cuối cùng anh ta bỏ cuộc, với vẻ mặt đầy nghi ngờ, đầy xấu hổ; anh ta quay về bên cô, gãi gãi đầu, và họ lại tiếp tục đi.

“Anh có thể thề rằng đó là Johnny Marr. Đừng nói với anh rằng anh bị mất trí. Cậu ta không hề hé răng một lời nào. Em biết Johnny Marr; chẳng phải người kia trông rất giống cậu ta hay sao?”

“Em không muốn quay lại nhìn anh ta đâu. Mà em cũng có bao giờ để ý đến cái đám con trai mà anh chơi cùng đâu.”

“Nhưng nếu không phải là cậu ta, vậy tại sao cậu ta không nói? Cậu ta chỉ đứng yên đó lăm nhăm, như một bóng ma. Có thể câu chuyện anh từng nghe nói về cậu ta là thật, rằng cậu ta đã quá phần nộ đến mức...”

“Thôi quên đi, Hartley,” cô ta lơ đễnh nói, khẽ đẩy anh đi hướng khác. “Đứng vào hàng mua vé đi kìa; tất cả đều đến trước anh rồi đấy, và em không muốn suốt chương trình phải ngồi ghế bên nữa đâu.”

Tình bạn cũ, tình bạn của tuổi trẻ.

Trời ngày càng tối, đám đông dân thưa thớt, những ánh đèn mờ dần. Bên ngoài rạp phim trống trơn, tiếp theo là những cửa hàng giải khát, và cuối cùng là hai quán rượu: “Mike’s Place” trên quảng trường, và quán “Kelly’s” hơi khác biệt ở vùng ngoài. Hiệu dược phẩm Geety’s đã tắt đèn từ lâu lắm rồi, tiệm tạp hóa thậm chí còn đóng cửa sớm hơn. Gã tài xế taxi Joe đã cất xe và quay về nhà cùng vợ con. Ngay cả cảnh sát đi tuần cũng đã kết thúc phiên trực. Thậm chí chó mèo cũng lẫn vào màn đêm.

Một tiếng chuông ngân vang trên tháp chuông. Cái tháp chuông vẫn nhanh năm tiếng. Quảng trường giờ vắng tanh, đèn đóm đã tắt ngóm hết.

Không ai trông thấy anh bỏ đi. Không ai ở đó để thấy anh bỏ đi. Chẳng ai biết anh đi như thế nào, hay đi về đâu, hay đi vào lúc nào.

Nhưng vào buổi sáng, khi quang trường đón ánh bình minh, vị trí mặt tiền của hiệu dược phẩm trống trơn; không có ai đứng đó. Và đêm ấy cũng không còn ai đứng đó nữa. Đêm sau nữa cũng thế, đêm kế tiếp cũng vậy.

Chỉ đúng một đêm đó, và rồi anh lại bỏ đi.

Riêng người chăm sóc nghĩa trang trên đồi có thể quả quyết - nhưng ông ta không làm thế, vì chẳng ai hỏi ông ta cả - ông ta có thể quả quyết nếu muốn, rằng ngay sáng hôm sau, cái buổi sáng Chủ nhật ấy, khi ông làm một vòng đầu tiên quanh nghĩa trang, thì bỗng bắt gặp một vòng hoa tang mới tinh đặt trên một trong những ngôi mộ, mà đêm hôm trước khi ông ta đi dạo quanh nghĩa trang thì nó không hề có ở đó. Những bông hoa trong đêm, những bông hoa trong bóng tối, chẳng ai biết do người nào mang tới. Những bông hoa của tiếc nuối, của xúc động, của tuyệt vọng; không phải là hoa mua ở cửa hàng, mà là những bông hoa mọc trên cánh đồng, được một đôi bàn tay nghiệp dư bó lại, kết lại thành một vòng hoa.

Vòng hoa đặt trên ngôi mộ sắp bị lãng quên có ghi dòng chữ:

DOROTHY

Anh sẽ mãi chờ em.

Phần 5

Điểm hẹn thứ tư

Tất cả bọn họ tụ tập xung quanh chiếc đồng hồ, ken đặc như bầy ong, đợi chờ những người tình mà họ đã chọn. Những người tình chỉ trong buổi tối hôm đó, hoặc những người tình trong mọi buổi tối. Những người đàn ông đợi chờ những cô gái của họ. Những cô gái đợi chờ những người đàn ông của họ.

Hầu hết bọn họ đều còn rất trẻ. Một hai người có hơi già dặn hơn một chút, nhưng hầu hết đều còn rất trẻ, và đang ở trong thời kỳ thanh xuân rực rỡ nhất. Khi bạn còn trẻ, đó là quãng thời gian duy nhất bạn chờ đợi theo đồng hồ, vì cuộc hẹn của bạn bắt đầu lúc tám giờ. Khi bạn già đi, sẽ chỉ còn cô đơn ở bên bạn. Nhưng khi sức trẻ vẫn đang căng tràn, mỗi lần hẹn hò sẽ chẳng khác gì ngày lễ Giáng sinh, và sẽ luôn có một gói quà lớn chờ bạn khai ra. Cũng chẳng thành vấn đề khi bạn không tìm được món quà mình yêu thích: bởi vì tối mai sẽ lại là một đêm Giáng sinh nữa, sẽ lại có những gói quà thật to chờ bạn đến mở ra bất cứ lúc nào. Đến khi những gói quà không còn đến nữa, và những ánh đèn trên cây thông Giáng sinh không còn sáng nữa, bạn sẽ chợt biết rằng mình đã già.

Đó là chiếc đồng hồ của khách sạn Carlton, đặt trong hành lang, điểm hẹn hò nổi tiếng nhất thành phố. Đã thành lệ rồi, cho nó tiện. Người này đều gặp được người kia ở đó. Không cần biết là đi đâu, điểm khởi hành luôn là ở đây.

Những cô nàng xinh đẹp, quyến rũ, những anh chàng bảnh bao, nam tính. Vài cô gái ngồi xuống vì quá mỏi, nhưng vài người vẫn đứng, cũng vì chẳng còn đủ chỗ mà ngồi nữa. Khi họ quen biết nhau, thi thoảng họ ngồi

chung ghế, người này ngồi vào ghế, người kia ngồi lên tay ghế, ngay cả khi người này có hẹn còn người kia thì không. Tất nhiên, các chàng trai chẳng ai chịu ngồi. Họ hành xử tùy theo tính cách của mỗi người. Những anh chàng nôn nóng, hoài nghi, hoang mang thì đi tới đi lui, chốc chốc lại ra cửa trông ngóng, rồi lại quay vào, so sánh đồng hồ đeo tay với đồng hồ treo tường, giậm chân, ngón tay gõ gõ. (“Cô ấy có ý gì khi bảo mình là cô ấy sẽ tới, hay là mình bị gài?”) Những anh chàng kiên nhẫn, cả tin, bình tĩnh hơn thì đứng thư giãn, không buồn di chuyển nhiều, cũng không buồn xem đồng hồ, ngoại trừ để chắc chắn rằng mình đến đúng giờ. (“Cô ấy sẽ đến. Cô ấy đã nói rằng cô ấy sẽ đến. Mình có thể tin ở cô ấy.”)

Có một chàng trai đặc biệt đứng đó, là một trong những người tự tin, vô lo ấ. Cậu đứng tựa vai vào một trong những cây cột vuông ở mép hành lang, thoải mái xem báo dưới một chùm nến gắn tường chạy bằng điện.

Cậu hành xử như thể hoàn toàn chắc chắn rằng cô sẽ đến. Chắc chắn hai người phải cực kỳ hiểu nhau, chắc chắn họ đã bước qua giai đoạn yêu đương và sắp sửa chính thức đính hôn, không còn lo sợ sự can thiệp từ bên ngoài.

Cậu khoảng hai mươi ba tuổi. Hình thức dễ coi, vạm vỡ khỏe mạnh. Cầu thủ bóng bầu dục tiềm năng. Không quá thông minh, có lẽ chẳng ai buộc tội cậu vì điều đó. Nhưng cậu lại cực kỳ dễ thương. Kiểu anh chàng mà ông sếp nào cũng muốn nhận vào công ty mình, bà mẹ nào cũng muốn con gái mình làm quen dưới đồng hồ khách sạn Carlton. Người ta có thể không biết Mary Jane ở đâu, nhưng ít nhất họ không phải lo lắng về điều đó.

Cậu vô tình ngược mắt lên khỏi tờ báo vào đúng lúc đó, gần như thể trực giác đã mách bảo cậu làm thế. Cậu lập tức thấy cô ngay lối vào.

Cô đã đến. Người dành riêng cho cậu. Người mà cậu đã chọn.

Cái cách cậu gấp lại tờ báo rồi vứt đi, cái cách bàn tay cậu đội mũ lên đầu, cái cách gương mặt vốn đã vui vẻ của cậu nở ra hết cỡ đã cho thấy rõ điều đó. Khi cô còn chưa kịp băng qua cánh cửa xoay và lớp kính ngăn cách họ không còn nữa.

Cánh cửa xoay trọn một vòng nữa sau lưng cô, không có ai, rồi một người đàn ông bước vào trong vòng quay tiếp theo. Anh ta theo cô sát gót, gần như khiến bạn nghĩ rằng anh ta đang bám theo cô, nếu bạn là loại người nghĩ ra những chuyện như thế. Nhưng rốt cuộc, mỗi phút không biết bao nhiêu người đi qua cánh cửa đó. Anh ta chỉ vô tình là người kế tiếp ngay sau cô, có thể thôi.

Anh ta liếc nhìn cô rất nhanh, từ phía sau, rồi bước sang bên đi đâu đó, đến quầy bán xì gà và văn phòng phẩm, rồi đi mua báo. Anh ta không chỉ nêu rõ tên tờ báo muốn tìm, mà còn mở báo ra xem, tay lật từng trang báo trước khi chuyển sang tờ tiếp theo. Anh ta đúng là người mua báo kiên nhẫn bậc nhất.

Trong khi đó, cô đến được chỗ chàng trai đang đợi mình. Nói đúng ra là, khoảng cách giữa họ được lấp đầy và gặp nhau giữa đường, ngay giữa hành lang.

Trước đó thì dường như cô gái nào cũng xinh. Giờ thì họ đều trông rất bình dị. Một ánh đèn hồ quang bừng sáng giữa một chùm đèn dầu tỏa khói mù mịt. Cô có mái tóc đen mượt dài chấm vai, tỏa hương hoa dành dành. Đôi mắt cô màu xám; hoặc là màu xanh, một màu xanh rất nhạt nên nhìn như màu xám. Cô vẫn còn rất trẻ. Ít nhất cô cũng chỉ mới hai mươi, thậm chí có khi còn trẻ hơn.

Cuộc trò chuyện chẳng có gì đáng nhớ. Nhưng nó rất sôi nổi, rạng rỡ, hứa hẹn một buổi tối vui vẻ.

“Chào em.”

“Chào anh.”

“Em có đến trễ không?” Cô không đợi câu trả lời. Cô cứ hỏi dồn dập mà chẳng cần đợi câu trả lời. Rõ ràng chúng giống như lời chào hơn là câu hỏi. “Anh mua được vé chưa?”

“Rồi. Họ đang giữ vé cho anh tại quầy.”

“Thế thì còn chờ gì nữa?” Cô hỏi, giọng đầy hân hoan. “Đi thôi, đi thôi.” Và cô nắm lấy tay cậu.

Họ tiến đến lối ra và bước qua cửa.

Người đàn ông đứng ở quầy báo, vẫn đang cố gắng quyết định, giờ một tờ báo lên trước mặt, như thể đang cố tìm hiểu bố cục của nó.

Cánh cửa lại xoay tròn thêm một vòng nữa, chẳng có ai.

Anh ta quyết định không muốn mua báo nữa. Anh ta rời khỏi quầy và bước ra ngoài một mình. Người bán báo chửi thề trong miệng, sắp xếp lại quầy hàng.

Chiếc taxi họ vừa lên phóng vụt đi.

Anh ta cũng gọi một chiếc taxi khác ngay sau đó, khi nó vừa mới đến.

Chiếc taxi cũng phóng vút đi. Anh ta cũng đi cùng tuyến đường với họ, rẽ ở góc phố. Nhưng xe nào cũng phải đi theo hướng đó, vì đây là đường một chiều.

Vài phút sau họ xuống xe cách khoảng sáu, bảy con phố, phía trước một rạp hát. Trả khách xong taxi lại phóng đi. Một chiếc taxi nữa lại đến, rồi chiếc nữa, chiếc nữa; không đếm được bao nhiêu người đi xem hát bằng taxi.

Chàng trai đứng vào hàng, lấy vé, quay lại chỗ cô rồi họ cùng đi vào. Người tiếp theo trong hàng cũng lấy vé, ngay sau lưng cô. Rồi một người đàn ông tiến đến, chỉ đề nghị mua một vé đứng.

“Anh ơi, hàng ghế thứ mười có một chỗ đẹp đấy,” người bán vé gợi ý. “Vừa hủy xong.”

“Tôi chỉ muốn đứng ở phía sau,” người đàn ông nhấn mạnh bằng giọng cộc cằn. “Anh không phiền chứ?”

Người bán vé ngạc nhiên, bởi anh chờ đợi một lời cảm ơn chứ không phải một câu nói thô lỗ như vậy, nên trông anh ta có vẻ bị tổn thương. Anh ta nhún vai, bán vé cho khách. Người đàn ông bước vào rạp hát.

Giữa các hồi kịch, chàng trai và cô gái bước ra hành lang. Nhưng ai nấy trong rạp cũng đều bước ra; nơi này trở nên đông đúc, một biển người toàn gương mặt vô danh vây quanh bạn mỗi khi bạn quay người.

Vào lúc mười một rưỡi, từ nhà hát họ tiến về phía Pseudo-Chinese, một nhà hàng kiêm vũ trường kiểu Trung Hoa. Những người hầu bàn là người Hoa, thức ăn là thứ đồ ăn “Tàu” mà người Trung Quốc chưa từng biết đến, tuy nhiên người Mỹ thì lại cho rằng đó là ẩm thực Trung Hoa. Nhưng ban nhạc thì lại chơi bài *The Jersey Bounce* và thứ đồ uống bán chạy nhất tại quán bar hình như là Martini. Và người đã bỏ tiền đầu tư vào đây có tên là Goldberg.

Ánh đèn vô tình lại yếu đến mức gần như không tồn tại. Chỉ còn lại chút ánh sáng nhẹ xanh xao và đỏ quạch chỗ này chỗ kia. Kiểu chiếu sáng này nhằm mục đích tạo ra một “bầu không khí” liêu trai. Đối với bất kỳ ai dưới hai mươi tuổi, khung cảnh này thật lãng mạn. Tình cờ là khung cảnh này cũng rất tẻ nhạt. Đúng là một nơi cừu trong lốt sói. Giai đoạn tiếp theo, trong cuộc trải nghiệm cuộc sống về đêm, sau khi dừng chân ở quán kem góc phố, họ đến với câu lạc bộ thực sự của người lớn, những quán rượu họ đã đủ tuổi để bước vào.

Họ được dẫn vào một trong những căn buồng nhỏ xếp dọc theo bức tường, cặp đôi ngồi xuống đối mặt nhau. Họ không thể thấy ai bước vào đứng ở quầy bar và ai không đứng ở đó. Mà dù có thể thì họ cũng chẳng muốn nhìn.

Một người đàn ông bước vào đứng ở quầy bar, gọi một ly Martini, chỉ để lấy cố ngồi và không hề đụng vào ly rượu. Tuy nhiên anh ta không quay ra ngoài và nhìn bất kỳ ai; anh ta quay lưng lại với cả phòng, vậy nên ai thèm để ý đến anh ta chứ?

Chàng trai và cô gái đứng dậy ra sàn nhảy.

Đồ ăn của họ được dọn lên.

Họ ngồi xuống ăn cơm, mì xào và trứng phù dung, cộng thêm vài món khác mà họ cũng chẳng biết gọi là gì.

Ăn xong họ lại rời bàn ra nhảy thêm vài điệu nữa.

Rồi họ lại ngồi xuống ăn thêm ít mì xào, cơm và trứng phù dung. Họ đang rất vui.

Nhóm bốn người ngồi ở bàn bên cạnh đứng dậy rời quán.

Người đàn ông tại quầy bar với ly Martini vẫn còn nguyên quay lại bắt chuyện với tay trưởng nhóm phục vụ bàn.

“Tôi muốn gọi bữa tối,” anh ta nói. “Tôi ngồi đằng kia được không? Bàn đằng kia kìa.”

“Bàn ấy dành cho bốn người thưa ngài. Tôi có thể dọn cho ngài một bàn đẹp ở mép sàn nhảy...”

“Tôi muốn ngồi bàn đó,” người đàn ông gan lì nói. “Tôi sẽ trả tiền cho cả bốn người.” Anh ta dúm cái gì đó vào tay ông ta.

“Vâng, thưa ngài,” ông trưởng nhóm miễn cưỡng đáp.

Anh ta bước đến bàn bốn người, ngồi xuống quay lưng về phía họ. Anh ta gọi bữa tối.

Anh ta ngồi đó im lặng, chờ thức ăn được dọn lên.

“... anh thích cái cảnh cô ấy quay lại với anh ấy và nói...”

“Lạ thật, cảnh đó thật tuyệt, đúng không? Anh có nghĩ những người có gia đình rồi thực sự đối xử với nhau như thế không?”

“Anh không biết. Ở nhà anh thì không.”

“Ở nhà em cũng không. Ông anh trai em kết hôn được năm năm rồi, thế mà em chưa từng thấy lão ấy đối xử kiểu đó với Dolores. Đó là vợ lão ấy, chị Dolores.”

“Anh cho rằng người ta chỉ diễn trên sân khấu thế thôi, để vở diễn trở nên thú vị hơn.”

Bữa tối của anh ta được dọn lên, nhưng anh ta vẫn im lặng ngồi ăn.

“... tất nhiên là em thích anh hơn Charlie Nickerson rồi. Em đi chơi với anh nhiều hơn hẳn Charlie Nickerson còn gì, đúng không?”

“Thế hả? Tại bữa tiệc của Betty hai tuần trước, anh đã đếm được em khiêu vũ với hẳn bao nhiêu lần đấy. Có mười điệu nhảy, em nhảy với hẳn sáu lần và chỉ bốn lần...”

“Ồ, em thích thế đấy! Giờ còn trách *em* à. Cũng tại vì anh chẳng biết nhảy rumba sao cho chuẩn. Chẳng lẽ em cứ phải ngồi ì ra trên ghế và nói ‘Không’ mỗi lần ai đó bước đến mời em...”

Bữa tối có giá một đô la rưỡi. Anh ta hành xử như thể nó chẳng đáng với số tiền ấy.

Anh ta bước xuống cầu thang - vì nơi này nằm trên tầng hai - và dừng bước giữa chừng để buộc lại dây giày. Nó không hề bị tuột, mà chính anh ta đã làm nó tuột ra, rồi buộc lại. Họ đang đứng trên vỉa hè chờ taxi.

Họ lên một chiếc taxi, nó phóng vút đi.

Anh ta cũng lên một chiếc taxi, sau một hai phút gì đó, nó cũng phóng đi.

Hai chiếc taxi chạy cùng một hướng.

Taxi của cặp đôi kia dừng lại trước cửa một cư dinh lớn cách khá xa trung tâm thành phố. Hai bóng người xuống xe và biến mất vào bóng tối của lối vào.

Taxi của anh ta dừng cách đó ba, bốn nhà. Không có ai xuống xe.

Có một sự chờ đợi, thật là dài, dễ phải đến mười hay mười lăm phút. Ngưỡng cửa không có ánh đèn. Chẳng có chuyện gì xảy ra. Chẳng thể trông thấy gì. Thậm chí bạn không thể nói rằng họ có thật sự ở đó không, ngoại trừ chiếc taxi đầu tiên, taxi của họ, vẫn đang đỗ trên lề đường.

Thê rồi một bóng người quay ra. Lần này chỉ có chàng trai. Có ánh sáng màu cam sáng lên ngăn ngủi khi cánh cửa mở ra rồi đóng lại.

Chiếc taxi thứ nhất đi tiếp.

Chiếc thứ hai cũng vậy.

“Bây giờ tiến gần hơn một chút,” khách đi xe taxi hướng dẫn. Như thế đây mới là phần thực sự quan trọng.

Chiếc taxi thứ nhất tiến về phía Bắc cách mười khối nhà, rồi đi về phía Đông cách tám khối nhà, rồi lại đi về phía Bắc, sau khi chờ đèn giao thông, chỉ còn cách nửa khối nhà nữa...

Cuối cùng chiếc taxi dừng lại trước mặt một tòa chung cư, ngôi nhà thứ ba tính từ góc phố về phía Đông con phố.

Chàng trai kia xuống xe, trả tiền taxi, rồi bước vào trong nhà.

Người đàn ông cũng xuống xe ở góc phố, cũng trả tiền xe. Anh ta đi bộ xuống phía vỉa hè bên kia, về phía Tây. Anh ta để ý rất kỹ các cửa sổ.

Một cửa sổ duy nhất sáng đèn. Trên tầng bốn, phía bên tay phải tòa nhà.

Anh ta băng qua đường, một mình đi lên lối vào.

Anh ta chỉ dừng lại đó chừng một phút, nhìn một trong những chiếc thẻ tên gắn trên các hộp thư. Chỉ có một cái tên khiến anh ta nhìn chăm chú, thẻ tên thứ tư về phía tay phải lối vào. Trên thẻ tên có ghi:

4-H. Morrissey, Wm. C.

Sau đó anh ta quay ra, rời khỏi nơi đó với những bước chân gấp gáp. Chỉ thế mà thôi.

Vào một đêm sau đó.

Cũng chính người đàn ông đó, giờ đang đi cùng một người nữa. Một gã đầu đường xó chợ. Cả hai đang lảng vảng bên trong đường hầm dẫn vào tòa nhà đó, chỉ cách cổng chính vài thước. Nó sâu lõm vào trong, không hiểu vì sao lối vào này được thiết kế thấp hơn độ cao của vỉa hè; có ba, bốn bậc thang xi măng dẫn xuống dưới. Nó tạo thành một nơi náu mình hoàn hảo để quan sát vỉa hè và cổng chính của tòa nhà. Nơi này có một bóng đèn được lắp phía trên đầu, soi tỏ những cái lò thu tro chắn đường, nhưng bóng đèn này hoặc đã hư hỏng hoặc đã có tác động nào vào ổ cắm, khiến dòng điện không còn chạy qua bóng đèn nữa...

Trên người gã lang thang tỏa ra mùi rượu whisky rẻ tiền và mùi quần áo hôi thối, ngoài ra chẳng còn gì khác - thứ mùi nồng nặc ấy chính là đặc điểm nhận dạng của gã. Gã còn sốt ruột hơn cả người đàn ông kia. Gã định châm điếu thuốc. Người đàn ông lập tức đập vào cạnh bàn tay gã, điếu thuốc văng xuống đất. Gã cúi xuống, nhặt điếu thuốc lên, lại cho vào túi áo, như thể gã đã quen nhặt của rơi dưới đất.

“Nếu nó đi taxi thì sao?” Gã thì thầm, giọng khàn khàn.

“Bọn con trai chỉ làm thế khi ra ngoài với một đứa con gái. Đêm qua nó đi chơi rồi. Đêm nay nó sẽ không đi chơi với đứa khác. Thằng đó chung thủy mà.”

“Nếu nó đuổi theo và bắt kịp tôi thì sao?”

“Thì tống một quả vào bụng nó,” người đàn ông đáp dứt khoát. “Chơi bản với nó là được. Tôi tưởng ông nói mình là cựu võ sĩ quyền Anh cơ mà. Có mỗi chuyện đấy mà cũng không lo được à?”

“Được rồi, tôi sẽ làm. Tôi sẽ hạ gục nó như chiếc bánh quy.”

“Phải chắc chắn cướp được ví của nó.”

“Trò này thì tôi quá rành. Đây là lần đầu tiên tôi ăn cướp vì người khác, thay vì cho chính tôi, đó là sự khác biệt duy nhất.”

Có một chùm ánh sáng mờ phía góc phố khi chiếc xe buýt dừng lại trong chốc lát, rồi đi tiếp dọc theo đại lộ cắt ngang con đường này. Ba người xuống xe tại trạm dừng, bắt đầu đi theo các hướng khác nhau. Trong số này có một cô gái và hai người đàn ông.

“Có nhìn thấy người mặc áo choàng nhẹ đang phanh ra kia không?” Người đàn ông hướng dẫn. “Thằng bé của ông đấy.”

“Không hay rồi,” gã đồng hành căng thẳng nói. “Con bé kia lại đi đường khác, trong khi lão kia lại đi cùng chiều ngay sau thằng bé. Tôi không làm được khi hấn ở đó, hấn sẽ nhảy vào giúp nó...”

“Cơ hội là hai phần ba,” người đàn ông nói, vẫn dứt khoát như thế. “Hấn có thể ngoặt vào một trong hai ngôi nhà đầu tiên. Nếu không chúng ta sẽ phải chờ đêm mai.”

Người đàn ông nặc danh kia đi qua ngôi nhà đầu tiên.

“Giờ thì năm mươi, năm mươi,” gã đầu đường xó chợ thở hển hển.

Ông ta rẽ ngoặt, rồi bước vào ngôi nhà thứ hai. Chỉ còn lại một mình Morrissey trên vỉa hè, đang thả bước đến ngôi nhà thứ ba, ngôi nhà của cậu.

Gã đầu đường xó chợ thở hắt ra. “Thành công rồi.” Gã đẩy nhẹ người bạn đồng hành, phóng lên ba bậc cầu thang ngăn. “Phải tóm được nó trước khi nó mở cửa.”

Bóng người đê tiện, vụng về tiếp cận Morrissey đúng vào lúc cậu lọt vào chùm sáng đang tỏa ra từ ngưỡng cửa, nói gì đó với cậu bằng giọng thấp rên rĩ.

Morrissey vừa định cho tay vào túi, lấy ra cái gì đó cho gã. Nhưng rồi cậu đổi ý. “Không, cút đi,” cậu gầm gừ. “Ông là người xấu, nhìn là biết.”

Cậu quay lưng bước vào nhà.

Cạnh bàn tay của gã ăn mày chẳng khác gì dao phay bổ một cú xuống gáy cậu, một đòn vào gáy theo kiểu quyền Anh cực kỳ nguy hiểm. Khi cậu còn đang loạng choạng vì bị bất ngờ, gã đẩy cậu về phía trước, bồi thêm một cú lên gối vào bụng. Cậu bật ra một tiếng rên rĩ trầm, người run bần và đổ gục xuống. Kẻ tấn công khéo léo thọc tay vào túi quần sau của cậu, rút cái ví ra, rồi bỏ mặc cậu nằm quẫn quại ở đó. Gã quay lưng tẩu thoát, biến mất quanh góc phố nơi chiếc xe buýt vừa dừng lại.

Người đàn ông trong căn hầm lúc này đã nhảy lên, như thể bắt được tín hiệu, chạy hết tốc lực tới chỗ Morrissey. Anh ta cúi xuống cạnh cậu, tỏ vẻ lo lắng.

“Đã xảy ra chuyện gì? Hắn đã làm gì cậu?”

Morrissey nằm đó bất lực, tay ôm bụng và nôn khan. Cậu vẫn còn tỉnh, nhưng không thể tự nhắc mình dậy.

“Chặn hắn lại... lấy ví của tôi...” Cậu thở hỗn hển.

Người đàn ông co cẳng chạy đuổi theo. Anh ta rẽ ở góc phố. Chẳng thấy ai nữa cả. Anh ta chạy tiếp khoảng một khu phố, rồi rẽ ngoặt ở góc phố tiếp theo và chạy lên con phố nhỏ liền kề xa hơn. Bất chợt anh ta bước xuống lối vào một đường hầm, trông rất giống đường hầm lúc nãy, như thể biết trước rằng trong ấy sẽ có người. Quả nhiên là vậy.

“Được rồi, trả lại tôi cái ví,” anh ta thở hồng hộc.

“Đây. Đừng quên phần còn lại thuộc về tôi đấy.”

“Đây, mười đô nữa.” Người đàn ông rút tiền ra từ trong túi mình, chứ không rút từ trong ví. “Giờ thì đi đi. Trốn cho kỹ vào.” Anh ta đẩy nhẹ gã, muốn gã tránh xa mình.

Anh ta đợi cho đến khi chỉ còn một mình trong đường hầm, rồi mới giật mạnh cà vạt, kéo lệch sang một bên. Hai lòng bàn tay anh ta chà xát trên bức tường gạch, sao cho chúng dầy dầy đất cát bắn thiu, rồi bơi hết lên mặt và hai vai áo.

Anh ta hết dấm rồi lại đập mạnh cái mũ vào tường khi quay lại với Morrissey vài phút sau đó, như thể nó bị rơi trong khi đánh lộn và anh ta phải nhặt nó từ dưới đất lên.

Morrissey đã xoay sở loạng choạng đứng dậy tựa lưng vào tường, cậu vẫn đang đứng đó với hai bàn tay tựa vào tường, đầu cậu cúi thấp giữa hai tay, nhìn xuống đất.

“Anh mất dấu hăn rồi à?” Cậu yếu ớt hỏi.

“Tôi bắt kịp hăn ở góc phố nhưng không giữ được hăn. Tôi cố gắng quật hăn xuống nhưng hăn vẫn thoát được. Tuy nhiên tôi đã ép được hăn phải bỏ ví lại. Nó đây.” Anh ta giữ bụi trên vai áo, vẻ phờ phạc, rồi thận trọng sờ lên cằm, như thể muốn kiểm tra xem có cái răng nào bị hỏng không.

“Bây giờ tôi thấy đau khắp người,” chàng trai rầu rĩ nói. “Dù sao, cảm ơn vì đã giúp tôi.” Cậu nhận lại cái ví, xem qua những thứ bên trong.

“Hăn đã lấy được gì chưa?”

“Chưa, vẫn còn nguyên cả. Mà tôi cũng chỉ có bảy đô la trong này thôi.”

“Thấy đỡ hơn chưa?” Người đàn ông ân cần hỏi.

“Rồi, tôi nghĩ vậy. vẫn còn hơi choáng một chút. Trời ạ, tôi thực sự cảm kích vì anh đã giúp tôi như thế...”

“Ai cũng sẽ làm vậy thôi mà,” người đàn ông khiêm tốn đáp. “Tôi không thể cứ đứng đó nhìn đống không? Thật may là tôi vô tình đi qua.”

“Khi cần thì chẳng thấy cảnh sát đâu cả,” Morrissey nói.

“Đúng, khi cậu cần thì chẳng thấy họ đâu hết,” người đàn ông đồng ý. “Cậu chắc là thấy ổn rồi chứ? Trông cậu vẫn xanh xao vàng vọt lắm. Cần đến phòng khám để bác sĩ xem qua không?”

“Không cần đâu, sẽ ổn cả thôi mà.”

“Đi uống một chén thì thế nào? Sẽ khiến cậu đỡ hơn đấy. Tôi cũng sẽ tự đãi mình một chén.” Anh ta nhìn ngắm mơ hồ khắp con phố, như thể muốn tìm kiếm quán bar nào đó họ có thể đến.

“Hay đấy,” cậu nhiệt tình nói. “Tôi thích thế hơn. Có một quán rất hay dưới con phố này mà tôi biết.” Cậu chìa tay về phía người bạn mới quen. “Tên tôi là Bill Morrissey.”

Người đàn ông bắt tay cậu. “Còn tôi là Jack Munson.”

Munson vào quán và bước đến quầy bar. Anh gọi một ly Martini, chỉ để lấy cố ngời. Chẳng có cái gì của Trung Hoa trong cái quán này ngoại trừ mấy người bồi bàn. Ban nhạc đang chơi bài *The Jersey Bounce* và chủ quán tên là Goldberg.

Munson quay người lại nhìn khắp căn phòng, lần này anh quay lưng lại quầy bar. Anh không ngừng nhìn vào cái bàn nơi Morrissey đang ngồi, cho đến khi cuối cùng bốn mắt họ gặp nhau, chẳng sớm thì muộn cũng sẽ như vậy.

Morrissey nhanh chóng nhìn lại lần thứ hai để chắc chắn, rồi giơ tay lên chào.

Munson cũng chào lại cậu ta.

Morrissey ra hiệu cho anh đến ngồi cùng, vừa gật đầu vừa vẫy tay.

Munson nhắc ly rượu lên thông dong bước đến. Khi tới gần, anh thấy có một cô gái đang ngồi đối diện Morrissey. Cô làm lu mờ tất cả các cô gái khác trong quán. Cô có mái tóc đen buông dài, trên mái tóc là chiếc kẹp tóc tuyệt đẹp. Đôi mắt cô màu xám, nhìn như thể có màu xanh biếc...

“Chào Jack,” Morrissey nồng nhiệt chào đón anh. “Anh đang làm gì ở đây thế, chỉ một mình thôi à?”

Cô gái nhìn anh. Chỉ vì phép lịch sự, không hơn. Như thể vì anh là bạn của người đi cùng cô. Cô không mỉm cười, cũng không nhíu mày.

“Chào Bill,” anh đáp. Họ đã gọi nhau bằng tên kể từ cuộc gặp gỡ thứ ba của họ, gần như thế.

“Drew, đây là Jack Munson, bạn tốt của anh.”

Ba người nói chuyện một lúc.

Thế rồi, “Anh có đi cùng ai không, Jack? Nào, ngồi đi,” Morrissey mời. “Vẫn còn đủ chỗ mà.”

“Cảm ơn, nhưng tôi không muốn làm kỳ đà.” Anh nhìn cô gái xin phép.

“Ngồi đi,” cô dịu dàng nói.

Anh ngồi xuống.

Một lần nữa, chiếc đồng hồ tại khách sạn Carlton.

Hai người họ giờ đang chờ đợi, bên nhau, vai kề vai, các ứng cử viên tìm đối tác hẹn hò buổi tối.

“Tôi nợ anh bao nhiêu vì tấm vé này đây nhỉ?” Morrissey hỏi. “Nói ngay đi không là tôi quên mất đây.”

“Ý cậu là trong khi cậu vẫn còn được cầm tiền chứ gì,” Munson trêu cậu ta.

Cả hai cùng cười phá lên.

“Họ đến rồi.”

Cô dẫn theo một cô gái nữa đi cùng. Đã có sự dàn xếp. Kém dễ thương hơn, kém rực rỡ hơn, nhưng mà đứng cạnh cô thì ai chẳng vậy. Dù sao thì cô ta trông vẫn xinh.

Đôi bên giới thiệu bản thân, rồi kết đôi với nhau, Morrissey đi cùng Madeline Drew. Munson đi cùng Philips.

Họ bắt taxi đến nhà hát.

Họ xuống xe, đứng tụm lại với nhau một lúc, mặc kệ dòng khán giả đi lướt qua họ trên vỉa hè.

“Chúng ta sẽ lại đến quán Bamboo Grove chứ?” Madeline gợi ý.

“Tất nhiên, quán cũ của chúng mình mà,” Morrissey đáp, câu trả lời dành cho cô hơn là cho hai người kia.

Munson khiêu vũ với Philips trước.

Lần thứ hai nhạc trỗi lên, hai bên đổi bạn nhảy cho nhau. Anh khiêu vũ với Madeline, và Morrissey khiêu vũ với cô gái kia.

“Anh thích Harriet chứ?” Cô hỏi anh.

Anh nhìn cô, nhìn cô, nhìn thẳng vào cô, và mỉm cười.

Đó là tất cả những gì họ nói với nhau trong điệu nhảy.

Cô khe khẽ ngâm nga một giai điệu. Không chắc chắn lắm, gần như không tự nhiên.

Rồi điệu nhảy kết thúc.

Anh cũng nhảy với Philips trước. Rồi khi âm nhạc một lần nữa trỗi lên, họ trao đổi bạn nhảy. Anh khiêu vũ với Madeline.

Lúc này cô ngược lên nhìn anh.

“Sao anh im lặng thế hả Jack? Cả tối nay anh chẳng nói lời nào. Anh không phải người bạn tốt như tuần trước, hay tuần trước nữa.”

“Còn em đúng là người bạn tốt,” anh nói phần nào cay đắng.

“Harriet nghĩ anh không thích cô ấy. Vừa nãy, trong phòng vệ sinh nữ tại nhà hát, cô ấy bảo em rằng cô ấy nghĩ mình không nên đi cùng chúng ta nữa. Anh thực sự phải quan tâm đến cô ấy hơn nữa đi, Jack. Cô ấy cảm thấy bị tổn thương đấy.”

“Cả buổi tối nay tôi chưa từng nghĩ về cô ta,” anh thừa nhận.

Cô nhún vai đầy trách móc. “Nhưng anh là người thắp từng cô ấy. Vậy thì ai...” Cô bỏ lửng câu nói.

Anh không đáp. Anh nhìn thẳng vào đôi mắt cô, xoáy sâu vào trong nó.

Họ không nói thêm gì nữa, cả hai cùng im lặng.

Rồi buổi khiêu vũ kết thúc.

Lần này, chỉ có mình Morrissey đứng đợi dưới đồng hồ Carlton. Đã muộn lắm rồi. Đám đông đã thưa dần. Họ sẽ bỏ lỡ buổi diễn. Bồn chồn, cậu bước ra cửa tìm kiếm cô, nhưng lại thất vọng quay vào; lại bước ra cửa rồi lại buồn bã quay vào. Cậu xem đồng hồ trên tường liên tục, cậu xem đồng hồ đeo tay liên tục. Chẳng giúp được gì. Từng phút cứ thế trôi qua, từng phút, và đó là tất cả những gì chúng có thể nói cho cậu, cả hai chiếc đồng hồ.

Như thế là giờ cáo chung cho cuộc hẹn hò; đoạn kết cuối cùng khi cuộc hẹn sắp chính thức bị hủy, và chết hẳn. Cuộc hẹn sẽ không thể là cuộc hẹn nếu bạn cứ phải chờ mãi; hẹn hò sẽ không còn nghĩa nếu thiếu đi nửa kia. Nhưng dù sao bạn vẫn chờ, cố gắng nuôi hy vọng.

Cậu hút thuốc liên tục, loáng cái đã hút hết bao; rồi cậu lại mua thêm bao khác, rít thuốc không ngừng. Và mỗi điếu cậu còn chẳng hút đến một nửa.

Cả trăm nghìn người trước mặt cậu giờ cũng trải qua những gì cậu đang trải qua. Nhưng điều ấy cũng chẳng giúp được gì; đối với cậu nó giống như buổi đầu tiên, vẫn mãi là buổi hẹn hò đầu tiên đầy bỡ ngỡ.

Rồi đột nhiên... chiếc cổ áo lông thú bay phần phật, chiếc áo choàng xanh dương hoa mỹ quay tròn trong cánh cửa xoay... Cô đã đến.

Cô sẽ được tha thứ, tất cả đã kết thúc rồi; cậu vẫn vui ngay cả khi cô chưa kịp đến bên cậu, ngay cả trước khi cô mở miệng nói.

Cô đến một mình. Chà, chuyện bình thường ấy mà; đây chỉ là cuộc hẹn của hai người. Philips đã bỏ cuộc, cô ấy đổi. Và như thế Jack đã thành người thừa.

Sắc mặt cô căng thẳng. Thậm chí bạn có thể nói rằng cô hơi xanh xao. Khi chào cậu cô có mím cười, nhưng nụ cười nhanh chóng tắt lịm.

“Trời đất, anh còn tưởng em sẽ không đến nữa cơ! Có chuyện gì thế?”

Cô không thể lấy lại ngay sự hăng hái. “Ôi, em chẳng biết nữa...” cô ưỡn oải đáp. Và, “Em đến đây rồi.” Như thể muốn nói, *anh còn muốn gì nữa nào?*

Cậu không thúc ép cô thêm nữa. Đôi khi quan hệ của họ là vậy, cậu chỉ lắng nghe trong mơ hồ; không như quan hệ giữa những người đàn ông. Nó dễ thay đổi hơn, thăng trầm nắng mưa cứ như thời tiết.

Khi hai người ngồi xuống ghế, rèm sân khấu đã được kéo lên.

“Em thích không?” Cậu hỏi giữa các hồi kịch.

Cô hoàn toàn chẳng có hứng thú. “Cũng đáng yêu đấy,” cô đáp hờ hững.

Rồi buổi diễn kết thúc. “Lại quán Bamboo Grove nhé?” Cậu gợi ý. “Thế nào?”

“Không, đêm nay không tới Bamboo Grove nữa,” cô đáp. “Tâm trạng em không được tốt. Em nghĩ mình nên về thẳng nhà thôi.”

“Nhưng...”

Cô quắc mắt, và cậu thấy một tia nguy hiểm trong ánh mắt ấy. Cậu đứng dậy gọi một chiếc taxi.

Trên đường về nhà cô chỉ nói hai từ. “Cảm ơn,” và rồi “Cảm ơn.” Cảm ơn về điều thuốc và cảm ơn về chiếc bật lửa của cậu.

Khi họ xuống xe, cậu tiễn cô đến tận ngưỡng cửa. Nhưng khi cậu cố đặt lên môi cô nụ hôn, cô khẽ quay đầu đi - như thể đang tìm chìa khóa - và đôi môi cô lảng tránh cậu. Bạn không thể *đòi hỏi* nhiều ở một nụ hôn, bằng không nụ hôn sẽ mất hết nét duyên dáng, tất cả vẻ tự nhiên của nó; nụ hôn phải đáp xuống đúng nơi nó hướng đến, nếu không nó sẽ hỏng. Nụ hôn của cậu đã hỏng.

Cuối cùng cậu cũng hiểu ra, sau ba tiếng. “Chuyện gì thế, anh đã làm gì hả Madeline?”

“Anh chẳng làm gì cả, Bill.” Cô nhìn cậu, như thể đến lúc này, cô mới nhận ra cậu đã đứng bên cô suốt từ nãy đến giờ. Cô nói thêm, “Hãy tin em đi, đó là sự thật.”

“Thế thì tại sao...? Em đang cư xử rất khác.”

Cô tra chìa khóa vào ổ, như thể đây mới là việc chính cô quan tâm. Cậu đặt tay mình lên tay cô, bàn tay đang tra chìa khóa, và cứ để nguyên nó ở đấy, để được bên cô lâu thêm chút nữa.

“Con người ai cũng có lúc thay đổi mà,” cô trầm ngâm nói.

Bàn tay cô vịn vẹo, dưới bàn tay cậu, đang cố gắng tự giải thoát để có thể mở khóa.

“Nhưng Madeline, Madeline... em đang chia tay anh, em đang làm thế với anh. Đừng bỏ anh ngoài này như thế... cho anh cái gì đó để anh bám vào đi...”

Cô giải thoát được bàn tay mình, rồi xoay chìa khóa, mở cổng ra. “Em có thể làm gì đây?” Cô tuyệt vọng nói. “Nói rằng em yêu anh à?”

“Em không nói được sao?” Cậu hỏi, mặt bất ngờ tái nhợt đi vì sợ hãi.

Cô lắc đầu, rất chậm rãi, rất khẽ. Và đó là lời chúc ngủ ngon của cô.

Cô đóng cổng lại, vô hồn đi lên gác.

Đầu tiên cô vào phòng riêng, cởi bỏ quần áo như thể chúng chất lên vai cô sức nặng ngàn tấn, khiến cô gù cả lưng.

Tiếp theo cô tự ngắm mình trong gương, rồi lại quay mặt đi, như thể cô thấy xấu hổ với cô gái đó.

Cô bước vào sảnh, tiến đến trước cửa phòng mẹ cô. Thực ra là phần không gian đọc sách trong phòng, nơi mẹ cô vẫn ngồi chong đèn sau khi cha cô đã đi ngủ.

Phòng vẫn sáng đèn, ấm áp và mẹ cô vẫn đang ngồi đọc sách. Trông bà như ba mươi tuổi, còn Madeline đã ba mươi hai. Hoặc hai người đang cư xử như thế.

“Chào mẹ,” cô nặng nề nói. “Con về rồi.”

“Vở diễn thế nào?” Mẹ cô hỏi.

“Có vở diễn ạ?” Cô ngờ nghệch đáp.

Mẹ cô liếc xéo con gái đầy thấu hiểu, rồi bà dịu lại.

“Coi như mẹ đã hoàn thành nhiệm vụ rồi. Mẹ đi ngủ đây.”

Cô quay lưng đi ra ngoài.

Rồi cô dừng chân, quay lại bước vào phòng.

“À, chúc mẹ... ngủ ngon,” cô nói ấp úng.

“Chúc con ngủ ngon,” mẹ cô đáp nhanh.

Cô quay lưng đi ra ngoài.

Rồi cô dừng chân, quay lại bước vào phòng.

“Gì thế con yêu?” Mẹ cô kiên nhẫn hỏi.

Madeline cắn môi, như thể cô biết mình đang lãng phí thời gian của chúng. Rồi cô nhượng bộ, để những lời nói thốt ra trên môi.

“Chắc là chẳng có ai gọi đâu... có ai không mẹ?”

“Có, một thanh niên có gọi điện đến. Cậu ta không để lại tên. Chỉ hỏi là, ‘Madeline có nhà không ạ?’ trước khi mẹ kịp hỏi cậu ta là ai thì cậu ta đã gác máy rồi.” Rồi bà nói thêm, không hóm hỉnh lắm, “Ai đó con biết, mẹ đoán vậy.”

“Vâng,” Madeline đồng ý. “Ai đó con biết, con đoán vậy.”

Bàn tay cô đang định đưa lên tim thì khựng lại. Bỗng dưng cô không còn thấy mình già nữa, cô không còn mệt mỏi nữa. Cô thấy mình như đứa trẻ trong buổi sáng ngày Giáng sinh. Đôi mắt cô sáng bừng lên như thể được bật công tắc ở đằng sau. “Đúng rồi,” cô nói, “ai đó mà con biết! Ai đó mà con biết!”

Cô ôm chầm lấy mẹ, chẳng hiểu tại sao lại làm thế, cô hối hả ôm chầm lấy mẹ và hôn lấy hôn để. Vừa làm thế cô vừa cười như nắc nẻ; vừa cười vừa thốn thức thật khó hiểu. Thế rồi cô lao ra khỏi phòng như một cơn lốc,

chạy xuống cầu thang đến nơi để điện thoại. Cô quay một số. Cô cứ thế quay số liên tục như tiếng mưa trút xuống mái tôn.

Một giọng nói trả lời điện thoại.

Cô nói, “Phải anh đấy không?”

“Phải,” anh đáp.

“Ồ em biết mà, em biết mà!”

“Tôi không muốn đâu,” anh nói. “Tôi đã cố ngăn mình. Nhưng Madeline, tôi không thể kiềm chế hơn được nữa.”

“Ôi Jack, em cũng không thể kiềm chế được. Vô dụng, chẳng có tác dụng gì hết. Suốt đêm mọi thứ thật tĩnh lặng. Và bây giờ tất cả những gì vang trong tai em chỉ là âm nhạc, âm nhạc vọng đến từ khắp nơi cùng một lúc. Ôi Jack, em nghĩ đây là lần đầu tiên trong đời em thực sự yêu đến mức cả người...” Rồi cô cầu xin thật đáng thương, “Jack, xin anh đừng làm tổn thương em quá nhiều, được không anh?”

“Đồng hồ tại khách sạn Carlton,” anh nhẹ nhàng

“Vâng,” cô đáp, nửa sướng rơn lên. “Ôi vâng... vâng. Anh hẹn bất kỳ lúc nào cũng được, bất kỳ đêm nào cũng được... kể từ giờ trở đi.”

Cô bước xuống nhà sàn sàng đi ra ngoài, cô thấy rằng có ai đó đang ở cùng cha cô trong thư viện. Cô có thể nghe thấy những giọng nói. Một người lạ nào đó. Một người đàn ông nào đó ông đã đưa về nhà này. Bạn kinh doanh hoặc đối tác nào đó, có lẽ vậy. Khi bước qua ngưỡng cửa cô bắt gặp hình ảnh anh ta. Ai đó cô chưa từng gặp.

Cô nhún vai chẳng quan tâm nữa. Cô không có hứng thú.

Mẹ cô chẳng hiểu từ đâu chui ra, chặn cô lại khi cô vừa định mở cửa. Mẹ cô có vẻ rất sợ hãi. Bà sợ cái gì đó, hay về điều gì đó. Căng thẳng.

“Ông ấy muốn gặp con. Ông ấy muốn con vào trong đó.”

“Con phải đi. Cuộc hẹn bốn sao. Mẹ bảo cha đợi con về đi.”

“Không được, có chuyện rất quan trọng. Tốt hơn con nên quay vào đi, Mad. Mẹ hứa mẹ sẽ dẫn con đến chỗ anh ta ngay khi...”

Mẹ cô có làm thế thật hay không, cô cũng chẳng chắc chắn được. Nhưng bỗng người ngồi trong phòng, có lẽ vì nghe thấy những tiếng nói, đã xuất hiện trên ngưỡng cửa.

“Madeline,” ông nói. “Vào đây đi con.” Và ông không mỉm cười.

Cô bước vào.

Mẹ cô cố gắng theo cô sát gót.

“Em thì không được, em yêu,” ông cứng rắn nói, đóng cửa lại trước mặt bà.

Người đàn ông kia đứng dậy.

Cha cô xem đây là chuyện quan trọng, bất kể nó là gì đi nữa. Sắc mặt ông không tốt lắm, lông mày ông cứ không ngừng nhíu lại về một chỗ, ngay phía trên mắt, như thể cái lông mày ấy nó muốn được ở một nơi khác.

“Con gái tôi, Mad, đây là Thanh tra Cameron.”

Một thanh tra, thật không thể tin nổi! Cô bực tức khi bị cản trở thế này, bởi một điều kỳ quặc thế này. Cứ như mấy câu chuyện tầm phào trên báo lá cải. Những thứ mà bạn chẳng buồn đọc. Đặc biệt là trong thư viện nhà bạn - nơi bạn hành xử như những người có học thức.

“Ngồi đi,” cha cô nói. “Chuyện này quan trọng lắm.”

Họ nhìn nhau, cha cô và kẻ thích nhúng mũi vào chuyện người khác. Như thế muốn nói, *ai sẽ hỏi chuyện con bé, ngài hay tôi?*

Cuối cùng, cha cô là người lên tiếng. “Dạo gần đây con có gặp gỡ ai không?”

Cô nhướn mày cho đến khi chúng nằm giữa trán. Cô xem cử chỉ này là câu trả lời của mình.

“Đó là một câu hỏi cực kỳ đơn giản, cô Madeline. Không cần phải cảnh giác với chúng tôi. Chúng tôi cực kỳ nghiêm túc về chuyện này.”

Viên thanh tra nhắc lại. “Có phải dạo này cô đã gặp gỡ một người chưa từng quen biết, một người trước giờ không nằm trong nhóm bạn bè của cô không, cô Drew?”

Điều gì đó cảnh báo cô, *nói không đi*. “Không,” cô đáp.

“Con có chắc không, Madeline?” Cha cô hỏi, giọng căng thẳng. “Tại nhà bất kỳ ai, tại bữa tiệc nào đó, tại nhà hàng nào đó...?”

“Thông qua một người khác,” viên thanh tra chen ngang. Anh ta chìa tay ra. “Chẳng hạn như được người nào đó cô biết giới thiệu cho cô. Một người bạn rất thân hoặc...”

Cô quay đầu về phía anh ta, rất nhanh, lườm anh ta một cái cháy má. “Ồ, ngài cần được giới thiệu sao? Tôi thì thường đi bộ trên phố và giả vờ đánh rơi khăn tay.”

Mặt anh ta đỏ bừng, cố gắng ngồi vững trên ghế.

“Đêm nay con định đi gặp ai hả Madeline?” Cha cô nhẹ nhàng hỏi.

Cô đã chuẩn bị sẵn từ câu hỏi trước. “Một người con *không* được giới thiệu,” cô đáp. “Cậu ta ngồi kế bên con, và đề lên một số đồ đạc của con, nên cậu ta xin lỗi, và đó là cách chúng con quen nhau.”

Viên thanh tra cứng người lại, ngả về phía trước. Cô thích điều đó.

“À tôi quên mất chưa nói rằng khi đó tôi mười lăm tuổi, còn cậu ta mười sáu, cả hai chúng con đều đang năm nhất trung học. Bill Morrissey.” Và cô dợm rời đi.

Cả hai người họ ngồi sụp xuống ghế. Cô cũng thích điều đó.

Cha cô nhìn viên thanh tra vẻ dò hỏi.

“Tốt hơn ngài nói cho cô ấy biết đi, ngài Drew,” Cameron lặng lẽ nói. “Tôi nghĩ ngài nói thì thích hợp hơn.”

“Cho tôi biết cái gì cơ?” Cô gắng hỏi.

“Có một người sắp gây nguy hiểm cho con, Madeline...”

“Người nào?”

“Chà, chúng tôi không biết rõ hẳn là ai...”

Cô lên tiếng, giọng chế nhạo. “Nếu ngài còn không biết hẳn là ai, thì làm sao ngài biết rằng hẳn là một mối nguy hiểm với tôi? Mà nguy hiểm gì cơ chứ? Ôi, tôi cho rằng lại là điệp khúc bắt cóc tổng tiền mà thôi. Chuyện đó mà không xảy ra thì ngài sẽ chẳng là gì hết, thực sự chẳng được ma nào biết đến, cho đến khi ngài bị bắt cóc đòi tiền chuộc một lần trong đời. Như kiểu có tên trong danh sách của Bradstreet* ấy.”

Dun & Bradstreet: Một công ty chuyên cung cấp thông tin và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp.

“Nguy hiểm đến tính mạng đấy, cô Dew,” viên thanh tra kiên nhẫn nói.

Cô làm bộ sợ hãi một cách thái quá, khoanh hai tay che ngực và bước lùi lại. “Nếu bắt gặp kẻ nào đó nhìn trộm tôi dưới cái mũ đen vành rộng, tôi sẽ báo cho ngài biết.”

“Cô không biết hẳn đâu, cô Drew.”

“Thậm chí ngay cả có gặp hẳn tôi cũng không biết hẳn à? Thật không, ngài thanh tra...”

“Madeline...” cha cô vừa định nói, nhưng cô đã mở cửa và biến mất.

Mẹ cô vẫn đang quanh quẩn bên ngoài. “Họ muốn gì hả, con yêu? Chuyện gì thế? Chẳng ai chịu nói cho mẹ biết cả.”

Cô phải tự kiềm chế. Họ đã tiến ra ngưỡng cửa phòng thư viện, cùng đứng sau lưng cô. Cô chỉ đơn giản là lắc đầu với mẹ, không thể cất lời. Hoặc cô sợ phải tin tưởng chính mình.

Chỉ sau khi cánh cửa trước đã khép lại sau lưng cô mới thở phào nhẹ nhõm. Cô cười lên thật lớn. Cô hơi loạng choạng. Đó là điều nực cười nhất cô từng nghe.

Cô cười to đến mức không thể tự mình gọi taxi được. Phấn trang điểm trên gương mặt cô đã phai đi, vì đôi mắt cô đang khóc.

Phải đi một lúc lâu cô mới dứt cơn cười. Cô cười gằn như suốt cả chuyến đi.

Anh rót đầy ly rượu của cô. “Họ còn nói gì nữa không?” Anh gợi ý. Anh cũng vui vẻ với chuyện này chẳng kém gì cô. Một điều rất hay ở anh, đó là anh luôn chia sẻ vui buồn với bạn. Khi bạn choáng váng, chóng mặt, anh cũng thế.

Cô phun phì phì, nửa ly rượu sâm banh bắn ra ngoài ly. “Họ ngồi đó mặt dài thuôn ra ấy.” Cô nói tiếng bụng, hạ giọng xuống thành âm cực trầm. “‘Gần đây con có gặp ai không hả Mad?’ Nói thật đi, anh có thấy giống hệt gã hề trong buổi diễn hát rong không?”

Anh gật đầu, phô ra hàm răng đều tăm tắp, và đôi vai anh nhấp nhô lên xuống khi anh cười.

“‘Ngài nói cho nó biết đi, ngài thanh tra.’ ‘Không, ngài nói đi, ngài Drew.’ Thế rồi sau tất cả những câu nói dài dòng này, khi cuối cùng họ cũng biết nên nói chuyện gì với em...” Cô giấu mặt mình sau những ngón tay duỗi thẳng và lắc đầu vui nhộn. “Họ chẳng biết hấn là ai, hoặc hấn trông như thế nào. Em cũng chẳng biết hấn luôn, ngay cả khi em trông thấy hấn. Thật đấy, ngay cả cha em cũng đánh mất hấn khiêu hài hước của ông, hay...”

Anh vui đến mức bắt đầu hành động ngớ ngẩn, như thể muốn được vui hơn nữa. “Có thể họ muốn nói đến anh đấy. Rốt cuộc, anh là người duy nhất gần đây em mới gặp. Tốt nhất em nên cảnh giác đi, anh sẽ cắn em đấy.” Và anh giả vờ tấp cô, như một con chó.

Đó là tất cả những gì cô cần. Cô ngửa đầu ra sau, gần như hét lên. “Ồi, đừng làm em cười nữa,” cô van xin. “Xương sườn em đau rồi đây nè. Em không chịu được nữa đâu.”

Đang ngồi trên bàn, anh cũng ngửa đầu ra sau và thét lên cùng cô.

“Giết người,” anh thở hỗn hển.

Tất cả mọi người trong quán đều quay lại nhìn họ, với những nụ cười nửa ghen tị nửa cảm thông.

“Có ma nào quan tâm đâu,” ai đấy nói. “Tôi rất thích nhìn những cặp đôi trẻ tuổi vui vẻ như thế, trong khi còn có thể. Sau này họ còn khối thời gian

mà tuyệt vọng.”

Khi đang thay đồ ngủ trong căn hộ, anh chợt nghe thấy tiếng gõ cửa.

Chiếc cà vạt anh đang cầm chợt tuột khỏi tay, như thể một dòng điện nào đó vừa vụt qua. Anh vội lao đến ngay bên chiếc tủ có ngăn kéo, liếc rất nhanh vào ngăn kéo ở giữa. Khẩu súng vừa lọt vào tầm nhìn liền biến mất. Anh rút tay ra khỏi túi quần sau, trống trơn.

Anh bước đến bên cửa, căng thẳng hỏi, “Ai đấy?”

“Bill Morrissey đây,” giọng trả lời cộc lốc vang lên bên kia cánh cửa.

Anh chậm rãi thở ra, tạo nên một âm thanh sắc ngọt, rồi đưa tay mở cửa.

Morrissey bước vào nhà. Cậu nhìn anh trừng trừng thật lâu, bắt đầu từ khi đứng trên ngưỡng cửa, khi đi vòng qua anh cho đến tận khi đứng ở giữa phòng, đối mặt anh. Suốt quãng thời gian đó cậu không hề rời mắt khỏi anh.

“Xin lỗi, Bill, tôi sắp phải ra ngoài rồi.”

“Với cô gái của tôi.”

Trong một lúc, Munson không trả lời. Anh cố gắng cười nửa miệng. Nhưng nụ cười ấy chỉ dành cho chính anh, không phải cho Morrissey. Nó không phải là nụ cười hân hoan dành cho Morrissey; nếu là nụ cười ấy thì hẳn nó cũng sẽ không được chấp nhận. “Cậu có chắc rằng mình hiểu đúng về chuyện này không đấy?”

Morrissey không hề chớp mắt. “Tôi chắc chắn.”

“Tôi thì không nghĩ vậy. Cậu vừa mới nói, ‘Anh đi ra ngoài cùng cô gái của tôi.’ Tôi đi ra ngoài, đúng rồi. Nhưng không phải với cô gái của cậu. Cậu đang nhầm lẫn đấy.”

“Nhầm cái *con khi*,” Morrissey nói, giọng ê a lạnh lùng. “Anh sắp ra ngoài với Madeline Drew. Nếu anh nói không phải thì tức là anh đang nói

dối.” Tính từ cậu ta dùng để bổ nghĩa cho danh từ quá khiếm nhã không thể viết ra đây được.

Munson khẽ gật đầu. “Tôi sắp ra ngoài với Madeline Drew,” anh nói. “Cuối cùng chúng ta cũng thẳng thắn với nhau. Cái phần ‘cô gái của cậu’ ở đâu ra thế?” Anh ngừng lại một lúc. “Mà cậu đến đây làm gì?”

“Tôi đến để đấm vỡ mặt anh ra.”

“Được rồi, Bill,” Munson nhẹ nhàng nói. “Được rồi, làm đi. Nếu làm thế sẽ khiến cô ấy quay về với cậu.” Mãi anh lại nở một trong những nụ cười chỉ dành cho riêng mình.

“Có thể không mang cô ấy về được,” Morrissey nói, nheo mắt ranh mãnh, “nhưng làm thế sẽ khiến tôi cảm thấy tốt hơn bây giờ.” Cậu lùi bước về phía cửa ra vào. Hai bàn tay cậu đặt sau lưng lần mò tìm chìa khóa, và khi tìm thấy, cậu xoay chìa khóa cửa lại, rồi rút nó ra, nhét vào túi quần. Mắt cậu vẫn nhìn dán vào Munson, hàm răng cậu phô ra, nhưng không phải để cười.

“Thủ thế đi,” cậu có lòng tốt nhắc nhở nhưng sẽ bị hiểu nhầm là giả tạo. Có khả năng xuất phát từ thực tế rằng cậu phô ra nhiều quá.

“Đừng nghiêm túc thế,” Munson mĩa mai đáp. “Nếu muốn thui tôi một quả thì cậu cần thủ thế tốt hơn đấy.”

Anh chẳng có động tác gì để tự vệ. Cũng chẳng buồn lùi lại. Anh cứ đứng đó uể oải, hai khuỷu tay tựa vào mặt bàn trang điểm.

Morrissey tím mặt lại. Áo khoác của cậu rơi xuống sàn, như thể một con rắn vừa lột da. “Anh nghĩ mình có thể cướp cô ấy khỏi tay tôi à? Tôi sẽ không để anh làm thế!”

Munson khẽ lắc đầu, như thể thấy tiếc cho cậu. “Đồ ngốc,” anh nhẹ nhàng nói. “Cậu không thể cướp một người khỏi tay người khác được, trừ phi họ muốn bị cướp đi. Cậu chưa chịu hiểu à?”

Morrissey sai bước đến gần, tung ra một cú đấm thẳng đây ác ý. Cú đấm trúng một bên mặt, và vì sau lưng anh có cái tủ chống đỡ, nên anh ngã nhào sang bên thành một đống.

“Đồ đàn bà! Đứng dậy!”

“Ồ, đừng bận tâm chuyện quy tắc làm gì,” Munson yếu ớt nói. “Không cần phải giữ tác phong. Tiếp tục tấn tôi đi.”

Gần như phát điên vì giận dữ, Morrissey cúi xuống kéo anh đứng thẳng dậy. Rồi cậu lại đánh tiếp, anh lại gục xuống. Và rồi chính cậu cũng gục ngã bởi sức mạnh từ cú đấm của chính mình. Cậu lại đứng thẳng dậy, chuẩn bị giáng cú đấm thứ ba. Nhưng chẳng còn gì để nắm đấm ấy giáng xuống nữa, không còn đối thủ nữa. Điều đó khiến cậu khựng lại. Cậu loạng choạng, đứng đó bối rối.

Gương mặt cậu bất ngờ thay đổi. Cậu vỗ hai bàn tay vào nhau, không siết thành nắm đấm nữa, hai bàn tay xòe rộng, như thể không muốn người khác nhìn thấy. “Mấy quả đấm của tôi mạnh chứ hả?” Cậu rên rỉ như bị ghen. “Chúng sẽ chẳng giúp mang cô ấy quay về! Nhưng tôi chẳng còn cách nào khác.”

Cậu lần bước ra cửa như thể bị mù một nửa, rồi dựa người vào đó một lúc, yếu ớt, tức giận, kiệt sức. Cậu đưa tay tìm chìa khóa, mở cửa và bước ra ngoài, không buồn đóng nó lại.

Âm thanh gì đó nghe như tiếng ho khan, nhưng cũng có thể là tiếng nước nở của nam giới, trôi nổi dọc theo hành lang sau khi cậu đã khuất tầm nhìn.

Munson đau đớn tự nâng mình dậy. Anh lấy ra một chiếc khăn tay, nhúng vào nước rồi chườm lên chỗ chảy máu trên mặt. Anh phải chườm liên tục mấy chỗ khác nhau. Nhưng anh đang mỉm cười, dù đó là một nụ cười méo mó; vẫn mỉm nụ cười chỉ dành cho riêng anh.

Anh bước đến chỗ cửa ra vào, những bước chân run rẩy, đóng nó lại.

Anh rút khẩu súng ra khỏi túi quần, ném trả lại nó vào ngăn kéo, nơi anh vừa lấy nó ra. Khẩu súng đã nằm trong túi anh này giờ. Lẽ ra anh đã có thể bắn chết kẻ tấn công hàng tá lần rồi. Như thể anh không muốn vậy. Như thể anh đã cố tình làm thế ngay từ đầu.

Và anh vẫn đang mỉm cười.

Và giờ đến lượt cô, đang một mình ngồi đợi dưới đồng hồ Carlton. Dù sao thì, đây vẫn là một việc mà cô chưa từng làm, không như các cô gái khác. Những người đàn ông trong cuộc đời cô đều từng ở đó trước cô, tất cả bọn họ.

Và giờ thì đến lượt cô.

Cô đang ngồi đó, trên ghế, ai bước vào cũng đều nhìn cô, nhưng người duy nhất cô hẳn sẽ nhìn lại không bước vào.

Giá như cô đang đợi bất kỳ ai khác, hẳn cô đã đứng dậy bỏ về từ lâu rồi. Nhưng nếu là bất kỳ ai khác thì hẳn là cô đã chẳng chịu ngồi đợi ngay từ đầu.

Cô muốn bỏ về, nhưng cô không thể. Cô vẫn ngồi im, bị ràng buộc, mắc kẹt. Như thể có một sợi thừng buộc quanh người cô, trói chặt cô vào cái ghế. Bài hát đó là gì nhỉ - *Tù nhân của tình yêu* - đó chính là cô.

Cuối cùng cô cũng đứng dậy, không thể chịu đựng nổi khi cứ bị nhìn chòng chọc. Người ta đi đi lại lại xung quanh cô, xem cô là trung tâm. Những gì họ muốn nói đều thể hiện rõ trên nét mặt, “Cho anh thế chỗ được không? Anh sẽ không đối xử với em như thế đâu. Hãy cho anh một cơ hội và anh sẽ cho em thấy. Hãy cho phép anh được làm quen với em - thay cho hẳn, không cần biết hẳn là ai!” Cô đi sang bên cạnh, trú tạm phía sau một trong những cây cột to, có đường rãnh. Như thế người ta sẽ không thể tiếp cận cô một cách dễ dàng, họ phải đi vòng quanh cây cột, trông như một cây nêu khổng lồ, nếu họ muốn rình mò cô.

Cô mở hộp đựng đồ trang điểm, tự ngắm mình trong gương, vẻ mặt của cô không phải là vẻ mặt của một cô gái vừa đứng dậy, người để chuyện này xảy ra với mình. Huống hồ, thậm chí đến lúc này, thay vì cảm thấy bức mình, nhục nhã, niềm kiêu hãnh bị tổn thương, những cảm xúc mà cô hẳn sẽ cảm thấy nếu cô đợi bất kỳ ai khác, cô chỉ cảm thấy lo âu, linh tính báo điềm gở, lo lắng, hơn là phẫn nộ. Bởi vì cô đang đợi chờ anh.

“Chuyện gì đã xảy ra? Có chuyện gì không ổn sao? Anh ấy đã bỏ rơi mình ư? Chẳng nhẽ mình sẽ không gặp lại anh ấy nữa? Ôi, mình phải gặp

lại anh ấy! Anh ấy phải đến!”

Cho dù cô không ngừng tự nhắc nhở mình, “Chờ thế đủ lâu rồi. Không thêm một phút nào nữa. Mình sẽ bước ra khỏi đây ngay bây giờ,” nhưng tận trong thâm tâm cô biết mình vẫn sẽ ngồi đây thêm nhiều tiếng đồng hồ nữa, vẫn sẽ cứ đợi chờ như thế này. Và ngay cả khi đã nửa đêm, khi hành lang đã vắng tanh và đèn đóm đã tắt hết, nơi đây cô vẫn sẽ đợi chờ.

Cô không thể ngăn mình lại được. Có điều gì đó mạnh hơn cả cô. Đó là tình yêu.

Bỗng một nhân viên trực tầng thét lớn, “Cô Drew. Gọi cô Drew.”

Cô gần như đã lao qua hành lang về phía cậu ta, cô chạy rất nhanh. Phóng vút ra từ bên cạnh cây cột.

“Chuyện gì thế? Chuyện gì?”

“Có một cuộc điện thoại cho cô. Cô có thể nhận nó trong buồng số 2, tầng kia.”

Cô không ba chân bốn cẳng chạy đến đó, bởi cô kiểm soát bản thân cực tốt. Những hy vọng và những nỗi sợ hãi của cô đã tan biến, nhưng các bước chân của cô thì không.

Cô nhắc ống nghe lên, đánh rơi nó vì quá hấp tấp, rồi lại nhặt nó lên.

Anh nói, giọng ăn năn, “Anh đã bắt em chờ suốt bao lâu... Em sẽ tha thứ cho anh chứ? Anh không thể làm khác được. Anh đã cố gắng hết sức...”

“Không sao, không sao mà... Chỉ là, có chuyện gì thế?” Cô nói ngắt quãng.

“Anh mới bị ăn đòn.”

Hơi thở của cô truyền thẳng vào bên trong ống nghe. “Anh còn chống đỡ được không? Anh có...”

“Giống một chuyến viếng thăm xã giao hơn. Một trong số bạn bè của anh bày tỏ sự tôn trọng thôi mà.”

“Là Bill Morrissey,” cô nói ngay.

Anh xác nhận bằng tiếng cười khẽ bao dung, không trả lời thẳng.

Cô như nín thở, lần này là bởi vì quá tức giận. “Hắn xong thật rồi. Em kết thúc luôn với hắn rồi. Anh có đau lắm không? Anh có...”

“Anh nghĩ mình vẫn có thể bắt taxi xuống đó, nhưng trông anh không ổn lắm đâu. Băng chỗ này bó chỗ kia. Anh không chắc em muốn thấy anh trong bộ dạng đó ngoài đường.”

“Anh đang ở đâu?”

“Ở nhà anh mà.”

“Nhưng anh có chắc là mình ổn không?” Cô liên tục hỏi. “Anh có chắc là mình ổn không? Không bị thương nặng chứ?”

“Anh ghét phải hủy cuộc hẹn như thế này. Tất nhiên trừ phi... Thay vào đó em có muốn đến đây không?”

Cô lưỡng lự. Nếu cô làm vậy, mối quan hệ của họ sẽ bước sang một chương hoàn toàn mới.

Anh trả lời thay cho cô. “Không, tất nhiên là không rồi. Anh hiểu mà. Lẽ ra anh không nên đề nghị em làm thế, đúng không?”

Câu nói này đã đánh tan chút ngần ngại cuối cùng. “Em sẽ đến,” cô quả quyết. “Ở đâu thế? Anh chưa từng cho em biết anh sống ở đâu.”

Bây giờ anh lại là người miễn cưỡng, chứ không phải cô. “Anh không muốn em làm bất kỳ điều gì khiến em thấy...”

“Jack,” cô nói. “Anh không hiểu à? Em yêu anh. Tự em *muốn* đến mà.”

Cánh cửa chậm rãi mở vào trong, bàn tay anh đặt trên tay nắm cửa, và qua khe hở hình chữ nhật ta có thể thấy được hình ảnh hai người ôm siết lấy nhau, một bên hình bóng họ được nhuộm vàng nhờ ánh đèn, bên kia được nhuộm xanh bởi bóng đêm.

Cả hai miễn cưỡng buông nhau ra, vòng tay anh buông thõng xuống.

“Giờ còn đợi gì nữa? Em nên quay về... nguyên vẹn quay về như khi em đến.”

“Anh có chắc không,” cô thì thầm, “Em muốn vậy mà.”

“Ngày mai sẽ luôn đến.”

“Nhưng đêm nay mới là đêm.”

“Đừng bận tâm, ngày mai sẽ luôn đến. Ngày mai, ngày ba mươi mốt tháng Năm.”

“Khi một cô gái không yêu anh, cô ấy sẽ căm ghét nếu anh không phải là một quý ông. Khi cô ấy đã yêu, cô ấy sẽ căm ghét nếu... anh đúng là như thế.”

“Mad,” anh nói, ép sát cô vào người mình. “Anh không muốn em đến đây với những suy nghĩ như thế. Không phải em, Mad, em quá đáng yêu. Như thế thật rẻ tiền và giả dối. Nhưng chỉ đêm nay thôi. Bây giờ thời gian tuyệt vời đã trôi qua rồi. Giờ anh đưa ra cảnh báo chân thành này, Mad, nếu em mà còn tới đây nữa...”

Cô nhìn anh. Cô hiểu và ửng thuận. Cô trao cho anh nụ hôn cuối cùng.

“Chờ đến ngày mai,” cô nói.

“Đồng hồ tại Carlton nhé?” Anh gợi ý.

Cô lắc đầu. Ngón trỏ của cô chỉ xuống sàn. Rồi cô quay lưng bước xuống cầu thang.

Cô vẫn đang trong trạng thái ngất ngây, hạnh phúc, mắt cô ngời sáng như những vì sao, và khi cô mở cửa vào phòng ngủ riêng nửa tiếng sau đó, mọi giác quan của cô vẫn như đang quay cuồng.

Trong nhà đèn đóm đang sáng trưng, nhưng lúc này cô chẳng còn đủ tỉnh táo để nhận ra điều đó. Giờ cô có thể bước vào ngọn lửa đang cháy rùng rục mà không hề hay biết, không nhận ra tình cảnh mình đang lâm vào.

Nhưng rồi dần dần, thực tế thâm nhập vào nhận thức của cô, đó là toàn bộ váy áo, đồ lót; toàn bộ tủ quần áo của cô, đang nằm thành từng chồng ngăn nắp trên ghế và trên giường.

Mẹ cô bất ngờ xuất hiện qua cánh cửa thông giữa phòng của hai mẹ con, trên tay bà mang thêm mấy thứ nữa.

“Chuyện gì vậy? Mẹ đang làm gì thế?”

“Gói ghém đồ đạc cho con. Mẹ vốn định đợi đến khi con về, nhưng đợi mãi không thấy nên mẹ nghĩ mẹ nên tự làm một mình. Sáng sớm mai chúng ta sẽ khởi hành.”

“Khởi hành sớm đi đâu cơ?” Madeline lo lắng gặng hỏi.

“Chúng ta sẽ ra bờ biển.”

“Nhưng sao lại là ngày mai ạ? Sao không phải là tuần tới, hay...?”

“Cha mẹ được biết...” Mẹ cô bỏ lửng câu nói. “Cha mẹ được biết rằng bắt buộc phải là ngày mai... đó là hạn chót. Điều thiết yếu là con... chúng ta phải đi vào ngày mai.”

Đột nhiên cô hiểu ra. “Là người đó. Cái người đã có mặt ở đây với cha khi con ra ngoài chơi tối qua. Có phải *anh ta* lại đến nữa không?”

Mẹ cô không đáp.

“Vì Chúa, mẹ à! Bản thân con nhiều lúc cũng thích nghe truyện cười lắm, nhưng lần này thì không vui đâu. Anh ta được trả lương để đi dọa dẫm người khác à?”

“Anh ta đã thuyết phục được cha con, như thế là quá đủ đối với mẹ.”

“Anh ta không sống hộ con cuộc đời *của con*! Anh ta không có quyền ra lệnh cho *con* phải làm gì, khi nào thì phải đi và phải đi đến đâu!”

“Ngồi xuống đây. Mẹ muốn nói chuyện nghiêm túc với con.” Bà cất tạm vài thứ sang một bên. “Mẹ là mẹ con. Giờ chỉ có hai mẹ con mình thôi.”

“Mẹ là mẹ con, và giờ chỉ có hai mẹ con mình thôi,” Madeline khô khan nói. “Cả hai thực tế này đều quá rõ ràng.”

“Con có gặp gỡ một người *mới* nào gần đây không? Bất kỳ ai ngoài những chàng trai con đã quen biết?”

“Mẹ lại bắt đầu đấy à? Tối hôm kia người ta hỏi con rồi còn gì!”

“Tối nay con đã ra ngoài với ai?”

“Chúng ta đang trở về quá khứ sao? Chắc phải cỡ mười năm trước ấy nhỉ?”

“Madeline, tối nay con đã ra ngoài với ai?”

“Bill Morrissey.” Cô nhìn thẳng vào mắt mẹ không nao núng. “Con đã phạm phải tội gì chứ?” Cô lạnh lùng hỏi.

“Madeline, mẹ hỏi đây không phải vì mẹ, mà là vì sự *an toàn* của chính con.”

“*Anh ta* đã nói với mẹ như thế,” cô giận dữ buộc tội. “Chính *anh ta* đã nói thế.”

“Madeline, tối nay con đã ra ngoài với ai?”

“Mẹ hỏi con lần này là lần thứ ba rồi. Và đây là lần thứ hai con trả lời mẹ. Bill Morrissey.”

“Madeline, *Bill* đã gọi điện đến đây trước mười giờ tối một chút, để hỏi về con đấy.”

Chiếc khăn cô đang dùng để lau lớp kem trên mặt vẫn không ngừng lại.

“Chắc chắn đấy. Bọn con đã nói chuyện, sau đó con đứng dậy và bỏ đi, bỏ mặc anh ấy ngồi trong nhà hát. Con cho rằng anh ấy nghĩ con đã về nhà rồi. Chắc lúc anh ấy gọi con đang ngồi một mình trong phòng chờ suốt hồi hai. Sau đó con quay về chỗ ngồi ngay trước hồi cuối.”

“Ồ,” mẹ cô thì thầm, có chút nhẹ nhõm. “Ồ.” Khi bạn muốn tin, thì bạn sẽ tin. Bà vươn tay ra, vỗ nhẹ lên bàn tay Madeline.

“Con đã bao giờ nói dối mẹ chưa?” (*Nhưng, cô nghĩ, đã bao giờ mình yêu như thế này chưa?*)

Mẹ cô hôn lên trán cô dễ dàng. “Chúc ngủ ngon con yêu.” Bà tiến ra cửa. “Ngày mai hãy đi cùng cha mẹ ra bờ biển được không? Con sẽ không nặng xị lên đấy chứ?”

Madeline nhìn chính mình trong gương một cách khó hiểu. “Con sẽ không làm nặng xị lên đâu,” cô ngoan ngoãn hứa hẹn.

Họ khởi hành sớm, mặt trời mới lên chỉ đủ hắt xuống phố những tia nắng mỏng nằm nghiêng, trông như lớp hàng rào cọc nhọn màu vàng bị ngã đổ - như thể mặt trời sợ hãi không dám phủ chụp lấy họ bằng một quầng lửa chói chang, đầy đe dọa của một ngày đen đui. Người hầu kẻ hạ và một phần lớn đồ đạc của họ đã được chuyển đi từ đêm qua (Đến giờ Madeline mới biết); tuy nhiên, đã có những náo động, hỗn loạn với hành lý xách tay, bao nhầm lẫn khiến mẹ cô hết vào rồi lại ra mấy bận trước khi cuối cùng cả nhà có thể lên đường.

Trong suốt thời gian đó, Madeline ngồi yên trên ghế sau, hoàn toàn thờ ơ, một điều thuốc nằm trên bàn tay để không, tay kia cầm chiếc va li kéo, như thể cô hoàn toàn bàng quan trước toàn bộ chuyện này, nó chẳng có gì liên quan đến cô hết. Thậm chí cô còn nhìn sang hướng khác, nhìn sang phía bên kia đường, xa khỏi căn nhà.

Chỉ có một thời điểm cô biểu lộ sự tức giận, sau khi tài xế đã ngồi vào xe và ngay trước khi họ chuẩn bị khởi hành, thì bỗng Cameron mở cửa trước, bước vào ngồi cạnh ghế tài xế rồi đóng cửa xe lại. Anh ta không đến từ trong nhà họ; mà như thể anh ta từ dưới đất chui lên.

“Anh ta phải đi cùng chúng ta sao?” Cô gắng hỏi, to tiếng. “Chuyện gì đây, đi đày à?”

“Suýt,” mẹ cô lên tiếng nhắc nhở.

Hình như anh ta có con mắt phía sau; sắc mặt anh ta có hơi chuyển màu.

Khi họ đến được bờ biển, anh ta lại biến mất cũng đột ngột như khi xuất hiện lần đầu tiên. Xuống xe, và bỗng không còn thấy đâu nữa, chẳng biết anh ta đã lặn đi đâu. Bạn hẳn sẽ không biết anh ta vừa đi cùng họ.

Khóe miệng Madeline cười mỉm vẻ chế nhạo, có lẽ là vì việc này, hoặc có lẽ là do thái độ của cô với toàn bộ sự kiện này.

Tuy nhiên, ngay trước bữa trưa, trong khi cô đang nằm dài trên chiếc ghế xếp dưới đất, cách ngôi nhà một quãng, anh ta lại hiện hình, như thể anh ta vừa đi tuần tra ở đâu đó. Cô vờ như không thấy anh ta, cho dù cô có thể

nghe thấy tiếng cỏ lạo xào dưới chân và thấy cái bóng của anh ta, đang tiến đến từ phía sau lưng cô.

Anh ta chỉ đứng đó và nhìn cô, rất khiêm tốn.

Bất thần cô ngẩng đầu lên, ném sang anh ta cái nhìn u ám bão tố.

“Tôi đang đọc sách,” cô cau có. Tay cô quả quyết giơ sách lên cho anh ta thấy. “Thấy chưa. Sách. Anh biết chúng là gì mà đúng không? Anh làm thế này với nó,” cô bẻ cong quyển sách, “và rồi tên cai ngục nào đó bước đến và trở mặt ra nhìn...”

“Tôi rất tiếc, cô Drew,” anh ta nhẹ nhàng nói. “Hình như cô không thích phải tới đây đúng không?”

“Tôi sẽ thích nó nếu...” cô thoáng mất cảnh giác, rồi ngừng lại ngay.

“Có cuộc gặp gỡ nào đó bị ngắt quãng chẳng?” Anh ta ném sang cô cái nhìn dò hỏi sắc sảo.

Bất ngờ cô im lặng, nhún vai, quay lại với cuốn sách. Như thế cô nhận ra mình vừa phạm phải một sai lầm về mặt chiến thuật.

Trong bữa trưa, cô bỗng biến thành một con người khác. Cái miệng câm nín đã biến mất, sắc mặt sừng sĩa đã không còn. Cô vui vẻ, hớn hở, nói nhiều, có lẽ hơi bị hưng phấn quá đà. Nhưng có vẻ như cô đã vui vẻ chấp nhận một khung cảnh khác, tự thích nghi với nó. Cô chỉ ám chỉ gián tiếp đến nơi này, rằng đó là một nơi thật tuyệt. “Ở dưới này thật thú vị, lẽ ra chúng ta nên đến đây từ mấy năm trước, đỡ phải chờ.” Và thậm chí với cả Cameron, (ngồi ăn trưa cùng họ), cô cũng tỏ ra hòa nhã hơn, cho dù không nói chuyện trực tiếp với anh ta. Cô chỉ khẽ mỉm cười với anh ta đôi lần khi nhờ chuyển cái gì cho người khác. Như thể muốn nói rằng: “Thấy chưa? Tôi cực kỳ hạnh phúc được ở đây. Tôi hài lòng. Chẳng còn nơi nào khác hấp dẫn tôi hơn thế. Ngài sai rồi.”

Một lần nữa anh ta lại nhìn cô dò hỏi.

Họ xuống bãi biển vào buổi chiều. Anh ta lại quan sát từ đằng sau, ngồi trên một đồi cát nhỏ. Dường như anh ta không theo dõi cô; anh ta luôn nhìn ra chỗ khác. Dường như cô không để ý đến anh ta; cô luôn nhìn theo hướng

ngược lại, khi ngụp lặn dưới biển khi nhảy căng lên trên cát. Nhưng hành vi của cô càng lúc càng hưng phấn, như thể đang trình diễn trước khán giả vậy. (Thật không tự nhiên khi hai con người *không bao giờ* cùng nhìn về một hướng lại bắt gặp ánh mắt của nhau.)

Hai chàng trai và một cô gái cô quen biết cũng xuống biển, và cô mời cả ba đến nhà uống cocktail, ăn bữa tối và có buổi tối vui vẻ bên nhau.

“Tớ đang bị cách ly,” cô phá lên cười. “Để vượt qua giai đoạn khó khăn.”

Tất cả cùng quay về với chiếc xe liên hợp đã đưa họ đến đây.

Họ mở tiệc cocktail ngay khi vừa về đến nhà, cô vẫn xỏ vào đôi dép đi biển, trên người vẫn khoác chiếc áo choàng tắm màu trắng. Thậm chí họ còn mời anh ta một ly, nhưng anh ta lắc đầu rồi chuyển cho người khác. Cô ăn nói oang oang, tâm trạng hưng phấn, bừa bãi, dung tục; như thể mấy ly cocktail này quá mạnh, hoặc giả cô đã uống quá nhiều. Cô còn khiêu vũ ngẫu hứng khắp phòng, đầu tiên là với một trong số các chàng trai, rồi tiếp với người khác, theo nhịp điệu của chiếc radio sạc pin mang theo. Có rất nhiều tiếng cười nói, rất nhiều tiếng nói chuyện, rất nhiều những lời đùa cợt, tất cả tạo ra một khung cảnh hết sức ồn ã.

Tưởng chừng như bữa tiệc sẽ kéo dài mãi mãi, thì bất chợt mẹ cô bước xuống cầu thang, trên người là trang phục cho bữa tối, và hỏi có phần gay gắt, “Madeline, con định cứ ăn mặc như thế cả tối nay đấy à? Vài phút nữa chúng ta sẽ ăn tối đấy.”

Madeline ngưng bật, liếc nhìn xuống người mình, như thể chỉ đến bây giờ mới nhớ ra mình đang mặc cái gì, cô đập mạnh tay lên trán, thốt lên, “Trời, con quên bég mất! Con lại cứ tưởng có gió lùa ở đâu.” Rồi mặc kệ bạn bè đang cười hô hố, cô phóng vút lên gác, rơi cả dép, lại phải lật đật chạy xuống.

Lúc này tiếng nước xối từ phòng tắm vọng xuống rõ mồn một, văng vào tận phòng khách nơi bạn bè cô đang ngồi. Chắc cô đang mở toang cả hai

cánh cửa, cửa phòng riêng của chính cô lẫn cửa phòng tắm cách đó một quãng.

“Con gái con đứa,” mẹ cô lẩm bẩm, lắc đầu tuyệt vọng.

Một cô hầu gái xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng ăn, nhìn bà dò hỏi.

“Chúng tôi sẵn sàng rồi,” bà Drew trả lời.

Bà đứng dậy, bước đến chân cầu thang. “Madeline!” Bà gọi với lên. Tiếng nước xối vẫn vang vọng.

“Con bé lúc nào cũng vội vã thế,” bà than phiền. “Nó biết rõ tôi ghét phải chờ đợi bữa tối như thế nào... mà nó đã ở dưới biển cả buổi chiều rồi...”

“Nhưng đó là nước mặn mà bác,” một trong số các chàng trai cười khúc khích. “Trước tiên nước biển sẽ ngấm vào các lỗ chân lông của bác, để giữ sức khỏe thì bác phải lấy nó ra.”

Đến lúc này bà Drew bắt đầu đi lên cầu thang, để tắt ngay cái tiếng nước xối ầm ĩ kia.

Cameron, người vẫn đang ngồi ở một nơi để quan sát cầu thang kể từ lúc Madeline bỏ lại mọi người, đột ngột đứng dậy theo chân bà.

Bà Drew đang gọi cô bé từ ngưỡng cửa phòng ngủ. “Madeline!” Cô vẫn không thể nghe thấy tiếng mẹ gọi vì tiếng nước xối xả, thậm chí sàn nhà lát gạch vuông càng làm âm thanh của nước vang to hơn.

Cameron bước đến cửa phòng ngủ sau lưng bà, liếc nhìn đôi dép và chiếc khăn tắm bị vứt chỏng chơ, khiến anh ta ngần ngại một lúc.

Giờ thì bà Drew đang đứng ngay cửa phòng ngủ, vẫn đang cố gắng gọi con gái. Cuối cùng bà buộc phải bước đến chỗ rèm cửa đang rung rinh, thận trọng kéo tấm rèm sang bên.

“Madeline,” bà hét lên chói tai. “Mẹ đang khản cả cổ vì gọi mà! Mà ỳ định ở trong đấy mãi hay...”

Nước đang xối xả chảy xuống quang cảnh trống trơn, trắng tinh sau những bức rèm, không hề phản chiếu sắc màu hồng hào, thay vào đó chỉ là

màu xanh nhạt gần như trắng của lớp gạch men bên dưới. Cùng lúc đó, tấm rèm đang rủ xuống trên một trong những ô cửa sổ mở rộng khe giạt bởi cơn gió nhẹ lọt vào mắt Cameron.

Giữa sắc xanh thẫm êm dịu của trời đêm rục rờ, một ánh bạc lóe lên, như ngôi sao hôm trong những bài hát của Tannhäuser*. Chùm sáng của nó dường như đang tuôn ra, chảy xuống trái đất như một dòng sơn ướt đang chảy xuống vì chưa kịp khô. Phía dưới kia, dọc theo con đường đèn đuốc sáng rục như hình ảnh phản chiếu của bầu trời đêm, như một đường ray bằng thép, chiếc xe mui trần bé bỏng hăng hái của cô lao đi vun vút, rộn ràng, hồi hộp như thể chính nó cũng đang yêu. Chiếc xe mui trần bé nhỏ thân thiện, bị đánh cắp từ một ga ra gần đó với sự đồng lõa của một trong những người hầu, người trốn trong xe suốt cả ngày, khởi động xe đúng lúc hành động. Chiếc xe không một cảnh sát nào bắt kịp, bởi cô chủ của nó đang yêu, và tình yêu luôn được chấp cánh, cần gì phải để tâm đến đồng hồ tốc độ nữa.

Tannhäuser: Nhà thơ và nhạc sĩ người Đức thời Trung cổ.

Chiếc xe phóng hết tốc lực, như một viên đạn dọc theo con đường nhựa hướng về thành phố, hướng về những cây cầu dẫn đến nơi ấy, hướng về điểm hẹn hò quan trọng nhất.

Chiếc khăn quàng cổ bay phấp phới sau lưng cô như chiếc cờ hiệu cưỡi gió. Mái tóc cô, những phần không dùng kẹp, cũng muốn tung bay như thế. Trông cô như một nữ thần Valkyrie* thời nay đang ngự trên bề mặt cong của trái đất, tiến vào thành trì đen ngòm của màn đêm. Cô có ngoái lại đằng sau một hai lần, nhưng là để chế nhạo, tuyệt nhiên chẳng có chút lo sợ. Tiếng cười của cô giòn tan trong đêm.

Valkyrie: Tên gọi chung cho các nữ thần chiến binh trong thần thoại Bắc Âu.

Có lần một ngã ba chặn cô lại - có những chuyện ngay cả tình yêu cũng phải để ý, nếu không cô sẽ không thể trốn thoát khỏi cuộc đuổi bắt sắp tới - cô đứng thẳng dậy trong xe, vung nắm đấm lên ngọn đèn đỏ rầu rĩ đang cản bước cô cho đến khi nó tắt hẳn, như thể kính ngạc trước lời thách thức đó.

Có hai cây cầu để cô chọn, một cây ở gần và một cây ở khá xa. Cô khôn ngoan lựa chọn cây cầu ở xa, nghĩa là ngoặt khỏi phần đường của mình rồi sau đó lại nhập làn, biết rằng anh ta có thể gửi lời nhắn cho đồng sự, để họ chặn xe và giữ cô lại.

Cô cúi xuống thấp hơn trên ghế, ngoảnh nhìn chỗ khác khi xe lăn bánh, hòa vào dòng giao thông tấp nập và giữ tốc độ chạy xe bình thường. Tuy nhiên tay cảnh sát giao thông trên cầu, đứng trên ốc đảo bê tông nhỏ bé của anh ta, chỉ cách nùm cửa xe cô có mấy phân, lại không hề liếc nhìn cô.

Đó chính là nguy cơ cuối cùng. Giờ thì không còn gì cản được cô nữa; không còn gì nữa.

Hình dáng rặng cửa của thành phố như hòa lẫn với bầu trời, với tông màu xám sẫm, xám tía, và màu chì than, xe cô lao xuống đường dốc dài phía bên kia cầu, để tự chôn vùi mình dưới chân cầu.

Những người khác đang đợi anh dưới chân cầu, nơi anh đã thông báo cho họ, khi anh ì ạch đến nơi trên chiếc limousine của ngài Drew, quá kèn càng và nặng nề nên không tài nào theo kịp tốc độ chiếc xe mui trần của cô.

Anh nhảy ra khỏi xe, chọn ngay chiếc xe cảnh sát nhanh hơn xung quanh đó. Tiếng còi xe rền rĩ, giao thông trên cây cầu phía trước dẹp hết sang bên, thành một dải phân cách phía trước, dài và uốn cong, tạo cho họ một khoảng trống.

“Chẳng làm gì được à?” Cameron hỏi. Câu trả lời quá rõ ràng, nếu không khi anh đến nơi hẳn đã thấy cô bị tóm rồi.

“Không hề thấy cô ta. Chúng tôi đã kiểm tra từng chiếc xe đi qua trong suốt hai mươi phút vừa rồi. Có lẽ cô ta đã đi trước chúng ta rồi.”

“Cô ta không thể chạy nhanh đến thế. Cô ta đã chọn cây cầu còn lại, thoát khỏi tấm lưới mà chúng ta giăng sẵn.”

“Chúng ta chặn cô ta lại làm gì?” Một trong số các cảnh sát hỏi.

“Để giúp cô ta không bị giết,” anh đáp gọn lỏn.

Chiếc xe mui trần điên cuồng, đang lên cơn yêu của cô ngoặt vào góc phố gấp đến mức suýt lao lên vỉa hè, cô bẻ lái chuẩn bị cho cơn điên rồ cuối cùng, hùng hổ lao tới lề đường đối diện trên con đường chéo dài kết thúc ngay trước cửa nhà anh.

Chiếc xe rung lên khiến cô rùng mình, vội đạp mạnh chân phanh.

Bỗng tất cả câm lặng. Cô đã đến nơi. Cô đã ở đó.

Cô ngồi đó một lúc, như thể cô cũng mệt lử như chiếc xe sau một chặng đua dài. Cô quay đầu sang bên nhìn lên cánh cửa, nó đang đợi cô, thật tối tăm, thật bí hiểm, thế nhưng làm sao đó lại giống như đang hồi hộp đợi chờ. Như thể nó đang nín thở chờ xem cô liệu có muốn bước qua hay không.

Chẳng cần phải ngập ngừng nữa, chẳng còn thế lực nào trên trái đất này đủ sức chặn cô lại bên ngoài cánh cửa này nữa.

Em tới đây rồi, tình yêu của em, trái tim cô thầm nhủ. Em có bắt anh phải đợi không? Em có đến muộn không?

Cô mở tung cửa, mặc kệ cánh cửa mở ra mở vào sau lưng, hết mở vào trong rồi lại mở ra ngoài. Rìa bóng tối nằm nghiêng, giống như một lưỡi dao, chém xả xuống lưng cô, dập tắt vầng hào quang rực rỡ.

Những bậc cầu thang chẳng là gì khi đôi chân cô được chấp cánh. Cô dừng chân bên ngoài cửa phòng anh, nghiêng đầu lắng nghe một lúc. Không có âm thanh, chẳng có âm thanh nào cả. Nhưng cô lại mỉm cười chắc chắn, tự tin, rằng mình không thể lầm.

Cô đưa tay sờ lên mái tóc, sờ chiếc khăn quàng, vào áo choàng, để cô trở nên đẹp hơn nữa trong mắt anh, để anh sẽ yêu cô nhiều hơn nữa.

Rồi cô giơ tay lên gõ cửa.

Không có tiếng trả lời.

Nhưng cô lại mỉm cười, vẫn nụ cười ấy.

Cô ghé sát mặt vào cánh cửa, càng sát càng tốt.

“Mở cửa đi,” cô dỗ ngọt bằng giọng rộn ràng, âm trầm. “Em đây mà. Anh không nhớ em nữa à? Em có hẹn với anh mà.”

Cánh cửa chậm rãi mở ra, nhưng chẳng thấy ai đứng sau nó, thậm chí ngay cả bàn tay xoay núm cửa cũng chẳng thấy.

Cô vươn hai tay ra chuẩn bị cho cái ôm sắp tới. Cô cứ đứng yên như thế, hai cánh tay vươn ra hết cỡ.

Cánh cửa chậm rãi đóng lại.

Toàn bộ cầu thang từ trên xuống dưới âm âm vang lên những âm thanh chói tai, giống như tiếng chiêng trống trong buổi hành hình, từng tiếng từng tiếng gập gáp nối đuôi nhau. Cameron dẫn đầu, khựng lại trước cánh cửa ra vào.

Mọi thứ đột nhiên câm bặt, trong một khoảnh khắc.

Rồi một tia lửa bùng sáng trên tay Cameron, phát súng nghe như tiếng sấm, và ổ khóa cũ kỹ vỡ tan thành từng mảnh nhỏ.

Cameron đá mạnh một cái, và cánh cửa mở tung ra

Rồi lại im lặng; nhưng lần này không chỉ trong một khoảnh khắc. Dài, một sự im lặng kéo dài. Không ai cử động. Không cần phải cử động nữa. Chẳng ai nói gì. Chẳng cần phải nói gì nữa.

Hai người trong số họ thở ra những hơi dài; như bạn hay làm khi cảm thấy cực kỳ đau đớn. Họ đang rất đau đớn; bất kỳ ai cũng cảm thấy đau đớn.

Mình cô ở trong đó, nửa nằm nửa ngồi trên chiếc ghế sofa. Trông cô giống như vẫn còn sống, như thể cô quá lười đến nỗi không muốn ngồi thẳng dậy khi cánh cửa bật mở và có người khác bước vào. Ngoại trừ việc một chân cô duỗi ra hơi xa, có lẽ là do một cơn co thắt tử thi và rồi không thể thu về được nữa.

Có vẻ như cô đang nhìn họ, từ trong đó, ngay sau khi họ nhìn thấy cô, từ nơi họ đang đứng túm tụm. Gần như cô muốn nói rằng, “Xin mời vào và hãy đóng cửa lại, đừng đứng ì ra đây.”

Nhưng gương mặt cô mới là thứ kinh khủng nhất. Hẳn đã cầm máu cho nó, và giờ gương mặt ấy không còn chảy máu nữa, nó đã biến thành...

Gương mặt đã khiến bao người phải ngoái nhìn dưới chiếc đồng hồ Carlton (“Anh sẽ không đối xử với em như thế đâu, em sẽ chấp nhận anh chứ?”), giờ đây hẳn sẽ khiến họ sẽ nôn ọe, lùi lại thật xa và chạy trốn. Hẳn không một ai còn ham muốn gương mặt ấy nữa, thậm chí là không muốn nhận ra nó.

Cameron lặng lẽ bước vào, quay đầu nhìn sang chỗ khác khi anh bước qua cô. Là một thanh tra nhưng anh lại quay đầu sang chỗ khác, như một cách để anh bày tỏ nỗi tiếc nhớ gương mặt trước kia của cô.

Có một quyển lịch trên mặt lò sưởi, con số ba mươi một to lớn đen sì nằm trên tờ lịch trên cùng.

Cameron xé tờ lịch, thả nó rơi xuống sàn.

Rồi anh gục đầu xuống, thừa nhận thất bại thảm hại.

Đó là bức ảnh chụp một thiếu nữ trẻ tuổi đã úa vàng, phai nhạt, gần như mờ mịt, chắc phải được chụp mười năm về trước. Ảnh chụp thiếu nữ trẻ đang đứng trên bậc thềm, một chân tựa lên bậc thềm đằng sau lưng, mỉm cười trong nắng.

Cameron thấy bức ảnh nằm trên sàn phía sau tủ quần áo khi anh dùng sức mạnh đẩy nó ra ngoài. Thậm chí bức ảnh còn không nằm trên sàn, bởi

một phần của bức ảnh bị kẹt vào một khe hở trong tư thế thẳng đứng, thế nên chỉ phần rìa trên cùng của bức ảnh thò ra ngoài.

Có thể ban đầu bức ảnh được gắn vào khung của chiếc gương trên bàn trang điểm, hẳn là nó bị rơi ra do cú va chạm nào đó quá mạnh. Như khi người này bị người kia giáng một quả đấm vào hàm, khiến anh ta loạng choạng va phải gương. Hoặc có thể bức ảnh nằm trong một trong các ngăn kéo, lọt qua khe hở phía sau ngăn kéo, rồi rơi xuống sàn, khi ai đó đóng mở ngăn kéo.

Dù sao thì tấm ảnh cũng ở đó. Và nó chẳng thuộc về bất cứ ai từng thuê căn hộ này trước kia, họ đều khẳng định điều đó. Sàn nhà đã được sơn sửa lại trước khi hân đến thuê nhà, bà chủ nhà nói vậy.

“Tìm ra cô gái này,” Cameron kiên quyết nói, “và chúng ta sẽ tìm ra hân.”

Anh phải nói rõ thêm nữa. Mọi thứ trong công việc của cảnh sát đều phải chi tiết, không được chung chung.

“Và để tìm được cô ta, chúng ta phải biết được hai điều. Bức ảnh được chụp khi nào và ở đâu.”

Anh ra lệnh phóng to bức ảnh ra làm sáu tấm, gần bằng kích cỡ tấm kính cửa sổ. Từng chiếc bóng, từng chi tiết đều phải rõ ràng. Và khi những đường nét chưa đủ rõ, chúng lại được phóng to tiếp. Nhưng không thu được kết quả. Thế là anh bèn mang một tấm ảnh trong số này đến gặp từng nhà cung cấp trang phục nữ của sáu cửa hiệu lớn nhất thành phố.

“Tôi muốn ngài cho ý kiến về ngày bức ảnh này được chụp, càng cẩn thận càng tốt, dựa vào chất liệu trang phục đối tượng đang mặc.”

Các phân tích được gửi về từ một đến năm ngày. Sau khi đã bỏ hết những phân tích trùng lặp, phần tổng hợp như sau:

Áo khoác không có đệm vai: 1940. Chúng tôi lần đầu tiên giới thiệu miếng đệm vai trong các mẫu năm 1941.

Áo khoác dáng dài (thuật ngữ thương mại gọi là “box coat”): phải trước năm 1939. Áo choàng dáng ôm bắt đầu ra mắt vào năm 1940; thành một

vào năm 1941.

Ve áo “lượn”: ra mắt năm 1940. Các ve áo có khía sâu, ve áo phẳng như trong trang phục nam giới, ra mắt một năm sau đó.

Váy dài: trước năm 1942, khi những luật lệ khắt khe về nguyên liệu trong thời chiến được ban hành.

Giày mui kín: năm 1940, khi những chiếc giày hở mũi vắng bóng khỏi thị trường.

Kiểu tóc: do nữ diễn viên X - trong bộ phim Y - giới thiệu. Ngày ra mắt bộ phim: mùa hè năm 1940.

Trang sức kèm trang phục: một chuỗi hạt ngọc trai, đeo sát cổ, thành một thời trang vào cuối năm 1940, đầu năm 1941. Mùa sau đó, thêm hai hoặc ba chuỗi hạt nữa. Trước đó, những chuỗi hạt dài, được đeo trên ngực.

Nhưng tất cả các phân tích đều kèm theo một cảnh báo: *Phải tính đến chuyện các xu hướng trọn mùa (như xuân sang xuân, thu sang thu) nhằm đảm bảo khả năng chính xác. Hình nền có lẽ là ở nông thôn, đối tượng có thể không phải là người sành sỏi lắm hoặc không có gu về thời trang. Chúng tôi phải mất từ sáu đến mười hai tháng mới tung ra các mẫu thời trang tại những thành phố lớn, vì chúng tôi muốn sản phẩm sẽ được đón nhận trên toàn quốc.*

Anh chẳng hiểu hầu hết những gì họ nói. Nhưng vì họ là chuyên gia, nên anh ghi nhận những phân tích của họ.

Tóm lại (với sự hỗ trợ của đám dây leo quấn quanh một trong các cột nhà ở ảnh nền) là anh đã có kết luận. Thời gian bức ảnh được chụp là đầu xuân, không sớm hơn giữa tháng Ba, không muộn hơn giữa tháng Tư; chỉ trong năm 1940, không thể sau năm 1941.

“Bây giờ thì chỉ cần tìm hiểu xem bức ảnh được chụp ở đâu,” anh nói.

Và khi anh nhìn vào hai bậc thềm màu trắng trước nhà, hai cột nhà màu trắng, một tí mặt tiền ngôi nhà bằng gỗ ép, và mép cao nhất của một ô cửa sổ bên trong có rèm cửa đang ten, tất cả những gì hiện lên trong bức ảnh chụp (khung cảnh này không phải hiếm suốt ba triệu dặm vuông nước Mỹ,

trong từng ngôi làng nhỏ của từng bang), suýt chút nữa anh đã bỏ cuộc trong tuyệt vọng.

Nhưng thay vào đó, anh lại lập tức bắt tay vào tìm kiếm.

Phần 6

Điểm hẹn thứ năm

Cameron nhún vai. “Sếp có biết phải làm sao để tìm ra một nửa yêu thương nhất trong đời một người đàn ông không? Hỏi họ à?”

Ông sếp cũng nhún vai. “Thế cậu có biết cách nào khác không? Đó là việc của cậu cơ mà.”

Cameron nghiêng rặng như thể thấy đau. “Nó không thể đong đếm chính xác được, sếp biết đấy. Sếp không thể đến gặp người ta với một cái cân và cân đo chuyện đó.”

“Tôi biết,” sếp của anh khô khan đáp, “rằng vụ này rất khó khăn và cần sự kiên trì. Tôi không muốn nghe nói nó khó khăn thế nào. Tôi chỉ muốn nghe câu trả lời. Câu trả lời *chính xác*. Thế nên sau khi sục sạo xong rồi, làm ơn mang nó về đây cho tôi được không?”

Cameron khổ sở, vụng vụng người một lúc rồi đứng thẳng lại. “Nhưng phải làm thế nào? Chỉ theo dõi ông ta thôi sao? Phải mất đến mấy tuần đấy. Vấn đề là những diễn biến nội tâm sếp à, nó không bao giờ thể hiện trên nét mặt của một người đàn ông đâu.”

“Thế thì vào *trong* nội tâm mà tìm!” Sếp của Cameron liên tục ấn mạnh khớp ngón tay xuống bàn làm việc.

“Mà chắc gì đã có ai cơ chứ.”

“Ai cũng thích một người khác, một người nào đó, một người mà họ yêu hơn bất kỳ ai khác. Đó là bản năng. Là tự nhiên. Với đàn ông, đó là đàn bà. Với đàn bà, đó là đàn ông.”

Cameron thở dài thườn thượt. “Bất khả thi sếp ơi.”

“Tôi thừa nhận,” sếp anh lạnh lùng đáp.

“Nhưng tôi sẽ truy tìm.”

Anh chẳng nhận được bất cứ lời khích lệ nào. “Tất nhiên là cậu đi rồi. Mà sao cậu không bắt đầu từ năm phút trước, thay vì phí thời gian của cả hai ta, cậu muốn lãng tránh chứ gì?”

“Sếp đã lập hồ sơ về ông ta đầy đủ chưa?”

“Kĩ lắm rồi. Toàn bộ công tác điều tra ban đầu đã xong.”

Cameron rướn người về phía trước. “Thế thì cho tôi danh sách *tất cả* những người phụ nữ trong cuộc đời ông ta đi. Sếp làm được không? Cho tôi một bản nhé?”

“Tôi có thể,” sếp anh đáp. Ông ta ấn một nút trên thiết bị liên lạc gì đó trên bàn. “Nó đang được biên soạn và sẽ được chuyển tới ngay bây giờ.” Ông ta ra lệnh sau đó ấn nút tắt.

“Để tôi cho cậu một lời khuyên,” ông ta nói trong khi họ đang chờ, “đừng có đi ngược đời; đừng phí hơi với họ làm gì, đám phụ nữ ấy, đừng cố tìm hiểu theo hướng đó. Bởi vì từng người phụ nữ trong cuộc đời của một người đàn ông đều sẽ nghĩ, hoặc thích nghĩ rằng mình là một nửa được yêu thương nhất trong cuộc đời hắn. Phải truy tìm từ chính thẳng đàn ông kia.”

Bản danh sách được chuyển đến, rất nhỏ, được đánh máy nắn nót; chỉ có năm cái tên.

Cameron nghiên cứu nó thật kĩ. “Đời ông ta có vẻ cũng không có nhiều đàn bà cho lắm.”

“Có thể không nằm trong danh sách đó. Nó chưa hoàn hảo đâu. *Cậu* chính là người đề nghị nó. Hãy nhớ, danh sách này chỉ căn cứ biểu hiện bên ngoài thôi - từ một khoảng cách vừa đủ. Không phải trong nội tâm. Nên là cậu sẽ phải tự tìm hiểu.”

Cameron nhét tờ danh sách vào ví rồi đứng dậy. “Tôi sẽ tìm hiểu,” anh hứa. “Tôi nghĩ ra một cách rồi.”

Anh chẳng nhận được lời khen nào. “Lề mề quá đi mất,” ông sếp nghiêm khắc nhận xét. “Nếu cấp dưới nào mà cũng lề mề khi nhận nhiệm vụ thế này, chúng ta sẽ còn mãi giậm chân ở vụ Rosenthal*”.

Rosenthal: Trong thời gian làm cảnh sát, Charles Becker đã lợi dụng chức vụ để tổng tiền các nhà chứa, các casino phạm pháp hơn 100.000 đô la Mỹ. Một chủ sòng bạc tên Herman Rosenthal đã tố cáo hành vi sai trái đó của Becker. Chưa đầy hai ngày sau đó, Rosenthal bị bắn chết khi vừa rời khỏi khách sạn. Becker bị bắt vì tội giết người vào ngày 29/07/1912, và thừa nhận việc thuê người giết Rosenthal. Becker bị hành quyết năm 1915 và trở thành cảnh sát đầu tiên bị tuyên án tử hình trong lịch sử Mỹ. (ND)

Cameron đã ra đến cửa. “Có thể chính ông ta cũng không biết. Mà có thể còn chưa từng nghĩ đến nó. Nhưng ông ta sẽ nói cho tôi nghe. Tôi sẽ biết.”

Nhân viên lễ tân là sự kết hợp giữa vẻ ngoài bóng bẩy hoàn hảo của một ma nơ canh và phong thái lạnh lùng của một bà hiệu trưởng trường nữ sinh. Không nghi ngờ gì nữa, bà ta được thuê chính nhờ những phẩm chất này, bởi nếu không bà ta hẳn đã không dám thể hiện nó thường xuyên đến vậy.

“Anh có hẹn trước không?” Bà ta hỏi vẻ trịch thượng.

Cameron lắc đầu.

“Tôi rất tiếc...” bà ta vừa định nói. “Ông ấy có biết anh không?”

Anh nhìn bà ta khó chịu. “Khi nhà của bà đang cháy, chắc bà phải làm quen với tay lính cứu hỏa trước khi hấn bê thang đến tận cửa sổ nhà bà nhỉ?”

Bà ta nhướn mày. “Việc này liên quan gì đến thang cứu hỏa chứ?” Bà ta nói giọng khinh bỉ.

“Chỉ là một cách nói thôi, bà hiểu mà.”

“Ờ, vậy bình thường công việc của anh là gì?”

“Làm cảnh sát.”

Bà ta nhượng mày lần nữa, nhưng lần này không còn vẻ khinh bỉ nữa.

“Ờ. Có... có việc gì tôi có thể giúp không? Ý tôi là, nếu liên quan đến vé hay sự vi phạm...”

“Bà chẳng làm được gì ngoài việc cho phép tôi vào trong kia gặp ngài Ward hết. Tôi hiểu các bốn phận của bà, nhưng cái gì cũng phải đúng lúc đúng chỗ. Và tin tôi đi, bây giờ không phải lúc cấm tôi vào văn phòng đâu.”

“Chỉ một phút thôi,” bà ta nói, gần như gấp gáp. “Mời vào,” bà ta nói khi quay lại, giữ cửa cho anh bước vào. Cánh cửa đóng sập lại sau lưng hai người.

Ward đang đứng sau bàn làm việc. Ông mặc bộ vest xám rất nhạt màu. Cỡ khoảng năm năm trước chắc ông đẹp trai lắm, giờ vẻ đẹp đó đang dần phai nhạt. Mái tóc ông vẫn còn đen bóng, dù đầu đó đã bắt đầu xuất hiện mấy chỗ tóc hoa râm, như trên lông một con cáo xám. Đôi mắt ông cực kỳ sắc bén, nhưng vẫn có nét nhân từ và khoan dung, không giống như vẻ cứng rắn và gian xảo của một doanh nhân điển hình.

“Tôi là Cameron, cảnh sát,” Cameron tự giới thiệu bản thân.

Hai người bắt tay nhau qua bàn. Trông mặt ông lạnh tanh, không hề tỏ ra quan tâm.

“Bà Koenig nói với tôi...” Ông không nói hết câu, không cần phải làm thế.

“Tôi không thích phải đến tận văn phòng ngài như thế này, nhưng dù sao thì đây là cách hợp lý nhất. Có nhiều thứ quá tàn nhẫn để có thể nói qua điện thoại...”

“Hợp lý? Tàn nhẫn?”

“Tôi có tin xấu cho ngài đây,” Cameron thẳng thừng đáp. Anh lấy ra tờ danh sách đánh máy, giữ nó trong tay. Ward bước đến từ sau bàn làm việc, rồi đứng khựng lại.

“Đã xảy ra một tai nạn,” Cameron nói. “Có người bị thương. Chúng tôi không rõ ngài và *người phụ nữ đó...*”, anh cố tình nhấn mạnh, “... có quan hệ gì?”

Danh sách trong tay anh chỉ mình anh thấy, Ward không thể đọc được.

“Có phải Louise không? Có phải vợ tôi không?”

Gương mặt Ward căng thẳng và tái nhợt, nhưng vẫn bình tĩnh. Cameron quan sát nó rất kĩ. Anh lăm bắm điều gì đó, vẻ ngập ngừng, mơ hồ.

“Không phải mẹ tôi đúng không? Không phải mẹ...?”

Gương mặt ông càng lúc càng trắng bệch ra. Nó nhăn nhó như sắp khóc khi ông cố trấn tĩnh. Cameron theo dõi rất kĩ.

Chỉ còn ba cái tên trên danh sách: hai người em gái đã lấy chồng, và con gái đồng nghiệp của ông, một cô bé mười hai hoặc mười ba tuổi. Cameron lắc đầu với chính mình.

“Tôi không tin...” Ông lăm bắm.

Ward loạng choạng bước một bước về phía anh, rồi tiếp bước nữa. Bàn tay ông túm chặt lấy ve áo trong lời khẩn cầu. Hai mí mắt ông sụp xuống, nửa che đi đôi mắt.

“Martine...” Ông thì thầm, thở hắt ra.

“Martine là ai?” Cameron vội hỏi.

Ông không trả lời. “Ôi lạy Chúa tôi,” ông lên cơn rùng mình dữ dội, hai đầu gối run rẩy, ông hần là đã khuỵu xuống, hoặc thậm chí là đã ngã, nếu không có Cameron xốc nách và giữ ông đứng thẳng một lúc, cho đến khi ông đủ sức đứng vững. “Tên khác của cô ta là gì? Họ của cô ta là gì?” Cameron phải ghé sát môi vào thật gần, để những từ ngữ rớt thẳng vào tai ông, để ông hiểu được trọn vẹn câu hỏi, nhận thức được chúng. Thính giác của ông đang bị nghẽn do nỗi đau choáng váng, đến nỗi dường như không còn khả năng tiếp nhận âm thanh nữa.

“Jensen,” ông rên rỉ, trong một câu trả lời máy móc.

Cameron dìu ông đến một cái ghế, đỡ ông ngồi xuống.

“Uống chút nước đi, ngài Ward,” anh nói.

Ward gật đầu, đưa tay chỉ. Cameron đi rót nước rồi bước đến trao cho ông.

“Chẳng có tai nạn nào cả. Chẳng ai bị thương hết.” Anh viết cái tên vào danh sách của mình. “Martine Jensen.”

Anh phải nhắc lại tuyên bố. “Không ai bị thương hết. Cả cô Jensen hay bất kỳ ai khác.”

Lần này phản ứng của Ward có chậm hơn, nhưng nó vốn đã chậm như thế ngay từ đầu. Khi đã hoàn toàn trấn tĩnh lại, ông đứng lên, hất thẳng ly rượu brandy mới uống hết một nửa vào mặt Cameron.

“Cút ngay ra khỏi văn phòng của tao.” Người ông run lên khi cố kiềm chế.

Ông tiến đến, vung tay giáng cho Cameron một quả đấm vào cạnh hàm.

Cameron loạng choạng, cố vươn tay níu lấy cái gì đó ở đằng sau để giữ thăng bằng.

“Tôi sẽ không phản kháng đâu,” anh nói. “Tôi cũng sẽ làm thế với bất kỳ kẻ nào làm điều tương tự như tôi vừa làm với ngài.”

Ward vận hết sức để ngăn mình không tung ra quả đấm thứ hai, nỗ lực này khiến ông run rẩy.

“Mày làm thế để làm gì?”

“Tôi phải tìm hiểu xem người ngài yêu thương nhất là ai. Không còn cách nào khác.”

Ward không hỏi tại sao. “Cút ngay,” ông nói qua hàm răng nghiến chặt.

Cameron mở cửa. “Tôi hiểu. Tôi sẽ quay lại... sớm thôi.”

Cameron quay lại và đưa cho ông sếp xem danh sách của mình. Ba cái tên đã bị gạch đi. Ba cái tên còn lại, mà một trong số này vốn không có trong danh sách ban đầu, mới được thêm vào sau cuộc thẩm vấn. Danh sách như sau:

1.3. Vợ ông ta.

2.2. Mẹ ông ta.

3.1. Martine Jensen.

Ông sắp bực mình. “Thế này là thế nào? Tại sao lại có hai dãy số thế, ý cậu là gì?”

“Đó là điều tôi muốn hỏi sếp. Là thế này: dãy số đầu là trình tự ông ta nói đến họ. Nói cách khác, là tốc độ những con người này xuất hiện trong tâm trí ông ta. Dãy số thứ hai là mức độ cảm xúc ông ta thể hiện ra. Giờ thì, là ai mới đúng? Là người đầu tiên xuất hiện trong tâm trí ông ta, bà vợ? Hay là người đã khiến ông ta bộc lộ nhiều cảm xúc nhất, Martine Jensen? (Dù cô ta là ai đi nữa). Tôi không phải là nhà tâm lý học.”

“Điều đó thì rõ rồi,” ông sếp chen vào.

“Tôi đã tưởng rằng mọi chuyện đã rõ ràng, sẽ rất dễ đoán. Nhưng không hề. Đó là rắc rối hay xảy ra với những bài trắc nghiệm hành vi kiểu này. Khi đã liên quan đến bản tính con người, sẽ không thể nào dự đoán được, nó luôn...”

Ông sếp vẫn đang cân nhắc. Rồi ông ta gật đầu, vẻ chắc chắn. “Người mà ông ta dành nhiều tình cảm nhất,” ông ta nói, sau khi đã suy xét kĩ.

“Nhưng có thể đó là tình cảm tích tụ, hậu quả của một sự căng thẳng tăng dần. Có thể người đầu tiên xuất hiện trong tâm trí là người ông ta yêu nhất, nhưng vào lúc đó ông ta vẫn hoàn toàn kiểm soát được lý trí không để nó biểu lộ ra ngoài. Nó chỉ biểu lộ sau đó, khi ông ta không còn kiểm soát được mình nữa. Nói cách khác, cảm xúc của ông ta là dành cho vợ mình, nhưng nó đã chuyển sang giai đoạn khác, đã qua thời điểm ấy, và nó chỉ tự thể hiện ra khi chúng ta đến với cái tên thứ ba, ở *bề ngoài*.”

Ông sếp không buồn tranh cãi với anh. “Người mà ông ta dành nhiều tình cảm nhất,” ông ta vẫn gan lì nói.

“Nhưng liệu *hắn* có hiểu theo cách ấy như chúng ta không? Tên sát nhân ấy? Nếu cảnh sát chúng ta còn không biết chắc, thì làm sao là người ngoài như *hắn* có thể chứ? Chúng ta có thể bảo vệ người tình nhưng *hắn* lại bám theo người vợ.”

“Người mà ông ta dành nhiều tình cảm nhất. Nghe này, đừng cố nghĩ nữa, cậu sẽ càng rối hơn đấy. Cứ xem mình như cái máy thôi. Một chút logic sẽ cho chúng ta câu trả lời đúng và đó là tất cả những gì tôi đã dùng. Bởi ông ta còn có một người tình khác ngoài vợ, nên tất nhiên là ông ta yêu ả nhân tình này nhiều hơn. Nếu ông ta yêu vợ nhiều hơn, thì hẳn ông ta chẳng cần thêm nhân tình làm gì. Ông ta sẽ chẳng cần ai hết. Cô ta sẽ thành người thừa.”

Ông ta lấy một cái bút chì rồi cầm lấy danh sách của Cameron, gạch đi hai chữ “vợ” và “mẹ”.

“Giờ thì đi làm việc đi,” ông ta nói.

Danh sách chỉ còn lại một cái tên “Martine Jensen”.

Ngày hôm sau Cameron quay lại văn phòng.

Nhân viên lễ tân không còn giữ vẻ mặt lạnh như băng nữa. Bà ta đang nóng nảy, bốc hỏa vì phần nộ, cho dù chỉ là phần nộ lây.

“Ngài Ward sẽ không gặp anh đâu,” bà ta tức tối nói. “Tôi sẽ không chuyển cho ngài ấy tên của anh. Tôi được ngài ấy chỉ thị rồi. Đây là văn phòng tư nhân theo luật định và được bảo vệ bằng quyền công dân. Dù cho anh có là sĩ quan cảnh sát đi chăng nữa, anh cũng không thể ép tôi phải cho anh vào, anh không thể ép buộc ngài ấy phải gặp anh. Nếu anh cố tình xông vào, ngài ấy sẽ liên hệ với luật sư ngay lập tức và kiện cả cái đồn cảnh sát của anh ra tòa dân sự yêu cầu đền bù thiệt hại. Giờ anh có giỏi thì xông vào thử xem.”

Cameron tự biết là mình không thể. Anh quay lưng bước ra ngoài. Từ hành lang tòa nhà, anh gọi cho sếp. Sếp anh gọi cho Ward. Thế rồi Cameron được gọi lại, từ trong hành lang nơi anh đang đứng.

“Cứ đi đi,” ông sếp nói. “Ông ta sẽ gặp cậu bây giờ. Tôi đã phải dùng ảnh hưởng của mình để nói đỡ cho cậu đấy.”

Nhân viên lễ tân đã nhận được thông báo khi anh quay lại. Bà ta tuy vẫn tức tối nhưng giờ là tức tối một mình, không dám thể hiện ra ngoài nữa. Bà ta không nói “Mời vào”. Bà ta chỉ đơn giản là giữ cửa cho anh ta bước vào. Cửa văn phòng của Ward phía đằng kia.

Ward cũng đang tức giận.

“Ngồi đi,” ông nhú mày nói.

Cameron ngồi xuống. “Chúng ta có thể nói chuyện mà không bị quấy rầy không?”

“Lệnh được ban ra rồi,” Ward đáp cụt lùn.

“Điều cơ bản là ngài phải tin từng lời tôi sắp nói với ngài.”

“Chúng ta sẽ bình luận về chuyện đó sau.”

“Ngài đang nằm trong danh sách chết người. Không phải tên của ngài, mà là của một người có liên quan đến ngài, tên của Martine Jensen. Nếu ngài dành cho chúng tôi sự hợp tác tốt nhất, tôi nghĩ chúng tôi có thể hứa với ngài rằng cô ấy sẽ không gặp phải tổn thương nào. Chúng ta có một lợi thế, đó là chúng tôi biết chính xác ngày mà cô ấy sẽ gặp nguy hiểm. Vụ tấn công sẽ xảy ra trong vòng hai mươi tư giờ bắt đầu vào nửa đêm, ngày ba mươi một tháng Năm, và kết thúc vào nửa đêm, ngày mùng một tháng Sáu, hoặc sẽ không xảy ra.” Ward đang khẽ lẩm bẫm gì đó. “Ngài vừa nói gì?”

“Tuyệt vời.”

“Ngài không tin tôi, tôi hiểu mà.”

“Tôi chẳng có kẻ thù nào cả.”

“Chẳng ai có thể vỗ ngực nói thế cho đến sau khi họ xuống mồ. Ngài có thể không có kẻ thù mà ngài *biết*, nhưng hai điều này không giống nhau.”

“Động cơ là gì? Tổng tiền à?”

“Tiền không giải quyết được đâu. Không phải với ai tiền cũng có sức mạnh. Những kẻ điên rồ thì không có động cơ. Tôi có thể gọi đó là trả thù, nhưng ngay cả thế cũng không chính xác; bởi vì nếu tổn thương xảy ra là không chủ tâm hay không cố ý, chuyện trả thù có thể được gạt sang một

bên. Nên điều gần gũi nhất tôi có thể nghĩ đến đó là: một tên cường trá thù.”

“Hắn là ai?” Ward hỏi, giọng chế nhạo.

“Ngài không biết hắn đâu, bởi vì...” Anh ngần ngừ, và rồi miễn cưỡng nói thêm. “Chúng tôi cũng không biết.”

“Cậu biết điều gì đã thúc đẩy hắn, hoặc đã khiến hắn sa ngã. Cậu biết tiền sẽ không gây ảnh hưởng gì tới hắn. Cậu biết hắn là một thằng điên. Cậu biết ngày hắn sẽ tấn công, chính xác trong vòng hai mươi tư giờ. Nhưng cậu lại không biết hắn là ai. Cảnh sát giỏi ghê. Đối lại là cậu thì cậu sẽ nói gì?”

“Đôi khi mọi thứ lại diễn ra như thế. Đôi khi. Không thường xuyên, ơn Chúa. Nhưng lần này thì đúng là như thế.”

Anh đợi Ward nói câu gì đó. Nhưng ông chẳng nói gì. Tuy nhiên, có một chuyển động xảo trá trên khóe miệng ông, như thể ông đang gặp khó khăn khi cố nén tiếng cười.

“Ngài phải giúp chúng tôi,” Cameron nói.

“Tôi quá già cho mấy cái trò này rồi.”

“Ngài phải cung cấp cho tôi mọi thông tin ngài có thể, về Martine Jensen...”

“Ví dụ?”

“Chúng tôi còn chẳng biết cô ấy sống ở đâu.”

Mặt Ward tối sầm. “Để cậu có thể đến nhà cô ấy, tra hỏi, quấy rầy và làm cô ấy khiếp sợ hả? Tôi sẽ không làm thế. Cứ vác cả đống chuyện vẽ vờ, bịa đặt của cậu đến đây nếu muốn nhưng tránh xa cô ấy ra, để cô ấy yên đi! Cậu có hiểu không?”

“*Không thể* bỏ mặc cô ấy đứng ngoài chuyện này,” Cameron kiên nhẫn đáp, “bởi vì cô ấy là trung tâm của nó, cô ấy là đối tượng, là mục tiêu. Không phải ngài, mà là cô ấy.” Anh cố gắng tìm từ chính xác. “Chúng ta phải rất khôn khéo với chuyện này. Cảnh sát chúng tôi hiểu rất nhiều

chuyện, chúng tôi từng trải qua rất nhiều vụ. Chúng tôi biết đôi khi... đôi khi có những mối quan hệ nhất định trong cuộc đời một người đàn ông, mà họ không muốn... chúng tôi sẽ cố gắng không để liên lụy đến ngài, ngài Ward...”

Ward ngồi thẳng dậy, như thể đúng lúc này vấn đề danh dự nào đó đã chạm đến ông. Giờ đây ông cực kì nghiêm túc, căng thẳng.

“Cậu không hiểu. Cậu chẳng hiểu gì hết. Cậu nghĩ tôi đang vụng trộm sau lưng vợ tôi sao?” Ông hắng giọng vẻ ghê tởm, lại thu mình sâu hơn vào ghế, như thể thấy chuyện này thật vô ích. “Đàn ông không bao giờ tâm sự chuyện gái gú cho nhau nghe.”

“Nhưng với một sĩ quan cảnh sát, đang cố gắng bảo vệ mạng sống một người rất gần gũi với họ thì sao?” Cameron khôn khéo thúc giục.

Cuối cùng Ward gật đầu, một cách chán nản, sau một lúc suy nghĩ. “Đúng, tôi đoán là cậu đang làm thế,” ông thừa nhận. “Cho dù tôi chưa bao giờ ngoại tình.”

“Chỉ là cơ sở chung chúng tôi đưa ra thôi,” Cameron khẳng định đầy thuyết phục, nín thở vì sợ rằng đối phương sẽ không chịu mở miệng.

Cuối cùng ông cũng chịu nói, trầm ngâm như thể đang bị thôi miên, lật giở lại các sự kiện trong cuộc đời mình, tập trung đến mức quên rằng có một người đang chăm chú lắng nghe.

“Tôi biết Martine rất lâu trước khi có bà Ward. Cô ấy là mối tình đầu của tôi, cũng là tình cuối; cô ấy là tình yêu duy nhất của tôi.” Ông không ngừng giữ thẳng bằng cây bút chì trên mặt bàn, không hề rời mắt khỏi nó. Bỗng ông sững lại hỏi, “Có phải đây là chuyện sinh tử không?”

“Chuyện sinh tử,” Cameron đồng ý, thận trọng cụp mắt xuống.

“Tôi chưa bao giờ yêu Louise. Cuộc hôn nhân ấy chỉ là lựa chọn thứ hai. Mà thực ra thì chẳng có lựa chọn nào hết. Tôi cũng chẳng biết phải gọi nó là gì. Trước kia lúc nào cũng chỉ có Martine và tôi. Trọn cuộc đời mình tôi chỉ yêu Martine. Nhưng chúng tôi đã chờ đợi, như những kẻ ngốc. Chúng tôi chắc chắn rằng sẽ chẳng còn ai khác ngoài cô ấy và tôi, tôi và cô ấy, nên

chúng tôi đã chờ đợi. Năm tới, sẽ luôn là năm tới. Một ‘năm tới’ chẳng bao giờ đến. Thế rồi bất thành linh, tất cả đã quá muộn. Cô ấy sẽ chẳng có được tôi. Đã xảy ra một chuyện... chen vào giữa chúng tôi. Mà cô ấy cũng nghĩ chuyện sẽ không thành. ‘Em không thể đồng ý bây giờ được’, cô ấy nói. Cô ấy sẽ chẳng có được tôi. Tôi cứ thế đợi chờ, đợi mãi, và cô ấy sẽ chẳng có được tôi. Những ‘năm tới’ ấy đến và nhanh chóng trôi qua, và chúng tôi vẫn thế, ai cũng chỉ có một mình. Cô ấy bảo tôi hãy cưới người khác. Rằng đó là ước nguyện của cô ấy với tôi. Cô ấy nói cô ấy không muốn tôi tiếp tục cô đơn nữa. Cô ấy nói mình sẽ cảm thấy vui nếu ít nhất một trong hai chúng tôi không còn cô đơn. Và tôi luôn làm bất cứ điều gì tôi nghĩ sẽ khiến cô ấy hạnh phúc. Thế nên lần này cũng thế; lần cuối cùng trong tất cả. Tôi đã cưới Louise, người đến sau.”

“Bà ấy có...?”

“Bà ấy không biết gì về Martine. Bà ấy biết đã có một Martine. Bà ấy không biết người đó *vẫn* còn. Martine không hận thù gì bà ấy, bình đẳng với nhau. Tôi đã rất chung thủy với vợ tôi kể từ sau khi cưới. Nhưng bà ấy cũng không hận thù gì Martine. Martine là tình yêu của tôi và là tình yêu duy nhất.”

Ông không giữ thẳng bằng cây bút chì nữa, nhét nó vào trong túi áo.

Cameron không ngược lên nhìn ông, ông cũng không nhìn Cameron. Cả hai người đều đang suy nghĩ về điều đó, đôi mắt họ dường như đang cùng suy ngẫm.

“Giờ thì tôi đã kể xong rồi,” cuối cùng Ward thở dài. “Và tôi cảm thấy làm thế thật rẻ tiền. Giống như kiểu lời thú tội trong quán bar nồng nặc mùi bia.”

“Không,” Cameron nói. “Đó là vấn đề sinh tử. Có hai thời điểm ngài sẽ nói ra mọi thứ. Khi ngài không tìm thấy sự bình yên trong tâm trí, ngài nói chuyện với cha xứ. Khi sự an toàn của ngài bị đe dọa, ngài nói chuyện với cảnh sát. Như ngài vừa làm.”

Cameron lấy ra một cuốn sổ tay, chuẩn bị ghi chép mọi thứ. “Bây giờ nếu ngài cung cấp cho tôi vài chi tiết cần thiết... nơi cô ấy sống...”

“Không,” Ward nói. “Tôi không muốn quấy rầy cô ấy. Tôi không muốn nhà của cô ấy bị đột nhập và cô ấy phải sợ hãi. Tôi sẽ không cho cậu biết gì hết.”

“Nhưng chúng tôi đang cố gắng bảo vệ cô ấy. Chúng tôi phải có những đề phòng nhất định...”

“Giải thích của cậu về vụ này không thuyết phục được tôi. Cậu không biết hắn là ai, hoặc hắn ở đâu, hay hắn làm gì, hay thậm chí hắn trông như thế nào. Đó là điều khôi hài nhất tôi từng được nghe. Vào ngày ba mươi tháng Năm, cô ấy an toàn, nhưng rồi đến ngày ba mươi một tháng Năm, cô ấy phải đề phòng cả ngày. Rồi vào ngày mùng một tháng Sáu, cô ấy lại an toàn. Nghe như kiểu dự báo thời tiết hơn là...”

Có điều gì đó trong chuyện này khiến ông thấy buồn cười. Ông bắt đầu phá lên cười, không ngừng lại được. Ông ngả đầu ra đằng sau cười hô hố, bàn tay đập xuống bàn.

Cameron không cố kiềm chế ông. “Sẽ mất một thời gian, tôi hiểu mà,” anh nói, đứng dậy tiến ra cửa. “Không sao, tôi sẽ còn quay lại.”

Hôm sau anh quay lại.

Ward lại cười toét khi trông thấy anh. “Cậu lại định bắt đầu lại cái trò ông kẹ đấy à?”

“Tôi chỉ muốn cho ngài xem mấy thứ này,” Cameron lặng lẽ đáp.

Anh lấy ra mấy mẫu báo, vài tấm ảnh báo chí, hai “bức ảnh” chụp từ nhà xác, trải hết chúng ra trên bàn làm việc của ông.

Ward xem hết một lượt, vẫn cười khúc khích.

“Ông biết ông ta, đúng không?” Cameron chỉ tay.

Ward gật đầu.

“Con gái ông ta chết rồi.”

Ward bình tĩnh ngược mắt lên nhìn thẳng vào anh. “Tôi biết. Có nghe phong thanh, mơ hồ. Quá tồi tệ; nhưng chuyện đó vẫn xảy ra mà, cậu biết đấy. Có liên quan gì tới tôi đâu? Tôi không có con gái. Còn Martine thì không phải là một đứa trẻ vị thành niên không may bị mất đâu. Thế thôi.”

Cameron lại chỉ tay. “Ông biết anh ta đúng không?” Anh hỏi, với giọng tố cáo.

“Sơ sơ. Và tôi cũng có nghe nói về vụ này. Một mối do chiến tranh. Anh ta giết vợ mình sau đó tự sát. Nếu cậu đang cố gắng bảo vệ tôi khỏi âm mưu tự sát...” Ông gạt mẫu báo bị cắt ra sang một bên. “Chuyện đó từ vài năm trước rồi, trong thời chiến mà.”

Cameron đặt lại trang báo vào chỗ cũ. “Để ý ngày tháng trên ảnh đi.”

Ông không bị ấn tượng. “Tôi thấy rồi. Vậy ra cậu lấy ý tưởng từ đây. Chỉ là trùng hợp thôi. Hai chuyện này cách nhau hai năm.”

“Và xen giữa hai năm đó, là vụ này,” Cameron kiên nhẫn nói.

Ward nhún vai. “Anh ta giết chết nhân tình, và bị hành hình trên ghế điện. Đó là cách luật pháp nói, ác giả thì ác báo. Cậu tính chơi trò phù phép nào đây?”

“Nhìn dòng ngày tháng đi.”

“Lần này thì hoàn toàn không đúng trật tự. Cậu nhầm rồi.”

“Về tội ác kia, không phải vụ hành hình.”

“Giờ thì làm ơn...” Ông nhẹ nhàng nhưng kiên quyết. Ông sẽ không lắng nghe nữa.

Cameron đứng dậy bỏ đi. “Được rồi, vẫn còn một chút thời gian.”

“Này, mang mấy cái này đi đi chứ.”

“Ngài không thích xem à?”

Ward lắc đầu. “Cậu đang lãng phí thời gian của chính mình đấy.”

“Không hề. Mọi việc tôi làm đều có mục đích cả.”

Ward vẫn cười toe toét khi anh rời khỏi phòng.

Ngày hôm sau anh lại đến.

Lần này Ward chỉ nhếch mép khi thấy anh; không còn chắc chắn nữa.

“Nghe này, cậu đang bắt đầu khiến tôi căng thẳng đấy, cậu thanh tra. Tôi là một doanh nhân. Tôi còn việc phải làm. Tôi không thể cứ nghĩ về những chuyện như...”

“Ngài có chắc là tôi đang khiến ngài căng thẳng không, hay là... thứ gì khác?” Cameron nhẹ nhàng hỏi.

“Chà, rất cuộc thì, cậu lại rình mò ở đây mỗi ngày chuẩn xác như giờ phát sóng, và cố biến nơi này thành căn phòng kinh hoàng.”

“Tôi chỉ muốn đưa ngài xem cái này.”

Ward đọc một vài dòng.

“Đây là giấy chứng tử,” ông sốt ruột nói. “Và hơn nữa, nó liên quan đến một người phụ nữ tôi chưa từng biết, chưa từng gặp mặt khi bà ta vẫn...”

“Nhưng ngài biết người chồng. Để ý cái tên đi.”

“Thấy rồi. Nhưng căn cứ theo cái này, bà ta chết vì... Có bao nhiêu người chết vì bệnh đó mỗi năm, hả cậu thanh tra?”

“Người ta bị nhiễm thì là ngẫu nhiên. Nhưng bà ta bị nhiễm thì là do mưu sát.”

“Cậu có thể chứng minh không?”

“Vụ này hẳn sẽ kết thúc ở đó nếu tôi có thể,” Cameron thừa nhận.

“Liệu,” Ward khô khan nói, trả lại tờ giấy chứng tử, “hôm nay như thế đã đủ chưa?”

“Ngài sẽ phải trả lời câu hỏi đó.”

“Rất tốt. Vậy thì tôi e câu trả lời là đủ rồi đấy.”

Lần này ông không mỉm cười nữa khi Cameron bỏ đi.

Thang máy không dừng ngay để đón Cameron. Trong khi anh đang đứng đợi, cánh cửa ra vào bằng kính phía cuối hành lang bất ngờ bật mở, bà lễ tân chạy đuổi theo anh.

“Ngài Ward muốn cậu quay lại,” bà ta vừa nói vừa thở hồng hộc. “Ngay lập tức!”

Suy sụp rồi, Cameron nghĩ, kèm theo tiếng thở phào đặc thảng.

Ward vừa uống xong một ly. Nhìn ông như thể sẽ cần thêm ly nữa.

“Đóng cửa lại,” ông run rẩy nói, ngồi thụp xuống ghế. “Tôi không biết có phải đây là chuyện cậu muốn gây ra cho tôi không, nhưng cậu đã làm được rồi,” ông nói như buộc tội. “Giờ thì tôi sợ rồi. Sợ ra trò rồi đấy.”

“Ngài cũng thông minh đấy, ngài Ward. Cuối cùng ngài cũng thông minh ra rồi.”

“Còn bao nhiêu thời gian nữa?”

“Còn đủ thời gian.”

“Tại sao cậu lại khiến tôi phí hoài mấy ngày qua như thế?”

“Thế tôi cứ phải tới đây liên tục là vì cái gì?”

Ward nhăn nhó. “Lạy Chúa! Nếu có chuyện gì xảy ra với cô ấy...”

“Sẽ không xảy ra chuyện gì đâu, nếu ngài để chúng tôi xử lý mọi việc. Giờ thì ngài dẫn tôi tới chỗ cô ấy được chứ? Giờ ngài sẵn sàng chưa?”

“Ngay bây giờ. Chúng ta sẽ đi ngay bây giờ.”

Ông chặn Cameron một lúc ngay ngưỡng cửa, túm chặt tay áo anh. “Cô ấy có phải biết chuyện này không? Có phải nói cho cô ấy biết không? Tôi đã luôn muốn cô ấy tránh xa mọi nguy hiểm... Tôi không muốn cô ấy biết chuyện này.”

“Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để cô ấy không biết” Cameron hứa. “Nếu có thể.”

Đó là một căn nhà kín đáo. Cameron không mong đợi điều này. Anh tưởng nó sẽ là một trong những căn hộ xa hoa lộng lẫy, là nơi để đàn ông tìm đến những cuộc vụng trộm. Nhưng đây lại là một ngôi nhà hiền lành, như tổ ấm được chăm chút kỹ lưỡng với một mặt tiền bằng đá vôi đẹp mắt, các ô kính cửa sổ được đánh bóng nổi bật, đằng sau là những tấm rèm gọn gàng sạch sẽ, dưới mỗi bệ cửa sổ đều đặt những chậu cây. Căn nhà giống hệt như những gì Ward đã nói với Cameron: đây không phải chuyện tình lén lút, mà là tình yêu của cuộc đời ông.

Một phụ nữ trông như người mẹ khoảng năm mươi tuổi ra mở cửa khi nghe thấy chuông. Rõ ràng bà vừa là bà nội trợ vừa là người bầu bạn, cho dù bà không đeo tạp dề cũng không mặc bất kỳ loại đồng phục nào, mà chỉ đơn giản là quần áo mặc ở nhà có thêu hoa.

“Ôi, ngài Ward!” Bà mừng rỡ thốt lên. “Martine hẳn sẽ vui lắm đây!”

“Đây là ngài Cameron, một người bạn của tôi,” Ward nói, hơi căng thẳng. “Bà Bachman.”

“Xin mời vào. Để tôi cất đồ cho.” Bà lảng xảng quanh họ. “Hai người ở lại ăn trưa chứ?” Bà nói với cả hai người.

“Tôi không biết...” Ward nghi ngờ đáp, ném sang Cameron cái nhìn dò hỏi.

“Tôi sẽ chạy lên ngay và...”

“Không. Cô ấy ở đâu, đang ở trên gác à? Để tôi lên làm cô ấy ngạc nhiên.”

“Vậy thì để tôi xuống dọn dò nhà bếp. Hai ngài cứ ở lại nhé.” Bà nghiêm nghị đặt bàn tay lên cánh tay Ward một lúc. “Ôi, đã mười hai giờ năm phút rồi. Hai người có muốn lên gặp cô ấy một lát không? Martine sẽ rất thích đấy; cô ấy sẽ rất hạnh phúc.”

Trên đường lên gác, Cameron cảnh báo ông ta. “Hãy bình tĩnh lại đi. Ngài hơi căng thẳng đấy. Nếu ngài không muốn cô ấy nhận ra điều gì...”

“Giúp tôi đi,” người đàn ông xúc động nói. “Giúp tôi đi.”

Cameron khoác vai Ward một lát, rồi lại buông ra. Anh cảm thấy tội nghiệp ông. Đến giờ này anh vẫn chưa từng biết đến tình yêu. Anh biết nó có tồn tại, nhưng anh cũng không chắc lắm.

Ward gõ cửa. Ông biết nên gõ cửa nào.

Một giọng nói đáng yêu, êm ái xen lẫn sự hồi hộp, vì giọng nói ấy đã đoán ra sự hiện diện của ông qua chính tiếng gõ cửa, vang lên, “Xin mời vào.”

Ông mở cửa và Cameron trông thấy cô.

Cả người cô đang tắm trong ánh nắng từ ô cửa sổ trước. Cô đang ngồi bên cửa sổ, và nó bao bọc cô bằng một vầng hào quang rạng ngời. Hoặc có thể chính cô mới là người tạo ra vầng hào quang đó, chứ không phải là những tia nắng chiếu xiên.

Cô ngoảnh mặt về phía họ. Cô đẹp. Hết sức xinh đẹp. *Không ngạc nhiên khi cô ấy là tình yêu của cuộc đời ông ta*, Cameron nghĩ. Yếu tố quan trọng nhất trong sắc đẹp của cô là tuổi thanh xuân phơi phới. Không phải như một trái cây ngon lành vừa chín tới, không phải vẻ đẹp bên ngoài; mà là vẻ ngây ngô và đáng yêu của một đứa trẻ trong thân xác một người phụ nữ trưởng thành.

Cô đang nhìn Ward. Cameron đứng ngay cạnh ông, họ đang đứng vai kề vai bên nhau. Nhưng cô chỉ nhìn Ward.

“Có ai đi cùng anh sao?” Cô nói.

Cô bị mù hoàn toàn.

Cameron báo cáo lại với sếp các biện pháp mình đã áp dụng đến lúc này.

“Tôi đã cử bốn người ở ngay trong nhà cô ấy, chia thành hai đôi làm việc theo ca, canh gác cả ngày lẫn đêm, suốt hai mươi tư tiếng. Một người phụ trách lò đốt là nơi nhiều người hay đến, quản lý việc sưởi ấm cho toàn bộ căn nhà. Người phụ trách lò đốt ban đầu không được nhận nữa, đã thanh toán hết tiền lương và cho nghỉ việc. Toàn bộ ổ khóa đã được thay mới,

chúng tôi có lắp vào đó hệ thống báo động điện tử, cả cửa trước lẫn cửa sau. Không một nhân viên giao hàng nào được phép bước chân vào nhà. Không ai được phép đi qua cửa trước nếu khi tôi chưa cho phép, chỉ có Ward là ngoại lệ. Và ngay cả ông ta cũng chỉ được phép đến thăm cô ấy hai lần mỗi ngày; ông ta không thể đến thăm bất kỳ lúc nào ông ta muốn, đặc biệt là sau khi trời tối.”

Anh chờ một lời khen, nhưng chẳng hề nhận được. “Xong rồi chứ?” Chỉ có thể.

“Không hẳn. Tôi còn theo dõi căn nhà từ bên ngoài, hoặc ít nhất là con phố trước nhà. Bất kỳ chiếc xe nào ghé qua, hoặc nếu có bất kỳ kẻ nào lảng vảng quanh đó... Tôi không thể cài người của chúng ta vào các nhà đối diện, vì họ không nhận khách trọ. Tuy nhiên, tôi đã cắt hai người phục trên mái nhà bên kia đường, giả vờ đang làm công tác sửa chữa để có cơ nán lại trên đó cho đến khi hết giờ. Ở trên đó họ sẽ có tầm nhìn bao quát toàn bộ con phố. Họ có mang theo điện đài hai chiều lên đó, có thể chuyển tín hiệu xuống dưới ngay lập tức. Ngoài ra còn có mấy cái đèn công suất cao, giúp họ có thể quan sát tốt hơn.”

“Cậu sẽ phải theo dõi cả thức ăn được đưa vào. Nhớ bài học vợ của Garrison đấy. Cả các bưu kiện gửi qua bưu điện nữa; chúng có thể chứa chất nổ.”

“Chi nhánh bưu điện địa phương đã được lệnh giữ lại tất cả thư từ gửi đến địa chỉ đó, chấm dứt hết các hoạt động giao hàng cho tới khi có thông báo thêm. Hai ngày trước họ đã sa thải đầu bếp. Ngay cả khi đó là đầu bếp nữ từng làm cho họ nhiều năm rồi, tôi nghĩ tốt nhất nên để bà ấy tránh xa chuyện này. Dù sao thì bà ấy cũng có thể có quan hệ với nam giới bên ngoài, hay thậm chí là họ hàng mà không thể bảo đảm được. Hiện tôi đang cắt một cảnh sát nữ vào làm đầu bếp, chăm lo toàn bộ các khâu từ mua hàng đến chuẩn bị bữa ăn cho cả nhà.”

“Thế còn người bạn đồng hành thì sao? Bà Bachman thân thiết với cô gái đó ấy?”

“Bà B, như cô gái hay gọi,” Cameron đáp, “là người giúp việc duy nhất tôi không hề đụng chạm đến.”

“Cậu có thể bảo đảm cho bà ta?”

“Tôi có thể bảo đảm bằng cả cuộc đời mình; không hề có một chút nghi ngờ nào đối với bà ấy. Tôi đã chỉ huy cả một đội quân truy tìm tất tần tật về bà ấy, toàn bộ thông tin liên quan đến giấy khai sinh của bà ấy ở tòa thị chính. Họ chẳng hề bỏ qua một chi tiết nào, ngay cả chuyện bà ấy bị lên sỏi hồi bé, cũng như các tòa nhà bà ấy học tiểu học, hay những giáo viên của bà ấy là ai. Họ hàng của bà ấy không ai còn sống, chẳng có người em họ nào nữa; chồng bà ấy qua đời vì sốt vàng da trong thời gian chiến tranh Tây Ban Nha - Mỹ, một năm sau ngày cưới. Bà ấy sống chung với cô ấy kể từ khi cô ấy còn nhỏ; thậm chí tôi còn chẳng tưởng tượng được cô ấy đã rời nhà mà không có bà ấy, trong mười hay mười hai năm. Bà ấy không có cuộc sống riêng của mình; cô ấy là cả cuộc sống của bà ấy. Dù tôi vẫn muốn gạt bà ấy ra rìa một thời gian, chỉ tạm thời thôi, nhưng tôi có hỏi ý kiến Ward về chuyện này và cả hai chúng tôi cùng đồng ý rằng không nên làm như thế; vì điều đó không chỉ khiến cô ấy bị sốc và hoảng sợ một cách không cần thiết, mà có thể còn gây bất lợi về an ninh. Người phụ nữ này đã tận hiến cho cô ấy đến nỗi còn giám sát cô ấy tốt hơn cả người của chúng ta. Như thế chúng ta lại có thêm một người nữa làm việc cho chúng ta.”

“Sắp đặt xong xuôi rồi chứ?”

“Sắp đặt xong xuôi rồi,” Cameron kết luận. “Bên ngoài được bảo vệ, bên trong cũng được bảo vệ. Bây giờ không còn ai ở bên cạnh cô ấy nữa, ngoại trừ người của chúng ta và bà B. Nói cho sếp biết, tôi đã biến cái nhà ấy thành một pháo đài đích thực. Không một ai, và không có bất kỳ cái gì có thể xông vào được.”

“Cho đến giờ thì tốt đấy,” ông ta chỉ nói có vậy. “Hãy nhớ duy nhất một điều: một pháo đài chỉ thực sự tốt khi người đứng sau lưng nó thật sự tốt.” Và ông ta nhìn thẳng vào Cameron.

Khi Ward thức dậy lúc tám giờ - thời gian biểu bình thường của ông - vào hôm thứ Năm, ông không hề biết rằng mình sẽ làm việc đó. Thứ Năm là ngày mười lăm. Quyết định được đưa ra rất nhanh. Nó xuất hiện rất nhanh. Nó đã nằm yên đó suốt mấy ngày rồi, chắc chắn là vậy. Ngày càng mạnh mẽ hơn suốt thời gian đó. Hết ngày này qua ngày khác, giờ này qua giờ khác.

Ông cạo râu, tắm rửa, thay đồ. Ông chọn một chiếc cà vạt bằng lụa mỏng, thêu những bông hoa xám trên nền xanh. Ông quyết định không chọn cà vạt kẻ sọc. “Mình sẽ đeo nó vào ngày mai,” ông tự nhủ. Cho thấy rằng ông vẫn không biết việc mình sắp làm.

Ông bước xuống nhà. Bữa sáng của ông đã sẵn sàng. Vợ ông ngồi bên bàn. Tờ báo của ông nằm trên bàn. Chi tiết cuối cùng khiến ông hứng thú hơn chi tiết đầu tiên, và chi tiết đầu tiên lại hấp dẫn ông hơn chi tiết thứ hai, nhưng ông đủ lịch thiệp để không thể hiện ra trên nét mặt, ông dành sự chú ý tương đương nhau với cả ba, tờ báo có lẽ được ưu tiên hơn một chút so với hai chi tiết còn lại.

Ông hôn vợ và họ cùng nói chuyện phiếm. Thân thiện, dễ chịu nhưng không quá chân thành. Ít ra là không có sự thù địch. Cũng chẳng có sự thân thiết. Họ chỉ như hai con người đang hoàng có giáo dục, không quá quan tâm đến nhau.

Ông rời nhà đến văn phòng, mang theo tờ báo và va li. Ông nói, “Tạm biệt, Louise,” từ cách đó một căn phòng. Ông không biết rằng mình có thể sẽ không bao giờ gặp lại bà nữa. Mà giả như có biết, hẳn ông vẫn sẽ nói, “Tạm biệt, Louise,” từ cách đó một căn phòng, cũng với cái giọng đó.

Ông vẫn không biết rằng mình sẽ làm việc đó.

Ông bước vào chiếc xe đang đợi mình ngoài cửa. Trên đường đến văn phòng ông tiếp tục ngồi đọc báo.

Dòng ghi ngày tháng là thứ đập vào mắt ông trước tiên. Đây không phải lần đầu tiên. Còn mười sáu ngày nữa. Và ngày mai sẽ là mười lăm. Tại sao

cứ phải ngồi đây chờ nó xảy ra, khi còn cả thế giới này để trốn trong đó? Mặc kẹt, như con thỏ trong lồng.

Bất thành linh ông biết rằng mình sẽ làm việc đó.

Ông gõ gõ vào tấm kính. Tay tài xế ngoảnh đầu lại. Ward ra lệnh cho anh ta tắt vào lề và dừng lại ngay lập tức.

Ông xuống xe, đóng cửa.

“Đi đi,” ông nói cụt lủn. “Đừng đợi tôi.” Chiếc xe là một vật cản, có thể bị nhận ra, có thể phản bội ông. Bởi vì ông biết vào đúng lúc này mình đang bị theo dõi.

Tay lái xe có vẻ ngạc nhiên, nhưng vẫn phóng xe đi.

Ward bắt một chiếc taxi khác. Ông đến ngân hàng bước vài bậc cầu thang xuống hầm. Ông ký tên nhận điện, chữ ký được chứng thực, ông được phép vào hầm. Giờ ông thấy biết ơn vô vàn những biện pháp phòng này.

Chỉ có một mình trong buồng riêng bé nhỏ với chiếc hộp ký thác an toàn trước mặt, ông lục lọi nó một cách vội vã nhưng vẫn theo tuần tự. Đồ trang sức của Louise; ông không muốn chúng. Cổ phiếu của hãng General Motors xếp thành từng bó màu vàng; ông cũng gạt chúng sang một bên. Nhiều quá không thể chuyển đổi được. Các bó cổ phiếu của hãng American Tel&Tel màu sô cô la; quá nhiều. Goodyear. General Electric. Tất cả đều không được chú ý đến. Một hợp đồng bảo hiểm trị giá bảy mươi lăm nghìn đô la, vợ ông là bên hưởng lợi. (Ông rùng mình, như thể nhìn thấy nó khiến ông sợ hãi.)

Nằm dưới cùng tất cả mọi thứ, các trái phiếu Chính phủ xuất hiện. Đây mới là thứ ông muốn, là thứ mà ông đến để tìm. Ông nhét chúng vào túi áo. Trị giá năm mươi nghìn đô la. Chuyển đổi được theo yêu cầu, khi xuất trình, ngay tức thì. Áp dụng được trên toàn thế giới, khắp mọi nơi, chỗ nào cũng được.

Ông nhanh chóng chạy lên, đề nghị được vào văn phòng của giám đốc ngân hàng.

Mười phút sau ông quay ra, cùng một thứ tín dụng trị giá năm mươi nghìn đô la trong túi. Mười sáu ngày. Khấp găm trời này đi đâu cũng được. Khi một con gà tây nằm chờ chết, nó không thể thoát ra khỏi cái lồng mình bị nhốt vào. Khi một con người ngồi chờ chết, anh ta có thể chạy trốn đến nơi tận cùng trái đất; vì anh ta biết chết nghĩa là gì. Chúa đã dạy cho anh ta điều đó.

Ông bắt một chiếc taxi khác. Đến trước cửa một công ty du lịch lữ hành, ông xuống xe. Ông trao cho tay nhân viên phần thưởng năm mươi đô la, hứa rằng khi xong việc sẽ tặng gấp đôi. Tuy nhiên, ông không để lại tên, địa chỉ hay số điện thoại, vốn là quy định bắt buộc trong những trường hợp như thế này. Ông nói mình sẽ trực tiếp quay lại vào ngày hôm sau. Tay nhân viên đành phải dùng tên của mình, Breuer, trong tất cả các giao dịch mà anh ta thực hiện. Và cho dù tay nhân viên không nhận ra, nhưng anh ta đã ngay lập tức trở thành “cha đỡ đầu”.

Sau đó Ward quay về văn phòng. Ông hủy bỏ tất cả các cuộc hẹn trong ngày, tảng lờ hết tất cả các vấn đề đang treo, các vấn đề trước mắt và tập trung hoàn tất những gì đang triển khai được một thời gian hoặc chưa làm xong; những vấn đề mà vì ông đã quá quen thuộc nên chẳng còn ai ngoài ông thích hợp để giải quyết.

Ông làm việc quá giờ ăn trưa, đến tận giữa chiều. Cuối cùng tới ba giờ ông cũng dừng lại, vì quá kiệt sức không thể làm thêm được nữa. Việc cuối cùng ông làm là khóa cửa văn phòng từ bên trong, bật máy ghi âm, và soạn bằng miệng một tin nhắn từ chức gửi cho người đồng nghiệp, chuyên cố phần và quyền hạn của ông sang cho người này. “... Và Chúa phù hộ anh, Jeff.” Khi tắt máy, trên đôi mắt ông rưng rưng những giọt lệ. Đàn ông đôi khi cũng ủy mị, ngay cả trong kinh doanh.

Vào lúc ba giờ mười lăm phút chiều cùng ngày ông rời văn phòng. Và trong suốt phần đời còn lại của mình ông sẽ không quay về đây nữa.

Lúc này ông ranh ma hơn hồi sáng, vì đích đến giờ nằm gần trái tim ông hơn, và nó đang bị đe dọa nhiều hơn. Ông bắt ba chiếc taxi, gọi xe rải rác

tại nhiều điểm đến giả đẽ nguy trang như các cửa hàng hoặc những điểm tương tự, nhằm phá vỡ tính liên tục trong hành trình của mình.

Khi rời khỏi văn phòng, theo thói quen ông mang theo chiếc va li. Khi nhận ra điều đó, ông đã cố gắng vứt bỏ nó, cố tình bỏ quên trên chiếc taxi đầu tiên.

Tay tài xế phá hỏng dự tính của ông khi gọi với theo, “Thưa ngài, ngài bỏ quên va li này,” và chạy theo trả lại va li cho ông.

Ward chợt mĩa mai nghĩ, giá như cái va li là một thứ ông nỗ lực đến cùng để *không* đánh mất, thì hẳn nó sẽ mãi nằm trong xe taxi mà không bị phát hiện.

Ông thử lại lần nữa với chiếc taxi thứ hai, lần này một phụ nữ đã kêu ré lên khi phát hiện chiếc va li từ cửa sổ xe, rồi phải vất vả lắm mới theo kịp để có thể trả lại nó cho ông.

Lần thứ ba ông giấu nó dưới đệm ghế, và cuối cùng ông cũng thoát khỏi nó.

Chiếc taxi thả ông xuống trước cửa nhà Martine, ông vội vã tiến vào trong, cố gắng hết sức ngăn mình không nhìn khắp con phố bằng ánh mắt sợ hãi, vì ông nhận ra rằng, dù có đang bị theo dõi thì ông cũng chẳng thể nào phát hiện ra. Ông vốn không quen với những chuyện như thế này, và đoán chừng những ai theo dõi ông cũng vậy.

Bà Bachman vẫn vui vẻ chào đón ông như thường lệ, nhưng ông ra hiệu cho bà im lặng và thì thầm. “Tôi phải ở một mình cùng cô ấy. Có chuyện tôi muốn nói với cô ấy. Bà trông chừng dưới chân cầu thang, đừng để *bất kỳ ai* đến gần chúng tôi.”

Bà gật đầu, luôn sẵn lòng bảo vệ ông chống lại những kẻ ngoài cuộc.

Martine đang ngồi đọc sách bằng các đầu ngón tay, mái đầu cô hơi nghiêng nghiêng, như thể cô đang lắng nghe thay vì cảm nhận.

Cô mặc chiếc váy màu vàng, trên đường viền cổ áo buộc một dải băng đô màu đen, và trên một bên tai, bà Bachman (có lẽ thế) đã gài cho cô một chiếc nơ xinh xắn màu vàng ngộ nghĩnh.

“Allen à?” Cô hỏi, khi tiếng chân ông vang trên ngưỡng cửa. Ánh mặt trời tỏa rạng ngời trên gương mặt cô. Không phải trên gương mặt, mà là từ bên trong, ánh nắng tỏa sáng từ trong ra ngoài.

“Marty bé bỏng của anh,” ông gần như nức nở.

Ông ôm cô trong vòng tay thật lâu, thật chặt, cho đến khi cô nhận ra rằng cái ôm này có gì đó không ổn.

“Chuyện gì vậy, Allen?” Cô vỗ về. “Chuyện gì thế?” Cô vuốt ve những đường nét trên gương mặt ông bằng những đầu ngón tay am hiểu, những đầu ngón tay cho cô biết mọi điều.

“Anh sẽ phải làm em khiếp sợ một chút.”

Cô lại ngồi xuống ghế, tự trấn tĩnh, và ông, vẫn đang siết chặt hai bàn tay cô trong tay mình, quỳ xuống bên cạnh cô, để hai mái đầu sát kề nhau đến nỗi họ chỉ cần thì thầm.

“Phải chăng anh muốn rời bỏ em? Phải chăng em sẽ chỉ còn cô đơn một mình trong bóng tối?”

“Không bao giờ; chừng nào anh còn sống. Đó là lời thề anh tự đặt ra cho mình nhiều năm trước, và anh sẽ không bao giờ làm trái nó.”

“Thế thì chuyện gì...?”

“Có... có kẻ nào đó đang mưu toan cướp em khỏi tay anh.”

“Bằng cách nào? Sao họ có thể?”

“Bằng cách nào ư? Cách duy nhất là gì? Em nghĩ đi.”

“Cái chết,” cô thở hỗn hển, khiếp sợ.

“Bằng cách đó đây,” ông thừa nhận. “Đó là một cách. Cách duy nhất chúng có thể.”

Cô áp mặt vào ngực ông; giật giật ve áo ở vạt trước sơ mi của ông, như thể muốn kéo chúng lại gần hơn, để vùi mình trong đó sâu hơn nữa. Hơi thở của cô gấp gáp và khiếp sợ, và cho dù ông vẫn ôm chặt cô trong vòng tay, cố gắng khiến cô bình tĩnh lại, bất chấp điều đó ông vẫn có thể cảm thấy cô đang run rẩy.

“Không,” ông cứ liên tục van xin, với cái giọng người ta hay dùng với một đứa trẻ đang sợ hãi. “Không. Không. Không.”

“Ngay cả trong bóng tối, cuộc sống còn tốt hơn... là không sống. Tại sao chúng phải cố gắng... cướp đi của em điều nhỏ bé ấy chứ?”

“Không. Không. Không,” ông chỉ nói được có vậy.

“Em có làm tổn thương ai đâu?”

“Là anh làm, không phải em. Và anh chẳng biết mình đã làm cái gì. Nhưng mà...”

“Là kẻ nào?” Cô hỏi.

“Anh không biết. Họ cũng không biết. Anh chưa từng gặp hẳn. Họ cũng thế. Kẻ nào đó... không, con quý sát nhân nào đó đã từng là người. Nỗi đau bệnh hoạn nào đó cần một cái chết nhân từ. Chắc chắn là thế, còn ai có thể làm tổn thương Martine nữa cơ chứ?”

Lúc này cô đã bình tĩnh lại một chút; vẫn nắm đó vùi mặt vào ngực ông, nhưng đã bình tĩnh lại một chút. Rồi ông tạm rời xa cô, chỉ một lúc thôi; một nút chai thủy tinh bật lên vang như tiếng đàn; rồi ông lại trở về bên cô.

“Uống cái này đi. Xong rồi anh muốn em lắng nghe anh thật kĩ.”

“Cái gì vậy?”

“Chỉ là một ngụm brandy thôi.”

Ông giữ cốc cho cô uống cạn.

“Giờ lắng nghe anh cho kĩ đây. Anh sẽ thì thầm vào tai em. Anh không muốn bất kỳ ai nghe thấy hết. Chờ chút, anh phải đi khóa cửa đã.”

Ông tiến ra cửa và xoay chìa khóa. Ông rút chiếc khăn tay trong túi ra, treo trên núm cửa, che kín bất kỳ hình ảnh nào có thể truyền ra ngoài qua khe hở lỗ khóa.

Xong xuôi ông quay về bên cô, quỳ một gối bên cạnh và áp sát môi vào tai cô.

Lúc này cô bắt đầu gật đầu.

“Vâng, em sẽ làm,” cô lẩm bẩm. “Em tin tưởng anh bằng cả cuộc đời em. Anh chính là cuộc đời em.”

Cô lại gật đầu trong khi ông vẫn đang thì thầm.

“Vâng, em sẽ làm. Em sẽ nghe lời anh. Bất kể là gì. Không, em không sợ đâu. Có anh thì em không sợ.”

Giọng của ông cao lên một chút, khi thông điệp bí mật đã đi đến đoạn kết. Một vài từ rời rạc cũng vang lên rõ mồn một.

“Cơ hội duy nhất của chúng ta... không một ai... không được nói với bất kỳ ai... ngay cả bà B.”

Và cuối cùng ông hôn cô. Hôn lên trán, hôn lên đôi mí mắt, và cuối cùng hôn lên bờ môi, như lời khẳng định quyết tâm của họ, bất kể đó là gì.

“Chúng sẽ không thể có được em, tình yêu của anh,” ông nồng nhiệt nói. “Chúng sẽ không thể làm hại em. Anh sẽ đưa hai đứa mình đến nơi cùng trời cuối đất.”

Cô thận trọng đưa tay lên chải tóc, cô có thể tự mình làm việc đó. Và lạ lùng làm sao, cô luôn làm thế khi đứng trước gương. Như một thói quen. Cho dù đối với cô có gương hay không cũng nào khác biệt gì.

Cô bước đến gần cái ghế, nơi bà Bachman đã chuẩn bị mọi thứ cho cô. Bằng cảm giác cô biết rằng hôm nay bà B đã chọn cho cô chiếc váy len màu đen. Mười đầu ngón tay cho cô biết điều đó. Chẳng phải phi thường gì, bình thường thôi. Cô đã thuộc hết những đường dệt, những nút áo bọc kim loại, hai tay áo, thậm chí là cả cổ áo. Cô thuộc nằm lòng từng bộ đồ - chỉ bằng cách chạm tay, tất nhiên. Duy chỉ có một thứ duy nhất cô không phân biệt được, đó là màu sắc. Bà B đã nói cho cô biết cái váy này màu đen. Cô mặc váy lên người.

Giờ đây cô đã thay đồ xong. Thậm chí cô có thể thoa son môi nếu muốn, và làm việc đó rất giỏi. Nhưng cô không bao giờ dùng son môi. Cô bước đến cửa phòng - không một chút ngần ngại - mở cửa và bước ra ngoài. Cô

tìm đường đến bàn ăn sáng không chút khó khăn, tìm đến cái ghế quen thuộc cạnh bàn, kéo nó ra, ngồi xuống và thưởng thức bữa sáng mà bà B đã dọn sẵn trên bàn.

Mình cô có thể làm được tất cả những việc này.

Cô vươn tay ra lấy ly nước cam, đưa cốc lên môi. Bà B luôn đổ đầy hai phần ba các cốc nước cô uống, như vậy chúng sẽ không bị tràn ra ngoài. Đó là sự nhân nhượng duy nhất giữa hai người trước tình trạng khuyết tật của cô. Đó là vấn đề về lòng kiêu hãnh, mà cả hai đều coi trọng như nhau.

Cô sờ thấy miếng bánh mì nướng và tự phết bơ. Bà B đã chuẩn bị sẵn cốc cà phê cho cô (dù khoản này cũng dành cả cho người sáng mắt), tuy nhiên đích thân cô sẽ cho thêm đường và kem. Hỗ trợ cho cô trong hai quy trình này là cảm nhận tinh tế về trọng lượng và cân bằng. Thật kỳ lạ khi cô có thể nói khá chính xác một cái thìa đựng bao nhiêu đường; rằng đường đang đầy có ngọn hay vừa đủ; rằng bao nhiêu đường đã được đổ ra từ bình, với trường hợp này cô tính được nhờ góc nghiêng của miệng bình trong tay.

Họ nói chuyện rời rạc như cách họ vẫn nói hàng ngày. Bà B đọc cho cô nghe nội dung báo chí buổi sáng. Bữa ăn sáng kết thúc.

Ông đã tìm được (sau rất nhiều nỗ lực) và mua cho cô một chiếc đồng hồ độc đáo tự động rung lên mỗi giờ. Đồng hồ chạy theo giờ châu Âu và giờ quân sự, tiến thẳng đến hai mươi tư giờ đối với giờ buổi tối thay vì trở lại một giờ. Đồng hồ hoạt động rất thông minh, rung lên hai lần thay vì một khi bộ đếm giờ vượt quá mười hai tiếng, do đó thời gian cần đếm không tăng lên quá nhiều. Đồng hồ độc đáo ở chỗ nó là loại đồng hồ để bàn, không phải dạng đồng hồ đứng to uyển, ngay cả cô cũng có thể mang theo, từ phòng này sang phòng khác nếu muốn.

Lúc này đồng hồ đã điểm mười lần. Cô đếm. Thế rồi - như thể được đầu mỗi này nhắc nhở - cô nói với bà B, “Tôi muốn ra ngoài đi dạo, hít thở không khí trong lành. Tôi muốn đi bây giờ thay vì phải đợi đến chiều.”

“Ồ, tất nhiên rồi, thưa tiểu thư,” bà B sẵn sàng đồng ý. Bà liếc ra ngoài cửa sổ; một khoảng sân xinh xắn. “Hôm nay trời nắng rất đẹp đấy ạ.”

“Tôi biết,” Martine nói đơn giản. “Tôi biết mà.” Cô thực sự biết. Không cần phải nhìn ra ngoài cửa sổ.

Hai người chia tay nhau, về phòng mình chuẩn bị. Cô vào phòng ngủ một mình, bước đến chỗ cái tủ lấy hộp trang sức ra. Cô nhét vào trong túi xách vài cái nhẫn gói trong chiếc khăn tay. Chuỗi ngọc trai Tiffany ông tặng được cô đeo quanh cổ. Đường viền cổ áo cô vốn khá cao, hoàn toàn che khuất chuỗi hạt. Cô lấy ra thêm một thứ nữa. Mấy cái móc gài, trâm cài và vòng tay còn lại cô để lại trong hộp. Thấy vẫn còn thời gian, cô lấy bút chì viết vội mẫu giấy: “Những thứ này dành cho cô, Edith. Xin hãy giữ thật cẩn thận mẫu giấy này, như một dạng di chúc.” Cô đặt mẫu giấy vào giữa những gì còn lại trong hộp, đóng nắp lại rồi cất đi.

Có một thứ cô đã lấy ra thì phải có người giúp, cô không thể xoay xở một mình. Chỉ vì cái chốt an toàn phức tạp. Cũng là món quà ông tặng cô, tất nhiên. Vậy nên nó có giá trị tình cảm với cô, dù không thiết thực cho lắm. Giá trị vật chất của món quà cũng chẳng vừa, tuy nhiên đó chẳng phải là thứ cô quan tâm.

Cô gọi bà B vào. “Bà cài hộ tôi cái chốt này với!”

“Ôi, tiểu thư đeo đồng hồ đeo tay kim cương đấy à!” Bà B thở hỗn hển.

“Tôi muốn mình đẹp mà,” Martine lặng lẽ đáp. “Ngày hôm nay đẹp như thế. Đúng là ngày đẹp trời.”

Cô có thể đập vỡ nó thành từng viên đá, thả rơi chúng suốt dọc vỉa hè từng viên một, giống những viên sỏi, khi cô bước đi. Bà B hẳn sẽ không can ngăn; cả hai đều biết như thế.

Họ cùng nhau rời khỏi nhà, bàn tay của Martine nằm trong bàn tay người đi cùng. Hai người phụ nữ ăn mặc đĩnh đạc, một trẻ, một trung niên; bạn không thể nói chắc được ai mới là người khiếm thị. Và nếu bạn nói chắc được, có thể bạn sẽ tưởng nhầm là người lớn tuổi hơn, vì bà ta đeo kính.

Bà B lặng lẽ nói, “Chào buổi sáng.”

Không có tiếng trả lời, nhưng chiếc mũ được nhắc lên, không tạo ra âm thanh nào.

Thế rồi bước được vài bước, bà B lại nói, “Chào buổi sáng.” Và một lần nữa không có âm thanh nào phát ra.

Nhưng lúc này từ phía sau hai người, từ lúc này trở đi, vọng đến hai tiếng bước chân nhẹ, như một tiếng vọng, một dàn hợp xướng bè trầm bọc kín bước chân của họ.

“Chúng ta đang ở đâu đây?” Martine hỏi.

“Gần góc phố. Chúng ta đang đi quanh khu phố.”

“Đến... đến nơi nào đặc biệt đi. Chỗ này toàn xi măng và bụi bặm thôi. Đạo qua công viên một chút. Từ phố Bảy mươi, theo hướng phố buôn bán.”

Bà B không phản đối.

Martine lại nói. “Chúng ta đến nơi chưa?” Rồi cô lại tự trả lời. “À, đến rồi. Tôi có thể ngửi thấy mùi cỏ và lá cây rồi. Mùi vị thật tươi mát và ngọt ngào đúng không?”

Bà B sung sướng hít hà.

Martine hạ giọng xuống. “Họ còn bám theo chúng ta không?”

Lại xuất hiện những quãng dừng theo từng chặng. Bà B quay đầu lại. “Có đấy. Họ nên làm thế mà, cô biết đấy.”

“Tôi biết mà,” Martine khô khan đáp.

Một lúc sau cô lại nói. “Đến gần tượng Lafayette thì báo cho tôi biết nhé.”

“Gần đến rồi.”

“Bà có chắc chúng ta đang đi theo hướng phố buôn bán, đúng đường xe cộ hay đi không?”

“Tất nhiên rồi, thưa tiểu thư,” bà B vui vẻ. “Tôi dẫn cô đi sai đường làm gì chứ?”

Cô lại hỏi tiếp. “Mười hai giờ chưa?”

Lại dừng theo chặng. “Ba phút nữa.”

“Bức tượng đây rồi,” Martine nói. “Chúng ta đang đứng trước mặt nó, tôi biết điều đó. Mặt đường có thay đổi. Nó bằng phẳng hơn, xung quanh bề tượng là các phiến đá trang trí.”

Bất ngờ cô nói, “Cùng đi dọc mép vỉa hè đi.”

“Không an toàn đâu, thưa tiểu thư. Xe cộ đầy ra, nhờ chúng ta bị đâm thì khốn đấy.”

“Cho tôi thử đi.” Rồi cô lại nói, “Đi mà.” Lời nói này thốt ra từ miệng cô, khiến bà B không thể chối từ.

Họ đổi vai cho nhau; giờ Martine đi ở phía ngoài. Bà B quay nhìn phía sau, “họ đang ra hiệu cho chúng ta đi vào trong,” bà thông báo.

Martine nghịch ngợm siết chặt cánh tay bà, trong âm mưu bí mật. “Cứ giả vờ như chúng ta không hiểu. Họ không thể ép chúng ta làm điều mình không muốn, đúng không?”

“Không, tôi không nghĩ vậy,” bà B đồng tình trong hoài nghi. “Nhưng tại sao chúng ta lại không muốn?”

“Có một việc tôi muốn thử,” Martine đáp. “Hỏi tôi còn bé có một trò chơi tôi thường hay chơi. Một cách đi bộ. Tôi từng rất thích đi bộ đúng ngay trên mép vỉa hè, và giữ thăng bằng, để xem tôi có bị rơi xuống cống hay không.”

“Ở đây không ổn đâu, tiểu thư.”

“Đúng đấy, ở đây. Tôi muốn nhớ lại cảm xúc đó, từ khi tôi còn bé. Có bà ở bên cạnh tôi cơ mà. Có thể xảy ra chuyện gì chứ? Nhìn này, tôi sẽ nắm chặt tay bà.”

Bỗng một giọng đàn ông vang lên, ngay sau lưng họ. “Cô ấy đang làm gì thế?” Một trong hai người mặc thường phục đã tiến đến gần.

Bản năng làm mẹ của bà B trỗi dậy. “Để con bé yên đi, không được sao?” Bà cộc cằn vặc lại. “Đừng có lúc nào cũng theo dõi con bé như chim ưng thế.”

“Bảo họ lùi lại đi,” Martine thúc giục bằng giọng rầu rĩ.

“Quay về với bạn của anh đi,” bà B ra lệnh không hề nhẹ nhàng. “Đừng bám theo chúng tôi nữa.”

Mùi hương thoảng qua của khói thuốc lá và tính cách cứng rắn vừa xen vào bầu không khí gần gũi của riêng họ (chỉ mình Martine nhận thấy) đã lùi xa. Đó gần như là giác quan thứ sáu.

“Đến mười hai giờ chưa? Mười hai giờ thì tôi sẽ thôi,” cô hứa.

“Như trẻ con vậy,” bà B nói với giọng nghẹn ngào. “Một phút nữa.”

“Tôi chỉ nhớ cái thời đi bộ ngày xưa,” cô rầu rĩ. “Bao năm qua rồi tôi vẫn giỏi trò này. Giờ thì tôi mang giày cao gót, và tôi không còn...” Cô bỏ lửng câu nói. Cô không còn dùng từ “đôi mắt” thường xuyên nữa.

“Tiểu thư, tay cô đang run kìa,” bà B để ý.

“Đó là vì cả cơ thể tôi đang run, tôi đang cố giữ thăng bằng đây. Cũng sắp mười hai giờ rồi.” Bất chợt cô nói bằng giọng hối thúc, như thể chuyện này có liên quan đến chuyện khác. “Tôi yêu bà rất nhiều, đối với tôi bà như một người mẹ; hãy luôn tin rằng tôi yêu bà rất nhiều.”

“Chúa phù hộ cho tiểu thư!” Bà B ngay lập tức hiền từ đáp lại, đầy tình cảm.

Mãi tìm khăn tay đưa lên chấm mắt nên bà B buộc phải buông tay Martine, chỉ một lúc thôi.

Một tràng những tiếng rít khi xe rẽ ngoặt vang lên. Rồi đột nhiên, một bóng hình mờ ảo nào đó nhào ra từ phía trên bậc lên xuống xe ôm chậm lấy cả người Martine, một cánh tay ôm gọn lấy eo lưng cô, một bàn tay nắm chặt lấy bàn tay cô (vốn đang vươn dài ra phố khi cô đang tập “đi trên dây”).

Trong một thoáng, cô cảm thấy chóng mặt khi bị nhấc bổng lên không, cách khỏi mặt đất. Thế rồi cô bị kéo tuột vào trong, hạ cánh xuống chiếc ghế bọc da. Một cánh cửa xe đóng sầm lại. Cô bị mất thăng bằng khi chiếc xe một lần nữa ngoặt gấp ra ngoài.

Bên ngoài, phía đuôi xe, chỉ còn nghe thấy tiếng thét xé ruột của bà B. Đâu đó phía xa hơn, là tiếng quát báo động của một người đàn ông. Tiếp theo là một tiếng nổ chát chúa, như phát súng chỉ thiên từ một khẩu súng ngắn.

Bên trong, là sự im lặng nhất thời. Yên tĩnh. Rung chấn cho cô biết rằng họ đang phóng với tốc độ rất cao, chiếc xe âm âm lao đi.

Cô run rẩy vươn tay ra chạm vào gương mặt người đàn ông. Cô thám hiểm gương mặt ấy bằng những ngón tay nhạy cảm, cuối cùng chúng dừng lại trên đôi môi và quần quanh ở đây.

Làn môi kia nhẹ nhàng tiếp xúc với bàn tay cô, đặt lên những đầu ngón tay tò mò kia một nụ hôn tinh tế.

Cô thở dài đánh thượt, vô cùng nhẹ nhõm.

“Đúng là anh,” cô lầm bầm. “Lúc này em còn chưa dám chắc.”

Lúc này ngài Cảnh sát trưởng trông thật chẳng khác gì Thiên Lôi, và ông ta đúng ra phải là người không được phép giận dữ đến mất kiểm soát như thế. Ông ta nhắc bổng cái ghế xoay công sở khỏi sàn nhà, không phải một lần mà là liên tục, rồi quăng xuống rất mạnh cho đến khi một trong các món trang trí trên ghế long ra và lăn lông lốc. May còn chiếc điện thoại bàn ông không quăng đi nốt vì nó được gắn chặt vào một cái giá. Tương tự là cái bình nước, nó quá nặng không thể nhắc lên được. Nhất là đối với người đang phải đeo nịt giữ thoát vị.

“Lũ ngu xuẩn!” Ông ta rống lên. “Lũ ngu xuẩn! Ngu như bò! Hắn đang mang cô ta đến thẳng chỗ chết. Chúng ta cố gắng cứu mạng cô ta, chúng ta làm như trâu suốt mấy tuần liền, điều động toàn bộ nhân sự có thể tới đó, chỉ để hắn cướp lấy cô ta, mang cô ta đi thẳng đến chỗ chết! Họ sẽ chẳng sống nổi một tiếng đồng hồ đâu! Họ chẳng có cơ hội nào hết! Chúa ơi, giá như hắn ta có mặt ở đây ngay phút này...!” Bằng đôi tay trần ông ta túm

chặt lấy các mép ngoài của bàn làm việc, cho đến khi các khớp ngón tay quanh các vết sẹo phẫu thuật trở nên trắng bệch.

Ông ta không chỉ giáng chức hai cảnh sát mặc thường phục bất hạnh chịu trách nhiệm giám sát cô gái, những người đảm trách ca làm việc đặc biệt đó, mà còn chửi mắng cả tổ tông nhà họ, suýt nữa thì giáng thẳng vào mặt họ những cú đấm thật sự nếu không có Cameron giữ chặt lấy cổ tay ông ta.

Giờ thì đến lượt anh hứng chịu con thịnh nộ.

“Cả cậu nữa!” Ông ta rít lên, quay sang anh. “Cậu đang làm cái quái gì thế hả? Cậu đã ở đâu thế hả? Hẳn cướp một cô gái *mù* khỏi tay cậu! Một cô gái *mù*, giữa ban ngày ban mặt! Mười hai giờ trưa. Cô gái ấy không mù; mà là *cậu*! Lẽ ra cậu phải nói cho chúng tôi biết là cậu cần một con chó dẫn đường, tôi hẳn đã thu xếp được.”

“Sếp muốn tôi nộp phù hiệu ra đây không?” Cameron kính cẩn hỏi. “Hoặc tôi sẽ đợi cho đến khi có thông cáo báo chí...!”

Câu nói này chẳng thể làm dịu được cơn sóng triều.

“À, một kẻ chạy trốn cũng chẳng khác gì kẻ bất lực! Dễ dàng quá phải không? Cậu cứ việc nằm ườn ra đi... cậu không chỉ là một thằng ngu, mà còn là một thằng ẻo lả nữa đấy!”

“Tôi sẽ không chấp nhận điều đó, thưa sếp, từ bất kỳ ai ngoài...”

Giọng ông sếp cao vút lên thành tiếng thét chói tai. Hay ít nhất là tiếng thét mà một nam ca sĩ giọng trầm có thể lên được. “Ồ, thế thì cậu còn đứng đó làm gì nữa? Muốn nhận được hướng dẫn viết tay nữa à? Muốn tôi dặt tay tiễn ra tận cửa nữa à? Bọn họ đã biến mất hơn một tiếng bốn mươi lăm phút rồi!”

Ông ta giơ cao cả hai cánh tay lên quá đầu, nắm chặt lại thành hai quả đấm, giáng thẳng xuống mặt bàn làm việc tội nghiệp, tạo nên một tiếng rầm vang khắp các hành lang bên ngoài, khiến ai cũng tưởng rằng một đường ống hơi nước nào đó bị thủng.

“Đuổi theo họ! Bắt kịp họ, không cần biết họ đã đi tới đâu! Mang họ về đây! Tôi muốn họ quay về đây, được canh giữ bảo vệ, trước ngày ba mươi

một tháng Năm!”

Một thoáng chần chừ tai hại thường thấy của Cameron bỗng xuất hiện vào đúng cái lúc không cần thiết nhất.

“Nếu họ đi về phía Tây bằng tàu hỏa, có lẽ tôi vẫn có thể bắt kịp,” anh lấp bắp. “Nhưng nếu họ đi về phía Đông, bằng đường thủy... thì tôi bó tay.”

Bỗng ông sếp lao về phía trước, đến nơi chiếc áo choàng của ông đang treo trên mắc áo. Có lẽ ông ta muốn kiểm một cái khăn tay để chấm mồ hôi trên lông mày. Tuy nhiên, bao đựng súng của ông ta cũng đang treo cạnh đó.

“Thế nên hãy giúp tôi,” ông ta ngâm nga bằng một giọng gấp gáp, giả tạo. “Tôi sắp phải ra hầu tòa vì tội bắn chết một trong các thuộc cấp của mình, trong chính văn phòng của mình!”

Cameron lao vọt ra ngoài, không chần chừ thêm dù chỉ một giây.

Giờ họ đã ở trên tàu hỏa. Tự nhốt mình trong một căn phòng trên tàu. Bóng tối luôn bao trùm không còn tĩnh lặng, cân bằng, như cô đã từng quen thuộc nữa; bóng tối ngâm nga như một ngọn gió thấp nhưng không ngừng thổi; bóng tối rền rĩ một lúc, rồi sẽ xuất hiện một sự dịch chuyển trạng thái cân bằng chậm rãi, quanh co. Vòng sang phải. Rồi lại vòng sang trái. Tiếng rền rĩ rồi sẽ chìm xuống, con tàu sẽ tiếp tục chạy trên đường ray thẳng tắp. Có tiếng nhạc cụ nào đó đều đều, liên tục đệm theo, giống như tiếng xúc xắc kêu lách cách trong hộp đựng. Nhưng nó vang lên rất đều, không đổi phách. Có lúc mọi thứ rơi vào thinh lặng, cô những muốn dỏng tai lên nghe; chắc là họ đang đi qua đường hầm. Lúc ấy rất nhiều âm thanh đồng loạt im tiếng, để rồi lại vang lên khi tàu ra khỏi đường hầm.

(Dành riêng cho ta, cô buồn bã nghĩ, nhưng chẳng than phiền gì, cả cuộc sống chẳng khác gì đường hầm; một con đường hầm heo hút, kéo dài bất tận, chẳng có điểm cuối cùng.)

Cảm giác tàu lao đi vẫn còn đó, dù rằng cô không thể nói được rằng nó đang đi tiến hay đi lùi, vì mắt cô không nhìn thấy. Có đôi khi cô trở nên lộn lộn và nghĩ rằng họ đang chạy lùi, thay vì tiến lên phía trước. Nhưng cô biết, xét từ cách cô ngồi trên tàu, cùng chiều với đường ray, quay mặt cùng hướng với con tàu, rằng cảm giác ấy chỉ là ảo ảnh, là trò đùa của các giác quan. Mọi thứ có hơi đáng sợ, khiến cô có cảm giác “như kiến bò” nhẹ nhàng ở chân.

Cô ngồi đó, tựa đầu vào vai ông.

“Tả cảnh cho em nghe đi,” cô thì thầm.

Cô cảm thấy ông vòng tay ôm lấy mình, bóng tối tan đi một chút rồi lại buông xuống thật nhanh ở chỗ khác.

“Một bình nguyên xanh,” ông nói. “Nhấp nhô lượn sóng. Nó rung rinh một chút khi chúng ta đi qua. Sắc màu cơ bản là xanh, nhưng đậm nhạt khác nhau. Vài chỗ xanh đậm, vài chỗ như phía đằng kia, nơi có những bình nguyên tắm dưới ánh mặt trời thì nhạt màu hơn, như những trái táo.”

“Em biết, em biết. Em hình dung được mà.”

“Lúc này có một con bò đang đứng cạnh hàng rào. Nó đang nghệt ra nhìn đoàn tàu với nét mặt ngu ngơ, khó hiểu; đầu nó nghếch lên quên cả việc gặm cỏ. Da nó màu nâu đỏ, với mấy vệt trắng ở trên trán.”

“Con bò tội nghiệp. Con bò dễ thương. Con bò may mắn.”

“Một con lạch nhỏ vừa vọt qua. Nó trôi qua nhanh lắm. Anh dám cá nó chưa từng trôi nhanh đến thế trong đời. Vù một cái... nó biến mất rồi. Trông nó không giống nước lắm, mà như một cái đĩa bạc, phản chiếu sắc mây trên trời.”

“Em nhớ rồi,” cô nói. “Những con lạch nhỏ thường như thế. Chúng chẳng thay đổi gì cả, đúng không anh?”

“Chúng chẳng thay đổi gì cả. Một ngôi nhà nhỏ màu trắng vừa vọt qua.”

“Em tự hỏi ai sống trong căn nhà ấy? Em cá rằng họ chẳng sợ chết đâu, như chúng ta.”

“Giờ là những cái cây. Chúng có màu xanh rất đậm, ánh mặt trời chiếu xuyên qua bóng râm của chúng. Tán của chúng thậm chí còn che lấp cả cửa sổ tàu, tạo thành những cảnh tối sáng, sáng tối...”

Cô vươn tay ra, những đầu ngón tay chạm vào lớp kính. “Có phải em đang chạm vào bóng râm của chúng không?”

“Đúng rồi. Sáng, bây giờ thì tối, lại sáng rồi.”

“Em không biết. Nhưng đúng là cảnh đẹp. Như thế em đang ở ngoài kia chơi với chúng.”

Bỗng có tiếng gõ cửa, tất cả mọi sắc màu đều bị quét sạch trong cơn lốc đen ngòm mang tên sợ hãi.

Bóng tối phủ xuống thật nhanh. Ông đứng dậy, bỏ cô lại một mình. Cô có thể đoán rằng ông đang đứng bên cánh cửa, nhưng không có tiếng mở khóa. Cô biết ông đã rút súng ra, cho dù sợi len trên quần áo ông không tạo ra một tí âm thanh nào.

“Ai đấy?”

“Phục vụ toa, thưa ngài. Tôi mang theo khay thức ăn ngài đã gọi.”

“Nói câu khác đi.”

“Ngài muốn tôi nói gì thưa ngài?”

“Nói ‘mulligatawny’.”

“Mulli-gaw-tanny.” Giọng nói vọng vào qua cửa.

Cô gật đầu với ông; cho dù cô không thể trông thấy, cô chắc chắn ông đã gật đầu đáp lại cô.

“Gõ cái gì đó vào khay, cho nó phát ra tiếng đi.”

Vọng vào là âm thanh va chạm yếu ớt giữa đồ sứ với đồ sành.

“Đặt khay xuống sàn, ngay cạnh cửa.”

Ngưng lặng một lúc. “Đặt xuống rồi, thưa ngài. Ngay gần trên sàn.”

“Giờ đi đến cánh cửa phía cuối lối đi, bước ra ngoài, cho tôi nghe thấy tiếng đóng cửa thật mạnh sau lưng cậu.”

“Tiền thừa của ngài, thừa ngài. Ngài được trả lại mười lăm đô la từ hai mươi đô la ngài đưa cho tôi qua khe cửa lúc này.”

“Cứ việc giữ lấy. Tôi muốn nghe thấy tiếng đóng cửa thật to và mạnh.”

Tiếng đóng sầm cửa vọng đến cả nơi họ đứng.

Khi đó, và chỉ khi đó, ông mới mở khóa cửa phòng.

Cô thức dậy với những âm thanh lạ lùng của một thành phố xa lạ trong tai. Cô mở mắt; xung quanh vẫn là bóng tối, nhưng đôi mắt cô vẫn bật mở. Mở mắt là bản năng.

Những tiếng ồn, những âm thanh của thành phố, cho cô biết nhiều điều hơn những người khác. Đối với họ, tiếng xe cộ ở đâu mà chẳng như nhau. Nhưng đối với cô...

Tiếng xe cộ vang lên sắc nét, giòn tan, cho cô biết rằng không khí rất lạnh. Tiếng xe cộ rít lên đỉnh tai cho cô biết đây là nơi có địa hình đồi núi, các phương tiện giao thông phải leo dốc và phải dùng phanh khi xuống dốc. Thi thoảng những chiếc xe điện lại rít lên ken két khi rẽ ngoặt. Bầu không khí có ý vị, sự náo nức, sự sống động nhất định. Nó thôi thúc bạn muốn làm nhiều thứ; muốn hoàn thành nhiều thứ. Cô không tưởng tượng được họ rồi sẽ lang thang khắp các con phố như những kẻ vô công rồi nghề; cô không tưởng tượng được họ là những kẻ chán nản hay tuyệt vọng. Cô chỉ biết đó là vẻ đẹp của một thành phố.

San Francisco, người ta gọi nó như thế.

Vậy là cô đã được thấy San Francisco, cũng như bao nhiêu người khác, và hơn một số người. Mát mẻ, nhiều đồi núi, trong lành và sôi động.

Cô đã được thấy San Francisco, nhưng cô không thể biết chắc cô có đang ở một mình trong phòng ngủ khách sạn này không.

“Allen,” cô dịu dàng nói. “Allen, anh có đang ở đây với em không?”

Không nghe thấy tiếng thở nào, ngoài tiếng thở của chính cô.

Việc chỉ có một mình trong phòng ngủ ở một thành phố xa lạ khiến cô hoảng sợ đôi chút. Nhưng cô nhanh chóng ép mình phải bình tĩnh, không hoảng loạn gào khóc tên ông, như bản năng đầu tiên thôi thúc cô làm thế.

Rồi anh ấy sẽ sớm quay về. Anh ấy chẳng đi xa đâu, không lâu đâu. Anh ấy sẽ không làm thế với mình. Mình tin ở anh ấy.

Cô tìm thấy chiếc áo choàng rộng bằng lụa dưới chân giường bèn mặc nó vào và xuống giường. Cô đưa một chân xuống sàn, thành một vòng tròn, như thể đang luyện một bước nhảy khi đang ngồi, và xỏ vào đôi dép đi trong nhà.

Cô đứng dậy và thận trọng di chuyển quanh phòng. Cô thấy một cánh cửa liền mở ra. Những âm thanh ồm ồm từ phía xa vẳng đến tai cô. Đó là cửa ngoài. Cô nhanh chóng đóng nó lại. Cô thấy một cánh cửa khác liền mở ra. Một sợi dây xích dính cườm cù cù vào mũi cô, ống tay áo buông thõng của một chiếc áo khoác lười nhác chạm vào tay cô. Đó là phòng chứa đồ. Cuối cùng cô tìm thấy cánh cửa thứ ba, các ngón tay cô cảm thấy mát lạnh và trơn trượt. Bên trong có gắn một tấm gương.

Cô định sẽ tắm một chút. Nhưng tốt hơn là cô không nên làm thế. Các trang thiết bị trong buồng tắm đều mới mẻ với cô, và cô có thể khiến mình bị bỏng nặng. Nếu là ở nhà thì cô sẽ biết đâu là chiều nóng đâu là chiều lạnh.

Lúc nào nguy hiểm cũng vây quanh cô, nhưng suy nghĩ ấy chẳng bao giờ xuất hiện trong đầu cô. Cô không bao giờ có thiên hướng thương hại bản thân. Không cần biết bạn bị cướp đi bao nhiêu thứ, những gì bạn có vẫn nhiều hơn.

Cô quay về căn phòng chính, tự mặc quần áo.

Một chiếc chìa khóa xoay trong ổ, cánh cửa ra vào bật mở.

“Dậy rồi à em yêu?” Ông nói.

Nhưng có ai đó đi cùng ông. Âm thanh sột soạt cho cô biết điều đó.

Cô vẫn đứng im, ngoảnh nhìn ra chỗ khác. Ông đã cảnh báo cô rằng nếu có thể, đừng bao giờ cho người khác biết mình bị mù. Nếu có người biết cô

vô dụng đến vậy, nguy hiểm đối với cô sẽ tăng lên; đến nỗi cô cho rằng đó là điều ông sợ hãi. Và chỉ khi cô nhìn thẳng vào người khác, họ mới đoán được, còn nếu không thì họ không thể.

“Đặt nó ở đây đi,” ông nói.

Rồi ông lại nói, “Mà thôi, để tôi tự làm.”

Đồng xu kêu leng keng. Cánh cửa đóng lại. Chỉ còn mình họ trong phòng.

“Được rồi, Marty,” ông nói. “Anh ta đi rồi.”

Cô bước đến bên ông, biết thừa ông đang đứng ở đâu, và đáp lại nụ hôn của ông bằng nụ hôn của mình, ông ôm lấy cô trong vòng tay mình một lúc.

“Anh có mang ít cà phê cho em,” ông nói. “Ở đây có cái bàn nhỏ anh ta vừa dọn ra.”

Họ ngồi xuống bên nhau.

“Cẩn thận, em yêu, ông nói. “Mấy viên đường có vỏ bọc ngoài.”

“Em biết,” cô đáp đầy bao dung, “em làm được mà.”

“Trông em mới đẹp. Mới đáng yêu, tươi tắn và ngọt ngào làm sao.”

“Tóc em có ổn không? Có mấy chỗ em không sờ tay vào được, thế nên em toàn phải đoán.”

“Tuyệt vời.”

Cô nghe thấy tiếng quẹt diêm, ngửi thấy mùi khói thuốc của ông. “Anh đã mua vé cho chúng ta,” ông hạ giọng, “đi tàu biển. Anh không nghĩ chúng ta nên ở lại mãi, ngay cả ở đây. Liệu em có sợ... phải rời bỏ quê hương cùng anh sang bên kia đại dương không?”

“Không,” cô đáp, gần như không nghe thấy. “Giờ anh chính là quê hương của em.”

Ông tiếp tục hạ thấp giọng. “Tàu khởi hành ngày mai, vào buổi trưa. Nhưng anh đã thu xếp cho chúng ta lên tàu vào tối nay, khoảng chín hay mười giờ. Chúng ta có thể để phòng khóa cửa suốt đêm. Bằng cách đó sẽ chẳng ai nhìn thấy chúng ta lên tàu vào ban ngày. Chúng ta sẽ ở yên trong

khách sạn này cho đến sau khi trời tối. Visa của chúng ta được gửi qua đường bưu phẩm hàng không, và anh vừa nhận được chúng rồi. Lát nữa một bác sĩ sẽ lên đây tiêm cho em mấy mũi phòng bệnh tả. Anh sẽ nắm tay em. Em sẽ không sợ hãi, đúng không?”

“Anh sẽ nắm tay em,” cô hứa với ông, “và em sẽ không sợ nữa.” Như thế cô mới chính là người trấn an ông, thay vì ngược lại.

Cô hỏi ông, “Có phải đêm qua em ở một mình trong phòng không? Điều cuối cùng em nhớ là anh đang ngồi trên ghế. Và em ngủ thiếp đi.”

Cô nghe thấy nụ cười dịu dàng trong giọng nói của ông; phải, nghe thấy, đúng là từ đó. “Thế em nghĩ anh dám bỏ mặc em một mình trong phòng, ở một thành phố xa lạ, sau khi đã mang em tới đây sao? Không, anh ngủ ngay ở đây với em. Chiếc sofa mở rộng ra sẽ thành cái giường ngủ. Nhưng rất khó để không gây tiếng động; mấy cái lò xo kêu rõ kinh. Ngủ dậy anh cũng tự mình dọn dẹp, mang thêm gối vào giường mà không đánh thức em. Chúng ta sống như vợ chồng mà, em biết đấy.”

Cô suy nghĩ một lúc, khẽ mỉm cười. “Trong giờ phút sinh tử thế này mà anh vẫn để tâm tới chuyện cư xử đúng mực ư?”

“Thái độ đúng mực luôn khắc trong tâm,” ông nói. “Hai con người có thể cách xa nhau cả ngàn dặm, nhưng vẫn chẳng giữ được mình. Thế mà hai con người ở chung một phòng ngủ, như chúng ta đêm qua, lại vẫn trong sạch.”

Ông nắm lấy bàn tay cô. “Martine này,” ông nói, “ngày nào đó anh muốn cưới em khi chuyện này kết thúc và chúng ta lại an toàn. Lần này em sẽ cho phép anh chứ, em sẽ muốn có anh chứ? Chúng ta đã bỏ phí mất bao nhiêu năm tháng qua. Louise hẳn sẽ rất vui sướng.

“Vâng,” cô dịu dàng đáp. “Lần này em muốn anh cưới em. Giờ em sẵn sàng rồi.” Và cô nói thêm. “Nếu em còn sống.”

“Em sẽ sống,” ông nói giọng khàn khàn. “Ôi, anh xin thề rằng em sẽ sống. Dầu anh có phải đưa em đi đến tận cùng trái đất. Dầu anh có phải liên tục cùng em chạy trốn đến huyệt hơi.”

Khoảng ba giờ chiều, chuông điện thoại reo vang. Trong một khoảnh khắc lòng cô ngập tràn nỗi sợ hãi, và cô biết cả ông cũng vậy, căn cứ vào cách ông chần chừ, không nhắc máy ngay lập tức.

Thế rồi, khi trả lời điện thoại, cô biết rằng ông vẫn còn sợ, qua giọng nói trầm trầm, cảnh giác của ông.

“A lô?” Ông nói và lắng nghe. Rồi ông thở ra một hơi nhẹ nhõm. “Vâng, tất nhiên rồi,” ông nói rồi gác máy.

“Bác sĩ đang trên đường lên đây,” ông nói với cô.

“Em quên bég mắt ông ta!” Cô thốt lên.

“Anh cũng thế,” ông thừa nhận.

Chỉ còn ba hay bốn phút chờ đợi nữa. Cả hai đang cực kỳ căng thẳng.

“Dường như ông ta phải mất khá lâu mới lên được đây,” ông nhận xét.

“Có khi ông ta phải đợi thang máy.”

Cô nghe thấy tiếng ông bước ra cửa, mở nó ra và biết chắc ông đang trông ngóng nhìn ra ngoài. Ông đóng cửa lại, quay vào phòng.

Những đồng xu reo vang, như thể ông đang thọc một tay vào túi, sốt ruột lắc các đồng xu.

“Anh sẽ tìm hiểu xem đã xảy ra chứ...” ông nói với giọng bất lực và lao đến bên chiếc điện thoại. Cô nghe tiếng ông nhắc máy.

Đúng lúc đó, tiếng gõ cửa muện màng vang lên.

Cô bước nhanh vài bước, sờ thấy một cái ghế, liền ngồi xuống; tay cô siết chặt lấy nó như thể đang cực kỳ căng thẳng, giữ chắc *mắt dưới* cái ghế ở cả hai bên.

“Ông ta có biết không? Anh có nói với ông ta không?” Cô thì thầm.

“Anh phải nói. Bằng không ông ta sẽ bắt em phải đến chỗ ông ta, thay vì ông ta đến đây.”

Cánh cửa bật mở.

“Tôi đã lên nhầm tầng...” một giọng vang vang cất lên.

Cô nghe thấy Ward nín thở.

“Ô... cậu là người khác.”

“Tôi đến thay thế cho bác sĩ Conroy. Ông ấy mới nhận ra là mình không thể đến được. Ngài biết vì sao mà, ông ấy còn cả đống chuyện cần giải quyết.”

Ward không trả lời.

Tuy nhiên, cậu bác sĩ thực tập chắc đã thấy nét hoang mang trên gương mặt ông. Khi lên tiếng lần nữa, giọng cậu ta cứng nhắc, “Tôi cũng có kinh nghiệm đi tiêm mấy ca thế này như ông ấy. Thực ra chẳng có gì đâu. Đây là chuyên môn của tôi mà.” Tiếp theo là những lời quở trách nhẹ. “Ngài biết đấy, theo quy tắc chúng tôi không làm thế này. Ngài phải đến chỗ chúng tôi tiêm như những người khác. Chúng tôi đã ngoại lệ cho trường hợp của ngài rồi, do hoàn cảnh cả thôi.”

“Tôi biết ơn vì điều đó,” Ward trả lời ngây thơ quá (cô nghĩ). “Mời bác sĩ vào.”

Cánh cửa đóng lại. Sức nặng của túi da ép xuống chiếc ghế, làm nó kêu cọt két.

“Là quý cô này à?”

Bàn tay cô dưới ghế như càng siết chặt hơn.

“Vâng, thưa bác sĩ, đây là vợ tôi.”

“Chào anh,” cô nói, nhìn thẳng về phía giọng nói vừa cất lên. Cô hẳn đã khiến cậu ta lúng túng. Cậu ta phải tiến đến gần hơn, hoa tay trước mặt cô, kiểm tra xem cô có bị mù thật hay không.

Cô nghe tiếng Ward khẽ nói, “Cậu không tin tôi sao, bác sĩ?”

“Xin lỗi ngài,” tay bác sĩ đáp tỏ vẻ ăn năn. Như thế cậu ta làm gì sai. Tiếng chốt khóa mở lách cách. Cậu ta trở lại phong cách chuyên nghiệp cứng nhắc. “Ở đây có nước nóng không? Tôi muốn rửa tay trước.”

Cậu ta rời khỏi phòng. Ward tiến đến gần hơn, choàng tay qua vai cô, kéo đầu cô lại gần một lúc, như thể muốn truyền can đảm cho cô.

“Không sao mà,” cô thì thầm. “Em không sợ. Không hề sợ.”

Tiếng bước chân của tay bác sĩ quay lại. Ward bước xa khỏi cô. “Bác sĩ, tôi muốn được tiêm trước.” Chắc ông phải xắn tay áo lên.

“Tôi hiểu,” tay bác sĩ nói. “Nhưng ngài không nghĩ là sẽ tử tế hơn khi không bắt bà nhà phải chờ sao?” Cô không thể biết được liệu cậu ta có ra hiệu gì cho ông, ngụ ý rằng cậu ta sẽ tiêm thật nhanh, không để cô phải chờ trong sợ hãi hay không. Hay liệu Ward có gạt đầu đồng tình hay không.

“Đưa tay cho anh nào, em yêu,” Ward dịu dàng nói. Lúc này cô đã thả lỏng cánh tay, nhưng khi ông siết nhẹ cánh tay cô, cô lại cảm thấy căng thẳng. Hai ống tay áo của cô gần như không tồn tại. Chất liệu cotton ẩm ướt, mát lạnh chạm nhẹ vào da. Cô chỉ có đủ thời gian để tự hứa với mình, “Mình sẽ không để lộ bất kỳ điều gì.” Rồi cơn đau nhói bất ngờ truyền đến. Không đau nhiều lắm, dường như chính sức mạnh của cú đâm mới là thứ khó chịu hơn. Như thể cậu ta đã mạnh tay quá mức cần thiết, cho dù có lẽ không phải vậy, mà là bản thân việc này phải làm như thế.

Rồi cơn đau thứ hai, đi theo chiều ngược lại. Tiếp tục là sự va chạm dễ chịu với lớp vải cotton, lần này còn vương mãi. “Giữ nguyên thế này mấy giây nhé.”

“Em có để lộ cái gì không?” Cô thì thầm đầy khoe khoang với Ward, khi ông cúi người xuống lo lắng, hôn lên trán cô một lúc.

Tiếp theo đến lượt Ward. Cô nghe thấy ông bất ngờ thét lên vì đau như trẻ con. Cô tự hỏi phải chăng ông cố tình làm thế, để cô nghe thấy, như một lời khen ngợi tinh tế sự can đảm của cô. Hoặc giả, nhiều người đàn ông có khả năng chịu đựng đau đớn về thể chất đáng nể, nhưng lại rất sợ đau. Dù có là gì, cô cũng yêu điều đó ở ông.

“Ngài còn yếu hơn cả cô ấy kìa,” tay bác sĩ cười khúc khích. Cô khẽ cười. Ward có thể vừa nháy mắt với cậu ta. Có lẽ đó là kết quả ông muốn đạt được. “Giờ tôi chỉ cần ký cái này thôi, của ngài hết đây. Ngài sẽ phải trình cái này ra trước khi lên tàu.”

Cánh cửa đóng lại, tay bác sĩ đã ra về.

Nỗi sợ hãi cả hai cảm thấy vẫn nấn ná một cách lạ lùng; nó chẳng hề tan đi ngay cả khi tay bác sĩ đã ra về được mười phút.

Ông đang ngồi trên tay ghế của cô, vòng tay quanh người cô. “Em thấy thế nào?” Ông hỏi. “Giờ em còn cảm thấy gì không?”

Cô không trả lời câu hỏi. Như thể cô không nghe thấy.

Ông cầm lấy tay cô. Ngay khi chạm vào, ông chột thét lên sợ hãi. “Chuyện gì thế này? Martine! Tay em lạnh như băng thế này.” Ông đứng bật dậy khỏi tay ghế, nhưng không buông tay cô ra. Thế rồi ông cứ đứng bất động, như thể cũng ý nghĩ ấy đánh gục ông, không cần biết nó từ người cô truyền sang hay tự nó sinh ra.

“Em có đang nghĩ giống anh không?”

“Em e là thế,” cô nhăn nhó, cố gắng kiểm soát những cơn rùng mình căng thẳng chạy khắp người. “Răng hăn... Răng có thể hăn đã...”

“Anh cũng thế,” ông khổ sở thừa nhận. “Giờ thì tất cả đã quá muộn.”

Và giờ họ đã lên tàu, đang băng qua vùng biển sâu, băng qua một đại dương giữa hai thế giới. Bóng tối vĩnh hằng vẫn bao phủ xung quanh cô, nhưng kèm theo đó là cảm giác về sự mênh mông, trống trải và xa xôi. Không khí toát lên mùi muối và i-ốt. Có tiếng xùy xùy nào đó rất to nhưng êm tai không ngừng vang lên ngoài cửa sổ, như thể nước phụt ra từ vòi phun nước trong vườn. Từ hướng ngược lại, phía trước cửa ra vào, đôi khi vì cẩn thận nên cửa không khóa và được mở ra một lúc, phả vào cái mùi mẫn mẫn của thảm trải sàn hành lang bằng cao su. Và có lúc, tuy không thường xuyên, cô nghe thấy đồ nội thất bằng gỗ phát ra tiếng kêu ken két. Trên hết là chuyển động chậm rãi, lắc từ bên này sang bên kia. Rất êm ái, thanh thoi, không hề đột ngột. Bạn sẽ sớm quen dần với nó, và quên mất rằng mọi thứ còn diễn ra theo cách khác: cực kỳ cứng nhắc, kiên định và tĩnh tại. Cho đến giờ thì vẫn thấy dễ chịu. Bạn để mặc cơ thể chuyển động,

nhẹ nhàng tiến lên, rồi nhẹ nhàng lùi lại; như thể đang ngồi trên một chiếc xích đu rất nhẹ nhàng, êm ái như ru ngủ.

Và luôn có Allen, luôn ở bên cô, gần như không phải biết rằng có một người phụ nữ đang ở trong phòng này cùng ông, có quá đủ bằng chứng thầm lặng về điều đó mỗi ngày. Tuy nhiên, cô ta chẳng bao giờ bận tâm đến điều đó. Cô ta không thể mô tả cô. Trên hết, cô ta không thể ngờ rằng bóng ma được nhắc tới ấy bị mù lòa. Không một ai trên con tàu này biết. Ông đưa cô lên tàu giữa đêm hôm khuya khoắt; và từ đó trở đi chẳng có ai trông thấy cô, ngoài ông.

Thậm chí cô còn không thể thuyết phục ông rời khỏi phòng một mình; đi lên boong thư giãn, hít thở không khí trong lành. Ông không chịu rời khỏi cô một tích tắc nào hết. “Không,” ông ngoan cố nói, “cho đến sau khi... cái ngày ấy qua đi.”

Cô biết ông nói cái ngày ấy nghĩa là gì. Cô không cần phải hỏi thêm.

Ông có mang theo chiếc đài nhỏ chạy pin, mua tại San Francisco ngay trước khi đi; ông đã khôn ngoan ngụy trang cái đài thành một món hành lý. Một phương tiện giúp họ giết thời gian.

Thời tiết đang dần trở nên ấm hơn, và họ đã tới Honolulu. Cô thức dậy, con tàu đang đứng bất động. Cô nhớ những cái đập dềnh dể chịu ấy. Cô nghe thấy nhiều tiếng giậm chân ở ngoài hành lang, khi hành lý và hành khách được đưa lên tàu. Sau khoảng mười lăm phút hoặc hơn mọi thứ dần ổn định trở lại. Con tàu của họ vẫn đứng yên, hòa cùng sự tĩnh lặng đến lạ lùng của những con tàu khác tại bến cảng. Giống như... cái chết. Hoặc như đang đợi chờ điều gì đó xảy đến.

Cả hai đều căng thẳng và bị kích thích hơn cả khi lênh dên trên biển. Nguy hiểm đã đẩy con tàu tới đây. Nguy hiểm là chiếc cầu tàu đang nhô ra khỏi bờ biển để đón tàu. Nguy hiểm là cây cầu có thể băng qua để lên tàu.

Cuối cùng nguy hiểm ảnh hưởng đến ông. “Anh khó chịu lắm,” ông thừa nhận. “Anh sẽ lên đó một chút và để ý xung quanh. Anh không chịu được

tình cảnh này. Anh sẽ không đi xa đâu, sẽ quay lại ngay thôi.” Lần này ông để lại khẩu súng cho cô, thay vì mang theo người.

Ông khóa cửa lại sau lưng, mang chìa khóa theo.

Cũng nhân lúc này ông làm một vòng tham quan tàu.

Chỉ một lúc sau cô đã nghe thấy tiếng chìa khóa gấp gáp tra vào ổ. Ông đã quay về.

Cô có thể đoán được rằng ông đang hết hoảng.

“Chuyện gì thế?”

“Các sĩ quan cảnh sát Hawaii,” ông thì thầm. “Họ đã lên tàu và đang vào từng cabin một để tìm em. Cameron chắc đã đánh điện tín cảnh báo từ đất liền.”

“Chúng ta phải làm gì bây giờ? Giờ chúng ta bị mắc kẹt ở đây rồi. Em trốn đi đâu được đây?”

“Em không thể trốn được. Chẳng ích gì đâu. Tên cả hai chúng ta đều nằm trong danh sách khách đi tàu, điều đó phải được tính đến.” Ông vô thức rà ngón tay lên tóc, liếc mắt về phía cánh cửa. “Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa. Họ đã đến đầu kia hành lang rồi, đang đi xuống phía này. Nhân viên phục vụ có thể sẽ tiết lộ hết. May là anh vừa đụng cậu ta ở ngoài kia nên đã hối lộ cậu ta, vì dù sao cậu ta cũng là một gã nói nhiều.”

“Vậy thì khi họ trông thấy em...”

“Không,” ông nói. “Họ không thể mô tả chính xác về em được. Cameron chắc chắn đã tính đến việc chúng ta có thể nguy trang. Họ không biết em trông ra sao đâu. Tay phục vụ cho anh biết rằng cậu ta nghe lỏm được họ thừa nhận như thế với các sĩ quan. Họ chỉ đang dựa vào một manh mối chính; chắc anh ta nghĩ rằng như thế đã là đủ, rằng chúng ta không có cách nào giải quyết rắc rối này. Họ đang tìm một người đàn ông và một phụ nữ khiếm thị đi cùng nhau. Họ còn không biết chắc chúng ta lên tàu nào, có thể là bất kỳ con tàu nào đang đỗ ở đây ngay lúc này. Họ đang lục soát từng con tàu tiến vào đây trong hai mươi tư giờ qua. Thế nên chúng ta vẫn còn cơ hội.”

Ông đâm vào lòng bàn tay bên kia như một vận động viên bóng chày đau khổ.

“Họ phải nhìn thấy em, nhưng họ *không* được phép biết rằng em bị mù.”

Cô đứng dậy, quyết tâm đến bất ngờ. “Họ sẽ không biết được đâu!”

“Em làm được không?” Ông nghi ngờ hỏi.

“Vì anh,” cô đáp, “em có thể làm bất kỳ điều gì. Chỉ cần được ở bên anh... Để ngăn họ đừng cướp em khỏi tay anh. Nhanh lên! Anh phải giúp em. Anh có thấy mặt tất cả bọn họ không? Có nhiều thứ em phải biết.”

“Cậu nhân viên phục vụ đã chỉ mặt họ cho anh đúng lúc họ bước vào hai căn phòng, anh đã có cơ hội liếc qua rồi.”

“Vậy thì có vài thứ anh phải nói cho em biết. Và phải chắc chắn vì anh sẽ không đủ thời gian kiểm tra lại và cho em biết đâu. Đầu tiên, có bao nhiêu người?”

“Họ có hai người, kèm theo hai cảnh sát, nhưng hai người này sẽ không bước vào phòng.”

“Còn hai người bước vào?”

“Một trong số họ là người Hawaii, da sạm nắng, lùn, người to bè. Người còn lại là người Mỹ gốc Anglo-Saxon, cao, tóc vàng nhạt. Anh có để ý rằng da anh ta hơi tróc ra vì nắng.”

Cô hối hả lao đến gần ông, hai tay nắm chặt lại. “Giọng nói của họ, nhanh lên... để em có thể định vị họ.”

“Người Anglo-Saxon có giọng trầm. Gần như thế này...” Ông hạ giọng xuống. “Người kia giọng cao hơn đáng kể, hết như tiếng sáo ấy.”

“Quần áo của họ nữa, nhanh lên!”

“Tay sĩ quan bản xứ mặc toàn đồ trắng. Sạch bong. Người kia mặc áo xám, khá nhăn nhúm. Anh ta dường như đổ mồ hôi rất nhiều, không quen với cái nóng.”

“Anh ta lấy khăn tay ra lau mặt à?”

“Phía sau gáy.”

“Vậy thì anh phải hăng giọng khi thấy anh ta làm như thế ở đây. Chỉ lần đầu tiên thôi, không có lần sau nhé. Giờ thì cà vạt.”

“Người Hawaii đeo cà vạt màu xanh lá lờ lợc. Người kia anh không để ý.”

“Vậy thì chắc là màu trầm. Họ có hút thuốc không? Thuốc gì?”

“Người lùn thì không. Tay người Mỹ đổ hết tàn thuốc trong tẩu ra trước khi bước vào căn phòng khác, anh thấy anh ta nhét nó vào túi áo ngực đi lên đây.”

“Cán tẩu thò ra ngoài phải không?”

“Cán tẩu thò ra ngoài.”

Có tiếng xì xầm khó phân biệt ngay ngoài cửa, như thể vài người đang tụ tập ở chỗ này.

“Em có thể làm gì trong tình huống này không?”

“Em sẽ làm,” cô hứa. “Em phải làm. Giúp em; lấy hết đồng mỹ phẩm trong cái túi du lịch mà em chưa từng dùng ra đây, đặt chúng lên bàn trang điểm này.”

“Em định làm gì?”

“Trang điểm. Như thế em sẽ ngồi mãi một chỗ, đôi mắt em tập trung nhìn vào một điểm, là cái gương.” Cô ngồi xuống.

Ngoài cửa đã vang lên tiếng gõ.

“Em có vượt qua được chuyện này không?” Ông nín thở. “Giả sử em cầm sai một món đồ trang điểm nào đấy, hoặc em tô quá đậm một chỗ chẳng hạn?”

“Các ngón tay của em đã thuộc hết các chai lọ và cọ chì rồi. Đàn ông không thấu hiểu được những điều tinh tế của nó đâu. Phụ nữ thì có thể nắm bắt được, nhưng đàn ông thì không.”

Tiếng gõ cửa thứ hai vang lên, khẩn thiết hơn.

“Đừng sợ hãi, tình yêu của em,” cô thì thầm. “Cứ làm việc của anh thôi, em sẽ không làm anh thất vọng đâu. Cứ quên em đi; em là Louise, hoặc bất

kỳ ai khác.” Cô đang truyền cho ông lòng can đảm! Cô bất ngờ cao giọng lên, thành cái giọng the thé mà ông chưa từng nghe. “Joe!” Cô rên rỉ, như thể đang gọi ông từ phòng tắm liền kề. “Ai đang gõ cửa kìa! Ra xem hộ cái được không?”

Cánh cửa bật mở. Cô hít một hơi thật sâu, ngược mắt lên nhìn vào bóng tối không thể xuyên qua, và thận trọng bắt đầu thoa đầu ngón tay xinh xắn của mình lên môi trên, rồi bặm môi lại, liếm bằng lưỡi, rồi lại thoa lần nữa.

Một giọng nam cao vang lên, “Ngài Breuer?”

Allen đáp, “Vâng?”

“Xin lỗi đã quấy rầy ngài. Chúng tôi là cảnh sát Honolulu. Chỉ là kiểm tra hành khách thôi.”

“Xin mời vào,” Allen nói. Một chiếc ghế khê kêu lên rảng rặc. Chiếc ghế thứ hai còn kêu to hơn thế.

Một giọng rất trầm, từ chiếc ghế thứ hai, vang lên, “Hai người là ông bà Joseph Breuer?”

“Vâng.”

“Hai người khởi hành từ San Francisco?”

“Vâng.”

“Điểm đến của hai ông bà là...?”

“Trước tiên là Yokohama. Tiếp theo chúng tôi có thể tới...”

Không khí im lặng đột nhiên bao trùm. Họ đang ngắm cô bằng ánh mắt e dè thường thấy của đàn ông. Cô gắp một miếng mica nhỏ hình trăng lưỡi liềm, mô phỏng gần giống một nửa kính áp tròng, thận trọng gắp vào dưới lông mi một bên mắt, và cẩn thận bôi đen bằng cây cọ chổi nhỏ nhắn.

“Hút thuốc nhé?” Cô nghe thấy Allen mời.

Không để hai người kia có thời gian trả lời. “Đừng bao giờ mời người dùng tẩu hút thuốc, Joe. Anh đang phí hơi đấy.”

Allen thở hốt hển ấn tượng. “Sao em biết người này dùng tẩu?”

“Tận đây em cũng thấy được cái cán tẩu thò ra từ túi áo ngực kìa.”

Có một khoảng lặng, trong khi anh ta chắc đang nhìn xuống túi áo ngực của mình, ngạc nhiên xác nhận.

Bất ngờ cô lên tiếng, như thể nói thông qua tấm gương. “Hai sếp ra ngoài đi tuần thế này cũng chưa lâu đâu nhỉ?”

Giọng trầm đáp, “Thực ra là, đúng vậy. Sao bà biết?”

“Tôi có thể thấy làn da của ngài vẫn còn nhạy cảm với nắng.”

“Bà rất có óc quan sát đấy, thưa bà.”

Allen hăng giọng một chút.

Cô khẽ quay đầu lại, hướng về phía người ngồi trên ghế thứ hai. “Tôi không thấy ngài lau mồ hôi trên cổ,” cô hài hước nói. “Có vẻ ngài chịu nóng giỏi hơn anh bạn đồng nghiệp đây. Tại sao sếp kia không mặc đồ trắng như ngài?”

“Để trông như một bình sữa ư?” Giọng trầm từ phía bên kia cầu vòm vang lên khá rõ.

“Tôi cũng thấy ngài là người bản xứ nhờ chiếc cà vạt lờ lợc ngài đang đeo,” cô nói tiếp. “Khí hậu nắng nóng, cà vạt cũng màu nóng.”

Gần như ngay lập tức, như thể lời nhận xét đã tạo ra một ấn tượng nào đó, cô nghe thấy hai người họ đứng dậy. “Đi thôi,” người này thì thầm với người kia. Người nói là một trong hai người cảm thấy chán nản, khó chịu khi biết rằng họ vừa phí thời gian.

Allen dẫn họ tiến ra cửa. “Hai sếp có đang tìm kiếm người nào đặc biệt không?” Cô nghe thấy ông hỏi khi chuẩn bị đóng cửa sau lưng họ.

“Vâng. Một phụ nữ mù lòa. Chúng tôi được lệnh canh giữ để bảo vệ bà ấy.”

“Joe,” cô ngọt ngào gọi với theo, từ trong phòng ngủ, “nói với quý ông đây biết ngài ấy vừa đánh rơi băng cao su từ cuốn sổ tay kìa.”

Những bước chân lại tiến đến một trong hai chiếc ghế, rồi dừng lại...

“Cảm ơn rất nhiều thưa bà, nó đây rồi, tôi thấy rồi”. Rồi họ rút lui; cánh cửa đóng lại, chìa khóa được tra vào ổ.

Allen lao bổ đến bên cô, một đầu gối quỳ sụp xuống, ngón tay ông nâng cằm cô lên. “Làm sao em biết được?” Ông kinh ngạc. “Làm sao?”

“Em nghe thấy tiếng loạt soạt khi anh ta gỡ và lấy nó ra khỏi cuốn sổ. Em không nghe thấy tiếng loạt soạt ấy lần nữa, thế nên em biết nó không còn nằm trong cuốn sổ nữa. Em cứ đoán bừa và cho rằng hoặc nó đã rơi dưới ghế hoặc rơi xuống sàn mà anh ta không biết. Đó là một canh bạc. Anh ta có thể đã nhét nó vào túi, hoặc quẩn quanh ngón tay. Nhưng canh bạc này em đã thắng.”

Hai bàn tay ông vỗ lên bàn tay cô.

“Màn trình diễn hoàn hảo,” ông nồng nhiệt chúc mừng cô.

Vào cuối ngày, ông lại làm một vòng do thám ngắn. Giờ thì cô an toàn rồi, cô không gặp tai ương gì nữa - ít nhất là an toàn khỏi *họ* - nhưng ông vẫn muốn chắc chắn.

“Họ đi cả rồi,” ông quay về báo lại. “Họ quay vào bờ mười lăm phút trước rồi. Một trong số các tàu chở khách cỡ lớn vừa ghé vào đi qua tàu Diamond Head, và họ nhận được thông báo qua radio rằng có một phụ nữ khiếm thị dắt theo chó dẫn đường vừa lên tàu. Hoặc ít ra là cậu nhân viên phục vụ biết tuốt đã bảo anh như thế. Đến khi cô ta được thăm vấn xong, chúng ta đã lên đèn trên biển rồi. Xa tầm với rồi. Với điểm dừng tiếp theo là Yoka.”

“Mà vui thật,” ông nói thêm. “Họ để lại một trong hai viên cảnh sát. Anh vừa vô tình gặp anh ta xong, trên đường quay về. Anh ta đang đứng làm nhiệm vụ phía đầu kia hành lang. Rất khó nhận ra.”

Họ lại lên đường vào năm giờ chiều hôm đó. Tiếng động cơ rít lên ken két, rộn ràng luôn dễ nghe hơn trong vùng nước lặng, một lần nữa vang lên và chuyển động trượt chậm rãi trở nên rõ rệt hơn, lúc khởi đầu thì đều đặn

như chuyển động của xe lửa rời khỏi nhà ga. Làn gió nhẹ khiến lòng người khoan khoái, tiếng máy móc lạnh canh trên bến nhỏ dần đi.

Ông lại làm một vòng tuần tra nhanh nữa rồi quay về, gần như hòa nhịp với quá trình di chuyển chậm rãi lúc tàu khởi hành.

“Tay cảnh sát còn đứng đó không?” Cô hỏi khi ông quay vào.

“Anh ta vẫn đứng đó khi anh đi ra,” ông nói, “nhưng vừa nãy khi anh đi qua lần thứ hai, trên đường về thì không thấy anh ta nữa. Chắc anh ta đi rồi. Anh mang về cho em một vòng hoa này. Anh muốn em đeo một vòng hoa. Họ tặng vòng hoa cho bất kỳ ai rời khỏi Hawaii và em thì không tự lên đó mà lấy được.”

Tuy nhiên, sự rộn ràng, cảm giác bồng bềnh và náo động khi khởi hành đã qua, không theo ông rời khỏi cabin. Họ đang quá phấn chấn, quá vui sướng nên không để ý tới sự khác biệt, nếu có, trong việc tay cảnh sát rời bỏ vị trí canh gác. Hoặc có lẽ, theo như họ nghĩ, có lẽ anh ta đã nhận được lệnh phải ở lại trên tàu cho đến phút cuối cùng, cho đến khi hoàn thành bốn phận cao nhất của cảnh sát ngoài bến cảng và sau đó đã được đón bằng tàu dẫn đường hoặc phương tiện tương tự.

Điều quan trọng nhất, đáng quan tâm nhất lúc này, đó là cô đã an toàn, cô đã được cứu. Cô đã an toàn khỏi... sự an toàn. Được cứu khỏi tay người cứu.

Đang là nửa đêm, và mặt biển lúc này như được dát bạc. Họ đang ở bên nhau trong cảnh tranh tối tranh sáng, hai mái đầu tựa vào nhau, người này khoác tay lên vai người kia, đợi chờ, căng thẳng, bất động, nín thở và mơ mộng.

Họ đã tắt hết đèn trong phòng. Nhưng những dải sáng bạc tỏa ra từ vầng trăng phản chiếu trên mặt biển đang lướt qua các ô cửa sổ, soi rọi căn phòng, rồi lại trở về với biển.

Hai đốm sáng nhỏ cho thấy nơi họ đứng, hai đốm sáng không ngừng trở đi trở lại, lên rồi xuống khuất tầm nhìn, cho dù chúng chuyển động nhanh hơn các dải sáng trên tường. Một đốm sáng có màu đỏ, đốm sáng còn lại là một chùm các đốm màu xanh nhạt. Mỗi lần di chuyển chúng đều theo sát nhau, đốm này nằm ngay trên đốm kia. Một điều thuốc lá trong đôi tay run rẩy và mặt đồng hồ bằng radium trên cổ tay ông.

Và trong cái tĩnh mịch ấy vang lên những lời thì thầm của *hai đứa trẻ trong rừng**. Hai đứa trẻ đang đứng ngay ở cửa rừng, cố gắng trốn chạy định mệnh.

Hai đứa trẻ trong rừng (Babes in the Wood): Một câu chuyện dân gian của Anh, kể về hai đứa trẻ bị bỏ rơi trong rừng và sau đó bị một gã thợ săn độc ác sát hại.

“Bây giờ là mấy giờ rồi?”

“Mười một giờ năm mươi tám. Suyt, kiên nhẫn nào.”

Những tia sáng đỏ và xanh quay lại.

“Giờ thì... đã đến chưa?”

“Chưa đâu. Mười một giờ năm mươi chín. Một phút nữa thôi. Chỉ một phút nữa thôi. Đừng thở, đừng nói gì cả.”

Như hai đứa trẻ đang cảnh báo nhau, “em sẽ phá hỏng câu thần chú mất.”

Bàn tay cô giơ lên bịt miệng ông lại. Ông cũng đưa tay lên bịt miệng cô.

Trái tim họ vang lên tích tắc, tích tắc sáu mươi lần; không phải đồng hồ của ông, mà là trái tim của họ. Cùng nhau, nhịp nhàng đến hoàn hảo, như hòa làm một.

Ông bỏ tay khỏi miệng cô. Ông giơ lên chiếc vương miện bé bỏng với những con số sáng chói.

“Bây giờ à?” Cô thì thầm.

“Bây giờ!” Ban đầu ông chỉ thì thầm. Rồi ông lên tiếng. Rồi ông hét lên. “Bây giờ! *Bây giờ!* BÂY GIỜ!”

Họ nhảy căng lên trong bóng tối.

“Nửa đêm, mười hai giờ. Ngày mừng một tháng Sáu. Cái ngày ấy qua rồi. Hẳn ta đã bỏ lỡ cái ngày ấy rồi. Marty, Marty, em có hiểu không? Em có hiểu anh nói gì không? Chúng ta an toàn rồi. Nó kết thúc rồi. Chúng ta thắng rồi. Chúng ta đã thắng.”

Ông chạy khắp nơi, chạm vào cái này, chạm vào cái kia. Tất cả những ngọn đèn đều bùng sáng, tất cả những ngọn đèn ở nơi này cùng tạo thành một chùm sáng nóng bỏng, chói mắt.

Họ hôn nhau. Ông kéo ra một thùng đá mạ vàng nhỏ, được giấu kỹ sau chiếc ghế dài cho đến tận lúc này, đợi chờ họ trong trường hợp họ... còn sống. Ông lôi ra một chai sâm banh. Họ hôn nhau. Ông lấy ra hai cái ly. Họ hôn nhau. Ông mở nắp chai. Họ hôn nhau. Cái nắp kêu bốp một tiếng. Rượu chảy nhỏ giọt xuống tay áo khoác của ông. Họ phá lên cười. Họ hôn nhau, rồi lại hôn nhau, lại cười, rồi lại hôn nhau.

Họ nâng cao hai ly rượu lên quá đầu.

“Chúc mừng cuộc sống!”

“Vì cuộc sống! Cuộc sống đáng yêu!”

Họ quẳng hai cái ly xuống sàn, rồi lại rót đầy thêm hai ly nữa. Cô khóc một chút nhưng là vì vui, vì ngây ngất. “Chúng ta đang mở tiệc. Chỉ có em, chỉ có anh. Như bao người còn sống vẫn làm.”

“Chúng ta bây giờ là người sống rồi.”

“Em biết, em biết.” Cô vươn hai tay về phía ông. “Khiêu vũ với em đi. Đã bao nhiêu năm rồi... Bước thể nào cũng được, em không cần biết nó khó đến mức nào, và em sẽ theo anh. Khiêu vũ với em, như người sống hay làm.”

Ông bật cái đài nhỏ mang theo. Một cách yếu ớt, trên làn sóng ngắn, từ một bờ biển xa xôi nào đó, văng đến tiếng nhạc ngập ngừng, ngày càng to hơn và đều đặn hơn. Những giọng hát đang hát đồng ca, một giai điệu chúc mừng. Vũ điệu waltz từ *Traviata**.

La traviata: Một vở opera của nhà soạn nhạc Giuseppe Verdi.

Ông dìu cô xoay tròn, xoay tròn mãi quanh căn phòng trong đôi tay phóng túng cuồng nhiệt, mái tóc cô xoã tung bay trong gió. Thế rồi không ngừng lại, ông chộp lấy chiếc ly mới uống cạn một nửa của cô, trao nó cho cô khi họ vẫn đang xoay tròn. Ở vòng xoay thứ hai, ông cũng chộp lấy ly của mình.

Họ lại nâng ly một lần nữa, tiếng ly rượu chạm nhau lạnh canh giữa điệu waltz.

“Vì cuộc sống! Vì những năm tháng thật dài phía trước!”

“Vì những năm tháng thật dài đang đợi chờ chúng ta!”

Và cuộc sống bắt đầu, thế giới bắt đầu vào ngày hôm sau. Không còn những cánh cửa khóa kín, không còn những mật mã, không còn những khay thức ăn phải tiếp nhận lén lút. Họ ra khỏi phòng mình suốt cả ngày, từ sáng sớm cho đến khi ánh chiều buông xuống trên mặt biển. Giờ đây, khi đã hoàn toàn thanh thản, họ đi dạo khắp nơi, như bao người khác. Gật đầu, mỉm cười tận hưởng ngày dài đang trôi. Khi có bất kỳ ai nói rằng mãi đến bây giờ mới thấy mặt cô thì cô đùa với họ; rằng cô là một thủy thủ đáng thương, cô bị ốm nặng.

Họ lên tận boong cao nhất ngắm cảnh bình minh lộng lẫy đang nhuộm đỏ mặt biển, như thể đổ sạch cả chai tương ớt. Ông ngắm nhìn, rồi tả lại cho cô. Họ cùng ăn sáng trong phòng ăn. Họ mang hai cái ghế lên boong và cùng quanh quẩn cả buổi sáng ngắm mặt trời. Vì nhiều phụ nữ đeo kính râm chống ánh nắng chói gắt, nên người ta không thể phát hiện ra cô.

Họ chỉ quay về phòng khi hoàng hôn buông xuống, để thay đồ đi ăn tối. Họ sẽ ngồi tại bàn của thuyền trưởng, như được sắp xếp trước; bản thân vinh dự này không hề nhỏ. Cô không mang theo một bộ trang phục dự tiệc nào, nhưng trên tàu có cửa hàng thời trang, và buổi chiều hôm ấy ông đã mua cho cô một bộ đầm lộng lẫy cho sự kiện này. Bộ đầm đã được sửa lại

cho vừa vặn, và được giao đến phòng khi họ đi vắng, và giờ nó đang nằm trong hộp trên giường đợi cô.

Cô cứ như một đứa trẻ. Cô cầm chiếc hộp lên và ôm ghì nó vào người. Cô sẽ không mở gói quà trước mặt ông; ông phải thấy nó khi nó đang ở trên người cô, chứ không phải là trước đó.

“Anh ra ngoài đi,” cô nói. “Em không muốn anh nhìn thấy em cho đến khi mặc xong. Em muốn làm anh ngạc nhiên.”

“Anh sẽ đi lên và gọi một ly Martini tại quầy bar,” ông đồng tình. “Như thế được chứ?”

“Khoảng nửa tiếng thôi. Rồi quay về đây với em.”

Ông đặt lên môi cô nụ hôn tình tứ. Cô giấu hai tay sau lưng, như một đứa trẻ, và đợi chờ nghe tiếng ông rời đi.

Cô nghe thấy ông khóa cửa từ bên ngoài và rút chìa khóa ra khỏi ổ. Theo thói quen, có lẽ thế. Chẳng còn cần thiết nữa rồi. Nhưng có thể ông làm thế chỉ vì cẩn thận.

Cô bắt đầu chuẩn bị, mở cái hộp ra. Lớp vải mỏng mịn kêu sột soạt. Cô lấy bộ đầm ra, trải nó lên giường. Ông sẽ mang hoa về tặng cô. Cho dù ông chẳng nói lời nào, cô biết đó là một trong những lý do khiến ông rời đi. Trên tàu của họ có hoa. Hoa dành dành hay hoa phong lan sẽ được ghim lên vai cô.

Cô cởi quần áo ngoài, thay quần bó chèn và giày, chỉnh lại mái tóc. Tiếp theo cô mặc lên người bộ đầm. Một việc đơn giản; người phụ nữ trong cửa hàng đã tập dượt cho cô. Chỉ có hai khóa kéo phía bên sườn, sau đó phải chắc chắn các tầng váy buông thẳng. Cô dùng các ngón tay cảm nhận điều đó. Phần trên của bộ đầm cắt hơi thấp. Chẳng có cái gì để giữ lại ngoài hai dải buộc. Cô cần cái gì đó choàng lên vai và lưng; khi trời tối trên biển sẽ rất lạnh. Và họ có thể sẽ phải lên boong khi đã mệt vì khiêu vũ, ngồi đó lắng nghe tiếng nhạc.

Quá tệ khi cô chẳng có lấy một chiếc khăn choàng hay khăn quàng cổ kim tuyến. À không, đợi đã. Cô biết có một thứ.

Cô lần mò về phía cửa nhà vệ sinh bằng các ngón tay. Chúng sờ thấy bề mặt trơn trượt, lạnh như băng của khung gương. Chúng di chuyển tiếp, tìm thấy cái nùm cửa bằng thủy tinh sáu cạnh. Cô mở cửa ra, vươn tay vào bên trong. Các ngón tay lần tìm từng bộ quần áo, trong đám quần áo đang treo trên mắc, cho đến khi tìm thấy thứ cô muốn tìm, gần như nằm phía xa nhất trong nhà vệ sinh. Một chiếc áo khoác nhỏ bằng lụa mịn, nhỏ bằng cỡ của trẻ con.

Cô lấy mắc áo xuống, tháo cái áo ra khỏi mắc, rồi treo lại nó lên thanh cần, sơ suất không để lại đúng chỗ cũ.

Cô lại xoay nùm cửa nhà vệ sinh, nhưng bàn tay cô không đặt trên nùm suốt thời gian đó, nên cửa không đóng hẳn. Khóa then không nằm hoàn toàn trong ổ. Cánh cửa chạm vào khung (lúc đó cô nghe thấy một tiếng cạch yếu ớt) nhưng không hoàn toàn khớp vào chốt. Mà cũng chẳng quan trọng.

Cô kéo chiếc áo khoác lên vai, nâng nó lên, quay bên này quay bên kia, như một người phụ nữ sáng mắt hẳn sẽ làm, để áo buông xuống vai sao cho vừa. Nó sẽ hiệu quả. Đủ ấm rồi, mà áo cũng chẳng nặng mấy.

Cô lại ngồi xuống bàn trang điểm cho những nét cuối cùng. Cô tìm thấy một chai nước hoa nhỏ, cô tháo nắp, bôi lên sau hai tai mình.

Trang phục cho buổi tối thật đẹp. Những hoạt động phù phiếm thật hay. Giờ đây họ sẽ sống như bao người khác. Không còn sợ hãi nữa, không còn phải lẩn trốn nữa. Họ sẽ ăn tối tại bàn của thuyền trưởng, cười, tám chuyện và uống rượu với mọi người. Họ sẽ khiêu vũ. Sau đó họ sẽ dạo bước trên boong tàu dưới ánh sao, và đứng bên nhau dựa vào lan can. Không sợ hãi, không sợ hãi. Mỗi bước chân đi qua sẽ chỉ là một bước chân đi qua, một âm thanh mà bạn sẽ ngoảnh lại cười lịch sự, hoặc chẳng buồn để ý tùy bạn chọn.

Không sợ hãi, không sợ hãi.

Cái mắc áo cô lấy ra lúc này không còn bám trên cần, bị rụng ra, và rơi xuống sàn nhà vệ sinh với một tiếng cạch nhỏ.

Cô biết nó là gì, âm thanh không khó hiểu, thế nên cô chẳng thèm quay đầu lại. Mấy cái mắc toàn thế mà. Có thể bạn đã không đặt chúng cân bằng, hoặc bị rung quá mạnh sau khi bạn bỏ tay ra.

Cô đang nghĩ đến sơn môi. Răng liệu có nên dùng nó hay không. Đêm nay là đêm vũ hội. Cô biết mình xứng đáng với ông, nhưng đêm nay họ sẽ xuất hiện công khai. Ngày nay, sơn môi là để dùng cho các sự kiện xã hội, hơn là một nỗ lực đánh lừa người nhìn bằng màu sơn như xưa. Vậy là cô quyết định sẽ thoa sơn. Không ai có thể tin rằng cô, một phụ nữ khiếm thị, lại có thể thoa sơn thành công mà không dây bẩn, nhưng trước kia cô đã từng làm và cô biết mình có thể.

Chỉ cần vài phút thận trọng và tất cả đã xong.

Bây giờ cô đứng dậy. Xong xuôi hết rồi. Chẳng cần phải làm gì nữa. Chẳng cần làm gì nữa ngoài việc đợi ông thôi.

Cô nhớ lại cái mắc áo bị rơi mà lúc nãy cô nghe thấy. Cô bước vào nhà vệ sinh nhặt cái mắc áo lên và đặt nó lại chỗ cũ, đơn giản là do bản năng nữ tính muốn mọi thứ phải ngăn nắp, đúng chỗ; đơn giản là trong lúc này chẳng có việc gì để làm.

Cánh cửa vẫn nằm vuông góc với khung, như lúc cô rời đi, khi cô vào đây lúc nãy. Cô cúi xuống sàn nhà, ngay bên trong nhà vệ sinh, và chỉ mất một lúc cô đã tìm thấy cái mắc áo nằm nghiêng, và cất lại nó vào chỗ cũ.

Tiếp theo cô đóng cửa lại thật chặt, để chốt then bập vào ổ khóa, nùm cửa nhẹ nhàng bật lên trong bàn tay cô, như nó được thiết kế như thế.

Cô quay lại, định bụng quay ra chỗ bàn trang điểm...

Vẫn nằm vuông góc với khung, như lúc cô rời đi.

Nhưng cô không để như thế. Những ngón tay cô đã đẩy nó vào, rồi buông tay. Cô đã nghe thấy tiếng cửa bập vào khung, dừng ngay ở đó.

Bóng đêm phủ xuống trái tim cô. Từng bóng đèn một, tất cả đều đã tắt hết. Hơi lạnh bốc lên, một cơn gió chẳng hiểu từ đâu len lỏi qua người cô. Bước chân của cô ngập ngừng; bên ngoài có vẻ như không thể hiện điều gì, nhưng bên trong cả thế giới đang lao xuống vực sâu tối đen như mực. Bàn

tay cô lần mò tìm thấy chiếc ghế dài trên bàn trang điểm, cô ngồi thụp xuống ghế, quá nặng nề, đó là tất cả những gì cô có thể làm.

Ở trong phòng này cùng cô. Có ai đó đang ở trong này cùng cô. Nó, hẳn, đang ở đây cùng cô vào đúng giây phút này. Hẳn không bước vào từ bên ngoài, mà đã lọt vào trong, ngay từ đầu. Trước tiên là trong nhà vệ sinh, bây giờ hẳn đang ở ngay trong chính căn phòng này.

Nhưng ở đâu? Lối nào? Không một âm thanh. Không hề gây ra một tiếng động nào hết.

Đôi môi cô run lên. “Allen,” chúng lăm lăm, không thốt được lên lời.

Cửa ra vào? Cánh cửa bên ngoài, trong căn phòng kế bên? Có lẽ nếu cô có thể đến gần nó, chỉ cần đến gần nó, Allen sẽ bất ngờ mở cửa, một lần nữa bước vào đúng lúc để...

Cô lại lấy lọ nước hoa. Quá nhiều nước hoa. Một giọt mỏng nước hoa chảy xuống bên cổ cô, ngay dưới tai.

Không một âm thanh. Không một tiếng động. Cô cúi xuống, giữ nguyên như thế, rất chăm chú. Lắng nghe với từng tế bào trong cơ thể. Từng tế bào của cô đều đã được rèn luyện, để có thể nghe thấy những thứ người khác không bao giờ nghe thấy.

Hẳn thông minh đến phi thường, thậm chí không dám thở, hoặc thở ra tinh tế đến mức không có luồng sóng âm nào vọng đến tai cô. Thế nhưng đâu đó trong căn phòng này, trong khoảng không vuông vắn này, một trái tim khác đang đập. Một trái tim khác, ngoài trái tim của cô.

Hẳn đang đứng ở đâu? Ở đâu?

Nếu hẳn không cử động, nếu hẳn không tiến đến gần cô, vậy thì cô phải đi tìm hẳn, cô phải tìm ra hẳn. Có một dạng hồi hộp nằm ngoài phạm vi thông thường, nó khủng khiếp đến nỗi không thể chịu đựng nổi một cách bị động. Đây chính là dạng đó. Nếu gốc rễ của nó không chịu hiện hình cho cô thấy, thì cô phải đi tìm nó.

Và cô đi tìm nó.

Như kim loại bị hút về phía nam châm. Như con chim bay thẳng về phía con rắn.

Cô đứng dậy, bước về phía bức tường. Khi đến nơi, cô bắt đầu lần theo nó, áp phần thân bên trái, tức trái tim cô vào tường. Cô lần mò bằng đôi bàn tay, khua tay thành những vòng tròn như bánh xe trên tường.

Đôi mắt khiếm thị của cô đăm lẹ, từng giọt một, chậm rãi chảy xuống má. Đôi môi cô không ngừng run lên. Lặp đi lặp lại, thì thầm chỉ một từ. “Allen. Allen. Allen.” Cô không thể thét lên. Có chuyện gì đó đã xảy ra với cô. Cô biết mình sẽ không thể chơi sòng phẳng đến cùng, nếu như có tận cùng. Nỗi khiếp sợ như một ngọn lửa nóng rực đã hủy hoại các dây thanh đới của cô, hoàn toàn tiêu trụi chúng.

Cô có một cảm giác lạ lùng, và có thể là sự thật rằng cô đang hấp hối, một cách chậm rãi, ngay cả trước khi bàn tay đó đặt lên người cô. Cô đã ở vào giai đoạn đầu của sự buông xuôi; quá trình này đang diễn ra.

Một cái tủ ngăn kéo cắt đứt sự liên tục của bức tường, cái tủ Allen để mọi thứ trong đó, cô bước vòng quanh nó, rồi quay lại với bức tường. Cô bơi, bơi bằng đôi bàn tay; một tay bơi đang hấp hối, biết rằng mình sẽ không bao giờ tới được bờ.

Đằng xa, ngay phía trước, là cánh cửa dẫn vào nhà tắm, và dù cho cô chưa từng nghĩ đến chuyện này, giờ cô chột hiểu nếu mình có thể chạy vào đó đủ nhanh và kéo cửa lại...

Luồng gió lướt qua gương mặt cô, và cánh cửa đóng sập lại. Hình dáng vòng cung của nó trượt khỏi những đầu ngón tay cô. Hy vọng tan biến, khiến bao đau đớn đang gặm mòn dần lục phủ ngũ tạng của cô. Chiếc chìa khóa hay kêu ầm ỉ, đã bị rút ra khỏi ổ. Khi bàn tay cô tìm thấy núm cửa, cô thấy ấm ỉm. Hơi ấm từ một bàn tay khác.

Lưỡi cô run lên, thêm hơi ấm cho làn môi khô khốc. “Allen,” chúng lặng lẽ thờ.

Giờ cô vươn hai tay ra trước mặt đến hết tầm, cố gắng phát hiện ra hần. Chắc hẳn chỉ đứng cách cô có vài mét, thì mới có thể đóng được cửa nhà

tắm theo cách ấy.

Hắn là hắn đã lùi lại khi cô tiến tới. Những ngón tay run rẩy của cô chỉ túm được khoảng không.

Một vũ điệu tử thần, với các bạn nhảy giữ khoảng cách đều nhau, không bao giờ sáp lại gần. Một điệu Saraband chết chóc.

Cô tiếp tục dẫn tới, từng bước một, dọc theo tường. Đến góc tường bên này cô đi tiếp sang góc tường bên kia.

Giữa đường có cái giường chắn lối đi, thò ra từ bức tường.

Và đúng lúc này, ở giữa giường, dọc theo chiều dài của nó, xuất hiện hai bàn tay khác, đang vươn ra từ phía đối diện, cuối cùng đan vào hai bàn tay cô, như giăng lấy nó, có thể nói như vậy; chúng siết chặt và phần nào đó ôm lấy hai bàn tay cô kéo lê đi, rất nhẹ nhàng nhưng cũng cương quyết đến tàn bạo, buộc cô phải đột ngột đổi hướng, khiến cái giường nằm ngay trước mặt cô, sức kéo xuất phát bên kia giường.

Giống như một phiên bản rùng rợn của trò lộn cầu vòng, với cái giường ở giữa hai người.

Thế nhưng, bằng cách nào đó cô thậm chí không sợ hãi nữa, không co rúm, khép nép hay co cứng nữa. Tất cả mọi thứ đã ở phía sau cô, lùi thật xa, thành dĩ vãng rồi. Để hiểu được nỗi sợ hãi, bạn phải hoàn toàn tỉnh táo. Như thế cô biết rằng điều này phải đến, và dù có đấu tranh đến thế nào cũng không thể thoát khỏi hay thay đổi được nó.

Cặp mí mắt không còn sức sống của cô khép chặt. Cô biết rằng Allen sẽ không đến kịp. Đó là suy nghĩ cuối cùng của cô, khi bóng tối chỉ thay bằng bóng tối.

Khi cây kim cuối cùng cũng chặn đứng những tiếng khóc khàn khàn, và ngay trước khi giấc ngủ tìm đến với ông chỉ sau thoáng chốc, ông túm chặt lấy tay áo của vị bác sĩ trên tàu, vừa kéo vừa giật như thể đang cố gắng xé rách chiếc áo khỏi người ông ta, thì thầm trong vô vọng, “Nhưng họ nói với

tôi... Cameron, tay cảnh sát đó... họ đã hứa với tôi rằng chỉ có ngày ba mươi mốt là chúng tôi phải cảnh giác thôi, hẳn chỉ ra tay vào ngày hôm đó. Và ngày ba mươi mốt đã kết thúc vào đêm qua rồi... Tôi không còn trông chừng cho cô ấy nữa, và đã bắt cần... Tại sao họ lại lừa tôi? Tôi đã sai ở đâu?”

“Tôi không hiểu ngài muốn nói gì,” ông bác sĩ để râu gắng hết sức nhẹ nhàng đáp. “Tôi biết ngày ba mươi mốt là hôm qua rồi, từ nửa đêm tới nửa đêm. Nhưng hôm nay cũng là ngày ba mươi mốt, cả ngày, từ nửa đêm hôm qua tới nửa đêm sắp tới. Ngày này tự lặp lại chính nó. Ngài thấy đấy, khi chúng ta đi về phía Tây tới Đường đổi ngày quốc tế*, chúng ta được thêm một ngày. Chúng ta đến đây đúng vào ngày ba mươi mốt. Thế nên ngày ba mươi mốt kéo dài thêm bốn mươi tám giờ nữa. Không ai nói cho ngài biết điều đó sao? Ngài không biết à?”

Đường đổi ngày quốc tế:Là một đường tưởng tượng dùng để làm ranh giới giữa múi giờ UTC+12 và UTC-12, đi gần với kinh tuyến 180 độ kinh Đông từ Bắc Cực, qua eo biển Bering, Thái Bình Dương, cho đến Nam Cực, được quy định tại Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Washington năm 1884. Thực tế, đường đổi ngày không phải là một đường thẳng dọc kinh tuyến 180 độ, mà là một đường gấp khúc, nhằm cố gắng bảo đảm trên cùng một quốc gia không có hai ngày cùng được tính. Theo quy định, khi các phương tiện giao thông đi ngang qua đường này, ngày tháng sẽ phải thay đổi. Đi từ bán cầu Tây sang bán cầu Đông qua đường này, tức là đi từ bên phải sang bên trái đường đổi ngày, thì phải tăng 1 ngày. Đi từ bán cầu Đông sang bán cầu Tây, tức là đi từ bên trái sang bên phải của đường này, thì phải giảm 1 ngày. (ND)

Cameron chờ đợi một cơn thịnh nộ, một trận lôi đình, những tiếng gầm thét, những đòn sấm sét, đập phá đồ nội thất. Nhưng thay vào đó, anh trở thành kẻ vô hình. Đơn giản là người ta không nhìn thấy anh. Như thể đôi mắt của ông sắp đang gặp vấn đề gì đó.

Phải mất hai mươi phút anh mới có đủ can đảm tiến đến cửa văn phòng. Nó bao gồm cả thời gian đứng bên kia đường ngắm tòa nhà trước khi sang đường, quanh quẩn trước bậc thềm một lúc trước khi bước vào, cứ lớn vồn quanh bình nước trong sảnh và uống thứ nước mà anh thực sự chẳng muốn uống, trước khi tiến đến cánh cửa đáng sợ kia.

Cuối cùng anh gõ cửa.

Không có tiếng trả lời. Dù cho là ông sếp biết anh có hẹn báo cáo, là ông ta nhận ra tiếng gõ cửa, hay là bởi giác quan thứ sáu nhạy bén đã mách bảo cho ông ta biết đó là ai, dù sao thì vẫn không có tiếng trả lời.

Cameron biết ông ta ở trong đó, vì anh có thể nghe thấy giọng ông ta trên điện thoại.

Anh đợi, rồi lại gõ cửa.

Không phản ứng. Như thể anh là một bóng ma.

Cuối cùng anh mở cửa, bước vào phòng.

Ông sếp ngồi đó lù lù, đang theo dõi các báo cáo.

Cameron đóng cửa lại, đứng đợi.

Ai đó bước vào phòng, ai đó bước ra. Ông sếp nói chuyện với người đó rất bình thường, chẳng hề khó khăn khi nhìn hoặc lắng nghe.

Cameron hăng giọng.

Ông sếp chẳng buồn ngước mắt lên, chẳng nghe thấy gì.

Ông sếp bật công tắc đèn bàn. “Trời tối sớm quá,” ông ta lẩm bẫm một mình.

Cuối cùng, trong cơn tuyệt vọng, Cameron nói, “Sếp, tôi đang đứng đây này. Tôi muốn nói chuyện với sếp.”

Ông sếp xem xong một báo cáo. Ông lần mò tìm một báo cáo khác, tìm thấy rồi lại bắt đầu đọc.

“Sếp,” Cameron nói, “ít ra cũng phải lắng nghe câu chuyện của tôi chứ.”

Ông sếp chọc đầu ngón tay út vào một bên tai, rồi rút ra, như thể thứ gì đó trong không khí làm phiền ông ta.

“Đã có sự nhầm lẫn, ít nhất đó là sai lầm của cảnh sát Honolulu cũng như của tôi! Tôi đang ở Frisco, tôi còn không có mặt ở đó. Khi tàu đến Yokohama, viên thuyền trưởng đánh điện ngược về cho giới chức trách Honolulu, nhưng lúc ấy đã quá muộn. Họ chuyển tiếp báo cáo cho tôi. Hai thanh tra và một cảnh sát đã lên tàu đến Honolulu vào chín giờ sáng hôm đó để tìm kiếm cô ta. Mười lăm hay hai mươi phút sau, một viên cảnh sát thứ hai xuất hiện, như thể nhập bọn với họ. Hẳn không hề bị chặn lại, không hề bị kiểm tra, họ nghĩ rằng đó chẳng qua là thủ tục của cảnh sát. Khi hai thanh tra quay về bờ biển, họ vẫn chỉ có một cảnh sát đi cùng. Tay cảnh sát thứ hai ở lại trước mắt bao nhiêu người, và đứng canh gác. Việc này diễn ra công khai đến mức chẳng ai buồn kiểm tra lại. Không ai thấy hẳn rời khỏi vị trí, tuy nhiên ngay khi con tàu khởi hành, không ai còn thấy hẳn trên tàu nữa, thế nên ai cũng nghĩ hẳn đi rồi.”

Ông sếp không nghe một lời nào cả. Ông ta đang ký cái gì đó. Giờ ông ta đang xóa nó đi. Ông ta nhìn xuyên qua Cameron vào chiếc đồng hồ trên tường, rồi lại nhìn xuống báo cáo.

“Một cậu phục vụ mới được tuyển lên tàu tại Honolulu. Đích thân tôi đã tới đó kiểm tra, cậu ta là người thay thế hợp pháp. Nhưng - đây mới là vấn đề, sếp ạ - sau này một vài thành viên trong số thủy thủ đoàn đã nói rằng trông nó hoàn toàn khác so với lúc mới lên tàu. Giống như hai người khác nhau. Không ai điều tra, không ai làm bất kỳ điều gì với chuyện đó cả. Có một thằng nhóc phục vụ người Hawaii lai có tên trên danh sách, và có một thằng nhóc người Hawaii lai mang cái tên giống vậy, thế là họ thấy ổn. Dù sao sau đó hẳn cũng đã nhảy tàu tại Yokohama, thế nên lúc ấy đã quá muộn để điều tra rồi. Sếp, vụ án mạng thứ hai đã diễn ra trên con tàu đó, và một cảnh sát mặc đồng phục đã lạng lẽ nhảy tàu, đâu đó giữa Honolulu và Đường đối ngày quốc tế. Tôi biết mình đã làm mọi việc rồi tinh lên. Nhưng tất cả những gì tôi có thể nói để biện minh cho mình, đó là...”

Anh tức giận đập tay xuống bàn. “Sếp à, nói gì đó đi được không? Nguyên rủa tôi cũng được nếu sếp phải làm thế. Nhưng đừng bắt tôi phải đứng đây thế này...”

“Harkness!” Ông sếp cất tiếng lạnh lùng gọi.

Một Trung sĩ bàn giấy ló đầu vào.

“Harkness, có chuyện quái gì với cậu thế hả?” Ông sếp phê bình anh ta trực diện. “Đừng có để mọi người được tự do bước vào đây. Đây là đồn cảnh sát. Đừng để bất kỳ ai trên phố thoải mái bước vào đây nếu muốn. Người lạ đầu tiên, khách qua đường đầu tiên đã làm thế rồi đấy. Nói chung nơi này cấm cửa toàn bộ dân chúng, cậu biết đấy. Cậu nên quản lý chuyện này ngay từ cái bàn làm việc cuối sảnh. Giờ thì làm ơn dọn dẹp chỗ này giùm tôi; tôi đang còn quá nhiều việc phải làm, và tôi chỉ muốn các thành viên trong đội ở đây thôi.”

Cameron gục đầu xuống, thất vọng, như thể anh chưa từng thấy đôi chân mình và đang cố gắng tìm hiểu xem chúng là gì.

“Cậu nghe sếp nói rồi đấy,” Harkness buồn bã thì thầm, như thể anh ta cũng ghét phải làm chuyện này.

“Tôi sẽ quay lại,” Cameron kiên cường lẩm bẩm, quay gót bước ra ngoài.

“Harkness,” ông sếp nói, “vẫn câu nói cũ. Đừng bao giờ quay lại.”

Lá thư Garrison gửi cho Cameron, đóng dấu bưu điện ban đầu là Tulsa, gửi đến cơ quan của Cameron, được chuyển tiếp đến San Francisco, lại được chuyển tiếp tới Honolulu, rồi quay về San Francisco, về trụ sở của Cameron, rồi bị gửi lại về nhà riêng của Cameron với dòng chữ viết tay ghi chú của ông sếp, “Sai địa chỉ!”

... không thể giúp được gì khi cậu tới đây vào tháng Bảy năm ngoái, ngay cả khi cậu đã quanh quẩn ở đây suốt mười ngày. Mà thôi, tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề. Đêm qua, khi vợ chồng tôi từ rạp hát về nhà bằng ô tô,

thì một thằng say rượu loạng quạng nào đó đứng trong góc phố đã ném một chai rượu suýt thì trúng vào xe của chúng tôi. Tôi không thể phanh kịp, nên xe bị xịt lốp. Ngay lập tức tôi tranh cãi với hắn vì hành vi không đàng hoàng, và chúng tôi phải mất đúng bốn mươi lăm phút mới được đưa xe đến trạm sửa để tiếp tục lên đường.

Vợ chồng tôi đều cực kỳ khó chịu, chắc cậu cũng hiểu, và vợ tôi tức giận thốt lên, “Những kẻ như thế thật nguy hiểm! Tưởng tượng thử liệng cái chai ấy lên trời thì thế nào! Ôi, nó có thể rớt xuống đầu ai đó và giết chết họ!”

Tôi đáp, “Anh từng quen một gã có thói quen ném chai bia ra khỏi máy bay,” và tôi tiếp tục kể cho cô ấy nghe Strickland đã làm thế trên một trong những chuyến bay của chúng tôi, khi chúng tôi còn ở trong cái câu lạc bộ câu cá ấy. Và đúng vào lúc tôi kể cho cô ấy nghe, tôi chợt nhận ra rằng đây có thể chính là thông tin cậu muốn biết khi cậu ở đây vào khi đó, thông tin mà lúc đó tôi đã không thể cung cấp cho cậu.

Cậu có thể không còn muốn nhận thông tin này nữa. Vào lúc này, thông tin có thể đã cũ rồi, hoặc có thể không phải là thông tin cậu tìm kiếm ngay từ đầu, nhưng từ đêm qua đến giờ nó cứ ám ảnh tôi, thế nên để gạt nó ra khỏi tâm trí...

Hy vọng cậu nhận được thư này...

Điện tín, Cameron gửi Garrison:

Thông tin vẫn còn cực kỳ quan trọng. Đề nghị ngài trả lời ngay những câu hỏi này không chậm trễ. Đánh điện đi, tiền cước tôi trả. Một. Anh ta làm như thế trên chuyến bay vào ngày nào? Có phải ngày ba mươi một tháng Năm không? Hai. Điểm đến của máy bay trong chuyến đi là ở đâu? Ba. Máy bay rời sân bay vào giờ nào? Bốn. Ngài có biết cái chai bị ném xuống lúc mấy giờ không? Năm. Ngài có thể ước chừng tốc độ trung bình của máy bay được duy trì trong suốt chuyến bay không?

Điện tín, Garrison gửi Cameron (tiền được trả trước, không cần thu):

Một. Hoàn toàn chắc chắn hôm đó là ngày Tưởng niệm Chiến sĩ Trận vong. Anh ta luôn uống đến say bí tỉ vào những ngày nghỉ. Hai. Hồ Star-of-the-Woods, gần biên giới Canada. Ba. Sáu giờ chiều. Có thể tin chắc điều này bởi vì chúng tôi luôn gặp nhau tại sân bay vào giờ đã định trước để cất cánh. Bốn. Không thể nói chính xác được. Chỉ nhớ rằng bên dưới chúng tôi đèn đóm đã sáng trưng, nhưng vẫn có thể thấy ánh sáng ban ngày, nên chắc là mới vừa hoàng hôn thôi. Năm. Máy bay cũ rồi. Tôi đoán khoảng 100 dặm/giờ, nhưng đây đơn thuần chỉ là suy đoán thôi.

Phần còn lại mất của anh khoảng hơn mười phút. Một bản đồ gốc quy mô lớn toàn bộ bang in rõ từng thôn xóm, từng nút giao thông, từng trang trại. Tiếp theo là kẻ một đường thẳng tắp từ sân bay đến hồ, với toàn bộ khoảng cách tính bằng dặm hàng không được đánh dấu dọc theo nó. Tiếp theo là cuốn niên giám của năm đó, năm 1941, cho anh biết chính xác thời gian mặt trời lặn, thời gian đêm xuống dọc theo các vĩ độ này, vào hôm đó, vào năm đó.

Sáu giờ chiều là thời điểm đầu tiên tại điểm khởi hành. Sau đó là một chuỗi các mốc được đánh dấu suốt trên đường, cách nhau khoảng 100 dặm, cho anh biết vị trí lý thuyết của máy bay tại các khung giờ tiếp theo, bảy, tám và chín giờ. Từng khung giờ sau đó lại được phân chia tiếp thành các mốc nửa tiếng một. Rồi lại phân chia tiếp thành các mốc mười lăm phút. Và cuối cùng là chia thành các mốc năm phút. Tất cả những việc này chỉ có giá trị nếu máy bay vẫn duy trì được tốc độ đều đặn 100 dặm một giờ. Nếu phi công bay nhanh hơn vào những thời điểm nhất định, chậm hơn các thời điểm khác, thì tất cả hỏng bét. Nhưng đây là cơ hội duy nhất mà anh có.

Tiếp theo là một vòng cung, khoanh giữa các mốc từ 19 giờ 50 và 19 giờ 55, để đánh dấu thời điểm mặt trời lặn. Rồi đến vòng cung thứ hai để đánh dấu thời điểm mọi thứ bắt đầu chìm trong bóng tối. Và trong không gian khép kín giữa hai vòng cung này, giống như trong một dấu ngoặc đơn, anh đã tìm thấy tâm điểm.

Trong toàn bộ khu vực trước mắt này, chỉ có một vòng tròn rộng duy nhất có trên bản đồ, biểu tượng thông thường của một thành phố, với một

cái tên đi kèm. Không còn thành phố nào khác gần nó nữa.

Chính là nơi này. Giờ anh đã biết cái “nơi” làm bối cảnh trong bức ảnh chụp nhanh đó. Cuối cùng, dù đã quá trễ để có thể cứu lấy hai cuộc đời; anh đã tìm ra nó.

Bà già ngồi trên chiếc xích đu cạnh cửa sổ, đôi mắt nhìn đăm đăm về phía xa. Bà đưa một tay lên giữ chặt mép tấm rèm đang ten. Cũng chính tấm rèm đang ten này từng làm nền cho tấm ảnh chụp nhanh màu vàng nhạt, được chụp đã lâu lắm rồi.

“Con bé chết rồi,” bà nói. “Phải hôm qua không nhi? Hay nhiều năm về trước? Tôi không biết, tôi không rõ nữa. Trái tim tôi không nhớ thời gian chuẩn cho lắm. Tôi chỉ biết còn mỗi mình tôi. Tôi chỉ biết con bé không còn ở đây.

“Đúng, con bé đem lòng yêu một người. Con bé chỉ biết yêu một người trong cả cuộc đời mình, nó chỉ muốn quen một người. Đúng, con bé sắp kết hôn với cậu ta. Con bé quyết phải cưới cậu ta hoặc chết, tôi đoán vậy.” Bà dừng lại một lát, đột ngột, như thể vừa nhớ lại điều gì đó. “Con bé chết rồi.”

Bà khẽ lắc lư cái ghế, mắt vẫn nhìn đăm đăm về phía xa.

“Tối nào hai đứa cũng gặp nhau lúc tám giờ. Ở hiệu dược phẩm dưới quảng trường. Gần như tối nào cũng thế. Thi thoảng lắm khi trời mưa nặng hạt, hoặc khi tôi bực mình, tôi mới không cho con bé ra ngoài. Là đứa con gái ngoan nên nó sẽ nghe lời. Khi con bé phải ở nhà thì thằng nhóc sẽ đến đây, đứng dưới cửa sổ phòng nó và huýt sáo, con bé sẽ mở cửa sổ và nói chuyện với nó, dù sao đi nữa chúng vẫn gặp nhau. Tôi mặc kệ; tôi lắng nghe chúng nó nói chuyện mà chẳng làm gì cả.

“Thằng nhóc ấy có tiếng huýt sáo nhộn nhạo, dành riêng cho con bé thôi. Nhưng tôi cũng có thể nghe thấy. Không quá to, không quá rõ ràng. Một

tiếng huýt sáo nhẹ nhàng, như van xin. Giống như... như một con cú con bị lạc ấy. ‘Huýt-huu. Huýt-huu.’ Như thế đấy.

“Có chuyện vui lắm, khoảng một năm về trước. Một buổi tối, tôi chắc chắn mình lại nghe thấy tiếng huýt sáo ấy. Dưới cửa sổ phòng con bé, nơi thường phát ra âm thanh đó. Lúc ấy là nửa đêm rồi, và tôi thì đang nằm thao thức trên giường. Nó cứ vang lên mãi, vang lên mãi, như đổ dành, như tuyệt vọng. Cuối cùng tôi ngồi dậy và bước vào phòng con bé. Tôi bước đến chỗ cửa sổ và mở nó ra. Thăng bé đang đứng dưới đó. Tôi có thể thấy thăng bé đang đứng đó, dưới ánh trăng. Nó ngược lên nhìn tôi, còn tôi nhìn xuống nó. Nó cứ nhìn lên mãi, đôi mắt ngời sáng chất chứa hy vọng của tuổi trẻ. Thế rồi nó nghiêng mũ chào như nó vẫn thường làm, từ lâu lắm rồi, khi chúng vẫn chỉ là những đứa trẻ, rồi nói, ‘Dorothy có được ra ngoài không ạ?’ Giống hệt như trước kia, như nó vẫn thường làm từ rất lâu trước kia.

“Tôi quên mất rằng con bé đã chết.

“Tôi đáp, ‘Tối nay thì không được. Muộn quá rồi. Tối mai nhé.’ Và tôi xua tay về phía thăng bé, ý rằng nó hãy về nhà đi. Đó là cách bạn cư xử với chàng trai si mê cô con gái bé bỏng của bạn. Anh biết đấy: tử tế, nhưng cương quyết.

“Rồi tôi đóng cửa sổ lại và quay đi. Khi đã đi được nửa đường rời khỏi phòng, bất thần tôi lao đảo và tôi nghĩ mình đã bị ngất một phút. Tôi có thể thấy khung giường trống rỗng của con bé ở đó, tất cả nằm dưới một tấm chõng bụi to; tôi đã để nó như vậy từ nhiều năm về trước. Tôi lại chạy ra cửa sổ, nhưng không còn ai đứng dưới đó nữa; tôi không còn thấy thăng bé nữa; nó bỏ đi rồi.

“Phải chăng tôi đã nằm mơ? Hay thăng bé đã thực sự đứng đó?”

“Tôi không biết,” bà lại nói tiếp, “tôi không biết phải miêu tả mỗi tình đó thế nào. Nó vĩ đại hơn những gì tôi có thể hiểu được. Đôi khi tôi nghĩ cả thăng nhóc lẫn con bé cũng đều không hiểu. Tôi không biết tình yêu đến

với chúng như thế nào. Một con bé giản dị như Dorothy. Một thằng bé hiền lành như Johnny.”

Người đàn ông, viên thanh tra, lặng lẽ đứng đó mà không trả lời. Anh đang nghĩ, làm sao một câu chuyện vốn đẹp đẽ lại trở nên tồi tệ đến thế, làm sao một câu chuyện vốn đúng đắn lại trở nên sai lầm đến thế?

Bà già ngồi trên chiếc xích đu cạnh cửa sổ, dõi mắt nhìn đăm đăm về phía xa.

Phần 7

Đoàn tụ

Căn phòng tồi tàn trong một khách sạn điển hình ở một thành phố nhỏ. Một căn phòng cũ, có lẽ đã từ năm 1916; vẫn giữ nguyên trạng kể từ đó. Đồ nội thất bằng gỗ, bao gồm cả khung cửa sổ, đều mang một màu nâu sậm xấu xí. Giấy dán tường bị những cơn gió lùa qua các khe nứt trên tường thổi căng phồng; những bông hoa màu đỏ đã phai lan khắp trên đó. Trông chúng như những con bọ đang diễu hành trên các bức tường thành những hàng ngũ đối xứng. Một chùm đèn treo giữa trần, với các chụp đèn thủy tinh hình quả chuông trên các bóng đèn.

Một thiếu nữ và một người đàn ông lớn tuổi đang ở trong phòng. Mái tóc ông ta đã ngả xám, đeo cặp mắt kính dày cộm, mặc chiếc áo khoác màu trắng ngoài trang phục. Cô ngồi trước một tấm gương trang điểm gắn đèn, chiếu sáng gương mặt cô như đèn pha. Cô buộc chiếc khăn tắm trên đầu, che kín hoàn toàn mái tóc. Xung quanh cô là những bộ mỹ phẩm mà hầu như chỉ có các diễn viên chuyên nghiệp ở nhà hát mới sử dụng. Người đàn ông làm việc với chúng, chứ không phải là cô. Cô ngồi đó, đôi bàn tay đặt trên lòng. Trên sàn nhà, trên một cái giá nhỏ, là một bộ tóc giả sắp được dùng.

Trước mắt họ, có hai thứ được dựng thẳng đứng trên bàn trang điểm: một bức ảnh chụp nhanh vàng vọt, đã phai màu, gần như trắng xóa, chụp một cô gái trẻ, chắc phải từ nhiều năm trước. Trong ảnh, cô gái đang đứng trên một bậc thềm, một chân đặt lên bậc thềm sau lưng, mỉm cười trong nắng. Đó là bên trái. Còn bên phải, là phiên bản cỡ lớn hơn của cùng một tấm ảnh. Nhưng lần này chỉ có phần đầu cô gái: thân hình, các bậc thềm và bối cảnh

đều không còn. Một cái đầu to đùng, ngoại cỡ, được khôi phục lại một cách tỉ mỉ. Những ký hiệu viết bằng bút chì vuông góc với mép bức ảnh, như một dạng sơ đồ chỉ dẫn.

Tóc rẽ ngôi sang trái. Kiểu tóc ngắn ngang vai, 14 inch.

Lông mày bóng thêm ba nấc nữa.

Ba hoặc bốn nốt tàn nhang dưới mỗi đuôi mắt.

Không trang điểm, lông mi.

Không trang điểm, hai bên má.

Không trang điểm, môi.

Áo khoác màu cát, khuy đồng.

Khăn quàng cổ màu xanh nhạt, bị sờn.

Không đội mũ, theo thói quen.

Giày gót thấp.

Người đàn ông đang bận rộn với đất sét hoặc ma tít sáng màu, trát nó lên hai gò má của cô, dọc theo đường viền hàm dưới, làm thay đổi đường nét gương mặt. Ông ta bớt chỗ này một tí, thêm chỗ kia một tí.

Tiếp theo ông ta lấy một miếng bông trang điểm lớn, trông như cái bánh ngọt rồi cẩn thận xoa chỗ này, nắn chỗ kia, khiến các chi tiết mờ dần đi, hòa vào làm một. Xong xuôi ông ta lùi lại, nhìn ngắm khuôn mặt trên bức ảnh; nhìn từ bức ảnh sang cô, rồi lại nhìn từ cô sang bức ảnh.

“Xoay sang bên này một chút.

Giờ xoay sang bên kia một chút.

Cúi xuống.

Giờ ngược mắt lên.”

Ông ta gật đầu. Hai người đã nhập thành một. Cô đang đối mặt với bản sao của chính mình. Ban đầu, nhiếp ảnh sao chép lại cuộc sống; giờ đây cuộc sống đã sao chép nhiếp ảnh.

Ông ta cẩn thận tháo ghim khăn quấn quanh đầu cô. Cả hai đều run lên trong thất vọng; năm tiếng đồng hồ làm việc rõ ràng chẳng nên cơm cháo gì. Mái tóc vẫn sẫm màu, gần như đen.

Ông ta lấy bộ tóc giả trên giá, tháo ra một thứ ban đầu không ai để ý. Một mẫu tóc được cắt ra từ mái tóc của ai đó. Có lẽ là được cắt ra từ mái tóc của một người đã nằm trong quan tài, chuẩn bị được chôn cất; một vật lưu niệm cuối cùng.

Ông ta cẩn thận điều chỉnh bộ tóc giả trên đầu đối tượng và hai bóng hình lại nhập thành một; hai người trở lại là một.

Cô đứng dậy và tháo chiếc khăn đang quấn quanh cổ. Ông ta lấy ra chiếc khăn quàng cổ màu xanh nhạt từ trong một cái hộp, và thận trọng hết mức có thể, choàng nó quanh cổ cô, lần này ông ta nhìn vào hình mẫu nhỏ hơn, bức ảnh chụp nhanh. Tiếp theo là chiếc áo khoác vạt chéo màu cát từ một cái hộp to hơn. Một lần nữa, ông ta lại tháo khỏi cái áo một mẫu vải nhỏ có rìa lờm chờm, có lẽ được lấy ra từ một chiếc áo khoác nào đó, vốn treo trong nhà vệ sinh đã nhiều năm, người mặc nó đã chết rồi.

Cô mặc áo vào.

Trong bức ảnh chụp nhanh, một trong những chiếc khuy đồng hơi lỏng, nghiêng xuống dưới trên đường chỉ. Trên người bản sao, một trong những chiếc khuy đồng hơi lỏng, nghiêng xuống dưới trên đường chỉ.

“Để bung ra,” ông ta cảnh báo cô. “Không bao giờ cài cúc. Luôn để bung ra. Ngay cả nếu gió có thốc vào bụng đi nữa.”

Rồi ông ta tiến ra cửa, gõ cửa như thể đang ở ngoài chứ không phải ở trong nhà.

Một chiếc chìa khóa tra vào từ bên ngoài, một bà già nhỏ thó được một người đàn ông đi sau đỡ vào trong phòng.

“Sẵn sàng chưa?” Người này hỏi.

“Sẵn sàng rồi,” vị chuyên gia trả lời. “Tôi đã làm tất cả những gì có thể. Không thể làm được gì hơn được nữa.”

Cô gái chậm rãi quay lại, đối mặt với họ.

Bà già bật lên một tiếng thét nghẹn ngào. Bà đưa hai tay lên ôm miệng.

“Dorothy!”

Bà co rúm người lại, tựa vào người đàn ông vừa đưa bà vào phòng, cố gắng giấu đi gương mặt mình.

“Đó là Dorothy của tôi...!” Bà nức nở tiếng được tiếng mất. “Ông đã làm gì...? Làm sao con bé tới được đây...?”

Người đàn ông đang dìu bà vỗ nhẹ vào đầu, vào vai bà trấn an.

“Đó là tất cả những gì chúng tôi muốn,” anh dịu dàng nói. “Tôi biết làm thế này là tàn nhẫn, nhưng không còn cách nào khác. Nếu cô ấy có thể lừa được bà, cô ấy cũng có thể lừa...”

Người này là Cameron.

Anh dìu bà về phía ai đó đang đợi ngoài cửa và họ từ từ dẫn bà đi, vẫn đang khóc thút thít, lẩm bẫm và cố gắng ngoái nhìn bóng ma của cô. Bóng ma đã chết từ lâu của cô.

Vị chuyên gia dọn dẹp các thứ, cởi áo blouse, sẵn sàng ra về.

Cameron bắt tay ông ta. “Ông làm tốt lắm.”

“Tôi chưa từng làm công việc của cảnh sát. Nhưng tôi đã làm công việc hóa trang này suốt hai mươi năm rồi, tôi nghĩ là cô ấy sẽ làm được thôi.”

Cameron hy vọng cô sẽ làm được; bởi vì vở kịch cô sắp diễn sẽ không thể làm lại. Hoặc cô phải làm thật hoàn hảo trong lần đầu tiên, hoặc là chết.

Cánh cửa khép lại, chỉ còn họ ở trong phòng, anh và cô diễn viên bất đắc dĩ. Một diễn viên và một khán giả.

Anh rút ra khẩu súng ngắn ổ xoay cỡ nòng ba mươi hai, đặt lên bàn trang điểm.

Cô cất súng vào túi xách, gắn vào hai cái kẹp đã chuẩn bị sẵn để có thể giữ chắc khi bắn. Cô chỉ cần thọc tay vào túi là có thể bắn, không cần phải rút súng ra.

“Cô sẵn sàng chưa, thực tập sinh X...?”

“Rồi, thưa thanh tra.”

“Đi làm nhiệm vụ thôi.”

Anh tắt đèn, nhưng họ vẫn đứng bên nhau một lúc trong bóng tối.

Anh kéo rèm cửa sổ lên, cho buông xuống dưới bệ cửa sổ.

Trên quảng trường phía đối diện, một tấm biển chiếu sáng, bên trên có viết dòng chữ, “Geety’s”, và dòng chữ bên dưới là “Hiệu dược phẩm”.

Giờ đây, tối nào cũng thế, ở nơi chàng cao bồi hiệu dược phẩm kinh khủng thường đứng, xuất hiện một hồn ma cô gái đang chờ đợi cuộc hẹn. Cô gái bị lãng quên của ai đó, đang đợi chờ một chàng trai không đến. Đôi mắt luôn trông ngóng về phía xa, ám ảnh, u buồn, chăm chú, căng thẳng và van lơn ai đó không bao giờ đến. Cô gái đứng trong hốc tường, nơi bày bán các loại nước thơm dùng cho nhà vệ sinh, kiên nhẫn, cô độc. Đôi mắt chẳng bao giờ nhìn vào mắt ai, chỉ chờ mong một cặp mắt duy nhất mà chưa thấy.

Đám đông cứ đi qua và sẽ đi qua như muôn đời. Cười nói, vui vẻ, hớn hở vì những chuyện tầm phào. Dòng người dưới ánh đèn đứng lố nhố dưới mái rạp hát, rồi lần lượt tản ra một cách nhịp nhàng, tạo thành những gợn sóng lăn tăn. Rồi cũng chính hàng người ấy lại bu lại bên ngoài nhà hát, rồi cũng lại tan đi ngay lúc đó. Những gợn sóng đông cứng rồi dừng lại, những ánh đèn tắt phụt, không còn thời gian để xem sô diễn hoàn chỉnh cuối cùng. Một người đàn ông bước ra vác theo cái thang, ông ta trèo lên cao, và thay đổi tên diễn viên từ “Cary Grant” thành “Bette Davis”, rồi từ “Bette Davis” thành “Cary Grant”. Nhưng sô diễn ở bên ngoài vẫn diễn ra bất tận. Và tấm vé bạn phải mua chính là hơi thở của bạn.

Họ nhìn cô, nhiều hơn là nhìn ông ta, vì đó là một cô gái và những cô gái thì hút mắt hơn nhiều. Họ nhìn cô với đôi mắt ẩn chứa rất nhiều ý nghĩa và dự định, tùy theo tâm trạng, tuổi tác và tình trạng hôn nhân của mình. Những cô gái đi cùng bạn trai nhìn cô thầm so sánh và tự hỏi không biết mình có đẹp được như vậy hay không, và sự khác biệt được đo bằng thời gian ánh mắt anh bạn trai nhìn cô ta. Những cô gái đi một mình nhìn cô với ánh mắt ngờ vực ghen tị và tự hỏi phải chăng đó là lý do khiến họ chẳng may mắn chút nào tối nay. Những chàng trai đi cùng bạn gái nhìn cô và ước gì mình đã không có người yêu sớm thế. Nhưng có một lần, chỉ một lần duy nhất, có một chàng trai đi qua, tay siết chặt bàn tay người yêu và nghĩ, “*Mình thấy hài lòng rồi; mình sẽ không thay đổi.*” (Anh ta sẽ là một người chồng tốt.) Mấy bà già trong đám đông thì hỉ mũi xem thường và nghĩ, *vào thời của bà, con gái phải ở nhà chờ người tình đến đón; chứ không phải vác xác ra đường chờ gặp giai thế này. Thế mà con ranh này cứ đứng trơ ra đó; thật chẳng biết ngượng là gì!* Mấy ông già thì chỉ ước gì mình có thể trẻ lại.

Nhưng các thanh niên *không* đi cùng bạn gái đều dừng lại, cố gắng làm gì đó với tình hình này.

Ánh mắt biến thành nụ cười, nụ cười biến thành bước chân chậm lại. Bước chân chậm lại biến thành dừng hẳn lại.

Cô cụp mắt xuống.

Nó đang nhìn lên từ dưới nắp túi của cô. Và tựa vào lớp lót, nơi mấy hộp trang điểm đều có gắn gương, hộp trang điểm của cô lại gắn bức họa gương mặt đàn ông; do một họa sĩ có tay nghề vẽ, theo kiểu kết hợp, từ trí tưởng tượng.

Từng đường nét nhỏ đều được đánh đổi bằng mạng sống hay trái tim đau khổ của ai đó.

“Anh ta có đôi mắt rất đẹp, đó là tất cả những gì tôi có thể nhớ được; đôi mắt màu hạt dẻ, không bị lác; đôi mắt to và thậm chí chân thành nữa,”

Rusty, người bạn thân của Sharon từng đi chơi với anh ta vào một đêm nọ nói.

“Anh ta có một cái miệng mỏng, đáng thương; có gì đó cay đắng trên bờ môi ấy; nó lúc nào cũng mím chặt,” Bill Morrissey, người vào một tối nọ đã từng tặng cho bờ môi ấy một quả đấm nói.

“Mũi anh ta không rộng lắm; nó hơi hếch lên một chút; anh ta từng bị cảm lạnh và phải hỉ mũi rất nhiều, nên tôi mới để ý,” bà chủ nhà của Jack Munson nói.

Cô cụp mắt xuống, như thể làm dáng, rồi lại ngược mắt lên. Rồi lại cụp mắt xuống.

Có thể đó chỉ là thuật tán tỉnh dễ thương. Nhưng những kẻ tán tỉnh không bao giờ có cơ hội tìm hiểu xem có thật là thế hay không.

Ai đó trong đám đông sau lưng va vào anh ta, dùng hai vai xô đẩy anh ta. “Đi nào anh bạn ơi,” một giọng nói phàn nàn bên tai. “Anh đang cản trở giao thông đấy.” Thế rồi họ tản ra, có lẽ đã liếc thấy chiếc phù hiệu cảnh sát sáng lấp lánh. Thế là đủ; anh chàng rề rà cuối cùng cũng bỏ đi.

Bàn tay cô phác một cử chỉ rất nhẹ; nới lỏng khăn quàng cổ ra một chút. Thả lỏng nó ra một chút. Như thế câu trả lời sẽ là: Không. Nếu cô làm ngược lại cũng với cử chỉ đó, siết chặt khăn quàng cổ, câu trả lời sẽ là: Đồng ý. Cô mà làm thế thì hẳn sẽ có cả nghìn người đàn ông đổ xô đến, sẵn sàng rút súng ra chiến đấu một mất một còn, thậm chí có thể sẽ có người phải bỏ mạng. Một hành động nhỏ có thể gây ra một hậu quả khủng khiếp.

Trời càng lúc càng tối, đèn đóm dần được tắt bớt, đám đông cũng tản đi; lớp sơn bóng trên vỉa hè đã xin từ màu vàng thành màu chì. Thân hình cô mờ dần thành một cái bóng âm đạm trong đêm.

Xa phía bên kia quảng trường, một ngọn lửa nhỏ lóe lên trong phút chốc rồi vụt tắt. Chỉ là một kẻ lang thang thất nghiệp chậm chạp bật diêm châm thuốc. Tuy nhiên, như thể đó là tín hiệu giải tán, một hồn ma người tình của ai đó vội quay lưng lúi vào bóng tối, như chính người đó đã từng làm như thế cách đây rất lâu.

Đôi chân cô vẫn đứng nguyên ở đó, bất động, nhỏ nhắn, dáng nghiêng xinh xinh. Cô đứng như mọc rễ trên vỉa hè dưới ánh đèn vàng. Trước mặt cô, vô số đôi chân khác đang chậm chạp lê bước, hoặc nhanh nhẹn tiến về phía trước. Dòng người bất tận, miên man không dứt, chỉ thấy chân người này sau chân người kia. Chẳng ai biết ai, lạnh lùng, vô cảm, đôi chân của những kẻ xa lạ. Chúng cho bạn biết rất ít, nhưng cũng rất nhiều.

Những đôi chân mệt mỏi, chán nản, tuyệt vọng; những đôi chân sôi nổi, vui vẻ dấn bước như có cánh. Những đôi chân háo hức, vội vã đến điểm hẹn. Những đôi chân ngập ngừng, chẳng buồn bước đi. Những đôi chân to bè của đàn ông. Những đôi chân uốn cong đau đớn, đặt chân xuống đất phải nhẹ nhàng. Những đôi chân của thành phố, nhộn nhịp và tất bật. Một chuỗi những đôi chân bịt kín vỉa hè, không chừa một chỗ trống.

Bỗng một mẩu giấy nhàu nát rơi xuống, một bàn tay kín đáo nào đó đã quăng mẩu giấy mà chẳng ai nhận ra. Mẩu giấy không bị quăng vu vơ, mà rất có ý đồ, nó rơi ngay gần đôi chân bất động của cô, cách có một quãng. Như thể kẻ ném mẩu giấy đã nhắm vào chỗ này.

Một thứ ai đó đã ném đi. Phải không nhỉ? Tại sao nó lại rơi ngay chỗ cô đứng? (Trừ phi họ ném mà không thèm nhìn và nó chỉ tình cờ đáp xuống đây.) Còn bao nhiêu chỗ mà sao họ không ném, cả trước khi đến chỗ cô đứng và sau khi đi ngang qua cô, nơi chẳng có một ai?

Mẩu giấy nằm đó một lúc lâu, như một quả bóng giấy nhàu nát, không lớn hơn quả hồ đào bao nhiêu.

Một chân của cô khẽ cử động, khẽ chạm vào mẩu giấy thăm dò. Rồi chân còn lại cử động, bước đến chỗ mẩu giấy. Toàn bộ khoảng cách chỉ cỡ sáu inch. Chẳng ai thấy cô làm thế. Thêm mấy phút lưỡng lự nữa.

Có điều gì đó ở mẩu giấy này... Tại sao nó rơi ngay chỗ cô đứng?

Bất chợt cô đưa tay ra, lấy mẩu giấy về, và nó biến mất.

Cô mở nó ra xem phía sau nắp túi xách tay. Những dòng chữ viết bằng bút chì gạch xóa. Mép giấy nhàu nát, như thể ai đó trải tờ giấy lên tường gạch mà viết. Một thông điệp từ cõi chết dành cho kẻ đã chết.

Dorothy,

Anh đã thấy em đứng đó từ cách mấy dãy phố. Đêm qua anh cũng thấy, cả đêm trước nữa. Anh đã theo dõi em suốt ba đêm rồi. Anh ghét phải thấy em đứng đó, nhưng anh đang gặp rắc rối. Có điều gì đó mách bảo rằng anh không nên đến gặp em ở đó. Anh không biết tại sao. Anh không thể bước đến nói chuyện với em, có quá nhiều ánh đèn, quá đông người. Chúng đang bám theo anh. Anh đành phải rảo bước qua thật nhanh và ném lại mẫu giấy. Hy vọng rằng em sẽ nhặt nó lên. Nếu em làm thế hãy chậm rãi rời khỏi chỗ đó. Hãy đến một nơi thật tối, xung quanh không có người. Đó là cách duy nhất để anh có thể đến gặp em. Nếu anh thấy bất kỳ ai ở gần em, dù là ai đi chăng nữa, anh cũng sẽ không thể đến với em.

Johnny.

Cô hơi choáng váng, cho dù bạn không thể thấy được trừ khi bạn theo dõi thật kĩ. Cô đưa một bàn tay ra sau lưng, chống vào mặt tiền kính của hiệu dược phẩm để giữ mình đứng thẳng. Bạn cũng không thể thấy được. Thái độ của cô là thái độ của một người đang muốn thu mình lại, lảng tránh điều gì đó.

Rồi cô xốc lại tinh thần, buông tay khỏi mặt tiền kính phía sau, đứng thẳng người lên. Cô đưa tay lên cổ, thắt lại khăn quàng cho chặt hơn, như thể thấm lạnh. Và không rõ đó có phải đó là ám hiệu được dặn trước hay không, nhưng thực sự đó là điều mà cô cảm thấy lúc này. Chặt hơn, chặt hơn nữa cho đến khi cô thít chặt khăn quàng dưới cằm. Cánh tay cô buông thõng như thể một vật nặng, đó là sự giúp đỡ duy nhất cô có thể hy vọng mình có được.

Sau đó cô quay lưng và bắt đầu chậm rãi bước đi. Rất chậm rãi, như chiếc lá trôi dạt; không ngoảnh nhìn xung quanh và nhất là không hề ngoảnh lại nhìn sau lưng.

Trong thoáng chốc, cả đám đông vẫn ở bên cô, thậm chí họ phải chen lấn với cô để đi qua. Có lần một người đàn ông huých vào khuỷu tay cô, gửi lời xin lỗi không lời bằng cách búng nhẹ vành mũ. Cô không hề để ý sự tiếp xúc ngắn ngủi đó, mà chỉ siết chặt khăn quàng cổ và đi tiếp.

Thế rồi đám đông bắt đầu mỏng dần, tản mát, cuối cùng chỉ còn lại một hai người. Khi cô rẽ khỏi quảng trường, đi trên con đường thành thoi của mình dọc theo một trong các con phố lớn là đường nhánh của quảng trường, những ánh đèn cũng bắt đầu lùi lại phía sau, mờ dần đi. Những khoảng trống bắt đầu xuất hiện trên các bức tường mặt tiền tòa nhà dọc hai bên đường. Những khoảng trống đen ngòm ẩn chứa nguy hiểm khi đi qua.

Những ngọn đèn đường đã tắt, bản thân các con phố cũng đã chấm dứt, trở thành những con đường thôn quê không có vỉa hè. Và rồi những ngôi nhà cũng dần biến mất, chỉ còn lại một khoảng không gian rộng mênh mông.

Thế nhưng cô vẫn bước tiếp, đợi chờ ai đó bắt kịp. Cô cứng người lại, chờ một tiếng bước chân bất chợt vang lên sau lưng mình, chờ một bàn tay đột ngột đặt lên vai mình, những điều chẳng bao giờ đến. Suốt thời gian đó, trong sự câm lặng chết chóc, cõi lòng cô như muốn gào thét.

Ngày càng nhiều bóng tối, ngày càng nhiều cây cối. Ngày càng nhiều đêm đen.

Cô vẫn dẫn bước về phía trước. Cô sẽ không ngoảnh đầu lại. Có lẽ cô sợ những gì mình sẽ thấy nếu quay lại.

Mặt đường bắt đầu dốc lên, và cô run rẩy nhận ra rằng mình đang đi trên con đường dẫn thẳng đến nghĩa trang.

Bên phải cô là một cánh đồng cỏ. Cô dừng lại, quay đầu sang và bước nhanh về phía đó. Cánh đồng như được dát bạc dưới ánh trăng. Bạn có thể thấy tất cả xung quanh mình, mọi thứ đều lộ thiên. Như thể bạn đang ở giữa một mặt hồ cỏ rộng lớn, chiều cao của bạn là thứ duy nhất cản trở bạn nhìn khắp mặt hồ.

Cô càng tiến lên thì cỏ càng cao, khiến cô phải rẽ cỏ ra tìm đường, cỏ cao đến bắp chân, rồi cuối cùng chúng bò lên gần tới đầu gối. Cô vẫn không quay nhìn đằng sau. Cô sẽ không làm thế. Có thể lúc này cô không thể làm thế nữa. Nỗi sợ hãi đã khiến cô tê liệt.

Lúc này cô gần như đã đứng giữa cánh đồng. Cô dừng chân. Cô đứng đó ngay giữa đồng cỏ, như một cột mốc.

Rồi, cô nhẹ nhàng quay đầu, nhìn lại con đường mình vừa đi.

Có cái gì đó đen đen đang tiến về phía cô, bước qua khoảng rộng. Bé nhỏ và đen ngòm. Nó chui ra từ trong bóng tối, nó đang vùng vẫy cố tìm đường thoát. Tách biệt, riêng rẽ, đang quả quyết tiến về phía cô. Lợi qua đồng cỏ dát bạc dưới ánh trăng, như cô vừa làm.

Khao khát được bỏ chạy thoát thân dâng trào trong cô khiến cô run bần bật khi cố gắng để kiềm chế nó.

“Lạy Chúa tôi!” Giọng cô run run.

Không gì có thể giúp cô thoát khỏi đây nữa.

Liệu hãn có biết cô chỉ là một bản sao, một con bù nhìn của tình yêu mà hãn đã mất? Phải chăng hãn đã đoán được, nên mới không muốn tiếp cận cô ba đêm trước đó? Phải chăng kẻ bị săn đã biến thành thợ săn? Điểm phục kích là ở trên quảng trường kia, không phải ở ngoài này. Hãn đã dụ cô ra khỏi nơi ấy, mang cô đi ngay trước mũi họ và giờ bắt cô phải đợi ở nơi không còn chạm bẫy. Ở nơi hãn mới là kẻ đặt bẫy, không phải họ.

Cô đã làm sai một chuyện, cô đã phạm phải một sai lầm chiến thuật, nhưng nó là gì thì cô không biết, không thể nói được. Cô chẳng thể làm khác những gì cô đã làm, mà không đem tất cả những chuẩn bị thận trọng, không thể làm lại của họ suốt bao tuần bao tháng đổ xuống sông xuống bể. Hoặc có thể cô đã chẳng làm gì sai cả; mà có thể chỉ là bản năng của hãn đã hoàn toàn đúng, khiến hãn không thể bị mắc bẫy. Bản năng, trong một bộ não loạn trí có thể trở nên cực kỳ chuẩn xác, bởi nó không phải cạnh tranh với lý luận và logic.

Cái bóng màu đen đang tiến đến càng lúc càng trở nên lớn hơn. Giờ nó đã có đầu, đôi vai, hai cánh tay vung theo mỗi bước đi. Ánh trăng đã tìm thấy nơi mà đáng lẽ phải có một gương mặt, và ban cho nó một gương mặt. Nhỏ thôi, bởi khoảng cách cũng là khá xa. Ánh trăng còn ban thêm cho nó một cặp mắt bé nhỏ, một cái mũi bé nhỏ, một cái miệng bé nhỏ.

Một người đàn ông.

Không, là tử thần đang ngẩng cao đầu bước đi như một con người. Tử thần mà cả Sharon lẫn Madeline Drew đều đã nhầm là con người.

Chẳng khác gì nhìn vào một nổi kinh hoàng thu nhỏ; nó còn khủng khiếp hơn nhiều, bởi nó không mang kích cỡ của con người. Ánh trăng thêm vào vài chi tiết mà cô không hiểu, ánh trăng đã tạo ra một hình hài hoàn chỉnh, tạo ra cái bóng nghiêng nhỏ của vành mũ, tạo cho hấn một chữ V nhọn nhọn trên mặt trước áo sơ mi.

Giò hấn chỉ còn cách cô có vài thước. Hấn đã đạt được kích thước đầy đủ, gần bằng cô rồi. Giờ họ đã có thể nghe được tiếng nói của nhau. Hấn không nói, mà chỉ tiếp tục bước đến gần hơn, vất vả bước qua đám cỏ cao.

Cô cũng không nói gì. Có lẽ bởi chỉ cần lên tiếng cũng tức là tự phản bội, tự hủy diệt bản thân. Cái ảo tưởng này còn nguyên vẹn không? Hay nó đã tan vỡ rồi? Hay chỉ cần nghe thấy giọng cô, giọng nói sai lầm, thì ảo ảnh ấy sẽ tan vỡ?

Giò cô đã có thể thấy được biểu cảm trên mặt hấn. Một chút vui sướng và một chút đau thương, cả hai cùng hòa làm một. Nhưng chẳng hề có vẻ gì đe dọa hay bất thường. Và đó mới chính là nổi kinh hoàng đáng sợ nhất; vẻ giả tạo ấy vẫn không hề suy chuyển sau bao nhiêu chuyện, vẫn còn nguyên cho đến tận bây giờ, vào tận lúc này. Bạn phải suy đoán, bạn không thể biết được. Trông nó có vẻ trẻ hơn, ngây thơ hơn, so với khuôn mặt mà đáng ra hấn phải mang, đó là dấu hiệu duy nhất.

Rất khó để có thể nhìn thẳng vào đôi mắt hấn. Cô tự ép mình lảng tránh chúng.

“Dorothy,” hấn khẽ nói.

“Johnny,” cô thì thầm.

Có cái gì đó tan vỡ trong cổ họng hắn. Nghe như thể thẳm sâu đâu đó trong hắn đang bật khóc. Nó không thể hiện trên nét mặt, mà là thẳm sâu bên trong. “Cô gái của một anh chàng... luôn đợi chờ anh ấy. Và cô gái của tôi... đợi chờ tôi.”

Đôi tay hắn thèm khát muốn được ôm lấy cô, khiến cô cứng người lại. Máu của cô dường như đã đông cứng.

Giọng nói của hắn lúc này kề sát bên tai cô, ấm áp, khẽ khàng và vui vẻ. Chẳng có gì khác thường... chỉ là giọng nói của một thanh niên.

“Tôi đã nhận được nhiều đến thế này. Cô gái của tôi... cô ấy đợi chờ tôi.”

Hắn cứ không ngừng nhắc đi nhắc lại, khẽ hơn và khẽ hơn, chậm hơn và chậm hơn.

“Cô ấy đợi chờ tôi.

Cô ấy đợi... chờ tôi.

Cô ấy... đợi.”

Bỗng đầu hắn gục xuống vai cô, như thể đã cực kỳ mệt mỏi, không thể giữ thẳng được nữa.

“Cô ấy đợi chờ tôi,” hắn thở dài. “Cảm ơn Chúa! Cô ấy đợi chờ tôi.”

Qua vai hắn, trong nỗi kinh hoàng, cô có thể thấy chỗ này chỗ kia những con rắn vô hình phun phì phì trên cánh đồng, đang tiến đến chỗ họ xuyên qua đám cỏ. Cô chỉ trông thấy những gợn sóng lăn tăn, không thấy được cái gì đã sai khiến chúng. Chúng dừng lại đột ngột, rồi khi đủ liều lĩnh chúng lại trườn đi. Dừng lại, rồi trườn tiếp.

Chúng tiến đến chỗ họ, giống như những nan hoa của một bánh xe hướng về phía trục trung tâm.

Hắn chỉ đứng đó, câm lặng, bất động, đôi tay ôm lấy cô, đầu gục xuống. Thanh thản, yên bình.

Một ý nghĩ lạ lùng lướt qua tâm trí cảnh sát tập sự của cô. “Điều này thật tàn nhẫn biết bao. Tại sao lại phải tàn nhẫn đến thế? Tại sao lại không thể dùng cách khác?”

Cô cảm thấy trái tim hẫng đang đập trên ngực mình. Như một con chim hoang dã đang đập cánh, chỉ tựa vào vai cô nghỉ ngơi chốc lát và sẽ cất cánh bay đi bất kỳ lúc nào, ngay khi có dấu hiệu báo nguy đầu tiên.

Đôi môi hẫng bắt đầu cử động, cố gắng lần tìm đôi môi cô.

Mặt cỏ đầu đó khẽ xào xạc, như thể được vuốt ve bởi những ngón tay của gió, rồi chúng lại bỏ đi nơi khác. Cái gì đó kêu lạo xạo như thể một tấm vải sợi mỏng được trải ra trên đất. Rồi lại có cái gì đó kêu rắc rất mạnh. Có lẽ là một thanh củi. Sau đó chỉ còn im lặng. Toàn bộ đồng cỏ im lặng. Quá nhiều im lặng. Không hề có bất cứ âm thanh tự nhiên nào.

Bản năng.

Vòng tay hẫng buông lơi, trượt xuống hai bên sườn, dừng lại ở eo lưng.

Bất thành linh, hẫng quay ngoắt lại nhanh như cắt, chạy theo hình xoắn ốc. Cô chạy xuống, vào sâu hơn trong đám cỏ. Hẫng phóng đi theo hướng khác, đầu cúi thấp, chạy rất nhanh, một thứ đen tối đang chạy lối này lối kia. Một con thỏ to bằng người thật.

Những bóng người từ khắp nơi nhảy đến, dù mới phút trước còn chẳng thấy ai. Trông họ như những quả nho khô đen sì bất ngờ trồi lên từ trong lớp vỏ trắng của chiếc bánh pudding.

Bầy đom đóm bắt đầu nhẹ nhàng cất cánh bay khắp đồng cỏ, trong một đội hình rối loạn, không thống nhất; hoặc cũng có thể là chẳng có đội hình nào hết. Dường như mỗi con bay theo một hướng khác nhau, bay tới bay lui. Bất ngờ chúng tụ lại, làm vang lên những tiếng thành thịch.

Con thỏ dừng lại, đột nhiên biến mất khỏi tầm nhìn. Nó chạy vào một nơi tựa như cái hố nằm trên mặt cỏ. Một chỗ trũng trên mặt đất.

Bầy đom đóm âm ỉ dừng lại, những làn khói tan đi, như thể chúng đã tự thiêu.

Giờ đây chỉ còn lại sự im lặng của những con người đang cúi xuống, bò đến gần cái hố ấy, hết sức thận trọng, hết sức khéo léo.

Bỗng một tiếng thét rền rĩ vang lên. “Dorothy!”

Nhóm người tiếp tục vây xung quanh, vây xung quanh càng lúc càng gần hơn.

“Dorothy!” Tiếng thét lại vang lên, yếu ớt, trong sự cô đơn không thể chịu nổi, hướng thẳng tới những vì sao trên bầu trời cao. Một tiếng thét của tình yêu, tiếng thét của cái chết.

Họ tìm thấy hãn nằm cô độc trong đám cỏ, mặt hãn xoay lại nhìn lên họ trong vô vọng. Như con thỏ hay làm với đám thợ săn.

Đôi mắt hãn như hai vầng trăng lưỡi liềm đang mờ dần, gắng hết sức vươn đến bầu trời đầy sao trên kia, như thể đang cố gắng tạo ra, hình dung ra một gương mặt vô hình nào đó mà không ai có thể trông thấy. Tình yêu nào có khác gì nỗ lực theo đuổi những ảo ảnh không thể với tới?

Hãn chết với tên cô vẫn đọng trên môi.

“Dorothy, nhanh lên nào,” hãn thì thầm. “Chúng ta đã lãng phí quá nhiều thời gian rồi... chẳng còn nhiều nữa đâu...”

Nhóm người đứng xung quanh hãn thành vòng tròn, nhìn xuống.

“Hãn chết rồi,” ai đó khẽ nói.

Cameron gật đầu. Anh giơ tay sờ lên vành mũ một lúc. Anh không bỏ mũ ra, đó chỉ là một hành động mặc niệm nhỏ.

“Có lẽ... giờ họ đã được ở bên nhau. Cuối cùng họ cũng lại hẹn hò.”

HẾT

Table of Contents

1. [Lời tựa](#)
2. [Phần 1 Chia ly](#)
3. [Phần 2 Điểm hẹn đầu tiên](#)
4. [Phần 3 Điểm hẹn thứ hai](#)
5. [Phần 4 Điểm hẹn thứ ba](#)
6. [Phần 5 Điểm hẹn thứ tư](#)
7. [Phần 6 Điểm hẹn thứ năm](#)
8. [Phần 7 Đoàn tụ](#)

Landmarks

1. [Cover](#)

Table of Contents

[Lời tựa](#)

[Phần 1 Chia ly](#)

[Phần 2 Điểm hẹn đầu tiên](#)

[Phần 3 Điểm hẹn thứ hai](#)

[Phần 4 Điểm hẹn thứ ba](#)

[Phần 5 Điểm hẹn thứ tư](#)

[Phần 6 Điểm hẹn thứ năm](#)

[Phần 7 Đoàn tụ](#)